VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

Xuân Canh Ngọ

số 47 & 48
tháng 1 năm 1990

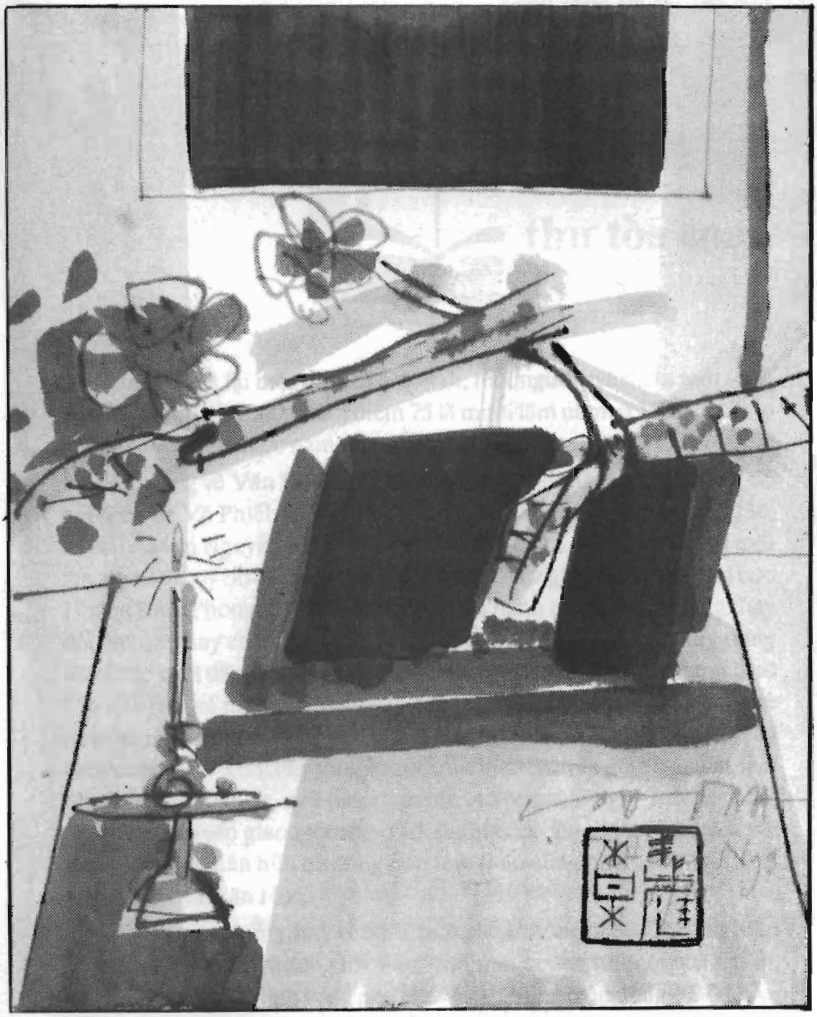

Cung Chúc Tân Xuân

VĂN HỌC KÍNH CHÚC QUÝ ĐỘC GIẢ VÀ VĂN HỮU
MỘT NĂM MỚI AN KHANG THỊNH VƯỢNG

thư tòa soạn

Thấm thoắt lại một năm nữa qua đi, mỗi người già thêm một tuổi, tuổi lưu vong nếu tính từ thời điểm 75 là mười lăm năm và Văn Học góp mặt nơi xứ người được năm mùa xuân buồn tẻ.

Nói riêng về Văn Học, khởi đi từ năm 85, những viên gạch đầu do hai nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều chịu trách nhiệm trong năm đầu, kế đó nhà văn Nguyễn Mộng Giác gánh vác hơn ba năm ròng rã, và mới đây do những lý do cá nhân, Nguyễn Mộng Giác giao gánh nặng lại cho Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy điều hanh tổng quát. Những thay đổi nhân sự này chẳng qua chỉ là thay đổi bề ngoài, phần cốt tủy dựng lên từ lúc khởi đầu vẫn không suy suyển, bởi vì Văn học không phải là tờ báo của một cá nhân, đó là tờ báo của một số nhà văn dẫu có ở xa quê nhà vạn dặm vẫn cố sống, thở, suy nghĩ và viết cho quê nhà. Bởi vậy, sự chuyển giao từ người này sang người khác là sự chuyển giao trách nhiệm điều hành tổng quát, ngõ hầu thực hiện tờ báo mỗi ngày một tốt hơn, cũng như chuyển giao một số nợ với những độc giả dài hạn, nợ đối với nhà in, nợ với thân hữu đã đóng góp tinh thần cũng như vật chất. Đó là việc riêng của Văn Học.

Đối với việc chung, hay khác đi, một cái gì không phải của riêng Văn Học nhưng vẫn ảnh hưởng tới Văn Học, ảnh hưởng tới mọi con người, nhất là những người lưu vong như chúng ta, những biến động ở Đông Âu trong thời gian qua đã làm thay đổi bộ mặt chính trị không những ở Ba lan, Hung, Tiệp, Đông Đức mà còn làm thay đổi cục diện của toàn thế giới, những biến động đó dường như không được thúc đẩy bằng nòng súng. Nó khởi đi từ ý thức của mọi người bị cùm kẹp, trói buộc và bị cai trị bởi bạo lực, vốn là sức mạnh gần nửa thế kỷ vừa qua của các quốc gia Cộng sản. Ngọn lửa ý thức này không phải có được trong một sớm một chiều, cũng không phải do một vài người, một nhóm người. Nó khởi đi

bằng trái tim của những người dân yêu chuộng tự do của quê hương mình, tiên phong là những người trí thức, những người cầm bút trước khi lan sang các phong trào quần chúng. Và dĩ nhiên trước khi đạt được kết quả đó đã nhiều lần bạo lực đóng trọn vai trò cưỡng chế của các chính quyền Cộng sản, đã đè bẹp những đòi hỏi chân chính của dân tộc Ba lan ở Poznan năm 1956, của dân tộc Hung ở Budapest vài tháng sau đó và của dân chúng Tiệp ở Prague vào mùa xuân 1968. Trong những cuộc nổi dậy này không một nhà nghiên cứu nào có thể phủ nhận vai trò của các nhà văn, nhà thơ chân chính đã gióng lên những tiếng kêu cứu tuyệt vọng của những dân tộc bị trị.

Trở lại với những biến động gần đây nhất ở Việt nam, ba năm trước đây với giới cầm bút, ông Nguyễn văn Linh tuyên bố huỵch toẹt: "Cởi trói cho văn nghệ", ngay trong ngôn ngữ đó chúng ta hiểu được phần nào cái khó khăn, câu thúc của những người cầm bút nơi quê nhà. Văn Học chỉ muốn nhắc đến những cây bút chân chính, chứ không đề cập tới những cây bút dẫu được "cởi trói" cũng không dám tuột ra khỏi cái sợi dây thừng vẫn máng hờ trên cổ. Dường như có một làn gió nóng thổi qua làm hồi sinh những cái chồi bị băng giá bao phủ. Do đó văn học trong nước đã xuất hiện lác đác những tác phẩm dám vạch ra cái sai, cái ngu dốt của những người cầm quyền. Những tác phẩm này phần lớn do những cây bút trẻ bây giờ đang ở vào lứa tuổi trên dưới bốn mươi, điển hình là: "Những Thiên Đường Mù", "Chuyện Hàng Xóm" của Dương Thu Hương, "Tướng Hồi Hưu"... của Nguyễn Huy Thiệp... Những biến động ở Đông Âu, cũng như ở Việt nam càng lúc càng cho thấy rõ nét Cộng sản dường như không sợ một cuộc nổi dậy bằng súng đạn, sự nổi dậy bằng súng đạn chỉ làm cho hàng ngũ Cộng sản chặt chẽ thêm vì những kẻ lãnh đạo sẽ vẽ ra một kẻ thù và hướng toàn thể dân chúng cũng như cán bộ, chiến binh vào một hướng duy nhất là bảo vệ tổ quốc. Văn Học không bao giờ phủ nhận giá trị của sự chống trả với Cộng sản bằng vũ lực, nhưng đã đến lúc những tấn công trên lãnh vực kinh tế, và nhất là văn nghệ phải được định giá lại. Văn Học thấy đã đến lúc phải nhìn thật kỹ những tác phẩm chống đối ngay từ trong nước mà điển hình là những tác phẩm và những cây bút nêu ở trên. Trước tiên chúng ta không thể phủ nhận giá trị văn chương trong các tác phẩm này, kế đến chúng ta cần phải tìm hiểu cái "đối tượng" chống đối của các nhà văn vừa kể. Có rất nhiều dư luận xoay quanh những tác phẩm này, nhiều người

trong chúng ta kết luận vội vã là "chống đối" giả vờ kiểu như "đối lập cuội" trước đây ở miền Nam, nhiều người khác cho đó là những ngòi bút "phản kháng" thật sự và những tác phẩm này cũng như tác giả của nó đang ở vào vị trí "thập phần chết". Bởi tính chất quan trọng của nó, Văn Học số xuân 90 này thay vì là một cuộc hội thảo cho dù kéo dài năm, sáu, chín mười giờ đồng hồ với sự tham dự của một số nhà văn hải ngoại sẽ không bao giờ nói lên đủ những ý nghĩ sâu sắc nhất của mỗi người, cũng như không thể phủ nhận một điều: trong các cuộc hội thảo như thế, những người quen ăn nói, lý luận có thể lấn lướt được những người ít tranh luận. Do đó Văn Học chọn một hình thức sinh hoạt khác là nêu một số vấn đề gửi đến toàn thể các nhà văn, nhà báo, thân hữu và độc giả và sẽ đăng tải những bài viết này trong số Văn Học đặc biệt sau Tết.

Dưới đây là những vấn đề Văn học nêu lên:

1. Có hay không có một dòng văn chương phản kháng trong quốc nội.

2. Nếu có, đối tượng phản kháng này là:

- Bản chất chế độ Cộng sản.

- Hiện tượng sai trái của những cán bộ thừa hành.

3. Trong trường hợp có một dòng văn chương đối kháng thật sự những nhà văn lưu vong phải làm gì để hỗ trợ? Trong trường hợp trái lại, sự phản kháng nhằm vào những cán bộ cấp thừa hành với mục đích củng cố lại guồng máy, những nhà văn ở hải ngoại phải làm gì?

4. Ảnh hưởng của các tác phẩm này đối với độc giả trong và ngoài nước.

Văn Học tin rằng sự góp ý của tất cả quý vị sẽ soi tỏ được nhiều điều, một trong những điều này là cụ thể giúp cho độc giả hải ngoại có được cái nhìn đúng đắn nhất về những diễn biến của một giai đoạn văn học tại quốc nội.

Bước sang năm mới, nhóm chủ biên Văn Học kính chúc quý độc giả, thân hữu một năm mới an khang, thịnh vượng cũng như xin tự hứa sẽ noi gương những người tiền nhiệm vun xới, bồi đắp cho Văn Học mỗi ngày mỗi hoàn mỹ hơn.

Trân trọng cám ơn quý vị.

Văn Học

Nguyễn Đức Lập

họa chăng là trời hành

●

Bạn thân ơi.

Bạn đã nói rằng:

– Chuyện làm báo làm bung, tự bụng các ông ưng, tự tay các ông làm, có ai chĩa súng vô màng tai, kề dao vô tận cổ, bắt các ông phải làm đâu, mà hễ cứ mở miệng nói tới chuyện báo bung là các ông than như than chết.

Nói như vầy, *"lưỡi Trương Nghi dù bén, miệng Tô Tử vốn lanh, dẫu hai ông tái thế..."*, ắt là cũng không có chỗ mà tạ khẩu.

Nói đúng như vậy làm sao mà cãi được. Nếu rán dài miệng gân cổ lên cãi, không khéo mắc phải cái tội biện bác, già hàm lão khẩu mất.

Nhưng, ở đời mà, ông bà mình có dạy: "Nói đi thì phải xây qua nói lại". Nói có đi có lại, mới rõ trắng đen, mới tường chung thủy được.

Nói rằng, việc làm báo, "tự bụng các ông ưng, tự tay các ông làm" là phải lẽ quá rồi. Nhưng, tại làm sao lại "tự bụng ưng, tự bụng làm", nỗi này có ai chịu khó vắt tay lên trán, gạn đục lóng trong, cho hãn tường có sự hay chăng?

Một tờ báo, trừ những tờ có tính cách thương mại một cách quá đáng, là hoài bão của người thực hiện, là niềm thích thú của người viết, là hy vọng của người đọc.

Không phải là bạn đã từng bày tỏ lòng ước ao cầm được trong tay một tờ báo thật có giá trị, văn chương ra văn chương, nghị luận ra nghị luận, sao?

Không phải bạn đã từng chê trách tình trạng có nhiều tờ báo, quá chú trọng tới mục tiêu thương mại, bỏ rơi phần nội dung, tới độ khinh thường độc giả, sao?

Nhưng, muốn thực hiện được một tờ báo đúng với ý muốn của bạn,

để bạn khỏi chê trách, giữa hoàn cảnh "cái khó nó bó cái khôn", cũng không dễ đâu.

Tờ báo, có giá trị hay không, ở người thực hiện, ở người viết một phần, mà ở một phần khác, lớn hơn, là người đọc. Cũng tỉ như một cô đào, dù thinh sắc tới đâu, cỡ cô Ba Út, cô Năm Đồ, cô Năm Phỉ, cô Tư Sạng, mà đứng trên sân khấu nhìn xuống, khán giả loe hoe, có muốn hát cho hay, có muốn diễn xuất cho giỏi, cũng hay không nổi, giỏi không nổi.

Có một câu hát, một thời, đã lưu hành ở miệt Tân uyên, Biên hòa:

Vì dầu Hùng Tín đào nho
Quan Công nhấp ếch, bầu Bo ăn bòn

Gánh hát "Bầu Bo" nghèo quá, anh kép chuyên thủ vai Đơn Hùng Tín mỗi ngày phải đi đào củ nho mà ăn, anh kép đóng vai Quan Công phải vác cần câu đi nhấp ếch và ông bầu Bo, khăn đóng áo dài, la cà tới các nhà hương chức hội tề để ăn chực.

Tình cảnh như vậy, hát sao cho hay?

Có một câu hát khác, lưu hành miệt rẫy bái ở Bà rịa:

Đổng Kim Lân bẻ bắp
Khương Linh Tá dành cùi
Tạ Ôn Đình biểu để mà lùi
Trình Thái Giám để dành cạp sống

Đổng, Khương, Tạ, Trình là bốn nhân vật chánh của vở tuồng nổi tiếng "San Hậu". Bốn anh kép chánh của gánh hát phải dành nhau trái bắp bẻ trộm để sống qua ngày.

Tình cảnh như vậy, diễn xuất sao cho giỏi?

Tuy chưa tới nỗi "bầu Bo ăn bòn" hay "Đổng Kim Lân bẻ bắp", nhưng, những người làm báo hay viết lách bên nầy phải cày cục trong các hãng xưởng để kiếm miếng ăn, để nuôi thân, nuôi vợ nuôi con, cũng đâu khác thể "Hùng Tín đào nho" hay "Quan Công nhấp ếch".

Cái ý muốn có một tờ báo hay, một tờ báo có giá trị là cái ý muốn chung, nhưng sao chỉ có một ít người trần thân ra mà gánh vác?

Có một chuyện hay hay, kể cho bạn nghe.

Một buổi sáng cuối tuần, trời mưa lớn. Một người chạy băng qua một bãi đậu xe, ướt chèm nhẹp, cúi lượm bốn năm tờ báo. Thiệt là cảm động, phải không bạn? Những người làm báo, thấy cái cảnh này, thì ắt rằng dầu chết cũng phải cố mà làm. Nhưng khoan mừng đã bạn. Hãy

ngó theo người đó. Ông ta vừa mở cửa xe kìa. Và những tờ báo vừa nhặt, ông ta trải ra dưới sàn xe. Thì ra, ông ta dùng những tờ báo để lót chân cho tấm thảm mới thay khỏi dơ, khỏi ướt. Cấn lưỡi chưa, bạn?

Rồi, có nhiều người thường nói rằng, "báo thì tui thích đọc, nhưng tôi không có thói quen mua báo". Chết là ở chỗ đó. "A! Văn Học hả? Nhân Văn hả? Làng Văn hả? Văn hả? Đọc chưa? Đọc rồi cho mượn nghen!". Mượn rồi chớ hề thấy trả. Báo không chết mới là chuyện lạ.

Tình cảnh như vậy mà còn cày cục làm báo thì chỉ có một lý do giải thích: Trời hành.

Hay, giải thích theo thuyết luân hồi nhơn quả của nhà Phật là chắc kiếp trước cũng ăn ở bạc ác bất nhơn sao đó, nên kiếp nầy phải lãnh đủ.

Hồi trước, ông Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có than "văn chương hạ giới rẻ như bèo, kiếm được đồng lãi thật là khó". Nếu ông Tản Đà mà nặng nợ còn sống tới ngày giờ nầy, không biết ông sẽ than cho văn chương tới đâu nữa?

Cũng may là cái anh chàng lượm báo lót sàn xe hay anh chàng chuyên môn đọc báo cọp, thế gian cũng hãn hữu, nên báo chí mới còn sống được ở xứ nầy. Nếu ai cũng như hai anh chàng đó hết, thì cho dù có thiện chí tới đâu, những người làm báo cũng phải xếp giáp mà qui hàng.

Và, Cũng may là vẫn có những tấm lòng còn tha thiết với văn chương, nặng tình với chữ nghĩa. Từ đó, mới còn có những tờ báo và những người viết. Nhưng, thời nào cũng vậy, mà ở đâu cũng vậy, những kẻ lấy mắt xanh để nhìn văn chương, chữ nghĩa không phải là số nhiều, đã vậy, lại thường không phải là những người rủng rỉnh nặng túi, hằng tâm thì có, nhưng hằng sản thì không.

Bởi vậy mà những tờ báo đứng đắn mới sật sừ.

Bạn thân ơi,

Đầu năm đầu tháng mà thư cho bạn không mấy gì vui. Nhưng bạn đã nói đi thì bạn phải chịu khó nghe nói lại, như vậy mới toại lòng nhau được.

Điều sau cùng, muốn nói cùng bạn là "có phải là trời hành thiệt chăng?" Bạn cứ nghĩ đi và mong rằng câu trả lời của bạn sẽ đem đến một niềm vui cho bạn, cho anh em làm báo trong ba ngày tết.

Nguyễn Đức Lập

Nguyễn Hưng Quốc

mười lăm năm văn học lưu vong, bản chất và đặc điểm

●

Một thời gian dài, hơn mười năm, mấy chữ "văn học lưu vong" được dùng như một tên gọi chính thức của nền văn học hải ngoại. Người ta tự nhận mình là nhà văn lưu vong và tự nhận nền văn học mình đang xây đắp là văn học lưu vong một cách bình thường, thậm chí, thanh thản. Thế nhưng, gần đây, mấy chữ "văn học lưu vong" bỗng trở thành một vấn đề. Nhiều người băn khoăn: có nên gọi như vậy hay không? Hai chữ lưu vong nghe sao mà thật não nề.

Có lẽ người đầu tiên là nhà thơ Đỗ Quý Toàn. Năm 1987, trong một bức tâm thư gửi cho nhiều văn hữu, ông đề nghị nên gọi văn học ở hải ngoại từ sau 75 là nền văn học chính thống và nên trả mấy chữ văn học lưu vong cho... Cộng sản. Ông lý luận: *"Chúng ta đang chứng kiến một nền văn chương bằng tiếng Việt nam phát triển cả lượng lẫn phẩm ở khắp nơi trên thế giới. Trong cộng đồng hàng triệu người sống ở nước ngoài, chúng ta đang xây dựng một nền văn chương đích thực, chính thống tổ tông truyền, chúng ta không thể gọi đó là một nền văn chương lưu vong.*

Chính những người làm văn chương đang sống trong chế độ độc tài ở Việt nam mới thực sự lâm vào cảnh lưu vong trên chính quê hương mình".(1)

Trong một bài viết đăng trên tạp chí Tân Văn số 1 ra đầu năm 1988, nhà thơ Đỗ Quý Toàn lại viết: *"Mình có thể lưu vong về chính trị chứ không lưu vong về văn học. Mình là văn chương chính thống. Cộng sản trong nước họ mới là lưu vong thảm hại".*

Cùng quan niệm với Đỗ Quý Toàn, nhà thơ Trịnh Y Thư, trên tạp chí Văn học số Tết Kỷ tỵ, phát biểu: *"Đối với riêng tôi, cả hai từ "lưu vong" lẫn "hải ngoại" đều không thích hợp. Ngày nay, chúng ta có quyền tự hào về một nền văn học tự do và nhân bản trải đều khắp nơi trên thế giới, và cả trong nước, để đương đầu với thứ văn nghệ phi nhân bản của Cộng sản(170.*

Cả Đỗ Quý Toàn lẫn Trịnh Y Thư đều xuất phát từ nhiệt tình ưu ái đối với nền văn học Việt nam tại hải ngoại từ sau năm 75, tuy nhiên, cách lý luận của họ, tôi nghĩ, không hoàn toàn thuyết phục. Thứ nhất, họ lầm lẫn giữa các phạm trù. Nói đến lưu vong hay không lưu vong là nói đến phạm trù thực tại. Nói đến nhân bản hay không nhân bản, chính thống hay không chính thống là nói đến phạm trù giá trị. Hai phạm trù này có thể tồn tại song song với nhau: một nền văn học lưu vong có thể (hay không thể) là một nền văn học chính thống; có thể (hay không thể) là một nền văn học nhân bản. Ở đây không có sự đối lập nên mọi sự lựa chọn đều trở thành giả tạo.

Điều lầm lẫn thứ hai là cả Đỗ Quý Toàn lẫn Trịnh Y Thư đều mặc nhiên coi yếu tố chính trị là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá một nền văn học. Đồng ý văn học bao giờ cũng gắn bó với chính trị và với những quan niệm về đạo đức của con người, tuy nhiên, văn học trước hết vẫn là văn học chứ không phải là chính trị hay là đạo đức. Văn học có sự sống riêng, quy luật phát triển riêng, do đó, cần có tiêu chuẩn riêng để thẩm định: đó là tiêu chuẩn thẩm mỹ.

Vấn đề căn bản nhất của văn học là: nó có hay không có?

Trong lịch sử văn học Việt nam, đã nhiều lần người ta vinh danh những giá trị chính trị để đánh giá văn học và hầu như, đến nay, luôn luôn người ta sai lầm. Lấy trường hợp Nguyễn Huy Lượng, tác giả bài *"Tụng Tây Hồ phú"* và Phạm Thái, tác giả bài *"Phản Tụng Tây Hồ phú"* làm ví dụ. Nguyễn Huy Lượng là người ủng hộ Tây Sơn. Phạm Thái là người khăng khăng chống lại Tây Sơn. Nguyễn Huy Lượng là tác giả chính thống, Phạm Thái là tác giả phản động. Đến lúc Gia Long đánh tan Tây Sơn, thiết lập triều Nguyễn, một triều đại thù nghịch với Tây

Sơn, người ta đảo ngược lại bảng giá trị trên: Phạm Thái là nhà văn chính thống, Nguyễn Huy Lượng là nhà văn phản động. Rồi đến năm 1945, Cộng sản nắm chính quyền, coi Tây Sơn là một phong trào khởi nghĩa nông dân, từ đó, coi thái độ ủng hộ hay chống đối Tây Sơn là một tiêu chuẩn thẩm định giá trị các nhà văn, các nhà thơ trong giai đoạn nửa sau thế kỷ 18, bảng giá trị trên, một lần nữa, bị đảo lộn: Nguyễn Huy Lượng được đề cao là một cây bút tiến bộ, chính thống, Phạm Thái bị liệt vào danh sách những kẻ phản động và lạc hậu.

Cách đánh giá Phạm Thái và Nguyễn Huy Lượng, như vậy, suốt gần hai trăm năm nay, cứ thay đổi mãi. Duy có điều hầu như bất biến: ai cũng phải công nhận về tài hoa, Phạm Thái hơn hẳn Nguyễn Huy Lượng. Sự công nhận ấy dẫn đến kết quả: dù bị lên án, thơ của Phạm Thái vẫn lấp lánh hoài trong trí nhớ người đọc, trong lúc dù được đề cao, thơ của Nguyễn Huy Lượng vẫn cứ bị chìm hút trong mịt mùng cái cõi lãng quên.

Đối với nền văn học 1930 – 1945 cũng tương tự. Suốt mấy chục năm, Cộng sản ra sức chứng minh nền văn học chính thống của giai đoạn này là nền văn học gọi là "yêu nước và cách mạng" với những tên tuổi ốm o như Nguyễn Ái Quốc, Tố Hữu, Hải Triều, Hải Khách, Sóng Hồng... và coi nền văn học công khai lúc ấy, tiêu biểu nhất là Tự Lực văn đoàn và thơ Mới là một cái gì "phi chính thống", lạc hậu và trụy lạc.

Thế nhưng, mặc kệ lời đánh giá của Đảng, dân chúng vẫn cứ nâng niu ghi nhớ những tác phẩm óng ả và ngọt ngào của những người bị coi là "phi chính thống" ấy, để rồi, mấy năm gần đây, không thể tiếp tục đánh lừa lịch sử được nữa, Cộng sản lại rụt rè lên tiếng "phục hồi giá trị" cho Tự Lực văn đoàn và thơ Mới.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong bài *"Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại"* đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21 số 1 ra vào tháng Năm 1989, không hẳn chấp nhận mấy chữ "văn chương chính thống" do Đỗ Quý Toàn đề nghị, nhưng ông cũng có vẻ ngần ngại trước mấy chữ "văn học lưu vong". Lý do ông nêu ra nặng về cảm tính:

"Nói gì thì nói, lưu vong, nghe vẫn có vẻ thê thảm, tuyệt vọng. Nó chỉ đúng với thời kỳ đầu, thời Thanh Nam viết "Khúc ngâm trên đất tạm dung":

Ta như giông bão tan rồi hợp
Trôi giạt còn hơn sóng đại dương

"Lận đận bên trời chung một lứa"...
Say càng chua xót, tỉnh càng thương.
Tháng năm xa mãi thời hoa mộng
Râu tóc thêm gần với tuyết sương
Trên đất tạm dung, đời tạm trú
Còn gì ngoài nỗi hận mênh mang
Thời Cao Tần đặt ra những câu hỏi:
Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới
"Ta làm gì cho hết nửa đời sau"?

Nhưng cái chất tuyệt vọng thê thảm của chữ "lưu vong" lại không đúng với thơ truyện một lớp cây bút vượt biên sang sau, phần lớn những người này biết sẽ làm gì trong phần đời còn lại của mình, thành công hay không chưa biết, nhưng không đến nỗi lạc lõng hoang mang như tâm trạng lưu vong trong thơ Thanh Nam và thơ Cao Tần".

Cái sai lầm của nhà văn nguyễn Mộng Giác là ông coi lưu vong chỉ là một trạng thái tâm lý. Lại là cái trạng thái tâm lý "thê thảm, tuyệt vọng" và "lạc lõng, hoang mang".

Có điều lạ là, trước khi viết bài *"Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại"* dẫn trên gần hai năm, trong cuộc nói chuyện tại tòa soạn nhật báo Người Việt được tờ báo này tường thuật trong số ra ngày 2.8.1987, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã tiếp cận vấn đề một cách tương đối chính xác hơn khi ông cho *"xét theo nghĩa địa lý thì nhà văn lưu vong là người sống và viết ở ngoài quê hương mình, còn nếu xét theo nghĩa tâm lý thì nhà văn lưu vong là người sống và viết ở một nơi không còn là quê hương mình nữa. Đứng trên cái nhìn đó có thể nói nhà văn là người viết lưu vong ngay cả khi họ còn sống trên quê hương mình, khi chế độ không tôn trọng con người, tước đoạt tự do, biến quê hương mình thành ngục tù. Người ở lại thì lạc lõng trên quê hương, còn người ra đi thì lưu lạc trên đất khách. Tâm trạng lưu vong một khi hiện thành văn chương sẽ trở thành một hành động phản kháng, thách đố".*

Nói tương đối chính xác vì chính cái rạch ròi khi phân biệt hai góc độ địa lý và tâm lý ở trên đã làm cho quan niệm của Nguyễn Mộng Giác bị khập khiễng. Văn học lưu vong được hình thành từ cả hai góc độ ấy. Chỉ sống và viết ở nước ngoài không thôi chưa đủ để thành một nhà văn

lưu vong: những người cầm bút thân Cộng ở hải ngoại hiện nay không phải là những nhà văn lưu vong. Chỉ với tâm trạng lạc lõng ngay trên chính quê hương mình cũng chưa đủ để thành một nhà văn lưu vong: Thế Lữ khi tự coi mình là một con hổ trong vườn bách thảo, Chế Lan Viên khi tự coi mình là một bóng ma Hời để bày tỏ cảm tưởng ngột ngạt, bức bối, đau đớn trên một đất nước đã thành thuộc địa của thực dân Pháp cũng không phải là những nhà thơ lưu vong.

Chính những sai lầm của những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở trên bắt chúng ta phải đối diện với một vấn đề: bản chất của nền văn học lưu vong là gì? Lưu vong có phải là vong thân?

Trước hết, có lẽ cần phân biệt hai khái niệm "nhà văn lưu vong" và "nền văn học lưu vong". Có khi có nhà văn lưu vong mà lại không có nền văn học lưu vong. Nói đến nền văn học lưu vong là nói đến một sinh hoạt bao gồm nhiều khía cạnh: tác giả lưu vong, độc giả lưu vong và những mối quan hệ giữa tác giả và độc giả qua các phương tiện như sách, báo, hội thảo... trên một miền đất lưu vong.

Hồi đầu thế kỷ 20, với phong trào Đông Du, nhiều người cầm bút cách mạng Việt nam đã phải lưu vong ở hải ngoại, dùng sáng tác làm vũ khí tranh đấu chống lại thực dân Pháp: họ là những nhà văn lưu vong. Phan Châu Trinh có mười bốn năm lưu vong tại Pháp: 1911 – 1925. Trong mười bốn năm ấy, ông có ba tác phẩm nổi tiếng: *Thư thất điều*, *Thỉnh quốc hồn ca* và *Xăng tê thi tập*. Phan Bội Châu có hai mươi năm lưu vong ở Nhật, ở Trung hoa và ở Thái lan: 1905 – 1925. Trên đất khách, với biệt hiệu Sào Nam Tử, nghĩa là một con chim đậu trên cành Nam mòn mỏi trông vời cố quốc, ông sáng tác khá nhiều, trong đó, xuất sắc hơn cả là tập *Việt nam vong quốc sử* và tập *Hải ngoại huyết thư*. Nguyễn Thượng Hiền sang Nhật từ năm 1907 và mất tại Trung hoa vào năm 1925, để lại bộ *Nam chi tập*, gồm ba quyển vừa thơ vừa văn xuôi.

Cả Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu và Nguyễn Thượng Hiền đều là những tác giả lưu vong lớn, tuy nhiên, họ vẫn không tạo ra được một nền văn học lưu vong thực sự. Lý do chủ yếu là họ không có độc giả lưu vong. Sáng tác của họ được bí mật chuyển về nước để, nói như Phan Bội Châu, trong *Hải ngoại huyết thư*:

Đem những chuyện nhiệt thành ái quốc
Bảo một người tỉnh được một người.

Những tác phẩm ấy bị hòa đồng vào nền văn học trong nước: trong

lúc tác giả đang lênh đênh trôi giạt trên những bước lưu vong thì tác phẩm của họ trở thành một thành tố của nền văn học nội địa, một thành tố bí mật và bất hợp pháp. Cả nền văn học hợp pháp lẫn bất hợp pháp đều có một độc giả: đó là độc giả trong nước. Hiện tượng này khiến cho văn học đầu thế kỷ 20 tại Việt nam tuy có tác giả lưu vong mà lại không có nền văn học lưu vong.

Có khi vừa có tác giả lưu vong vừa có độc giả lưu vong mà vẫn không thành một nền văn học lưu vong. Đó là tình trạng người Trung hoa tỵ nạn từ Việt nam hoặc từ Trung hoa lục địa. Lưu lạc khắp nơi trên thế giới, thành công rực rỡ trên lãnh vực kinh tế, họ vẫn không có một sinh hoạt văn học nghệ thuật riêng. Bởi họ đã có một chỗ dựa vững vàng và giàu có là Đài loan. Nếu có ai thực sự sử dụng tài hoa Hoa ngữ để sáng tác thì người đó sẽ gia nhập hẳn vào đội ngũ cầm bút Đài loan, trở thành một nhà văn, một nhà thơ Đài loan, dù họ đang sinh sống ở bất cứ quốc gia nào.

Từ những ví dụ trên, chúng ta có thể rút ra ba điều kiện dẫn đến sự hình thành một nền văn học lưu vong: một, phải có tác giả lưu vong, hai, phải có độc giả lưu vong, và ba, những tác giả lưu vong và những độc giả lưu vong ấy phải tạo ra được một sinh hoạt văn học riêng, độc lập với nền văn học hiện hành trong nước.

Tính chất độc lập về văn học ấy thực chất là một biểu hiện của tính chất đối lập về chính trị.

Không phải tự nhiên mà một mảng văn học dân tộc bị di chuyển ra nước ngoài, cắt đứt mọi quan hệ với văn học nội địa. Nguyên nhân của tình trạng này nằm ngoài văn học: nó bắt nguồn từ sự xung khắc trong chính kiến.

Từ lâu, người ta đã nhận ra, văn học lưu vong là một hiện tượng đặc biệt, độc đáo và bi thảm của lịch sử nhân loại vào thế kỷ này: nó xuất hiện cùng lúc với sự xuất hiện của chủ nghĩa Cộng sản và chủ nghĩa Phát xít. Sự ra đời của những nhà nước độc tài và tàn bạo đã khiến cho hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, tạo thành một cộng đồng lưu vong và những cộng đồng lưu vong ấy, ở xứ người, đã bồi đắp một nền văn học lưu vong để, trước hết, khẳng định sự tồn tại độc lập của mình, sau đó, để chống lại những thế lực tội ác đang thống trị trên quê hương mình.

Bản chất của một nền văn học lưu vong, do đó, nằm ở ba yếu tố: chính trị, đối kháng và tự do.

Gọi là bản chất vì nếu không có ba yếu tố trên, nền văn học lưu vong sẽ bị hư vô hóa ngay. Giả dụ, một ngày nào đó, do sức ép của quốc tế hay do xu hướng đổi mới từ bên trong, nhà cầm quyền Hà nội và cộng đồng tỵ nạn ở hải ngoại thực sự "hòa hợp, hòa giải" với nhau, để không còn ai băn khoăn về vấn đề "quốc – cộng" nữa, để mọi người tha hương đều thoải mái đọc sách báo trong nước và để tác phẩm của những người cầm bút hải ngoại được tự do phổ biến trong nước thì cái gì sẽ xảy ra? Nó sẽ biến mất với tư cách là một nền văn học lưu vong. Sự phân biệt trong và ngoài nước lúc ấy chỉ còn thuần túy là một khái niệm địa lý.

Cũng sẽ không có văn học lưu vong nếu không có tự do. Chính yếu tố tự do làm cho văn học lưu vong khác với văn học phản kháng trong nước, một nền văn học mang tính chất chính trị và đối kháng mạnh mẽ nhưng luôn luôn đối diện với những nguy cơ bị đàn áp, bị khủng bố. Như trường hợp của nhóm Nhân Văn giai phẩm trước đây.

Tự do, trong văn học lưu vong, vừa là một hiện thực vừa là một lý tưởng. *Hiện thực: không có một áp lực hành chánh nào chi phối ngòi bút của họ. Có thể vẫn có những áp lực đến từ dư luận, từ thành kiến, tuy nhiên, đó không hề là lý do chính đáng để phủ nhận sự tự do của người cầm bút lưu vong. Lý tưởng: từ hiện thực tự do của mình, nền văn học lưu vong nhắm tới mục đích tranh đấu cho tự do của đồng bào mình, đồng nghiệp mình, những nạn nhân đang quằn quại trong khổ đau và áp bức.*

Người ta trốn thoát khỏi một tù ngục không phải để đến một tù ngục thứ hai. Nếu địa điểm thứ hai cũng là một tù ngục, người ta lại sẽ tỵ nạn đến một địa điểm khác: nền văn học lưu vong sẽ khởi sự hình thành từ địa điểm thứ ba ấy.

Tính chất đối kháng về chính trị trong văn học lưu vong hoàn toàn khác với chủ nghĩa chống Cộng trong văn học miền Nam trước năm 1975. Ở miền Nam trước 75 cũng như ở bất cứ một quốc gia nào bị chia cắt và đang có vấn đề xung khắc "quốc – cộng", tính chất đối kháng chính trị thường xuất hiện dưới hình thức chống lại một quyền lực, và bảo vệ một quyền lực. Chống Cộng, trước năm 75, có nghĩa là chống lại sự tấn công của những người miền Bắc để bảo vệ chế độ miền Nam. Điều này dẫn đến hai hậu quả. Một là, khi người ta chán ghét chính quyền miền Nam thì thường thường người ta không chống Cộng nữa. Hai là, chống lại miền Bắc chủ yếu là chống lại một âm mưu vi phạm hiệp định quốc tế về sự tồn tại độc lập giữa hai miền chứ không phải là chống lại

chế độ Xã hội Chủ nghĩa ở miền Bắc. Ba là, chúng ta không cần phân biệt chính quyền miền Bắc và nhân dân miền Bắc: nhân dân miền Bắc, ngay cả khi họ bị cưỡng bức cầm súng xâm chiếm miền Nam với tâm trạng bất mãn và đau xót, cũng trở thành đối tượng chống đối của chúng ta. Trên chiến trường, ranh giới được phân chia bằng những lằn đạn chứ không phải bằng những tâm tình.

Sau năm 1975, mất chính quyền, chúng ta, hoàn toàn trơ trọi, ra đi tìm tự do. Phía sau lưng của chúng ta không còn một quyền lực nào để bảo vệ. Mâu thuẫn giữa quyền lực bị biến mất. Chỉ còn mâu thuẫn trong lý tưởng. Nhân danh lý tưởng tự do và nhân bản, chúng ta chống lại thứ "lý tưởng" Mác xít ngoại lai nhằm thực hiện chuyên chính vô sản bằng cách bần cùng hóa mọi người và chà đạp lên nhân phẩm của mọi người. Điều chúng ta bảo vệ, như vậy, là những con người, con người miền Nam và con người miền Bắc, chứ không phải là một chính quyền. Và điều chúng ta chống lại, như vậy, không phải là những con người dù là người bộ đội hay đảng viên mà là một chế độ, một chế độ cõng trên lưng nó lỉnh kỉnh những lý thuyết, những giáo điều và những cơ chế phi nhân.

Trong các tác phẩm của Phan Nhật Nam trước đây, lý tưởng chống Cộng được thực hiện bằng cách vạch trần tính chất cuồng tín, mê muội, gian xảo và hung bạo của những con người Cộng sản. Trong các truyện ngắn của Thế Giang, một người chống Cộng sản quyết liệt khác, ở hải ngoại, sau năm 75, hầu như rất hiếm những con người Cộng sản cụ thể, tất cả chỉ là những hình ảnh mờ mờ nhạt nhạt nhiều khi không có tên gọi: những nhân ảnh ấy lao nhao đi đứng, nói năng, hoạt động trong một không khí cơ hồ không phải của con người. Nó dơ dáy. Nó nhố nhăng. Nó khủng khiếp. Có lẽ đó là thâm ý của Thế Giang: với ông, tội ác lớn nhất của Cộng sản là phá hủy cái quan hệ nhân tình và nhân tính giữa con người. Để con người hoặc vĩnh viễn hoài nghi nhau hoặc chỉ tìm đến với nhau để khai thác lợi lộc.

Sự khác nhau giữa Phan Nhật Nam và Thế Giang không phải là sự khác nhau về trình độ nghệ thuật mà chủ yếu là sự khác nhau giữa hai cách nhìn. *Đó cũng là sự khác nhau căn bản giữa tính chất đối kháng chính trị trong văn học lưu vong và tính chất chống Cộng trong văn học miền Nam trước đây. Khác nhau về đối tượng chống đối: với văn học miền Nam, là con người (Cộng sản); với văn học lưu vong, là chế độ (Cộng sản). Khác*

nhau về lý tưởng bảo vệ: với văn học miền Nam, là chế độ (miền Nam); với văn học lưu vong, là con người (Việt nam).

Nói cách khác, lý tưởng tranh đấu của văn học lưu vong, so với văn học miền Nam trước đây, lớn lao và cao cả hơn: nó ít màu sắc chính trị và đậm đà hơn màu sắc nhân sinh, nhân loại. Phạm vi chống đối của văn học lưu vong, so với văn học miền Nam trước đây, vừa hẹp hơn lại vừa khái quát hơn: không phải con người Cộng sản hay là con người miền Bắc một cách chung chung mà là một chế độ được lãnh đạo bởi một thiểu số chuyên quyền và độc ác.

Tính chất chính trị trong văn học lưu vong cũng khác với tính chất chính trị được coi là một cương lĩnh sáng tác trong nền văn học Cộng sản. Chính trị của Cộng sản là chính trị của Đảng, của giai cấp. Chính trị của văn học lưu vong là chính trị của dân tộc, của quần chúng bị đọa đày. Trong nền văn học Cộng sản, chính trị là mục đích; trong nền văn học lưu vong, chính trị là cảm hứng. Trong văn học Cộng sản, chính trị được đặt trên căn bản sự thù hận; trong văn học lưu vong, chính trị được đặt trên căn bản nỗi đau xót trước sự khốn cùng.

Trong văn học Cộng sản, nhà cầm quyền phải sử dụng cả một guồng máy chuyên chính đồ sộ để cưỡng bức người cầm bút tập trung vào chính trị. Trong văn học lưu vong, người cầm bút đến với chính trị và đối kháng một cách tự nhiên, tự nguyện. Trong văn học Cộng sản, chính trị là một mệnh lệnh. Trong văn học lưu vong, chính trị là một tâm thức.

Tâm thức. Có lẽ cuối cùng, vấn đề quan trọng nhất là ở hai chữ "tâm thức". Văn học lưu vong chỉ là hiện thân của một tâm thức lưu vong. Người lưu vong, khi ra đi, không phải chỉ mang theo trên thuyền một cái mồm để ăn bơ, để uống sữa. Mà họ còn mang theo, trên nhấp nhô sóng và giữa những cơn bão cấp năm, cấp bảy, cấp mười, một tâm trạng ê chề khi rời bỏ quê hương, và cùng với quê hương, những kỷ niệm, những tình thân để chấp nhận làm một ngọn cỏ bồng điêu linh trên đất khách. Nhà văn Mai Thảo, trên tạp trí Văn số ra mắt, tháng 7.1982, coi tâm thức lưu vong là điều kiện tiên quyết để thành hình một nền văn học lưu vong. *"Tâm thức hợp nhập trường kỳ vào đại thể quê hương. Vào vận nạn đất nước. Theo tôi lâu dài và duy nhất là đối tượng lớn lao và vinh hiển nhất phải hướng về của văn học Việt nam hải ngoại. Không có hướng tới nào khác. Những dòng văn chương lưu vong vĩ đại của thế giới chứng minh cho văn chương Việt nam lưu đày điều đó. Hướng tới những đối tượng khác*

thì vẫn có Văn Chương. Nhưng sẽ là một thể loại văn chương cùng đường và thất lạc".

Tính chất chính trị và tính chất đối kháng trong văn học lưu vong có nhiều biểu hiện khác nhau. Có khi nó biểu hiện dưới hình thức xem văn thơ như một vũ khí tranh đấu, vạch trần tội ác thô bạo của Cộng sản, hô hào mọi người đứng lên lập thành một trận tuyến chung. Có khi nó biểu hiện dưới hình thức những suy tư, những trăn trở: nhìn lại quá khứ để tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất chính quyền hoặc phân tích tình hình hiện tại để tìm kiếm một kế hoạch hành động. Có khi nó biểu hiện dưới hình thức một ám ảnh: dù viết về cái gì, về hoa về trăng về tình yêu, người ta vẫn không quên cái không gian lữ thứ và cái mơ ước được trở về của mình. Có khi nó biểu hiện dưới hình thức một hoài niệm: nhớ nhung không nguôi về một dĩ vãng xa vời và thơ mộng lúc những con kinh, những con rạch vừa lấp lánh ánh trăng vừa vang vang những tiếng hát tiếng hò.

Biểu hiện thứ nhất tập trung nhiều ở đề tài trại cải tạo, đề tài vượt biển, đề tài Việt nam khốn cùng sau 75. Biểu hiện thứ hai tập trung nhiều ở đề tài Việt nam trước 75 với một thể tài thịnh hành: hồi ký hoặc đề tài Việt nam sau 75 với một khuynh hướng sáng tác mang tính chất luận đề rõ rệt. Biểu hiện thứ ba tập trung ở đề tài cuộc sống mới ở hải ngoại. Biểu hiện thứ tư tập trung ở loại đề tài phong tục, đề tài thế sự, chủ yếu là ở vùng đồng bằng sông Cửu long.

Tính chất chính trị và đối kháng có khi ngụy trang dưới hình thức phi chính trị, phi đối kháng. Thật ra, đây chỉ là một phản ứng chống lại một hình thái chính trị nào đó. Như trường hợp Kiệt Tấn, chẳng hạn. Hai tập truyện của ông, *Nụ cười tre trúc* và *Thương nàng bấy nhiêu,* phần lớn là những chuyện tình, hơn nữa, những chuyện tình hâm hấp tình dục, tràn đầy những "hơi thở rướn cong", nói theo cách nói của nhà văn Túy Hồng mà Nguyễn Mộng Giác dẫn lại trong lời bạt tập *Nụ cười tre trúc.* Có điều, ca ngợi tình yêu, hoan hô tình dục, Kiệt Tấn dường như muốn thể hiện một thái độ: Chối bỏ quyền lực, chối bỏ thần tượng, chối bỏ thói cuồng tín, mê tín đang là một tai họa trên đất nước. Ông muốn vươn tới một cái nhìn cận nhân tình hơn về những cái bất toàn của con người và của cuộc đời: *"Chân lý? Có chăng chân lý? Mẹ rượt! Cũng vì ba cái vụ chân lý với lại... cẳng lý đó mà nhân loại ỉa dài dài" (Nụ cười tre trúc).* Giữa quyền lực và con người, ông chọn con người: *"Nếu có người xả*

mình bình vực những nhân vật không cần ai bình vực (như thượng đế, như lãnh tụ, như chủ tịch, như tổng thống), thì tôi, tôi bình đi" (Thương nàng bấy nhiêu).

Tính chất chính trị và tính chất đối kháng làm thành một bầu khí quyển bao trùm lên toàn bộ không gian văn học lưu vong. Chúng là yếu tính của văn học lưu vong. Là lý do tồn tại của văn học lưu vong.

Ở đây, cần để ý tới vai trò của yếu tố tự do. Tự do, với ý nghĩa là một hiện thực, cho phép người cầm bút, trong một lúc nào đó, hoàn toàn thoát ly ra ngoài không khí chính trị. Tính chất chính trị và đối kháng của văn học lưu vong, nhờ thế, tránh được nguy cơ đồng phục, nặng nề và cứng nhắc. Tự do, với ý nghĩa là một lý tưởng, làm cho tính chất chính trị và đối kháng trở thành nhân đạo hơn, cao cả hơn. Cuối cùng, tự do, trong cả hai ý nghĩa nói trên, phủ nhận cái thành kiến sai lầm và thô thiển không phải không có ở một số người: đòi hỏi văn học phải làm cái công việc của người đi kẻ khẩu hiệu, đi cầm loa, đi gõ mõ, nghĩa là một công cụ thuần túy để tuyên truyền.

Nói tóm lại, bản chất của một nền văn học lưu vong, bất kể là nền văn học lưu vong nào, của ai và ở đâu, đều là một nền văn học chính trị, một nền văn học đối kháng và là một nền văn học tự do.

Nền văn học lưu vong sẽ tự hủy nếu đánh mất một trong ba yếu tố làm nên bản chất của nó.

Nhận diện bản chất nền văn học lưu vong như trên, chúng ta thấy ngay, hai chữ "lưu vong" không hề có nghĩa xấu (2). Sự tồn tại của văn học lưu vong là sự tồn tại của tinh thần phản kháng quyết liệt trước bạo quyền.

*

Văn học lưu vong tồn tại độc lập với nền văn học hiện hành trong nước, nhưng nó không cắt đứt với truyền thống văn học dân tộc. Nhìn trong không gian, văn học lưu vong là một bộ phận của văn học dân tộc (chứ không phải là bộ phận của văn học nội địa hiện hành) và nhìn trong thời gian, văn học lưu vong là một giai đoạn trong lịch sử văn học dân tộc.

Luận điểm trên có hai ý nghĩa. Thứ nhất, nó đánh tan cái mặc cảm vu vơ từng làm nhiều người áy náy: rồi đây, cùng với thời gian, những tác phẩm ở hải ngoại sẽ mai một dần. Không, nền văn học lưu vong có

thể sẽ bị triệt tiêu, nhưng tác phẩm văn học lưu vong, nếu có giá trị, đến một lúc nào đó, sẽ hội nhập vào gia tài văn học đồ sộ của đất nước. Có một bằng chứng trong quá khứ có thể làm người ta tự tin được: đầu thế kỷ 15, giặc Minh xâm chiếm nước ta, bắt Hồ Nguyên Trừng, con trai cả của Hồ Quý Ly, về nước. Hồ Nguyên Trừng bị lưu đày ở Trung quốc đến lúc mất. Để khuây khỏa nỗi nhớ quê hương quay quắt, trên đất khách, ông viết quyển *Nam Ông mộng lục*. Tác phẩm này, bây giờ, vẫn còn. Lưu vong, bởi vậy, đâu có nghĩa là quên lãng, là mất đi hoàn toàn. Đến lúc những mâu thuẫn chính trị chấm dứt, văn học dân tộc lại trở thành một khối thống nhất, ở đó, yếu tố làm cho tác phẩm này tồn tại, tác phẩm kia bị mai một, cuối cùng, vẫn là yếu tố nghệ thuật.

Ý nghĩa thứ hai của luận điểm trên là: Muốn đánh giá văn học lưu vong, cần phải có cái nhìn hoàn cảnh về văn học dân tộc.

Văn học lưu vong không phải là một cái gì bỗng dưng từ trời rơi xuống. Mọi hoa trái, một phần, đến từ nắng gió xứ người, phần khác, quan trọng hơn, đến từ những gốc rễ, nụ mầm đã ươm từ quê hương, lúc trước.

Văn học Việt nam lưu vong sau năm 75 là một giai đoạn của nền văn học Việt nam hiện đại. Nó có phát triển, có đa dạng hóa, có biến thái bao nhiêu thì cũng nằm trong khuôn khổ của nền văn học Việt nam hiện đại.

Thời điểm bắt đầu của văn học hiện đại được mỗi người hiểu một cách. Trước đây, trong *Nhà văn hiện đại*, Vũ Ngọc Phan quay về tận cuối thế kỷ 19, với Trương Vĩnh Ký, nghĩa là lúc khởi sự nền ấn loát của chữ quốc ngữ. Giới nghiên cứu phê bình Cộng sản quan niệm là năm 1945, lúc Cộng sản nắm chính quyền, thành lập nhà nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi cho thời điểm ấy là năm 1930.

Trong quyển *Thi nhân Việt nam*, khi viết về phong trào thơ Mới, Hoài Thanh nêu lên một nhận định xuất thần: *"Cứ đại để thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ ta và tôi. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi"* (3).

Dĩ nhiên, "ta" hay "tôi" không phải chỉ là vấn đề xưng hô. Đằng sau chữ "ta" và chữ "tôi" là những quan niệm căn bản của con người về cuộc đời. Nói một cách tổng quát, đằng sau chữ "ta" là một quan niệm về đoàn thể, ở đó, bản thân con người không có giá trị độc lập. Quan niệm này in đậm dấu vết trong cả thơ lẫn văn xuôi cổ điển: văn thơ là để chở

đạo, để nói về cái chung trong vũ trụ, trong đất nước. Nhà văn và nhà thơ luôn luôn tự tìm cách che giấu mình đi. Ngay cả khi mô tả nhân vật, người ta cũng cố tước bỏ những hình nét riêng tư, những chi tiết thường nhật. Sau năm 1930, văn học Việt nam chuyển mình. Cái "tôi" và cùng với nó, chủ nghĩa cá nhân xuất hiện sừng sững trong văn học. Nhà văn, nhà thơ hiện diện trên trang viết như một chủ thể, một cá thể. Người ta ngang nhiên xưng "tôi", hơn nữa, luôn luôn khẳng định cái "tôi" ấy như một cái gì riêng tây, độc đáo. Thế Lữ là một khách tình si. Xuân Diệu là con chim đến từ núi lạ. Huy Cận là một "chiếc linh hồn nhỏ, mang mang thiên cổ sầu". Vũ Hoàng Chương là một chàng say. Lưu Trọng Lư là một kẻ giang hồ. Trần Huyền Trân là một khách độc hành... Mỗi người một diện mạo, một phong cách.

Nhưng cái "tôi" trong văn học giai đoạn 1930 – 1945 chỉ là *cái "tôi" cảm xúc*. Các nhà thơ chủ yếu khai thác cái "tôi" ở khía cạnh tâm tình trong mối quan hệ chủ yếu với thiên nhiên và đồng loại, nhiều nhất là với gia đình, bạn bè, người yêu. Cơ man trong thơ Mới những trăng, hoa, gió, nước. In hình giữa những cảnh sắc thiên nhiên ấy là những "anh anh em em" như lời nhận xét của Hoài Thanh khi viết về Trần Huyền Trân trong *Thi nhân Việt nam*.

Văn xuôi cũng tương tự. Đề tài phổ biến nhất của tiểu thuyết và truyện ngắn giai đoạn này là đề tài gia đình, xoay quanh mối quan hệ giữa bố mẹ với con cái, giữa mẹ chồng và nàng dâu, giữa vợ và chồng, giữa những tình nhân với nhau. Mâu thuẫn chủ yếu được khai thác để xây dựng cốt truyện là mâu thuẫn giữa tập quán và con người thời đại. Cuộc cách mạng mà các nhà văn lúc này hô hào trước hết là cuộc cách mạng giải phóng mọi ràng buộc khắc khổ của thành kiến để con người được sống trọn vẹn với những xôn xao, những rạo rực trong lòng mình, một cuộc cách mạng tình cảm nhằm hướng tới tự do yêu thương, tự do hôn nhân và hướng tới hạnh phúc dưới một mái nhà êm ấm.

Đến giai đoạn thứ hai, giai đoạn 1945 – 1954, tức là giai đoạn kháng chiến chống Pháp, một nhân vật mới xuất hiện: *cái "tôi" công dân*. Giới cầm bút tạm quên đi những khát vọng tự do và hạnh phúc của cá nhân để nhập cuộc tranh đấu cho tự do và hạnh phúc của cả dân tộc. Tư cách công dân lấn át tư cách cá nhân. Nhân vật trong thơ và trong văn xuôi phần nhiều là người bộ đội. Không gian xuất hiện của những nhân vật ấy là những khu rừng, những con đường, những làng quê, những chiến

trường nghi ngút khói súng. Niềm vui và nỗi buồn của mỗi người là niềm vui và nỗi buồn của quê hương, của kháng chiến. Trong thơ Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Yên Thao, Nguyễn Đình Thi... cái riêng và cái chung quyện hòa là một.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn 1954 – 1975 ở miền Nam. Vẫn là dòng văn học về cái "tôi", nhưng khác văn học tiền chiến và văn học kháng chiến ở chỗ: giới cầm bút miền Nam khai thác cái "tôi" chủ yếu từ góc độ nhận thức và chủ yếu trong mối quan hệ với lịch sử và với thân phận con người nói chung. Cái "tôi" trong văn học miền Nam là *cái "tôi" trí tuệ*. Nhân vật trung tâm không còn là người tình hoặc người công dân mà là một con người thao thức, hoang mang trước những ngã ba đường. Hai tính chất nổi bật nhất trong văn học miền Nam là tính chất chính trị và tính chất triết lý. Tính chất chính trị, thoạt đầu, biểu hiện dưới thái độ nhìn lui về quá khứ, về lịch sử, trước hết là lịch sử kháng chiến, dưới thái độ hân hoan ca tụng dân chủ, phấn khởi trước viễn tượng một đất nước tự do và giàu mạnh, sau, dần dần, một mặt, biến thành thái độ chống Cộng quyết liệt, mặt khác, gay gắt phản đối chiến tranh. Tính chất triết lý, thoạt đầu, gắn liền với mơ ước "đi tìm một căn bản tư tưởng", nói theo chữ của Nghiêm Xuân Hồng, sau, dần dần, phát triển theo hai hướng: một hướng nghiêng về tôn giáo, chủ yếu là Phật giáo, một hướng khác nghiêng về thái độ đập phá hằn học, coi tất cả đều là hư vô.

Từ thái độ nhập cuộc đến thái độ phản chiến, từ hiện sinh đến thiền tông, từ tâm trạng hân hoan phấn khởi đến tâm trạng hoài nghi ngao ngán, đặc điểm chung nhất của văn học miền Nam trong giai đoạn 1954 – 1975 vẫn là sự trăn trở tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời, ý nghĩa, khả năng và giới hạn của con người. Tiêu biểu nhất là trường hợp của Vũ Hoàng Chương. Thời tiền chiến, hầu như ông chỉ biết yêu rồi say rồi buồn rồi chán. Sau này, ông lại không ngớt băn khoăn với những vấn đề thật gai góc: *"Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người"*. Mà không phải riêng gì Vũ Hoàng Chương. Hầu như ai cũng thế. Trong quyển *Tổng quan văn học miền Nam*, Võ Phiến nhận xét một trong hai đặc điểm lớn nhất của thơ miền Nam trong giai đoạn này là thiếu tình ái. Nguyên nhân chủ yếu là sự thống trị của cái "tôi" trí tuệ lên trên cái "tôi" cảm xúc.

Trong lãnh vực tiểu thuyết đặc biệt từ giữa thập niên 60 về sau tình ái, ngược lại là đề tài khá phổ biến tuy nhiên trừ chuyện tình dành cho

học trò, phần lớn truyện tình cảm trong giai đoạn này đều ít nhiều phảng phất màu sắc hiện sinh chủ nghĩa: mượn chuyện tình yêu mượn chuyện tình dục để khẳng định sự tự do của con người, để chống lại những nguyên tắc đạo đức cổ hủ và cứng nhắc của xã hội nghĩa là, nghĩ cho cùng, nó vẫn nghiêng về khía cạnh trí tuệ hơn là khía cạnh cảm xúc.

Giai đoạn thứ tư là giai đoạn lưu vong ở hải ngoại từ năm 75 đến nay. Cũng vẫn là cái "tôi". Nhưng là *cái "tôi" lịch sử*. Mỗi nhà văn, mỗi nhà thơ, dù tự giác hay không, đều ít nhiều đồng nhất mình với lịch sử. Số phận của từng người được coi là một biểu hiện của số phận lịch sử. Một cảnh nằm tù, một chuyến vượt biên, một sự thống khổ... đều mang trong nó những dấu vết của một lịch sử tang thương. Không có ai có nhu cầu huênh hoang khẳng định cái "tôi" của mình là một cái gì hoàn toàn riêng tây, độc đáo nữa. Ai cũng biết mình chỉ là một trong muôn vàn những nạn nhân trong mùa – biển – động, trong đại – học – máu, trong đáy – địa – ngục. Khi viết về mình, người ta cũng cốt qua bản thân mình, vẽ lại những thảm khốc chung của một giai đoạn lịch sử nghiệt ngã.

Một cái nhìn tổng quát, vội vã ở trên là để nhấn mạnh một điều: văn học lưu vong sau năm 75 chỉ là một giai đoạn trong lịch sử văn học dân tộc hiện đại. Nó chỉ là một bước phát triển mới của nền văn học hiện đại.

Trong bốn giai đoạn của văn học Việt nam hiện đại, có hai giai đoạn phát triển hoàn chỉnh nhất, đó là giai đoạn 1930 – 1945 và giai đoạn 1954 – 1975. Hai giai đoạn này hình thành từ một khát vọng đổi mới văn học. Từ đầu thập niên 30, Phan Khôi và sau đó, báo Phong Hóa của nhóm Tự Lực văn đoàn hô hào làm một cuộc cách mạng văn học: *"Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng"* (4). Ở miền Nam, những năm 55, 56 cũng vậy, cũng bắt đầu bằng những lời hô hào đổi mới. *Thoạt ra mắt, Sáng Tạo đã phát động ngay "một nền nghệ thuật mới", "nghệ thuật hôm nay". Phát động thật ồn ào. Mười bốn năm sau, Mai Thảo nói về lúc khởi đầu ấy vẫn còn nói bằng giọng say sưa: "Chất nổ đã ném vào. Cờ phất. Xuống núi, xuống đường. Ra biển. Ra khơi... Văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận về Tự Lực"* (5). Chưa bao giờ mấy chữ "hôm nay", "bây giờ" được nhấn mạnh như lúc này. Nhấn mạnh đến cái "bây giờ", cái "hôm nay" là để đoạn tuyệt với cái hôm qua, cái thuở trước.

Khát vọng đổi mới văn học ấy đã gặp một môi trường thuận lợi: lịch

sử trải qua một biến động lớn, chính nhận thức và cảm xúc của mỗi người cũng đã thay đổi. Nếu không có khát vọng đổi mới của giới cầm bút thì văn học cũng không thể tiếp tục tồn tại như cũ. Nhưng khi có khát vọng đổi mới thì quá trình đổi mới ấy sẽ tự giác hơn, do đó, nhanh chóng hơn, toàn diện hơn: cùng với những tư tưởng mới, những cảm xúc mới, người ta có cả một bút pháp mới, một kỹ thuật mới.

Đối với giai đoạn còn lại, giai đoạn 1945 – 1954 và giai đoạn lưu vong sau 75, tình hình lại khác: hoàn cảnh đổi mới trước khi người ta có khát vọng đổi mới. Ở cả hai giai đoạn này, khởi điểm của một chuyển biến là từ bên ngoài chứ không phải từ ý muốn chủ quan của ai cả. Không có dấu hiệu báo trước, lịch sử biến động đột ngột, hàng trăm ngàn người rời bỏ thành phố, đi vào các chiến khu hoặc các vùng nông thôn để đối địch với một lực lượng ngoại xâm hùng hậu (1946). Cũng không có dấu hiệu nào báo trước, lịch sử biến động đột ngột, hàng triệu người đang gắn bó tha thiết với quê hương bỗng dưng trở thành thất thểu nơi xứ lạ quê người (1975). Sự thay đổi trong hoàn cảnh xảy ra trước sự thay đổi trong ý thức. Hậu quả: văn học kháng chiến cũng như văn học lưu vong chỉ khác văn học trong giai đoạn trước nó chủ yếu ở phương diện đề tài, phương diện chất liệu, phương diện cảm hứng chứ không phải ở phương diện nghệ thuật.

Biến động càng đột ngột, càng tàn khốc, thời gian tê liệt của ý chí tìm kiếm kỹ thuật cho văn học càng kéo dài. Sau năm 1945, những người đi theo kháng chiến rồi đi theo Cộng sản phải mất hơn mười năm, đến cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60, mới bắt đầu cầm bút lại nhuần tay. Sau biến cố tháng 4.1975, bềnh bồng trên đất khách, xé gan xé ruột vì quốc nạn, chúng ta cũng không may mắn hơn.

Đó là lý do tại sao, trong nền văn học lưu vong của chúng ta, từ đề tài đến chất liệu đến tư tưởng đến cảm xúc đều khác trước nhưng về khía cạnh hình thức nghệ thuật thì vẫn hao hao như trước. Không có cái gì mới về phương pháp sáng tác và một số thể loại văn học từng được thử nghiệm ở quê nhà, ở đây, bây giờ, không những không được phát triển mà còn bỏng rơi rụng đi đâu.

Trong tất cả những cây bút trẻ mới xuất hiện ở hải ngoại sau năm 75, có một số đã định hình tên tuổi, đã chứng tỏ tài năng và đã nổi tiếng. Họ tài hoa ở cách dựng truyện, cách kể chuyện, cách khắc họa hình tượng nhân vật. Họ thông minh ở cách cấu tứ, họ giàu có ở trong cảm

xúc. Tuy nhiên, trong họ, chưa có người nào thực hiện được một sáng tạo nào lớn lao và huy hoàng về phương diện văn phong, phương diện ngôn ngữ.

Trại cải tạo và cảnh vượt biển là những kho tàng mênh mông cho văn học giàu chất liệu, giàu kịch tính, tuy nhiên, đến nay, chỉ mới được tái dựng trong hồi ký, trong bút ký chứ chưa phải trong tiểu thuyết, một hình thức hoàn chỉnh, đòi hỏi sự bình tâm, sự sáng suốt và công phu hơn về nghệ thuật.

Những hiện tượng trên chứng tỏ chúng ta chưa qua khỏi giai đoạn thắng thốt, hoang mang và đau đớn sau đại họa mất chính quyền và đại họa lưu vong.

Điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Cần có thời gian. Sốt ruột là chính đáng. Nhưng không nên vì sốt ruột mà thành ra bất cận nhân tình.

*

Những ghi nhận ở trên là một nỗ lực nhận diện bản chất và đặc điểm nổi bật nhất của nền văn học lưu vong tại hải ngoại suốt mười lăm năm qua chứ không phải là một sự đánh giá. Để đánh giá, cần phải đi sâu vào từng thành tựu sáng tác cụ thể, một điều vượt qua khỏi phạm vi đề tài và khuôn khổ cho phép của bài viết.

Có điều, chỉ căn cứ trên bản chất và đặc điểm căn bản ấy, chúng ta cũng có thể so sánh nền văn học lưu vong với nền văn học Cộng sản trong nước trong cùng thời gian: 1975 – 1990. Dĩ nhiên, trên những nét tổng quát.

Văn học Cộng sản, tự bản chất, là một nền văn học về cái "ta", về cái chung, cái tập thể, cái cộng đồng. Trong nền văn học ấy không có chỗ cho những nỗi buồn, những niềm đau trong số phận của từng người. Viết về chiến tranh, chẳng hạn, nền văn học ấy chỉ chú ý đến những trận đánh, những chiến dịch, những thắng lợi mà hoàn toàn hờ hững quay lưng lại trước những mất mát, những hy sinh, những vết thương, những đau xót, những hãi hùng của từng người bộ đội, từng người dân. Hiện tượng này dẫn tới hai hậu quả. Thứ nhất, chỉ tập trung vào cái "ta", cái chung, né tránh cái "tôi", cái riêng, nền văn học ấy là một thoái bộ nghiêm trọng so với lịch sử văn học Việt nam cũng như của thế giới. Nhận ra điều này, Lại Nguyên Ân, một nhà phê bình miền Bắc, trên tạp chí Sông Hương số 31 năm 1988, đã cho văn học Cộng sản *"na ná tao đàn của văn nghệ quan phương"* thời trung cổ. Thứ hai, chỉ tập trung nói về

thắng lợi, nói về niềm vui, quay lưng lại nỗi buồn, niềm đau, sự bất hạnh, nền văn học ấy, nói như Hoàng Phủ Ngọc Tường trên báo Văn Nghệ số ra ngày 12.3.1988 và Giang Nam trên tạp chí Thông tin Văn hóa văn nghệ số 4b. 1988, là một nền văn học "vô nhân đạo".

Từ bản chất và đặc điểm chung, nền văn học lưu vong tại hải ngoại đã hơn hẳn nền văn học Cộng sản trong nước ít nhất ở hai điểm: nó nhân đạo hơn và nó thực sự là một tiếp nối cái dòng văn học Việt nam hiện đại đã khởi sự từ năm 1930 với Tự Lực văn đoàn và phong trào thơ Mới.

Nguyễn Hưng Quốc

Chú thích:

1. Dẫn theo báo Người Việt số ra ngày 2.8.1987

2. "Lưu", trong chữ Hán, có bốn nghĩa chính: 1. một thứ hóa chất (lưu huỳnh, lưu toan), 2. một thứ ngọc (lưu ly, lưu cầu), 3. để lại giữ lập (lưu danh, lưu khách), 4. nước chảy, chuyển động (lưu lượng, lưu động, lưu vong). "Vong", trong chữ Hán, có hai nghĩa chính: 1. quên (vong ân, vong bản), 2. mất, chết (vong quốc, vong mạng). "Lưu vong" không phải là trôi giạt ra bên ngoài rồi mất đi, tan biến đi. Mà là vì mất chủ quyền trên quê hương (vong) cho nên phải trôi giạt ra bên ngoài (lưu). "Chính phủ lưu vong", "dân tộc lưu vong", "nhà văn lưu vong", "văn học lưu vong"... đều được hiểu như nghĩa như vậy.

3. Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt nam, Bản in của nxb Đông Nam Á, trang 52.

4. Báo Phong Hóa số ra mắt 22.9.1932.

5. Võ Phiến, Tổng quan Văn học miền Nam, Văn Nghệ xb, 1986, trang 184.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà xuất bản Văn Nghệ xin kính chúc
quý độc giả, văn hữu và thân hữu
một năm mới an khang và thịnh vượng

Văn Nghệ

Thập Lang

lá rụng về cội

●

Tôi đến Panama vào một buổi chiều, điều làm tôi chú ý đầu tiên, đó là không khí ẩm ướt của một mùa mưa Sàigòn. Cái khí hậu quen thuộc mà tôi đã đánh mất trên một thập niên. Panama cùng vĩ tuyến với miền Nam, nên khí hậu na ná Sàigòn. Ở đây, có những cơn mưa đến bất chợt như mùa mưa của miền Nam. Hai vợ chồng người bạn, tình cờ quen biết trước đây, đón tôi tại sân bay. Họ niềm nở, tử tế thật tình như bà con cật ruột. Cả hai vợ chồng cùng làm việc trong bộ Quốc gia Giáo dục Cộng hòa Panama. Có thể nói, họ thuộc loại giàu có ở eo biển quốc gia nhỏ bé nầy. Tôi tình cờ quen biết họ hơn một năm trước đây.

Ngày đó tôi dọn đến ở tại một chung cư phía nam thành phố Houston. Ngay những ngày đầu tiên, tôi đã để ý đến một cặp vợ chồng bên cạnh, họ cũng bước vào lứa tuổi trung niên như tôi. Nhưng điều làm tôi để ý, đó là sự lạc lõng, cô đơn của họ. Từ những bước chân đi lên thang gác, những lúc bơi lội trong hồ nước công cộng, họ tránh né, dè dặt với mọi người chung quanh. Dường như hai vợ chồng đó, có một thế giới riêng tư. Thế giới cô đơn giữa những con người đối xử với con người.

Rồi tôi đến làm quen và được biết họ đến từ Panama. Người chồng được chính phủ cử đi tu nghiệp trong thời gian sáu tháng. Người vợ theo sang đây, chẳng biết làm gì, ngày hai bận đưa đón chồng từ đại học về nhà và ra phơi nắng ở hồ bơi chung cư.

Tên của họ dài thật lê thê, cho đến nay tôi vẫn chưa phát âm được,

nhưng tên gọi thì rất đơn giản, dễ dàng như khi ta gọi hai tiếng Việt nam – Rích Ky. Tôi với ông bà Rích Ky có lẽ gặp nhau ở một điểm "cô đơn". Ngày họ về nước, tôi tiễn đưa họ không tha thiết, nhưng cũng không lạnh nhạt. Vừa phải như những người bạn, chợt đến, chợt đi trong cuộc đời bất định của tôi. Nhưng trong ngày chót, một chuyện bất trắc xẩy ra cho ông bà Rích Ky, để tôi phải đi sâu hơn vào cuộc đời tình bạn. Chiếc xe của họ mua để làm phương tiện di chuyển, đã bán cho một người bạn, nhưng ông ta đổi ý vào phút chót, do đó tôi phải nhận bán giúp, bằng cách trả chi phiếu trước cho hai vợ chồng yên tâm về Panama. Vì tình nghĩa đó, chúng tôi trở nên thân thiết. Rồi hai vợ chồng quyết định mời tôi sang nghỉ hè, trong mười lăm ngày phép thường niên của tôi.

Chỉ vài ngày sau, sự mới lạ, hấp dẫn của Panama đã không kéo sự chú ý của tôi lâu dài hơn được. Panama phong cảnh thật đẹp. Phía trước nhìn mặt trời mọc trên biển Thái Bình dương. Phía sau nhìn mặt trời lặn trên biển Đại Tây dương. Con kinh đào Panama, một công trình nổi tiếng của loài người đã xây cất và hoàn thành vào năm 1914. Đây là một hệ thống bình thông nhau, ăn thông từ Đại Tây dương sang Thái Bình dương, qua chiếc hồ Gatun, với chiều dài khoảng bốn dặm anh. Một con tàu từ Thái Bình dương sang Đại Tây dương phải qua một tiến trình tám tiếng đồng hồ. Cộng hòa Panama được thành lập năm 1903, tách ra từ nước Columbia nằm phía đông, phía tây giáp nước Costa Rica. Sản phẩm chính ở đây là chuối, mía, dừa và tơ sợi. Nguồn lợi chính vẫn là ngân hàng quốc tế và thâu thuế qua kinh đào Panama. Kinh đào Panama bây giờ thực tế vẫn là một tô giới của Hoa kỳ do một hiệp ước ký kết năm 1939 dưới thời cố Tổng thống Theodore Roosevelt. Theo đó Hoa kỳ có thể duy trì quyền lợi ở đây cho đến năm 1999. Có khoảng mười sáu ngàn công nhân Hoa kỳ làm việc trong kinh đào Panama. Dân số trên hai triệu người, nói tiếng Tây ban nha, sống trên một eo biển bẩy mươi bẩy ki lô mét vuông.

Panama nhìn hiền lành như một thiếu nữ mười sáu trăng tròn. Nhưng, thực sự không giản dị như khi ta nhìn vào eo biển trên bản đồ Mỹ châu La tinh đâu. Nó là nụ hoa dành cho những con ong độc đến hút nhụy, là đỉnh của một khu tam giác vàng Á châu ngược đầu. Hàng chục tấn nha phiến từ khu tam giác vàng Columbia đổ xuống đỉnh Panama, bởi các đường giây buôn lậu quốc tế. Quyền lực ma túy đang nhân danh chính nghĩa, chính quyền và nắm công lý trên hơn hai triệu người dân

Panama. Kèm theo đó, quyền lợi của ngoại bang trên mảnh đất tý hon nầy, nhất là đối với ông chủ tư bản Hoa kỳ, liệu nhân dân Panama có dành lại được chủ quyền con kinh đào vào năm 1999 hay không?

Panama có những bãi biển cát trắng như bãi biển Nha trang, có nhiều hình ảnh giống như quê hương Việt nam, cồn cát, rặng dừa, đồi thông mênh mông. Nhưng những thứ mới lạ đó đến với tôi thật nhanh và ra đi cũng thật nhanh. Chưa đầy một tuần lễ, tôi đã chán cái cảnh bơ vơ lạc lõng nơi đây. Có lẽ biết được tâm trạng đó, vào một ngày cuối tuần ông bà Rích Ky đem tôi đến thăm một gia đình người bạn có vợ Việt nam. Cái tin nầy đến với tôi như đang lúc ngủ say, bị ai đánh thức dậy một cách hung bạo. Tôi chối dậy trong tỉnh táo để đón nhận đề nghị của ông bà Rích Ky.

Lệ Chi, tên một thiếu phụ Việt nam, mà bây giờ mang cái tên khó nhớ khó đọc. Ca Va Hôn (Carvarjall). Ca Va Hôn hay Lệ Chi là vợ của một ông giám đốc ngân hàng lớn tại Panama. Nàng sống với chồng và hai đứa con tại một biệt thự sang trọng, trong khu giàu có của thủ đô Panama. Tám năm làm vợ, nàng là một phụ nữ đã thành công trong vai trò đó. Không những nay nàng làm chủ một gia đình giàu có mà còn là một phụ tá đắc lực cho chồng trong dịch vụ ngân hàng.

Hôm đầu tiên, nàng xuất hiện ở những bực thang đi xuống phòng khách, mặc dầu tôi được giới thiệu trước nhưng tôi vẫn không tin đó là một phụ nữ Việt nam. Nàng đi đứng quý phái như một minh tinh màn ảnh. Lệ Chi là một phụ nữ cao hơn những người đàn ông trung bình Việt nam nửa cái đầu. Nước da trắng ngọc ngà, xương mặt to nhưng lại đầy đặn với cái mũi dọc dừa như Tây phương. Khuôn mặt tạo thành những nét thẳng, không phải bằng những đường cong như hầu hết phụ nữ Á đông. Tôi nghĩ ông Ca Va Hôn là một con chồn thông minh của Thượng đế đày xuống làm người, nên vẫn được những cái may mắn mà trần tục ít khi có.

Suốt cả buổi nói chuyện, nàng nói tiếng Anh lưu loát hơn cả tôi, cả chồng nàng, cả hai vợ chồng Rích Ky. Nàng linh động và làm chủ một cách quý phái trong buổi tao ngộ hôm đó. Tôi thầm cám ơn và hãnh diện, dân tộc tôi có một người đàn bà thông minh và tuyệt vời như nàng. Nhưng suốt cả buổi nói chuyện làm tôi thất vọng là nàng không hề đả động đến Việt nam, mảnh đất sinh ra nàng và nuôi nàng khôn lớn thành người... Khi tiễn tôi ra về, nàng quay lại nói với tôi một cách tự nhiên và

công khai trước mặt chồng, ngày mai sẽ gọi điện thoại cho tôi. Và đúng thế, sáng hôm sau, tôi chưa thức dậy nàng đã gọi giây nói cho tôi, từ đầu giây nói bên kia, nàng phát âm tiếng Việt rất rõ ràng, vắn tắt như mệnh lệnh: "Chỉ mười lăm phút chuẩn bị, em đến đón anh đi ăn sáng hôm nay". Nói xong cúp đường giây, không đợi tôi cho ý kiến.

Một cái quán nhỏ, một loại quán cóc thuộc khu lao động, đông dân cư như ở Sàigòn, một chiếc bàn nhỏ kê dưới gốc cây dừa trên bãi biển, tôi và nàng ngồi đối diện với nhau để ăn bữa điểm tâm.

Lệ Chi, một người đàn bà đầy tự tín, quyết đoán và đanh thép. Hai bàn tay có những ngón thon, dài và thật trắng đan vào nhau. Nàng nhìn tôi rồi nhìn ra biển cả, chờ đợi bồi bàn đưa thức ăn đến. Hôm nay tôi nhận thấy nơi Lệ Chi có một cái gì bí mật, khó giải thích rõ ràng. Người đàn bà nầy thuần túy không phải là một người đàn bà đơn giản. Tối hôm qua nàng linh hoạt bao nhiêu thì sáng nay nàng hà tiện lời nói bấy nhiêu. Tối hôm qua, khuôn mặt rạng rỡ bao nhiêu thì sáng nay nàng u ẩn bấy nhiêu. Đã mấy lần tôi định gợi chuyện để biết thêm về cuộc đời nàng, nhưng Lệ Chi đã khéo léo chận lại một cách thông minh, trước khi tôi chưa kịp bắt đầu.

Nàng trả tôi về nhà người bạn. Cuộc gặp gỡ hôm nay thật tẻ nhạt. Tôi đã bắt đầu coi thường người đàn bà đang ôm đầy vật chất trong vòng tay, mà quên đi bản thân mình. Tôi đã lãnh đạm và mất hứng thú với một người đồng hương tại vùng đất xa lạ nầy.

Chỉ hai ngày nữa là tôi đáp máy bay về Hoa kỳ, kết thúc mười lăm ngày cho một chuyến đi xa. Lệ Chi bất thần đến tìm tôi, nàng đề nghị đưa tôi đi xem phong cảnh trước khi về Hoa kỳ, tôi chấp nhận một cách miễn cưỡng.

Sáng hôm sau nàng đón tôi thật sớm, khi mặt trời vừa nhô lên trên mặt nước biển xanh đen của Thái Bình dương. Nàng đưa tôi ra khỏi thành phố khi sa mù còn phủ đầy triền núi hai bên xa lộ. Hôm nay nàng thật vui, vui như hôm đầu tiên gặp tôi, nàng nói chuyện liến thoắng khi lái xe trên xa lộ. Xe chạy về hướng tây nam, chừng hai giờ lái. Chúng tôi rẽ vào một con đường nhỏ tráng nhựa. Lệ Chi đưa tôi đến một con suối và bầy ra những thức ăn, mời tôi ăn sáng. Nàng nói: "Đây là những món ăn, em phải kiên nhẫn tập ăn tám năm trời ròng rã. Tối hôm qua tự tay em nấu để anh ăn thử ra sao". Nàng nói tiếp: "Chồng em đề nghị mời anh dùng bữa cơm gia đình, nhưng riêng em nghĩ, đó chỉ làm phiền toái

cho cả hai bên, nên em định dành cả ngày hôm nay để tiếp một đồng hương và tiếp một ông thầy giáo cũ. Hôm gặp anh đầu tiên, em đã nhận ra anh là ông thầy giáo dậy em khi còn học trung học tại trường Nguyễn Bá Tòng, đó là những ngày của thập niên 60".

Quả thật tôi có dậy học và dậy học gần hai thập niên, nhưng làm sao nhớ hết mọi khuôn mặt của mỗi học sinh. Thì ra người đàn bà mà hôm đầu tiên tôi ngưỡng mộ lại là một học sinh của tôi. Tôi nói:

– Lệ Chi, quả em xứng đáng là một học sinh thời buổi hôm nay. Ngày xưa đi học, tiên học lễ, hậu học văn, còn em...

– Còn em, tiên học chữ, hậu kiếm tiền?

– Đấy em nói, không phải anh nói đó nghe!!

– Con hư đổ lên đầu bố, trò hư khoác lên vai thầy. Em có hư thì cũng do ông thầy không ra gì dậy em.

– Có lẽ!!!

Chúng tôi cùng cười:

– Thực ra em chưa phải là người đàn bà như anh nghĩ, hiện thân của vật chất. Hai lần gặp anh, em không nhắc gì đến quê hương, đó là em có lý do riêng của em. Ngày xưa trong giờ Việt văn, anh đã dậy học trò đừng đưa ra kết luận chủ quan, sao bây giờ anh lại vấp phải những điều dậy cho kẻ khác ngày xưa. Phải chăng đó là lý thuyết của ông thầy quen miệng?! Hôm ăn điểm tâm ở bãi biển, đã mấy lần anh tìm hiểu về thân phận em, bị em chận lại, anh thừa thông minh để biết điều đó phải không anh? Đời em không có gì để đáng hãnh diện lắm đâu anh, đầy dẫy hận thù và bất trắc.

Rồi như trầm xuống trong dòng tư tưởng, Lệ Chi kể cho tôi nghe cuộc đời con gái của nàng:

"Khi em vừa mới bước chân lên đại học, thì cái tang đau đớn đầu tiên đến với em. Đó là cái chết của người chồng chưa cưới. Lộc và em quen nhau khi còn học tiểu học trường làng, quen nhau khi chiến tranh chưa về trong thôn, trong xóm, ruộng đồng chưa hoen máu nông dân và còn trổ lúa đơm bông. Chúng em dìu dắt nhau cho đến khi cả hai cùng bước chân vào đại học, toan tính hạnh phúc như những trang giấy học trò thì Lộc phải đi lính. Chưa đầy một năm sau Lộc trở về bằng một chiếc quan tài phủ mầu cờ tổ quốc. Rồi mất nước, cha đi cải tạo chết ở miền Bắc, mẹ và em buôn thúng bán bưng, chạy bữa qua ngày.

Vào một hôm, tình cờ có một người quen giới thiệu, mẹ em lột hết nữ trang còn lại, chồng lộ phí và đẩy em ra biển cả vượt biên. Vất vả cả năm trời, cuối cùng em đến được mảnh đất Hoa kỳ. Khi thùng quà thứ nhất chưa đến được tay mẹ em thì bà đã ra người thiên cổ.

Trên mảnh đất gọi là quê hương, có ba người thân thì đã ra đi một cách tức tưởi. Em không biết chủ nghĩa là gì? Chủ nghĩa từ đâu đến? Nhưng em chỉ biết cảnh tan nát gia đình em do những người cùng dòng máu Việt nam đưa đến, những người như em như anh. Từ những ý nghĩ đó, em đã xa lánh những người đồng hương. Em đã gặp họ ở những vùng xa lạ trong thâm tâm em, đã nhìn họ bằng con mắt đầy dấu tích hận thù.

Cũng từ ý nghĩ đó, những năm ngồi trên ghế nhà trường, em xa lánh những sinh viên Việt nam và chính tại đây em gặp chồng em, một thanh niên Panama sang Hoa kỳ du học. Chúng em quen nhau và lấy nhau thật vội vã. Em chấp nhận cuộc hôn nhân vội vã như cha anh của em ngày xưa vội vã theo lệnh của Dương văn Minh đầu hàng, khi kẻ thù chưa đến. Giờ đây sau tám năm làm vợ người đàn ông xa lạ, em có thể quả quyết đưa ra kết luận: Sự vội vã chấp nhận cuộc hôn nhân của em đưa đến một hậu quả khủng khiếp cho đời em, cũng giống như biến cố, một triệu quân vội vã buông súng, chấp nhận đầu hàng kẻ thù trong tháng 4.75 để hậu quả khủng khiếp đưa đến với mười bẩy triệu nhân dân miền Nam. Anh nhìn bề ngoài và không chỉ anh, mọi người nhìn em tưởng là một người đàn bà tốt số, hạnh phúc đầy đủ. Quả thực vậy, em có thể khẳng định, Ca Va Hôn (Carvarjall) là một người đàn ông hoàn toàn để làm một người chồng, giàu có, thông minh và rộng lượng. Dòng họ chồng em là một dòng họ quý phái của Tây ban nha. Cha chồng em là một người giàu có, trong tay cả chục nông trại cà phê và mía, loại nông phẩm nổi tiếng xuất cảng của đất nước nầy. Ông ta đã đầu tư vốn lớn vào các công ty kỹ nghệ của Panama. Cả dòng họ quý mến em, chiều chuộng em vì em đẹp và dịu dàng. Em là bông hoa quý và lạ trang điểm cho giòng họ Ca Va Hôn. Thực sự trong tám năm qua em đã đóng góp thực nhiều cho dòng họ nhà chồng, em dám tự hãnh diện như vậy.

Tuy nhiên thực tế thì không hạnh phúc như em vừa nói đâu anh ạ. Em thấy một ngày đi qua trong đời em là mất mát đi một ít. Khi em cho ra chào đời một đứa trẻ, trên nguyên tắc và cả thực tế, đứa con đó em góp phần một nửa, hùn vốn liếng vào đó năm mươi trên năm mươi. Hay nói một cách rộng rãi hơn, đứa trẻ chào đời được mang một nửa dòng

máu Việt nam, một nửa dòng máu Mỹ châu La tinh. Nhưng chỉ bảy ngày sau, khi người ta khoác lên đứa bé một cái tên Tây ban nha bản xứ, thì cán cân đã lệch về phía chồng em, phần nửa Việt nam của em đã bắt đầu mất mát, vơi đi một ít. Rồi đứa trẻ lớn lên, mỗi tiếng tập nói, thứ ngôn ngữ của cha đẻ nó, mỗi bước chân tập đi là xa dần, xa dần người mẹ bất hạnh Việt nam. Phần nửa dòng máu Việt em hùn hạp dần dần thất thoát đi, vơi dần cho đến khi đứa con trai của em biết làm tình với một người con gái bản xứ, chính là lúc vốn liếng Việt nam trong đứa trẻ của em hoàn toàn bị phá sản. Em còn lại được gì đây? Ngoài hai tiếng người mẹ không cảm giác. Em đã góp công, góp sức, góp da thịt, máu huyết cho một dân tộc xa lạ, cuối cùng em đã nhận được những gì?

Những ai được may mắn có một cuộc hôn nhân đồng chủng, có bao giờ nghĩ đến những vấn đề rắc rối nầy đâu? Có bao giờ nghĩ phải chiến đấu với những thứ em vừa kể ra đâu?

Thân phận em có khác gì một tên nô lệ bị bắt và bán đi Tân Lục địa trong lịch sử những thế kỷ trước đây. Em chỉ là một cái "ống nghiệm đựng tinh trùng hoàn hảo" để thụ thai cho một dân tộc xa lạ. Cái ống nghiệm thụ thai nhân tạo và em giá trị có khác gì nhau đâu anh?!

Thứ ngôn ngữ em nói với đầy cảm giác trong con tim từ thuở thơ ấu đến lúc trưởng thành, đã tám năm qua em dấu kín vào viện bảo tàng con tim để theo ngày tháng thất thoát đi, mục nát đi, hư hao đi. Em bắt buộc phải học một thứ ngôn ngữ khác không cảm giác, kể cả lúc làm tình với chồng em trong phòng ngủ, kể cả lúc vuốt ve những đứa trẻ con em, những giọt máu ứ đọng bởi thịt da em. Cho đến khi nằm xuống, ngôn ngữ xa lạ không cảm giác đó, sẽ viết lên trên bia mộ một phụ nữ Việt nam.

Bây giờ thì anh hiểu tại sao em không có hạnh phúc? Tại sao em lại đi hận thù quê hương em? Quê hương đã ruồng bỏ em, nhưng em đã không dứt khoát ruồng bỏ được quê hương. Quê hương có một loại ngôn ngữ nói lên líu lo như tiếng chim kêu trên cành lá, êm đềm như nốt nhạc bay ra từ phím đàn. Réo rắt như tiếng suối reo trên lưng chừng núi. Đây là tất cả lý do quê hương bỏ em, nhưng em không thể bỏ quê hương. Bây giờ thì em đã hiểu, tại sao quê hương em lắm hận thù. Vì tình yêu đưa đến gian dối, gian dối đưa đến thù hận. Vì thế, có tình yêu tất phải có thù hận. Muốn có tình yêu phải chấp nhận hận thù. Em với dân tộc

Panama không có thù hận, nên không thể có tình yêu. Với họ, em chỉ là gỗ đá, dù em đã gởi thân tám năm trên đất nước nầy.

Giờ đây cổ em đeo đầy những bảo thạch quý giá, thứ mà ngày xưa mẹ em chỉ ao ước được một hạt nhỏ, để gắn vào chiếc nhẫn cưới trong ngày hân hoan nhất của một kiếp làm người. Mẹ em nhọc nhằn như thế đó, nhưng sau khi mẹ em nằm xuống còn có em, mỗi khi nhớ đến, con tim thổn thức, dòng nước mắt chảy xuống. Còn những đứa con em, chúng nó có cảm giác gì, sau khi em buông tay nằm xuống. Chúng nó chỉ biết rằng mẹ chúng nó là một người Việt nam. Hai tiếng Việt nam khô khan, xa lạ không cảm giác, như những danh từ nằm trong cuốn tự điển".

Tôi không muốn Lệ Chi nói thêm nữa nên cắt ngang lời nàng:

– Lệ Chi, tại sao em có những suy tư khủng khiếp như thế? Thực tế em vẫn làm chủ một gia đình, thực tế em vẫn chiếm trọn vẹn một người đàn ông, thực tế em vẫn là mẹ của những đứa trẻ. Em Lệ Chi, đừng giận anh. Sao lại đi chê bai một thần tượng em đã mất, thần tượng trong linh hồn em. Nhưng thực sự, nếu Lộc, người yêu em còn sống, cưới em làm vợ, chắc gì đã có hạnh phúc, chắc gì đã hơn Ca Va Hôn, chồng em bây giờ? Tuổi trẻ của Lộc lúc đó chưa phơi bầy sự ích kỷ hẹp hòi. Nhưng thực tế, đàn ông Việt nam thì cũng giống như những người đàn ông trên thế giới, chỉ là một động vật tham lam, ích kỷ và hẹp hòi. Em hãy bình tĩnh lại, đừng suy tư trong một dòng tư tưởng lệch lạc, để đưa đến dồn ép và khủng hoảng tinh thần. Hãy coi chừng em sẽ điên theo những gì em suy tư lệch lạc.

– Đừng lừa dối nhau nữa đi anh! Em tự lừa dối bản thân em suốt tám năm ròng chưa đủ sao anh?!! Cuối cùng rồi em cũng phải đối diện với một thực tế trước mặt. Anh tuy cũng lưu lạc, nhưng thực sự anh đang đụng chạm với một Cộng đồng Việt nam, nó phiền toái đấy, nhưng không có nó là một mất mát, cô đơn và thiệt thòi. Trong tay anh có một gia đình Việt nam, anh đang nói với vợ, với con anh bằng một ngôn ngữ đầy cảm xúc con tim. Anh không có một cuộc hôn nhân dị chủng, không bao giờ anh phải băn khoăn về sự mất mát phôi pha một dòng máu cha ông nơi những giọt máu anh cho ra góp mặt với loài người. Do đó làm sao anh thông cảm được với những kẻ lạc loài như em. Có những lúc em chợt nhớ đến hình ảnh thằng Vọi trong Trống Mái, mối tình lãng mạn man mác của Tố Tâm, Đạm Thủy, những vần thơ thê lương của nữ sĩ

TTKH. Những hình ảnh quê hương, con trâu, ruộng lúa, bờ tre, bụi chuối, đại lộ Duy Tân, sân trường Đại học, ngọn cỏ đẫm hạt sương mai. Quê hương là hình ảnh bất diệt trong em. Ngay cả hình ảnh bom đạn, thù hận đã tiêu diệt đời em, người thân em, nhưng em cũng giữ lại trong tâm tư như một trắc ẩn của quê hương ta. Như em đã nói với anh, không có thù hận thì không thể có tình yêu, vì tình yêu đưa đến ngang trái, ngang trái đưa đến hận thù...

Tôi không muốn nàng bi thương hơn nữa, tôi cầm tay Lệ Chi, kéo nàng đi xuống triền núi. Con suối chảy dưới chân đồi thật đẹp, nước trong xanh đậm như lá cây rừng, quanh co ẩn hiện dưới những thân cây to trơ cành lá rồi đổ vào một thung lũng mênh mông. Lệ Chi cởi giầy, ngâm chân trần dưới nước suối, nước trong như hạt sương. Nàng ngồi trên phiến đá, ném những hòn sỏi nhỏ xuống mặt nước, tạo thành những âm thanh nhè nhẹ, như con cá mống tăm dưới cụm cỏ rong rêu.

Lệ Chi vén mái tóc ra phía sau, để lại những sợi tóc tơ, lơ thơ trên cái gáy trần, dính vào làn da trắng hồng hơi đẫm mồ hôi, trông thật gợi cảm. Nàng nghiêng nghiêng cái đầu về một bên và hơi dồm người về phía trước, như một con chim sáo đậu trên cành cây nhìn chiếc lá lung lay trước gió. Lúc nầy nàng rất duyên dáng, rất Việt nam, rất ngây thơ và thanh thản. Nhưng rồi đôi mắt xa xôi, nàng để hết xúc cảm, chậm rãi kể cho tôi nghe một chuyện tình sử của xứ Panama:

"Dòng suối nầy mang tên Tumba Paralela, có nghĩa là "Song Mộ Suối". Song Mộ suối mang tên một vụ án đẫm máu trong tình sử loài người.

Vào cuối thế kỷ thứ 19, khoảng năm 1885, một công ty tay sai của Đế quốc Pháp, thực hiện một con đường xe lửa chạy qua các nước Mỹ châu La tinh. Hằng trăm ngàn nô lệ được bắt từ các lục địa trên khắp năm châu, bán sang Tân Lục địa, để thực hiện dự án con đường sắt xuyên qua lục địa Mỹ châu. Trong số những nô lệ đó, một số lớn người Trung hoa. Đây là một loại nô lệ mà lịch sử cố tình bỏ sót, không ghi chép. Nhưng nó khủng khiếp chẳng thua kém gì những nô lệ được bắt từ Phi châu vào những thế kỷ trước đó.

Trong hằng trăm ngàn nô lệ từ Trung hoa được bán sang Tân Lục địa có một thanh niên trí thức, tên anh ta là Young Lin. Lin, con trai của một gia đình quý tộc Trung hoa, cha làm quan cho triều đình Mãn Thanh. Anh ta thông minh đĩnh ngộ, hai mươi tuổi đậu bằng bảng nhãn, sắp được bổ đi

làm quan thì Lin chợt khám phá ra sự phi lý và bất công của xã hội Phong Kiến. Từ đó anh ta nuôi một ý chí, thực hiện một cuộc cách mạng xã hội. Vì lẽ đó, anh ta bỏ nhà ra đi lẫn lộn vào đám thứ dân, để tìm hiểu thảm trạng xã hội. Rồi một hôm Lin giả dạng làm một kẻ hành khất đến một thành phố nọ, không may anh ta bị một toán lưu manh bắt và dẫn xuống tàu, bán sang Tân Lục địa để làm nô lệ.

Vốn mặt mũi khôi ngô, nên được chọn vào giúp việc cho một gia đình bá tước đầy quyền thế trong giai cấp đang nắm quyền xây cất con đường sắt xe lửa. Bẩm chất Lin thông minh lỗi lạc, sau bốn năm làm nô lệ. Lin đã tự học thông và viết thạo tiếng Tây ban nha như người bản xứ. Chẳng những thế anh ta còn có năng khiếu như một kỹ sư lỗi lạc. Những chiếc cầu bắc qua sông, qua suối, những đường hầm xuyên qua núi qua non, người thanh niên trí thức Trung hoa nầy có những sáng kiến độc đáo mà các kỹ thuật gia lúc đó đã không nghĩ ra. Lin được trọng dụng và trở nên một kỹ sư phụ tá đắc lực cho dự án xây cất của bọn Thực dân.

Nhưng ông trời vốn ganh ghét những kẻ tài hoa. Khi Lin từ một tên nô lệ, được đưa lên làm một kỹ sư phụ tá, thì cũng chính thời gian nầy đã xẩy ra một mối tình éo le giữa tên nô lệ Trung hoa và nàng tiểu thư quý tộc Tây ban nha. Họ yêu nhau, nhưng lề luật phong kiến đâu cho phép một nô lệ bước lên giai cấp quý tộc. Người Tây phương lúc đó vẫn còn có thành kiến sâu đậm với những dân tộc Á đông. Dù rằng Lin là một phụ tá, tuy nhiên, trên nguyên tắc anh ta vẫn chưa cởi bỏ được gông cùm nô lệ cho bản thân.

Mối tình bị phát giác, trọng tài ba của người con trai Trung hoa, nên vị bá tước đã nhiều lần cảnh cáo anh ta và con gái mình. Đây là một hồng ân phá lệ kỷ luật với một tên nô lệ, vì bấy giờ những kẻ nô lệ, hễ phạm tội là bị trừng phạt tối đa không bao giờ được cảnh cáo trước. Đã có lần vị bá tước đó nói với Lin, hãy chấm dứt mối tình chênh lệch đó đi, hãy hiểu cho ông một cách nghiêm chỉnh rằng, ông ta cũng không thể đạp trên dư luận khắt khe của giai cấp quý tộc.

Nhưng những kẻ tuổi trẻ tài cao thường lại là những kẻ đa tình, lời cảnh cáo của vị bá tước chỉ là cơn gió thoảng, chợt đến rồi chợt đi. Họ Lin và cô tiểu thư quý tộc bất chấp mọi sự, quyết đi sâu vào cuộc tình ngang trái.

Một buổi chiều họ hẹn hò nhau đến một dòng suối để tình tự, không may bị người mẹ kế phát giác, bà nầy từ trước vốn không ưa cô tiểu thư được bá tước cưng chiều, nên lấy dịp nầy để báo thù, liền mật báo cho bá tước. Ông ta ra lệnh cho bộ hạ đến bắt người thanh niên Trung hoa. Lin

chạy thoát được vào rừng và đêm hôm đó chàng bị săn đuổi như một con thú. Tờ mờ sáng hôm sau, Lin bị bắt tại con suối nầy, không một tòa án, không một lời thẩm vấn bị can, Lin bị tuyên án tử hình tại chỗ và người ta treo cổ anh ta lên một cành cây bên dòng suối nầy.

Chiều hôm đó tin sét đánh đưa về cho người con gái quý phái Tây ban nha. Đêm ấy nàng viết một tuyệt tình thư gởi cho cha khắc nghiệt và bỏ nhà ra đi khi sương mù còn bao phủ núi rừng. Nàng tìm đến dòng suối, bên xác người yêu lúc đó vẫn còn treo trên cành cây. Nàng tự treo mình và chết bên cạnh người yêu. Cái chết của đứa con gái đã làm xúc động lương tâm của người cha quyền thế. Ông ta ra lệnh chôn cất đôi nam nữ trong vụ án tình sử nầy bên bờ suối nơi đây, và xây hai ngôi mộ đá song song bên nhau.

Hằng năm cứ mỗi độ thu về, gió trên đồi thổi xuống, lá vàng phủ đầy trên hai ngôi mộ như tiếc thương cho đôi trai gái trong một mối tình sử đẫm máu nơi đây. Mấy năm sau, không biết do một sự biến động tình cờ của thiên nhiên hay nhiệm mầu của Tạo hóa, nước từ những khe đá trên cao chảy ra, dâng lên thành suối nước trong vắt như hôm nay.

Từ đó, nơi đây thành một thắng cảnh cho du khách, và lứa đôi yêu nhau đến đây tình tự. Rồi để tưởng nhớ đôi nam nữ trong mối tình sử đó, người ta đặt tên là Song Mộ Suối.

Vào một năm, bước vào đầu thế kỷ nầy, lúc đó Panama đã dành lại độc lập từ nước Culumbia, một năm vào mùa mưa, trời tầm tã trút xuống cả mấy ngày liên tiếp, nước từ trên rừng đổ xuống, cuốn cả mảng đất to và hai ngôi mộ đôi trai gái đi vào lòng vực thẳm, đó là cái vực sâu đang nằm dưới chân em bây giờ".

Tôi đứng dậy thở dài, nói với Lệ Chi:

– Cuộc tình nào đẹp cũng phải trả một giá quá cao, đây dường như là thông lệ ông trời dành cho con người. Trên mặt đất loài người đang sống, không có một nơi chốn nào, một dân tộc nào lại không có những mối tình sử đẹp bi thương như mối tình Song Mộ Suối nơi đây. Có lẽ em nói đúng, còn con người thì còn tình yêu, còn tình yêu thì còn ngang trái, còn ngang trái thì còn thù hận, thương đau. Xót xa lắm cho người nằm xuống, mà cũng xót xa lắm cho người hôm nay được nghe lại câu chuyện tình sử đẫm máu nầy. Từ người trai trí thức Trung hoa tài ba, đến cô nữ bá tước đa tình, từ người mẹ kế ích kỷ đến người cha bá tước hẹp hòi, tất cả họ là những diễn viên trong một cuốn phim mà do Tạo hóa đạo diễn. Cuốn phim kết thúc, họ trở lại trạng thái tĩnh như những hạt cát dưới

gốc cây thông già nơi đây, nhưng phần hình ảnh thì vẫn nhảy múa trong màn ảnh cuộc đời, trong tâm tư của những kẻ đến sau có những con tim đa cảm như em. Đây mới là phần chính và mục đích của sự Tạo hóa đạo diễn ra cuốn phim. Đây mới là phần bất diệt của cuốn phim trên cuộc đời, trên trần thế.

Nếu anh chàng thanh niên trí thức Trung hoa, đi theo con đường cha ông đã sắp sẵn và đi trước, ra làm quan, đời anh ta thiếu gì những cô gái đẹp bước vào vòng tay. Nếu Young Lin chỉ là một tên nô lệ bình thường, trí não không xuất chúng thì lao công nô lệ dài lắm cũng chỉ mấy chục năm rồi buông tay nằm xuống, người ta sẽ vứt xác anh ta vào một cái hố và xong một kiếp người. Đàng nầy mọi việc đã không xẩy ra bình thường như ý muốn của loài người sắp đặt. Người thanh niên trí thức Trung hoa không muốn đi theo con đường cha ông đã đi. Khi đã rơi vào vòng nô lệ đã phấn đấu để làm kiếp người nên mới hệ lụy đến người thiếu nữ Tây ban nha đa tình. Đâu cuối cùng rồi cũng phải nói đến hai chữ định mệnh. Có những lúc người ta phấn đấu và nghĩ rằng, phấn đấu để đi ra khỏi quỹ đạo của định mệnh, nhưng thực tế đó chỉ là một sự đổi đường rầy của chuyến tầu trong con đường sắt cố định của định mệnh.

Lệ Chi nhìn tôi, hai con mắt bi thương như con chim bị mũi tên rơi xuống mặt đất và nằm nghe bước chân mỗi lúc mỗi gần của người thợ săn đi tới. Mỗi bước chân đạp lên chiếc lá khô là mỗi cái chớp mắt chờ đợi của con chim gãy cánh cùng đường. Nàng sợ hãi nắm lấy tay tôi:

– Đời em và người trí thức Trung hoa có khác gì nhau đâu anh, anh ta khốn khổ vì cái thông minh bất bình thường của anh ta, em khốn đốn vì cái sắc đẹp bất bình thường trời dành cho em!

– Lệ Chi, không phải một mình em có tâm trạng ray rứt như vậy đâu. Dân tộc ta hơn một thập niên này, đã có một cuộc bỏ nước ra đi, kích thước lớn nhất thế kỷ. Tâm trạng của em cũng chính là tâm trạng của những cô gái Việt nam đang bắt cua trên những vùng giá buốt Bắc Cực. Những chàng thanh niên đang lao động dưới sự thiêu đốt của ánh nắng mặt trời trong các vùng sa mạc nắng cháy và ngay cả những người đang sống giữa những thành phố hoa mỹ Âu Tây, nếu có một chút lòng trắc ẩn với tổ quốc, họ cũng dằn vặt như em. Vì chúng ta là những người lạc lõng nơi vùng đất xa lạ muôn đời.

Trưa hôm đó, chúng tôi rời Song Mộ Suối, đến một nhà hàng sang trọng bên bờ biển để ăn trưa. Xe chạy chầm chậm lên triền núi. Tôi quay

lại nhìn dòng suối đang ẩn hiện dưới chân đồi. Những thân cây sồi to, thẳng đứng, vượt lên trên những ngọn cây ở lưng chừng núi. Dường như có hai bóng trắng, cầm tay nhau, nhởn nhơ bay theo những áng mây giăng giăng bên đồi. Tôi nói với tôi, bây giờ thì có lẽ họ đã được thảnh thơi trong vùng trời bất diệt. Ở đó, chắc chắn họ đã tìm được tình yêu, loại tình yêu tha thứ và chân thật, không phải loại tình yêu hẹp hòi ích kỷ để đưa đến thù hận như chúng ta có trên trần gian.

Chúng tôi đến một bãi biển để tắm nắng. Trời về chiều, Lệ Chi trở lại vui tươi như lúc buổi sáng lái xe trên xa lộ, nàng bơi dưới nước, nhào lộn với sóng biển, phơi mình trên bãi cát trắng. Trong bộ áo tắm, quả thật thân hình nàng là một kỳ công của Tạo Hóa. Tôi đăm đăm nhìn thân thể nàng nằm sóng soài trên bãi cát, khẽ đọc câu ca dao:

Tiếc thay cây quế trên rừng
Để cho thằng mán thằng mường nó leo

Nàng quay lại gay gắt hỏi tôi:

– Ai là thằng mán, ai là thằng mường? Chồng em hay chính các anh?!

Tôi cười cầu hòa:

– Giá như anh được làm thằng mán thằng mường thì dù đời anh đi về đâu, anh cũng xin cam chịu, khốn nỗi anh chỉ là một Trần Khát Chân, đứng nhìn công chúa Huyền Trân ra đi khuất trên ngọn đèo Hải Vân!!!

Nàng trân trân nhìn tôi, một lúc đưa bàn tay ra tìm bàn tay tôi... Chúng tôi cả hai im lặng, cùng đăm đăm nhìn về quê hương bên kia Thái Bình dương. Bầu trời như cao thêm lên, biển cả dường như mênh mông thêm, sóng biển như dồn dập hơn...

Chúng tôi ở trên bờ biển cho đến khi trời nhá nhem tối nàng mới đưa tôi vào thành phố. Tôi từ giã nàng tại cổng nhà người bạn tôi. Nàng trịnh trọng đưa bàn tay cho tôi hôn lên đó, và lao vút chiếc xe vào đường phố.

Hôm sau, trước khi ra phi trường Lệ Chi gọi điện thoại từ giã tôi. Nàng xin lỗi không tiễn tôi ra phi trường được. Trong điện đàm tôi khuyên nàng cố vất bỏ những tư tưởng quái ác ra phía sau lưng, đối diện với thực tại và luôn luôn nghĩ mình đang góp phần xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Tình yêu bao la phải vượt ra khỏi ranh giới quốc gia và dân tộc. Nàng im lặng, chúng tôi im lặng. Một lúc thật lâu, tôi gọi tên nàng, nhưng phía đầu giây bên kia vẫn im lặng. Người tài xế khép nép bảo tôi

đã đến giờ khởi hành. Tôi gọi tên nàng một lần nữa, vẫn không có tiếng đáp lại, tôi đặt ống nghe xuống, phía bên kia vẫn chưa cúp đường giây.

Tôi trở về Hoa kỳ, chúi đầu vào công việc sinh nhai hằng ngày và tại đây tôi lại phải đối diện với những người đàn bà phiền toái bên cạnh, nên đã quên đi người phụ nữ Việt nam tình cờ gặp trên eo biển Panama.

Đúng chín tháng sau, tôi được lá thư của người bạn từ Panama, trong thư báo tin Lệ Chi đã chết. Nàng tự tử bằng thuốc ngủ và phát giác quá trễ, nên không cứu được. Chồng nàng và tất cả mọi người không ai tìm ra lý do, tại sao nàng tự tử. Mấy tháng cuối cùng, nàng có dấu hiệu như một người thác loạn thần kinh, nhưng hằng ngày vẫn ở trạng thái bình thường. Nàng hay gắt gỏng với chồng con, nhưng tuyệt đối trong mấy ngày cuối cùng không gây gổ với ai.

Đối với mọi người, đã không ai tìm ra nguyên nhân, tại sao nàng tự tử, nhưng riêng tôi, tôi đã biết lý do tại sao nàng tự giết nàng. Tôi quyết định đi Panama một lần nữa. Ngày đó nàng đã nói với tôi bên Song Mộ Suối: "ngày sau, ngay cả những hàng chữ trên bia mộ em, rồi cũng chỉ là những ngôn ngữ vô cảm xúc và xa lạ". Tôi phải vượt trùng dương đến viết cho nàng một dòng chữ Việt nam, ngôn ngữ mà nàng đã yêu mến, nhưng đã trót đánh mất nơi quê người.

Tôi đến Panama vào một buổi chiều, bầu trời ảm đạm của một cơn mưa dang dở. Cũng ông bà Rich Ky đón tôi tận sân bay. Sáng hôm sau, tôi đến ăn điểm tâm tại nhà Ca Va Hôn chồng Lệ Chi, như ông ta hẹn với tôi từ trước. Trên bàn ăn, tôi nhìn những món ăn mà đã có lần Lệ Chi bầy lên một bãi cỏ mời tôi ăn sáng, ruột tôi quặn đau như ai đang cắt sả ra từng khúc. Tôi xót xa lắm, xót xa không phải Lệ Chi là người yêu, hay người thân thích với tôi mà xót xa cho thân phận một người thiếu phụ đồng chủng bơ vơ luân lạc.

Buổi điểm tâm kết thúc, ông Ca Va Hôn lấy ra một chiếc hộp đựng kỷ vật của Lệ Chi đưa cho tôi. Trong đó có một cuốn tập nhỏ, đó là cuốn nhật ký của nàng. Thực sự Lệ Chi không chép nhật ký mỗi ngày, nàng chỉ ghi chép lại những tư tưởng rời chợt đến với nàng. Tôi dở ra ở một trang giữa, có một đoạn ghi:

"Hôm nay là cuối tháng giêng, thường thì tết ta vào khoảng cuối tháng giêng cho đến cuối tháng hai Dương lịch. Tám năm nay, không ai nói với ta cái tết Nguyên Đán. Năm nay tết đến vào lúc nào? Làm sao ta nhớ nhà đến thế? Ta nhớ nhà nhưng còn nhà đâu để nhớ. Người thân ta đã vĩnh

viễn ra đi. Dù rằng bây giờ ta có về được nơi gọi là quê hương thì cũng gặp toàn là những người xa lạ, xa lạ hơn những kẻ trên thành phố Panama này. Quê hương đã cắt đứt đường về của ta. Bây giờ trong tay ta đầy tiền đầy bạc, nhưng ta vẫn nhớ đến những đồng tiền mới, mẹ cho ta mỗi khi tết đến. Bây giờ trong tủ ta chất đầy quần đầy áo, nhưng ta vẫn thích chiếc áo mới vải thô, mẹ ta mua cho ta mỗi độ xuân về...".

Tối dở đến một trang khác nàng viết:

"Tại sao ta gặp hắn, hắn đã nói với ta: "Đàn ông Việt nam thì cũng giống như hầu hết những đàn ông trên thế giới, đó là những động vật tham lam, ích kỷ và hẹp hòi" Ngày xưa trên bục thầy giáo, hắn có nói ra những điều trần trường như thế đâu?... Dù sao ta vẫn nhìn hắn qua hình ảnh quê hương!...".

Trang cuối cùng có ghi ngày tháng cho biết nàng ghi chép trước khi uống thuốc nguyên sinh:

"... Ta chỉ là một ống nghiệm đựng tinh trùng, gây giống cho một dân tộc xa lạ. Họ quý ta, chiều chuộng ta vì không tìm được một loại ống nhiệm nào quý giá hoàn hảo hơn ta. Ta phải đập vỡ nó trước khi họ vất ta vào thùng phế thải...".

Nét chữ rạch ròi và cương quyết, tôi biết nàng rất bình tĩnh trước khi chết. Tôi gấp cuốn nhật ký lại, Ông Ca Va Hôn lo lắng hỏi tôi:

– Có phải nàng đã mất trí trong những ngày cuối cùng không?

– Không! Nhất định không?

– Ông đoan chắc như thế?

– Kẻ mất trí chính là ông và tôi!

– Xin lỗi, tôi không hiểu?

– Tôi với ông mới là những kẻ mất trí – Tôi nhấn mạnh lại một lần nữa – Tôi để một phút im lặng tạo nên một chút căng thẳng giữa tôi và ông Ca Va Hôn, rồi từ từ nhìn ra khung kiếng cửa sổ, chỉ vào cái lồng chim đang treo bên ngoài, nói tiếp. Kìa ông Ca Va Hôn, con chim sinh ra đôi cánh để bay, đâu phải để ông nhốt vào chiếc lồng nhỏ như thế. Giang sơn của con chim là bìa rừng, ở đó có vô số kẻ thù, diều quạ, chồn cáo, rắn rít, đe dọa nó thường trực. Nó phải bới đất, vạch cỏ để kiếm thức ăn. Nhưng con chim vẫn yêu mến giang sơn của nó. Vì ở đó có những ngọn gió xuân thổi về vào những buổi chiều nắng ấm, có tiếng chim đồng loại, ríu rít, líu lo khi trời bừng sáng, rạng đông. Nó không

cảm thấy cô đơn như ở trong chiếc lồng nầy, mặc dầu ở đây ông bỏ thừa thãi thức ăn cho nó.

Tôi hỏi ông, con chim trong lồng mất trí hay kẻ nhốt con chim vào lồng mất trí?

Suy nghĩ một lúc, ông Ca Va Hôn nói:

– Có lẽ tôi đã hiểu được một phần nào, cám ơn ông!

Tôi đến bên mộ Lệ Chi và khắc lên đó một hàng chữ:

"Nơi đây có một người con gái Việt nam chết "Vì Quê Hương". Một chiếc lá rơi rụng về cội".

Tôi đặt lên nấm mộ một vòng hoa và nói với nàng:

"Lệ Chi, anh vượt ngàn dặm đến đây chỉ muốn viết lên cho em một dòng chữ bằng ngôn ngữ Việt nam. Anh không nói em chết "cho" quê hương, nhưng nói em chết "vì" quê hương. Giống như một kẻ đam mê chơi súng, đã chết vì viên đạn của hắn bắn ra. Người đời sau muốn hiểu em như thế nào mặc lòng, nhưng quả thật em chết vì quê hương. Anh đến đây để vuốt mắt cho em một lần cuối. Vòng hoa nầy cũng chỉ là món quà vừa phải, vừa phải như ngày xưa em đi lấy chồng, anh có đến cũng chỉ tặng em có thế thôi. Anh tin những đợt sóng đang xô đẩy vào ghềnh đá nơi đây, nó khởi đầu bên kia Thái Bình dương, bờ biển quê hương ta đó. Rồi đây, những đợt sóng nầy sẽ chuyên chở linh hồn em trở về với quê hương, về với cội nguồn.

Em là chiếc lá, chiếc lá lìa cành, dù tơi tả trong cơn lốc, cũng phải tìm về với cội rễ...".

Trên máy bay trở về Hoa kỳ, tôi nhìn xuống bãi cát mà Lệ Chi phơi nắng mười tháng về trước. Ở đó, rõ ràng tôi nhìn thấy những nhát dao chém xuống vết chân trên cát của Lệ Chi. Vết chém mỗi lúc mỗi loang máu, làm nhạt nhòa vết chân đi của thiếu phụ Việt nam lạc loài.

Chiếc phản lực bay lượn một vòng trên bầu trời Panama, rồi bay vút lên không trung trắng đục. Tôi nhìn về phía bên kia bờ Thái Bình dương, thấy những ngôi mộ của Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, của những kẻ gây ra mưa bão trên đất nước tôi gần nửa thế kỷ qua. Phần mộ của họ cũng chẳng hơn gì phần mộ của Lệ Chi trên eo biển Panama. Họ cũng được chia những phần đất khiêm nhường, đồng đều trên quả địa cầu nầy.

Thập Lang

phụ bản THÁI TUẤN

Bắc Phong

muốn theo mây

Hớp rượu này
Trăng cũng nuốt trôi
Xuân tha hương
Lòng những ngậm ngùi
Ta lữ khách
Nhìn đời như mộng
Sao bâng khuâng
Cố quận sầu khơi

Người và quê
Đành đã chia xa
Cuộc vô thường
Ảnh sắc phôi pha
Ta về đâu
Hỡi tên lạc xứ
Muốn theo mây
Mây cũng không nhà

Bắc Phong

Đỗ Kh.

tôi không cần nhớ gì

Tôi không có nhớ một dòng sông
À ơi bình thản qua bờ làng
Mỗi dòng sông mỗi nơi một khác
Tôi không có nhớ những cánh vạc.

Tôi không có nhớ một con đường
Thì thầm qua chậm đằng sau lưng
Con đường nào thật ra cũng vậy
Tôi không có nhớ những tàn cây.

Tôi không có nhớ những rặng dừa
Bắt buộc ở một nơi nhất định
Những rặng dừa nào cũng như nhau
Tôi không có nhớ những hàng cau.

Tôi không có nhớ những bờ đê
Tôi chưa được một lần nhìn thấy
Tôi không có nhớ những mái tường
Tôi không có nhớ màu hoa phượng.

Tôi không có nhớ quán càfé
Hộp đêm nhảy đầm và đánh lộn
Không nhớ những ổ chuột rầm rì
Tôi không có nhớ những động đĩ.

Tôi không mang một món nợ nào
Núi non sông biển
Ấu thơ niên thiếu
Sắc áo màu da
Đồng ruộng ông cha
Con tem bưu điện
Tôi không cần nhớ mùi bánh phở
Tôi không có nhớ một màu cờ.

Cái gì tôi cũng trả
Tôi không cần có nhớ.

Tôi không cần nhớ gì
Em là quê hương
Tôi đến từ đó
Từ đó tôi đi
Và tôi hiện ở.

Đỗ Kh.

Nhà Xuất Bản **Thời Văn**
ra mắt bạn đọc với những tác phẩm
- **nhà văn nói với chúng ta** *Nguyễn Mạnh Trinh* thực hiện
- **sợi chỉ trong hồn** truyện dài *Nguyễn Y Thuần*
- **trần ai khoai củ** chuyện dài *Nguyễn Đức Lập*
- **cánh cửa** tập truyện *Nhật Tiến*
- **sống dở** truyện dài *Hoàng Việt*
- **thư không người nhận** tập truyện *Hoàng Khởi Phong*
- **ngôi nhà sau lưng văn miếu** tập truyện *Trần Vũ*

liên lạc Cao Xuân Huy
PO Box 1392 Tustin CA 92680 USA
Phone: (714 544.7650

Nguyễn thị Hoàng Bắc

chuyện nhà

●

Tuyết đang gạn chút nước tro lóng trút vào thau quần áo dơ sửa soạn giặt đồ thì nghe tiếng lăn bánh lách cách của chiếc xe đạp cà tàng của chồng, Tuyết giật mình: vậy là trời đã tối rồi à?

Tuyết ngửng lên thấy vẻ mặt chồng hớn hở:

– Em à... bữa nay có tin "đại sự".

Tuyết lạnh lùng mệt mỏi cúi xuống tay vẫn đều đặn cầm cái bàn chải chà xát áo quần. Áo quần bẩn, xà bông đắt quá mua không nổi ngâm bằng chút nước cặn tro, thau nước nổi màu đen cáu bẩn, hai tay Tuyết khô ráp thô cứng hẳn ra, Tuyết hỏi ơ hờ:

– Lại chuyện gì nữa? Thiên an môn hay Địa ngục môn?

– Không phải, Ba lan... Lần này thì tụi nó làm dữ quá. Lech Walesa và Công đoàn Đoàn kết thắng lớn, thủ tướng Cộng sản Ba lan lần đầu tiên là một anh không Cộng sản.

Ngó bộ Tuyết không phấn khởi hào hứng như mình mong đợi, Minh tiu nghỉu khe khẽ nhấc chiếc xe lên thềm nhà dựa vào góc tường.

Lúc Minh trở ra đứng rửa tay bên giếng cạnh vợ, Tuyết dặn chồng hai câu không ăn nhập gì với nhau:

– Dọn cơm ra ăn với con, em vào ăn sau... Bớt bớt cái miệng lại cho vợ con nhờ!

Dường như Tuyết định nói thêm nhưng kịp nghĩ lại: Phải chi nói mà nó no được thì cũng nên nói lắm.

Hôm qua nhà ông hàng xóm có đám "đón Việt kiều yêu nước" về thăm nhà mà giống y như đám cưới! Trước đó một tuần trong nhà ngoài cửa trước sau chùi rửa bóng loáng, chủ nhà trước kia làm chủ một hãng cưa gỗ, cách mạng tới, biến hãng cưa thành hợp tác xã. Tuy vậy nhờ thằng em nằm vùng mách nước giúp đỡ, ông hàng xóm cũng móc ngoặc được làm ăn thậm thụt, mua gian bán lận từ gỗ xẻ cho đến mạt cưa chất đốt, nên bà vợ vẫn phây phây ra vào bệ vệ. Thằng con lớn trong lúc bảy lăm lộn xộn chạy theo bạn bè vào Sàigòn rồi theo tàu đi luôn qua Mỹ, nay nó sắp trở về làm "Việt kiều yêu nước".

Trước cổng nhà treo một xâu pháo đại, pháo tiểu, lại lâu lâu kết xen một cây pháo tống nổ đì đùng, xâu pháo dài hơn mươi thước thả từ trên lầu xuống thị uy thiên hạ gần cả tiếng đồng hồ. Đúng giờ đã báo, thằng Việt kiều trên xe ô tô của hãng du lịch bước xuống, tóc tai bờm xờm dựng đứng, áo bông hoa hoét chấm đỏ chấm vàng, quần túm hai ống bằng dây thun giống như tụi Sơn đông mãi võ. Hắn cứ đứng trơ ra trước xe, trước con mắt chiêm ngưỡng của hàng phố hai bên, mọi người đổ xô chen chúc chật ních, thằng Việt kiều ngó pháo đốt rồi ngó mọi người cười tủm tỉm thú vị.

Tuyết nghe mấy đứa con đi xem "đám" về kháo:

– Ông đó ổng nói tiếng Việt hết được rồi má à. Ổng nói chuyện một lát thì ậm ừ phải quay ra nói tiếng Anh, ai cũng cười ổng hết, mà không ai hiểu ổng nói gì.

Thằng em cãi:

– Có thầy Tâm dạy Anh văn tới đó, thầy nói thầy nghe hiểu được mà!

Thằng anh vênh mặt lên, nhăn mũi nhiếc:

– Mày thì biết cái con khỉ gì mà nói. Lũ mày thì chỉ toàn học Nga văn...

Và mấy ngày tiếp theo đó xe ngựa yến tiệc tưng bừng. Nghe nói bà con xa gần ai nấy tới thăm mỗi người đều nhận được quà bỏ bao thơ, nít nhỏ thì một ngàn, người lớn thì hai ngàn. Trời, thiệt là tiền rừng bạc biển, không biết người Việt mình qua bên Mỹ làm gì bển mà phú quí công danh dữ quá!

Càng nghĩ, Tuyết càng bực chồng.

Năm bảy lăm đã đi không được còn chạy ngược trở ra đơn vị trình diện, tử thủ tới bị bắt ngay tại mặt trận, ở tù đã đời một hơi bảy năm dài đăng đẳng, mình cũng sống sót lếch thếch được từ trại trở về là một phép lạ. Ngó quanh, ai cũng có dựa hơi chút đỉnh kẻ thì vượt biên trốn đi được, người thì dính líu bà con dây mơ rễ má hoặc cùng lắm thì bạn bè ở Tây, Tàu, Mỹ, Úc để mà thư từ xin xỏ quà cáp. Chỉ có vợ chồng Tuyết là "trơ thân cụ" ra mà thôi. Vậy mà chưa đủ, Minh còn có một mớ lòng thòng bà con từ ngoài Bắc Xã nghĩa kéo vào.

Hồi mới giải phóng, ông chú ruột của Minh rồi đến các ông em họ, cháu họ kéo vào, Tuyết cũng hơi có bụng nể sợ. Tuyết cứ nghĩ chồng mình ở tù rồi, chắc có bà con là những công dân xã nghĩa chuyên chính, biết đâu trong số đó có người lại là đảng viên trung kiên, nắm chức vụ quan trọng, rán chìu chuộng nịnh nọt may ra dựa hơi mà cứu được chồng ra. Nhưng mười người như chục từ cán bộ cho đến nhân dân, quí vị bà con thân thích của Minh đều nói đúng chính sách:

– Anh ấy lầm đường lạc lối theo ngụy nay đảng và nhà nước có chính sách học tập khoan hồng thì chị phải động viên để anh chấp hành nghiêm chỉnh. Học tập tốt thì về, ngại gì!

Chuyên chính hơn thì có anh Hạt, anh họ của Minh, đi bộ đội nay được chuyển ngành làm xã đội trưởng công an:

– Chú Minh có nợ máu với nhân dân, đáng lẽ thím nên chấp hành chính sách kinh tế mới tham gia sản xuất thì mới gọi là giác ngộ cách mạng.

Lâu lần thì quá hơn, Hạt tới nhà chỉ vào bàn ghế đồ đạc trong nhà bảo:

– Trước sau gì những của này rồi cũng là tài sản chung của nhân dân. Cướp đoạt của nhân dân rồi thì phải trả lại cho nhân dân.

"Hạt" với "Hột" gì, Tuyết chỉ muốn tống ông anh quí hóa ra khỏi nhà cho rảnh mặt mà đành nuốt giận nghe hắn nói lảm nhảm...

Minh như không để ý đến vẻ đăm chiêu của vợ, vừa xách nước giặt đồ vừa khe khẽ khề khà gợi chuyện:

– Lần này thì không phải giỡn nữa đâu. Em thấy không, tụi nó xì hơi cho tụi Tuổi Trẻ, Tiền Phong chửi bới nhà nước nghe cũng đã lắm. Đâu phải dễ dầu gì mà tụi này nó chịu cởi mở?

Giọng chàng quan trọng hẳn ra:

– Áp lực kinh tế, áp lực chính trị! Ngày suy tàn của tụi nó tới nơi rồi, đi đâu bỏ nước bỏ nhà làm chi cho mệt. Anh nhất định ở lại "bám trụ", không đi đâu hết.

Tuyết bỗng nghe sợ thất cả ruột lại, giọng nàng hoảng hốt lạc hẳn đi:

– Trời đất, bộ anh giỡn chơi hay sao? Cả nhà chỉ còn bám vào hy vọng có chừng đó, mà bộ anh nói thiệt hả?

Minh hùng hồn:

– Em thấy không, người xưa nói: dân là nước, chế độ là thuyền, nước chở thuyền mà nước cũng lật được thuyền. Dân đã không ưa thì không thể nào chế độ sống nổi. Liên sô còn phải rút ra khỏi Afghanistan, truyện của Pasternak nay được in lại ở Nga, phim Killing Field thì đang chiếu ở Kampuchea, tụi này sắp "bán nước" cho Mỹ tới nơi rồi, em chờ mà xem.

Toàn những chuyện nổ bùng, nổ như tạc đạn! Chẳng trách hồi Minh còn đi lính, tụi em út cũng như bạn bè vẫn gọi diễu chàng là "Tám nổ". Tuyết ngán quá sợ tính "nổ" của chồng trở lại thì khổ cả mẹ con nên cố nuốt giận làm lơ:

– Thôi anh đổ nước lẹ lên để em xẽ đồ kẻo trời tối lắm rồi.

Chạy tới chạy lui hoài mà giấy tờ chưa tới đâu. Nay một tin đồn, mai một tin đồn, Tuyết sợ mình mắc bịnh đau tim mà chết trước khi cầm được cái giấy hộ chiếu đi tới đất Mỹ. Ôi cái thiên đường huyễn mộng sắp thành sự thực hay cái sự thực chỉ trong tưởng tượng, để an ủi những người không còn bất cứ một hy vọng nào để sống như mình?

Ngược lại thì Minh cứ trở chứng đều đều. Tối hôm qua, Minh đi làm về trễ. Cái hợp tác xã ép mía làm đường của chàng đã rệu rã, máy kéo máy ép đã hết xăng hết dầu dẹp qua một bên phải dùng trâu bò kéo che ép mía, ruồi nhặng bay vù vù quanh đám bã và mấy thùng mật đường như bọn thuế vụ, thu mua, quản lý thị trường của nhà nước vây quanh, lấy đâu ra vốn mà kinh doanh rộng rãi để giúp đỡ xã viên, Minh bám vào để mua vài ba ký gạo hẩm giá chính thức và bám vào để sống cho có vẻ hợp pháp trong khi chờ nộp giấy tờ, Tuyết nghĩ vậy. Năm giờ đã hết ca, sáu giờ thì Minh về tới nhà. Vậy mà dạo này Minh về trễ đều đều. Trời mùa đông tháng giá, mấy cái áo lạnh cũ đã xác xơ rách bươm hết, nhẩm tính lại Tuyết lại giật mình. Vậy mà đã gần mười lăm năm trời rồi. Mười

lăm năm luân lạc, hạn cuối của cái cô gái thanh lâu nổi danh đó đã được vô số đàn ông tao nhân mặc khách Việt nam đổ lệ, ít ra còn được một con ma xinh đẹp báo mộng trước. Mình chưa phải là gái thanh lâu nhưng hạn mười lăm năm đã đủ được chưa, để làm tàn tạ cuộc đời của một kiếp đàn bà? Nghĩ cũng lạ, nếu trước kia Minh đi về trễ nãi thế này là vợ chồng đố khỏi cũng có chuyện ghen tuông gây gỗ.

Tuyết thở dài, tình vợ chồng cũng có, nhưng đâu còn trẻ trung sôi nổi, ngay cả sự đằm thắm của tuổi già cũng dường như thiếu vắng, cả hai như mãi bận bịu đến chuyện chung quanh hơn là chuyện của chính mình.

Đến khuya, Minh về ngồi một mình trong phòng chăm chú đọc báo rồi thì thào vào tai vợ:

– Báo chui, tờ Truyền Thống đấy! Ngoài Bắc đang đói nặng, sinh viên học sinh Hà nội biểu tình, nông dân Nam bộ nổi dậy. Rồi sẽ có một cuộc cách mạng mới bùng nổ do tụi Mặt trận Giải phóng miền Nam lãnh đạo.

Tuyết thất sắc:

– Hả! Anh nói cái gì? Lại tụi Giải phóng miền Nam nữa hả? Thôi em vái tụi nó cả tơi lẫn nón. Nó cách cái mạng cả nước như vầy chưa đủ sao anh còn đòi cho tụi nó cách mạng thêm lần nữa?

Rồi nàng cương quyết:

– Không có gì hết! Anh dẹp tờ báo mắc dịch đó đi không thì ở tù cả đám. Giữ cái mạng cho yên, tới chừng nào có giấy phỏng vấn thì đi Mỹ. Anh không đi, thì em dắt mấy tụi con đi để anh ở lại... cách mạng.

Nói cứng vậy ra rồi Tuyết mới thất cả ruột lại vì sợ bởi nàng vừa nói hớ một điều ghê gớm quá! Minh mà không đi thì gia đình này dựa vào đâu mà đi? Vì ngoài cái diện vợ con gia đình "tù nhân chính trị" ra, mẹ con Tuyết nào có được cái thế gì để đòi đối đầu với nhà nước và đòi Mỹ chấp chứa?

Nghĩ vậy Tuyết liền dịu giọng, lấy tay vuốt vuốt gáy chồng như an ủi dỗ dành chồng mà cũng chính là tự an ủi lấy mình:

– Nói thì nói vậy, chớ đi đâu đủ vợ đủ chồng thì em mới chịu đi...

Chạnh nghĩ tới những người bạn gái khác, chồng vượt biên đi Mỹ đã bảy tám năm nay, bảo lãnh hoài không được, chồng nghe nói đã có vợ khác, những người vợ này rồi sẽ lấy gì để mãi chờ mong?

Thật ra chuyện đời họa phúc khôn lường đàn ông coi vậy mà hời hợt bạc bẽo hơn đàn bà nhiều! Tuyết cố nén một tiếng thở dài. Trong khi đó Minh còn mãi ngạc nhiên hứng thú vì bỗng nhiên được vợ âu yếm ngang xương, đã lâu quá rồi Tuyết dường như đã bỏ mặc mình, Minh liếc lên nhà trên thấy mấy đứa con đã ngủ yên, chàng vội vàng dấu tờ báo trong thùng bột bán lẻ của vợ rồi quàng tay ôm siết lấy nàng. Trong nỗi hoang mang cùng cực, Tuyết đón nhận sự vồ vập yêu thương của chồng.

Tuyết nằm thờ thẫn ngó lên đỉnh mùng. Cái mùng lính rách và lỗ chỗ chung quanh. Nhà ở cạnh bờ sông nơi làm ổ của đám muỗi tối trời, đêm nào Tuyết cũng xông một mớ vỏ bưởi khô khói um lên sau bếp để đuổi muỗi, vậy mà có đêm không ngủ được, căn nhà yên lặng, Tuyết nằm trong mùng nghe tiếng muỗi kêu vang lừng như tiếng sáo vi vu. Nghĩ lan man tới chuyện người khác, chính sách kinh tế mới giờ đây như cái bóng mờ không còn nghe nhắc tới như cái hậu quả đổ vấy của nó vẫn là các gia đình nheo nhóc lang thang đầu đường xó chợ tối về ngủ vất vưởng nơi công viên góc phố. Công an du kích giải tán đuổi đánh thì họ chạy, công an bỏ đi thì họ lại tụ về tập họp lại thành một giai cấp mới: "người Việt gốc... me" như danh xưng vừa chua chát vừa ngụ ý bất cần. Cũng liên quan tới chuyện người Việt gốc me, Tuyết được nghe kể có gia đình nọ đang sống ở gốc cây, bỗng có một người bạn Việt kiều về thăm đi ngang, anh nọ nhìn ra anh kia, vậy là anh Việt kiều bỏ tiền ra giúp đỡ thuê nhà tử tế đàng hoàng cho gia đình người bạn cũ. Hỏi thăm ra mới biết người bạn Việt kiều của mình qua bên đó đã bị vợ ly dị để theo một anh Mỹ giàu có, anh Việt kiều buồn tình nên về thăm nhà thăm nước cho khuây. Anh bạn gốc cây nghe vậy cảm cái tình anh bạn cũ, đem đứa con gái lớn hai mươi tuổi của mình gả luôn cho anh bạn, vậy là con nhỏ gốc cây được đi Mỹ luôn. Chả biết câu chuyện hư thiệt ra sao nhưng gặp ai Tuyết cũng nghe kể và người nào cũng nói là chính mắt mình đã gặp con nhỏ đó, nó tuy ở gốc cây chớ là một con nhỏ đẹp ác, còn anh Việt kiều tuy trên bốn mươi tuổi rồi nhưng là người ăn sung mặc sướng, lại làm lớn bên Mỹ nữa nên coi có tướng lắm!

Thì chuyện Lọ Lem lấy Hoàng tử cũng có thể xảy ra ở thời đại điện tử này chớ sao không! Vì vậy, mình vẫn có quyền tin tưởng một phép lạ xẩy ra cho gia đình. Tuyết trầm ngâm, đứa con trai nhỏ mười lăm tuổi chắc tại là con út nên nom nó "hiền" quá, có lần nó phát biểu chính nghĩa với ông già nó như sau:

– Ba, nhà mình có giấy đi Mỹ sớm chừng nào tốt chừng đó.

Minh hỏi:

– Sao vậy?

– Để con khỏi đi đốn củi! Mình đốn riết hết củi nhỏ rồi đi vô sâu nữa, còn toàn cây to không, chặt đã khó còn vác thì mới dễ ợn hơn!

khiến Minh cười ngất.

Đứa con lớn thì có lẽ giống bố cũng lai rai quan tâm tới thời sự:

– Má đừng lo, như con tốt nghiệp xong lớp 12, bị xếp vô diện con cái ngụy quân ngụy quyền vô hạng thứ 12, chỉ ưu tiên hơn phản động một hạng, con có sức trời cũng không vô đại học nổi. Xin làm công nhân không được thì con đạp xích lô phụ má, ít nhứt mỗi ngày đưa má ra chợ tới tối phụ má dọn hàng về... miễn phí, má còn chê gì? Còn hơn mấy thằng bạn con rút quân bên Kampuchea về... làm ma một cẳng đó sao!

Tuyết thấy ba mẹ con mình như đang dắt tay nhau sờ soạng đi trong một đêm tối mò dài thăm thẳm, đi mãi mà sao chưa thấy ánh sáng nào lóe ra ở cuối đường hầm. Tuyết rùng mình không dám nghĩ tiếp: rồi tụi này nó sẽ lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, để lại thành một lũ mù quờ quạng mỗi ngày một đông ra nhưng không có nghĩa là mỗi ngày một sáng ra. Như một cơn bịnh mù lòa truyền kiếp, từ đời này sang đời khác lê thê kéo dài trong đêm tối trăm năm.

Liệu những tin tức về việc "trao trả" tù nhân chính trị kia chính xác tới được chừng nào, và liệu bao giờ thì có kết quả? Lại còn ông "Tám nổ", trời ơi, ổng mà nổ lên yêu nước và không chịu đi thì tới chừng đó Tuyết phải tính làm sao?

Minh nghe vợ kể:

– Thằng Việt kiều con ông hàng xóm dọn ra khách sạn ở rồi! Nhà ông già nó sang vậy mà nó chê ổng chê ẻo đủ điều. Nó nói cầu tiêu ngồi chồm hổm nó ngồi không được, giấy bao mà lấy đi cầu mắc bịnh đường ruột, uống nước xong thì hất nước ra sân rồi úp cái ly xuống không chịu rửa, cả trăm cái miệng uống chung một cái ly gây bịnh truyền nhiễm... ôi thôi trăm thứ chuyện trên đời, nó nói nó gớm quá, cả ngày ngồi trong nhà nó chỉ muốn nôn vì mùi bếp núc xông lên mà không có quạt cho bay hơi đi... nó mệt quá sức, không muốn ăn uống gì hết. Nó thương ba má nó lắm nên mới dọn ra khách sạn để ở gần thêm ba má nó ít ngày nữa rồi lần này nó đi luôn chớ không thèm về. Báo hại má nó tủi thân khóc

quá trời, còn ông già nó thì cho là mất mặt nên chửi nó một trận, hai cha con giận nhau.

Lại thêm một đám cưới nữa của một Việt kiều và lần này không phải với một mà là với hai cô bản xứ. Đang đám cưới cô này thì cô kia tới ăn vạ vì cô dâu sau được cưới cách cô dâu trước vừa vặn một tuần lễ. Cũng dễ hiểu vì cô sau là con gái của một anh thợ vàng gần đây mới giàu nổi lên vì tài buôn lậu vàng cho các quan lớn. Minh ngao ngán nghĩ thầm: có lẽ quan hệ giữa Việt nam với tên đế quốc cũ cũng như một con điếm nhà nghèo với một anh chủ bụng bự quá giàu. Cô điếm cố đấm ăn xôi tìm đủ mọi cách từ cái cách giả vờ như mình là gái nhà lành bị anh chủ lừa gạt để đòi bồi thường nhân mạng cho đến cách đĩ thỏa trắng trợn hơn bêu rếu tai tiếng ầm ĩ cho anh chàng sợ đành phải bỏ tiền ra lấy của che thân. Minh tự hỏi với cái nhãn hiệu "tù nhân chính trị" để xin cho được một chân cu li ở Mỹ, mình đang là một thứ gái đĩ nào đây? Cố ăn vạ sang cho được đến Mỹ rồi trở về bôi mặt hát tuồng như cái lũ Việt kiều hiện nay sao? Kể ra cái nhà nước này sao mà dơ dáng, một ông thủ tướng chóp bu của trung ương đã gọi tụi vượt biên là "một dúm đĩ điếm xì ke trộm cướp" nay bỗng nhiên cũng chính cái dúm ấy mang đô la về cho công ty du lịch lập tức trở thành "Việt kiều yêu nước". Ôi, nước non nào phải riêng ai, mà sau cửu nước dựng nước lại trăm cay nghìn tủi nhục thế! Nếu quả tình Việt nam là một bài học lịch sử, Minh nghĩ chàng, vợ con bè bạn chàng chắc phải là một thế hệ hy sinh. Dù ở đây hay đi đâu, thân phận vẫn là chừng ấy. Tuyết cho rằng chàng "nổ", chàng không thực tế, không thương xót vợ con đói khát, trong nỗi nhục nhã ê chề, Minh còn cảm thấy nỗi mình lẻ loi. Thằng bạn bữa trước còn thì thầm tán chuyện glanost với chàng, hôm sau đã có tin nó bắt được mánh xuống thuyền vượt biển đi mất. Nhưng không lẽ sáu mươi triệu con người này, đứa phải chết ngay trong trận mạc, đứa chết đói trong nước thì khỏi chết trên biển, chết mòn trong trại tị nạn thì khỏi chết lạc loài nơi đất khách quê người và những đứa nào phải đầu thai làm Cộng sản để thử sai một bài toán của lịch sử? Nếu không đi, mình sẽ chết già với bao điều hy vọng thất vọng và lại hy vọng. Chỉ tội nghiệp cho Tuyết thôi! Ừ, nếu mà Tuyết hồi ấy không chịu ưng mình thì sao nhỉ? Ôi những chữ *"nếu!" Nếu* các đồng chí của trung ương đảng chịu khó ngả theo Liên sô vĩ đại sớm hơn một chút, trở mặt với anh Ba hàng xóm sớm một chút thì cái gọi là mùa xuân đại thắng có thể xảy ra không? Rồi Minh

phì cười một mình: nhưng mà Tuyết có lý khi nàng "*nếu*", *nếu* anh mà là thằng cha giám đốc công ty ngoại thương ở cái villa lộng lẫy ở đầu phố, thì em đâu có đòi đi Mỹ làm chi.

Tuyết nằm nghiêng, một cánh tay trần khẳng khiu lót dưới má, không biết Tuyết đã ngủ chưa, hai má nàng hóp vào hơi thở mệt nhọc trông như người đang ốm. Bỗng nhiên hình ảnh Tuyết trong cái lần đầu gặp gỡ ấy hiển hiện, Tuyết áo dài lam đồng phục thiếu nữ, huy hiệu sen xanh với hàng chữ Bi Trí Dũng thấp thoáng ẩn hiện lẫn trong mớ tóc dài bỏ xõa ngang vai. Tuyết nàng Bạch Tuyết ngoan hiền nhưng bạc phước vì đã chọn nhầm một anh hoàng tử dở hơi như mình!

Chiều hôm qua Minh đã tê tái lặng người khi nghe Tuyết khe khẽ mách với chàng: mụ Tám lê ghim (con mụ làm chủ một vựa chứa rau cải buôn bán hai chiều với nhà nước) sở dĩ chịu cho Tuyết khất lần món nợ vì Tuyết hứa sang Mỹ được rồi sẽ có quà cáp đền ơn!

*

Tuấn, Minh được Cường đem đi xem văn nghệ chui mỗi vé hơn ngàn bạc để khao Cường sắp được đi. Cả ba đều học một khóa ở Võ bị Đà lạt, không biết Cường nộp đơn lúc nào nhưng theo như nó bảo, nhờ ông bố bên Mỹ quen lớn, ông thống đốc thành phố bố nó đang ở can thiệp nên danh sách của gia đình được đôn lên trên con số một ngàn người khác. Chả biết thật hư ra sao nhưng thấy Cường vui rộn rã quá, bạn bè ai cũng mừng cho Cường.

Cường vỗ vai Minh chỉ lên sân khấu: một thằng nhóc đứng giữa mặc bộ đồ vét màu tím nhạt, cà vạt cũng màu tím hoa sim, hai thằng hai bên thì quần tây trắng áo sơ mi chỉ gài hai hột nút ở bụng, cả ba vừa hát vừa gào thét vừa nhảy tưng tưng một bài mà họ giới thiệu là nhạc Cuba. Hát và nhảy một lát mệt rồi thì ba thằng sắp thành một hàng ôm eo ếch nhau lết tới thụt lui ngó giống như con nít đang chơi trò "*nào mời anh lên tàu lửa chúng mình đi*".

Minh lắc đầu chán nản. Cường thì ồn ào to tiếng:

– Lâu lâu được sống thực như tụi này là nhất rồi! Nhưng mà nghe mấy thằng em tao ở bển nhắn tao qua tới, nó sẽ dắt đi coi... đầm cởi truồng. Con nào con nấy, trời ơi, đít thì như cái lồng bàn, ngực thì như cái chảo, rửa con mắt đã đếch chịu được!

Tuấn cười lớn góp cho không khí vui nhộn hơn:

– Mày vừa vừa thôi, chưa chi mà tao thấy mày chọc bà xã nổi máu lên rồi đó!

Cường khoát tay nháy mắt ra vẽ cóc cần, rồi cả ba cùng cười xòa đồng lõa. Lâu lắm, Minh giật mình, mình mới được cười vang vô tư thế này. Điều gì làm cho mọi người e sợ, nghi ngờ, nhìn quanh đâu đâu cũng thấy hiểm nguy? Lắm khi ngắm một bầy công an hống hách diễu qua trước mặt, Minh ngẫm nghĩ: bố khỉ, các con cũng đang nghi ngờ nhau nát nước, có đứa nào mà không lo ra trong cái đất nước này?

Ồn ào chỉ được một lát, lúc ra về, ai nấy có vẻ trầm ngâm.

Giọng Cường tâm sự:

– Tụi mày dù sao cũng đỡ, còn có cái hy vọng đi mà sống. Nhưng tới giờ phút này mà mình mới tính tới chuyện đi ở thì cũng đã trễ muộn quá rồi. Trâu chậm uống nước đục, tao cũng biết vậy nhưng có còn hơn không! Già chừng này tuổi đầu rồi mà qua bển mới bắt đầu học lại a, bê, xê dắt dê đi ỉa, a, ă, â, đắt tớ đi chơi, nản chí bầu cua lắm chớ.

– Nghe nói có thằng bây giờ ngồi rầu rĩ: phải biết vậy rán ở tù thêm một năm, năm bảy tháng nữa cho nó đủ sáu năm. Tự nhiên đứa nào ác ôn đặt ra cái hạn sáu năm lãng xẹt ở đâu ra làm khổ không biết bao nhiêu thằng!

– Ôi chao con em dâu tao nó nhiếc mắng thằng chồng nó quá trời. Nào là may mắn khéo léo khôn ngoan che mắt cách mạng, qua mặt công an, nào là siêng năng lao động tốt mà được ra sớm, để cho giờ đây kẹt! Nó nói quá khiến tao phát sợ lo cho thằng em bị nắm đầu vô ở tù lại như chơi!

Tuấn tiếp tục chán nản:

– Tao thì chưa biết thân phận ra sao, mới đút có cái đơn vô, mà gia đình bên vợ nhào vô đòi chia chác cái nhà mục của tao quá trời.

Minh chợt nhớ tới mấy người bà con bộ đội của mình. Hồi nào họ lên mặt chửi bới bọn vượt biên phản bội tổ quốc, giờ thấy chàng có vẻ có thể cũng có diện "đi" như ai, người nào cũng ai nấy đều xúm lại kể cho Minh hàng chục thứ bệnh gia truyền, dặn hàng trăm thứ thuốc làm như chàng qua Mỹ đã sẵn sàng để làm nghề... cướp kho thuốc.

Không khí chia tay trầm lặng quá, Minh cố nói vui lên phá bớt nỗi nặng nề. Chàng vỗ vai Cường:

– Bà xã tao vẫn thường kết án tao là không có lấy một mống bà con

quen biết ở nước ngoài, mày đi rồi, tao có quyền lên mặt lấy le vì có thằng bạn thân ở Mỹ!

Lời đùa cợt vô duyên của Minh tan trong im lặng, ai nấy lại có vẻ ngậm ngùi.

Đường khuya lạnh, Minh bắt tay từ giã Cường, chúc bạn lên đường thượng lộ bình an, chào Tuấn rồi lên xe đạp về. Chàng đạp chậm cố hít cho hết điếu thuốc tư bản cuối cùng trước khi về tới nhà. Hơi thuốc thơm làm ấm lồng ngực, đã lâu không được hút thuốc thơm làm Minh ho sặc lên một tiếng. Tiếng sặc vang lên khô khốc lạnh lẽo trong đêm khuya. Dưới vòm cây này, trên con đường này, bánh xe của chàng đã lăn đi lăn về trên những hạt bụi quen thuộc của quá khứ. Đã có bao nhiêu bàn chân trên con đường này theo chân người xưa đi dựng nước? Đã có bao nhiêu bàn chân cũng vướng bụi này ngược đường ra Bắc theo tiếng loa kêu gọi của Bắc Bình vương? Này thành quách của một thời xa xưa giờ chỉ còn là những mô đất tầm thường có phải một thời đã vang tiếng quân Nam hò reo quyết tử giữ thành? Này hoa, này lá, này hương đêm làm những đóa hoa bé nhỏ tầm thường nhất cũng bỗng trở nên kỳ diệu ngọt ngào. Hoa ngũ sắc ngọt lịm như đường, hoa giếng thơm sặc, những cọng cỏ ven đường cũng tỏa mùi cay. Tiếng dế mèn, chẫu chuộc, ếch nhái, tiếng con sông chảy mơ hồ thầm lặng đâu đó bỗng đồng loạt cất lên trộn lẫn thành một điệu nhạc rộn rã hắt hiu và kỳ bí. Đêm bỗng thành bát ngát bao la và Minh nghe người như bay bổng, nhẹ hẫng ngất ngây.

– Chậc, lâu không được hút thuốc, chắc mình đang say khói!

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Nhà Xuất bản **Tân Thư**
đã phát hành
• MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI
Thăng Long Văn Sĩ (Vũ Huy Quang)
• THƠ ĐỖ KH.
Liên lạc
Nhà Xuất bản Tân Thư
13081 Hope St Garden Grove
CA 92643 USA
Tél: (714)537.2468

Đoàn Khoách

an nam tức sự

một bài thơ, một tài liệu hiếm và quý về xã hội việt nam thế kỷ XIII

●

Lê Quý Đôn, nhà bác học Việt nam thế kỷ XVIII đã viết: "Đọc bài thơ *An Nam Tức Sự* trong tập *Sứ Giao Châu* của Trần Cương Trung thì có thể biết được đại khái lễ nhạc, y quan, thuế khóa, hình luật, phong tục, xu hướng, thị trấn, quan ải thời nhà Trần" (1). Ông không quên trích dẫn một số đoạn của bài thơ để đưa vào tác phẩm của mình (2). Các sử gia đời Nguyễn khi biên soạn *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* cũng có nhắc tới các phần nói về thuế khóa, hình luật trong *An Nam Tức Sự* (3). Gần đây, một số quý vị nghiên cứu Việt học cũng có nhắc đến Trần Cương Trung, hoặc trích dẫn một vài chi tiết trong *An Nam Tức Sự* khi viết về văn học, ngữ học Việt nam (4). Có điều, các phần tham khảo hay trích dẫn nói trên không nhiều, rời rạc, chưa cho chúng ta thấy một cách bao quát hết những điều quan trọng trong thi phẩm đó. Vì thế, ở đây chúng tôi xin giới thiệu, phiên dịch và chú thích toàn văn *An Nam Tức Sự* để bạn đọc có được cái nhìn toàn bộ về một bài thơ, một tài liệu hiếm và quý nói về xã hội Việt nam vào thế kỷ XIII.

I. TÁC GIẢ & VÀ TÁC PHẨM:

Theo *Nguyên Sử Liệt Truyện* thì tác giả *An Nam Tức Sự* tên Trần Phu, tự Cương Trung, hiệu Hốt Trai, người huyện Lâm Hải, lộ Thái Châu, tỉnh Chiết Giang ở Trung Quốc. Trần Phu sinh năm thứ 12 đời vua Thái Tông nhà Nguyên (1240), mất năm thứ 7 niên hiệu Đại Đức đời vua Thánh Tông (1303), thọ 64 tuổi. Vào khoảng năm Chí Nguyên

đời Nguyên Thế Tổ, Trần Phu có làm bài phú "Đại Nhất Thống" được các quan hành tỉnh Chiết Giang dâng lên triều đình và Trần Phu được cho giữ chức Sơn trưởng thư viện Thượng Thái. Sau đó ông được bổ Biên tu viện Hàn lâm Quốc sử, kiêm quản chức Lang trung bộ Lễ.

Vào năm 1292, sau khi sứ bộ nhà Nguyên gồm Thượng thư bộ Lễ Trương Lập Đạo và lang trung bộ Binh Bất Nhãn Thiếp Mục Nhi sang dụ vua Trần "vào chầu" không kết quả, Hốt Tất Liệt liền phái một sứ bộ khác gồm Thượng thư bộ Lại Lương Tăng và Lang trung bộ Lễ Trần Phu. Sứ bộ này khởi hành ở Trung quốc vào tháng chín năm Nhâm thìn (1292), tới Đại Việt vào tháng Giêng năm Quý tị (1293) và lưu lại ở đây cả thảy năm mươi hai ngày. Khi mới sang, sứ bộ được vua Trần ra nghênh đón và cũng không được mời đi cửa chính Dương Trung để vào triều. Trần Phu phải ba lần viết thư "khiển trách, từ trực khí tráng", mới được cho đi cửa giữa. Đi sứ về, Trần Phu được trao chức Hàn lâm đãi chế. Vào năm Đại Đức thứ 6 (1302) Trần Phu nhậm chức Tổng quản phủ lộ Thai Châu. Khi mất (1303), ông được truy phong Hải Lăng quận công (5).

Tác phẩm của Trần Phu có *Trần Cương Trung Thi Tập*, được giữ tại thư viện trung ương ở Bắc kinh. Sở Nghiên cứu Tân Á thuộc Đại học Trung Văn ở Hồng kông trước đây có hai bản vi phim khác nhau mang số R.631.1480 và R.631.1481 (6). Đây là bản in năm Canh thìn niên hiệu Thiên Thuận đời Minh (1406) của Thẩm Tông Thức ở Quảng Châu. Bản này căn cứ vào bản in của Bố Chánh Chiết Giang là Triệu Quân in năm Nhâm ngọ niên hiệu Hồng Vũ (1368 – 1398) (7). Theo Hoàng Phủ Giản trong bài tự đề ở cuối sách *Trần Cương Trung Thi Tập* thì bản in của Bố chánh Chiết Giang lại là ấn bản đầu tiên toàn thi tập của Trần Phu kể từ sau ngày ông mất. Thẩm Tông Thức lấy thi tập này gồm ba quyển: *Quan Quang Cảo, Giao Châu Cảo, Ngọc Đường Cảo* với *Phần Phụ Lục* một số văn kiện ngoại giao giữa Trung quốc và Đại Việt thời Nguyên – Trần, thêm *Nguyên Sử Liệt Truyện* vào trước, rồi cho ấn hành.

Giao Châu Cảo là tập thơ Trần Phu sáng tác vào khoảng thời gian ông đi sứ sang Đại Việt. *An Nam Tức Sự* là bài thứ 75 trong số 85 bài thơ trong *Giao Châu Cảo*. Đây là một bài thơ ngũ ngôn trường thiên độc vận gồm 120 câu, được tác giả ngắt làm nhiều đoạn để chú thích – đoạn dài nhất có 20 câu, đoạn ngắn nhất có 2 câu, đoạn cuối 24 câu không có phần chú thích. Có thể xem phần thơ là *cương*, phần chú thích là *mục*

của một đoạn văn hóa sử Việt nam, vừa bao quát sống động, vừa phong phú súc tích. 120 câu của bài thơ còn có thể phân làm 15 bài ngũ ngôn bát cú, niêm luật hoàn chỉnh, ý nghĩa rõ ràng. Cũng nên biết rằng, Trần Phu vì sẵn mang ý thức tự tôn Trung quốc là "nước lớn" và ông là một sử giả của "thiên triều", cho nên chúng ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy ông dùng những lời trịch thượng, đôi lúc hằn học đối với những người, những việc mà ông nói đến, hoặc có một số nhận định thiếu thiện chí do không am hiểu sự thật hay cố tình xuyên tạc bóp méo sự thật. Tuy nhiên, giá trị nội dung của *An Nam Tức Sự*, ngoài lời nhận định của Lê Quý Đôn nói trên, còn cho chúng ta thấy rõ thêm một số nét về xã hội Việt nam thời Trần, như tình hình nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, chính trị, quốc phòng, phong tục, tập quán, văn hóa, xã hội, cho đến kiến trúc, lễ nghi, thuế khóa, hình luật... mà các sử sách khác hoặc chưa thấy ghi, hoặc tuy có ghi nhưng không đầy đủ bằng.

Vì thế, chúng tôi xin phiên dịch toàn bài thơ *An Nam Tức Sự* thành 15 khổ thơ nối kết, còn những đoạn chú thích của Trần Phu đã được đánh số tương ứng cho bài thơ, chúng tôi sẽ xin dịch nghĩa ở phần tiếp theo.

II. PHIÊN DỊCH AN NAM TỨC SỰ (8):

phiên âm	**dịch thành thơ**
1. Thánh đức thiên vô ngoại	*Chung trời đội đức thánh*
Ân quang chúc hải ngu.	*Góc bể chói nguồn ân.*
Toại ban Nam Việt chiếu,	*Nam Việt liền ban chiếu,*
Tái mệnh Bắc môn nhu (9).	*Bắc môn khiến nho thần.*
Vạn lý thu trì tiết (10),	*Tiết mao giong vạn dặm,*
Thiên quan dạ chấp thù.	*Tỳ hổ kéo ngàn quân.*
Tiền khu nghiêm nổ thỉ,	*Tiền đạo cầm cung nỏ.*
Hậu thoãn ủng tiêu tô.	*Hậu đoàn chở mễ tân.*
Quyến bỉ Giao Châu vực,	*Đất nước Giao Châu này,*
Sơ vi Hán thị khu.	*Ngày xưa vốn thuộc Hán.*
Lâu thuyền chinh ký khắc, (11)	*Lâu thuyền đã tớm thâu,*
Trưng Trắc phản hoàn tru (12).	*Trưng Trắc luống làm phản.*
Ngũ Đại đồi vương nữu,	*Ngũ Đại mãi phân tranh,*
Chư phương liệt bá đồ.	*Bốn phương đều nhiễu loạn.*

Toại linh phong khí cách.
Đốn giác bản chương thù (13).
Đinh liễn tiền xương quyết,
Lê Hoàn hậu khuy du.
Nhất triêu Trần nghiệp cấu,
Bát diệp Lý tông tồ.
2. Hạ tục kiêu phù thậm,
Trung Hoa lễ nhạc vô.
Húy hiềm ngoa thị Nguyễn,
Thác chế tiếm xưng cô.
3. Tế tự tông phường tuyệt,
Hôn nhân tộc thuộc ô.
4. Tôn ty song tiễn túc,
Lão ấu nhất viên lô.
5. Trắc kiệu khinh ư lộc,
Tù tẩy tật tự phù.
6. Tà câu thanh tắng mạo,
Khúc lĩnh hắc la nhu.
7. Ngữ tiếu đường tiền yến,
Xu thương ốc thượng ô.
8. Để nha thân yển thỉ,
La ngã bối quyền hồ.
9. Tự hiệu Thiên linh lậu,
Châu danh Vạn Kiếp ngu.
10. Sênh tiêu vi xú kỹ,
Lao lễ tự dâm vu.
11. Quốc úy thanh bàn hộ,
Quân na bạch đỉnh khu.
12. Duyệt diều thân ngục tụng,
Minh tự chưởng cơ xu.
13. Bột thốt quan trung khách,
Bằng tăng tọa thượng nô.
14. Đài chương Trung tán củ,
Ấp phú Đại liêu du.
15. Lại giác tân lang thuế,

Nay phong khí đổi dời,
Hóa tách lìa đồ bản.
Đinh Liễn trước ngông nghênh,
Lê Hoàn sau dòm dõ.
Nhà Trần một mối nên,
Họ Lý tám cành đổ.
Tập tục quen điêu ngoa,
Lễ văn kém Trung thổ.
Tị hiềm đổi họ tên,
Tiếm chế xưng cô quả.
Tông tổ không thờ cúng,
Bà con lấy lẫn nhau.
Sang hèn đều cuốc bộ,
Già trẻ phơi trần đầu.
Leo núi như hươu chạy.
Lội sông quá vịt mau.
Mũ the xanh đội lệch.
Áo nhiễu thắm cong bâu.
Nói cười én trước ngõ,
Đi lại quạ nóc lầu.
Nằm cáng tườn mình lợn,
Ngồi bành cong lưng hầu.
Thiên linh đề hiệu tự,
Vạn Kiếp đặt tên châu.
Đàn sáo thờ thần nhảm,
Rượu bò tế ả dầu.
Bảng lục phò quan úy,
Gậy tày giúp quân khu.
Duyệt điều coi ngục tụng,
Minh tự giữ cơ xu.
Đầy tớ quan quỳ gối,
Kẻ hầu tiệc tóc bù.
Đài chương Trung tán hặc.
Thuế má Đại liêu thu.
Tô yên tức phải nộp,

Nhân thu yên tức tô.
16. Hoàng kim hình mạc thục,
Tử cái luật nan du.
17. An hóa kiều nguy hỉ,
Minh linh các ngập hồ.
18. Khúc ca Thấn thời thế,
Nhạc tấu Nhập hoàng đô.
19. Long nhụy thường xuyên bích,
Lâu dằng bất ly vu.
20. Đại trâm xuyên doản phát,
Trùng nữu khắc ngoan phu.
21. Hữu thất giai xuyên dậu,
Vô sàng bất thượng lô.
22. Tinh Hoa châu tác thị,
Hoa Phúc thủy vi phu.
23. Đột ngột sơn phân Lạp,
Uông mang lãng chú Lô.
24. Thử quan lâm ế mật,
Lang tái giản oanh vu.
25. Sĩ nhiếp từ tương áp,
Cao Biền tháp vị vu.
26. Thiết thuyền ba ảnh hiện,
Đồng trụ thổ ngân khô.
27. Khư lạc da thi tháp,
Điên nhai lũ cải đồ.
28. Thiên sưu thương xích lỗ
Tử hoạch lạp cao du.
29. Đoản đoản tang miêu phố,
Tùng tùng trúc thích cù.
30. Ngưu tiêu thùy tự kiếm,
Long lệ xuyết như châu.
31. Bảo giả la anh vũ,
Danh hương tiết giá cô.
32. Yết tinh đồ quỷ tượng,
Kích thác tụ binh đồ.

Thuế trầu cau rành rành.
Hình không cho chuộc bạc,
Lọng tía quý tộc dành.
Vòi vọi cầu An Hóa.
Gập ghềnh gác Minh Linh.
Khúc ca "than thời thế",
Nhạc tấu "vào đế kinh".
Long nhuy hường bên vách,
Trầu không ấp cạnh vò.
Tóc cài trâm cẩn ốc,
Mình khắc rắn giun bò.
Nhà ở mành thông gió,
Giường nằm có sưới lò.
Tinh Hoa đò họp chợ,
Hoa Phúc nước quanh gò.
Chót vót đầu non Lạp,
Mênh mông cửa dòng lô.
Thử quan rừng rậm rạp,
Lang tái suối quanh co.
Đền Sĩ Nhiếp lần rụi,
Tháp Cao Biền chừa mờ.
Thiết thuyền ảnh sóng gợn,
Đồng trụ dấu đất khô.
Chợ búa giường la liệt,
Núi đồi lối thấp cao.
Nghìn thuyền buôn mắm muối,
Bốn mùa đất mở màu.
Lùm bụi xuyên đường trúc,
Le te ngắm ruộng dâu.
Chuối trâu thòng lưỡi kiếm,
Vải rồng kết hạt châu.
Chén quý ngọc anh võ,
Hương thơm vẫn giá cô.
Treo cờ mang tượng quỷ,
Đánh mở họp binh đồ.

33. Tỉ ẩm như linh đích,
Đầu phi tự lộc lô.
34. Nhiệm bì vi cổ kích,
Hà lạp tác cùng phù.
35. Gia tất phanh xà hủy,
Nhân mãng huyễn hổ âu.
36. Ngư lân thiềm xán ngõa,
Thước vĩ hải phù phù.
37. Thủy nổ hàm sa trịch,
Sơn sam xuất huyệt thô.
38. Ngạc ngư minh tích lịch,
Thần khí thổ thù đồ.
39. Ngụ huyện thương phân trở,
Sinh linh khốn độc bộ.
Vũ giai do vị cách (14),
Chiết giản khởi năng hô (15).
Đại xã sơ truyền mã,
Viên môn hiệp thụ phù (16).
Tỳ hưu vi yển trấp,
Xà thỉ ngẫu dào bô.
Thiên dĩ tổ cừ ác,
Dân do phụng tiếm sồ (17).
Thế như Thuần cử Lũng,
Chính tự Hạo vong Ngô (18).
Phụng trát trùng tuyên lệnh,
Lang tâm cánh phục cô (19).
Hạnh năng khoan phủ chất,
Do tự luyến nê đồ (20).
Hiến tụng tôn thiên tử,
Đằng chương khiển đại phu (21).
Trượng đề ngôn khả dính,
Đố sách sự phi vu (22).
Công dục thu biên khiếu,
Uy tu trượng miếu mô.
Mộc huân trần thử thập,

Mũi uống như bình tích,
Đầu bay tựa lộc lô.
Da trăn bịt trống đánh,
Râu tôm làm gậy dò.
Dân thích ăn sâu rắn,
Người hay hóa hùm beo.
Ngói nhà chen vẩy cá,
Thuyền biển nối đuôi cheo.
"Thủy nổ" sâu phun cát,
"Sơn sam" vượn đánh đeo.
Lầu thần giao long hiện,
Sấm vang cá sấu kêu.
Bờ cõi vì xa cách,
Sinh linh chịu đắng cay.
Múa can chư hướng hóa.
Thư gửi biết kêu ai?
Đã tế cờ ra trận,
Phải dâng công tướng dài.
Sói hùm tạm ngơi nghỉ,
Heo rắn dịp chạy dài.
Giặc già trời đã giết,
Ngụy trẻ chúng tôn thờ.
Cheo leo Thuần đất Lũng,
Bướng bỉnh Hạo nhà Ngô.
Chiếu phụng hai lần giục,
Lòng lang mới chịu xo.
Búa rìu tha trị tội,
Bùn lấm vẫn lần mò.
Tụng dâng tôn thiên tử,
Sai sứ mang sắc chương.
Lời dịch mười phần chắc,
Việc ghi không lập lường.
Làm nên công biên cảnh,
Toàn cậy oai miếu đường.
Tắm gội để nên tập,

III. DỊCH NHỮNG ĐOẠN CHÚ THÍCH CỦA TRẦN PHU:

1. Nước An Nam nguyên là đất Giao Châu của nhà Hán, đời Đường lập không thành Đô hộ phủ. Đến giữa năm Trinh Minh nhà Lương, có người thổ hào tên Khúc Thừa Mỹ chiếm cứ đất này, rồi Dương Diên Nghệ, Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn tranh nhau nối ngôi cha (24). Vào năm Kiền Đức nhà Tống, con Đinh Công Trứ là Đinh Bộ Lĩnh tự lập làm vua rồi truyền ngôi cho con là Liễn và Toàn. Tiếp đó đại tướng Lê Hoàn cướp ngôi nhà Đinh. Con của Hoàn là Chí Trung lại bị Lý Công Uẩn cướp ngôi (25). Từ Lý Công Uẩn đến Đức Chính, Nhật Tôn, Kiền Đức, Dương Hoán, Thiên Tộ, Long Hàn, Hiệu Sán truyền được tám đời (26). Đến năm Ất dậu niên hiệu Gia Định nhà Tống, họ Trần mới cướp mất nước. Họ Trần nguyên là người đất Mân, có Trần Kinh ngụy đặt thụy hiệu là Văn Vương, con rể là Lý Trị. Vì Long Hàn (tức Lý Cao Tông) hèn yếu không lo nổi việc nước, nên Kinh đã cùng em là Bản (27) Ngụy đặt thụy hiệu là Khang Vương, chiếm giữ quyền binh trong nước. Hiệu Sán còn nhỏ, nên con của Kinh là Thừa đã cướp ngôi vua, tiếm hiệu là Thái Thượng Hoàng. Sau khi chết, con là Quang Bính nối ngôi, lấy tên là Uy Hoảng để giao thiệp với nhà Tống và dâng biểu xin nội phụ với nhà Tống. Đến triều Nguyên ta, Quang Bính được phong làm vua nước An Nam. Sau khi chết, con là Nhật Huyên lên nối ngôi. Nhật Huyên trước đây từng lấy tên là Nhật Chiếu để giao thiệp với nhà Tống. Nay Nhật Tốn lên thay để cai trị dân chúng. Như vậy họ Trần đã làm vua được 69 năm rồi (28).

2. Trong nước đều kiêng chữ *Lý*. Ai họ *Lý* đều phải đổi thành họ *Nguyễn*. Khi viết, hễ gặp chữ *Lý* phải bỏ bớt nét (29). Lấy cớ cha chết để tự xưng là *cô*. Trong các biểu, sớ, văn thư, cũng như đối với bề tôi, đều xưng là *cô* cả (30).

3. Tuy có miếu vũ nhưng không có tế lễ hàng năm. Chỉ có việc thờ Phật là cung kính hơn cả. Tục lệ hoàng gia thì trai gái cùng họ lấy nhau, chỉ căn cứ vào tuổi tác, chứ không theo thứ bậc lớn nhỏ trong dòng họ. Vợ của Tù trưởng bây giờ (tức vua nhà Trần) là con gái của người chú họ (tức Trần Hưng Đạo). Có lẽ vì nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, nên làm như thế để tự răn đe mình (31).

4. Dân đi chân đất, cũng có người đi giày da, nhưng khi đến cung điện nhà vua thì phải cởi giày đi đất. Trong lúc ra ngoài đón tiếp sứ giả, hàng trăm người mặc triều phục, nhưng cũng đều đi chân đất cả. Đàn

ông đều cạo đầu trọc. Kẻ có quan chức thì trùm đầu bằng khăn xanh, vì dân cả nước đều là sư cả.

5. Da chân rất dày, leo núi nhanh như bay, dù có chông gai cũng chẳng sợ. Cha con, trai gái đều tắm chung một dòng sông, dù mùa đông hay mùa hè, cũng đều tắm sông được cả. Rất giỏi nghề bơi lội, có người lặn ngầm dưới nước xa hàng vài trăm dặm (!).

6. Khăn bịt đầu bằng lụa nhuộm xanh, mặt trước rộng độ một xích, gấp cong xuống tới cổ, rồi dùng dải buộc túm lại ra phía sau. Trên đỉnh khăn có vài móc bằng kim loại. Nếu là người có chức vị, thì trên móc này lại buộc thêm một cái dải nữa. Ngày thường ở nhà chỉ để đầu trần, khi tiếp khách mới đội khăn. Nếu đi xa thì có người mang khăn theo giùm. Riêng Tù trưởng, thì búi tóc lại dùng the để bọc và buộc lại, ở xa trông như khăn của nhà đạo sĩ, còn tóc hai bên thì để lộ ra và xõa xuống. Người trong nước đều mặc áo đen, bốn thân áo cong cong, cổ áo bằng the. Đàn bà cũng mặc áo đen, chỉ khác là bên trong lót vải trắng may viền vào cổ áo. Các mầu xanh, đỏ, vàng, tía, tuyệt nhiên không thấy mặc.

7. Tiếng nói líu lo, nhanh mà bổng, rất giống tiếng chim. Đại để gọi trời là *"bột vị"*, đất là *"yên"*, mặt trăng là *"bột trượng"*, gió là *"giáo"*, mây là *"mai"*, núi là *"cán ôi"*, nước là *"tược"*, mắt là *"mạt"*, miệng là *"mãnh"*, cha là *"trá"*, mẹ là *"na"*, con trai là *"can da"*, con gái là *"can cái"*, chồng là *"trọng"*, vợ là *"đà bị"*, tốt là *"lĩnh"*, chẳng tốt là *"trương lĩnh"*, v.v... (32). Tới lui lanh lẹ, đi lại như gió, quần áo toàn một màu đen, xa trông như một đoàn quạ.

8. Phượng tiện di chuyển bằng cáng gọi là *dể nha*. Dùng một tấm vải dài độ hơn một trượng* và hai khúc gỗ tròn, mỗi khúc dài độ năm thốn,* dùng dây buộc hai đầu tấm vải vào hai khúc gỗ, rồi dùng một đòn tre xuyên ngang hai dây buộc để hai người khiêng hai đầu. Người nằm trên tấm vải, vải trĩu xuống giữa, giống như người ta khiêng con dê hay con lợn. Người sang trọng thì dùng gấm hoặc lụa, đòn khiêng sơn đen, trên có mui bằng giấy dầu đen cao chừng bốn xích,* giữa cong lên và hai bên thoãi ra. Lúc mưa thì trương mui lên, lúc tạnh thì hạ mui xuống và che bằng lọng. Tù trưởng thì dùng kiệu hồng, tán đỏ, có tám người khiêng, trông thật đẹp. Đi voi, thì trên lưng voi bày đủ yên, cương, ghế ngồi gọi là *la ngã* (33). Người ngồi trên, mình cong lại như con cáo. Cổ voi có kết mấy mươi cái lục lạc, khi voi đi có tiếng kêu long cong.

9. Sứ giả nghỉ ngơi ở phủ Thái Sư. Bên trái phủ có cái chùa nhỏ gọi

là "Thiên Linh tự". Trước chùa có tấm bia, trên ghi rõ và dựng vào năm Nhâm thìn niên hiệu Kiến Trung thứ 8 (34). Đây là tấm bia do ông tổ của Tù trưởng tiếm thụy cho mẹ là Lý thị để cầu phúc ở chốn âm ty. Lý thị ngụy thụy là Từ Thuận thái hậu, vốn là con gái của Long Hàn (35). Ngụy Hưng Đạo Vương là Trần Tuấn (36) giữ phủ Vạn Kiếp – là Lãng Châu đời Đường – trong miền đất Lãng Tây mà trước kia Mã Viện từng đóng quân. Vì đây rất sùng đạo Phật, nên mới đặt tên là Vạn Kiếp.

10. Từng dự yến ở điện Tập Hiền, thấy bọn con hát trai gái mỗi bên mươi người, đều ngồi dưới đất. Có các thứ đàn như đàn tỳ, đàn bầu, đàn tranh. Tiếng đàn tiếng hát hòa lẫn nhau. Khi hát, thì trước lấy giọng ê a, rồi sau mới có lời. Trước điện Tập Hiền có chơi các trò đá múa, leo sào, múa rối trên đầu gậy. Lại có người mặc quần gấm, mình để trần, nhảy nhót hò reo. Đàn bà đi chân đất, mười ngón tay xòe ra để múa, trông chẳng đẹp tí nào. Nhà nào cũng vậy, trước cửa đều có một miếu nhỏ thờ vị thần gọi là "Mã Đại". Vị thần tạc bằng gỗ trông xấu xí, không biết gọi là gì, nhưng cứ đến ngày rằm và mồng một, thì đem bày ra giữa sân, già trẻ cả nhà đều sắp hàng mà lạy.

11. Giữ việc nước có hai người: một là chú của Tù trưởng tức là ngụy Thái sư Trần Khải, và một nữa là em của Tù trưởng tức ngụy Thái úy Trần Hoa (37). Việc nước bất kỳ lớn nhỏ đều do Khải và Hoa quyết định. Mỗi lần đến trước cửa điện, xuống xe, thì Khải và Hoa mỗi người cầm hai miếng ván tròn như cái gương, màu xanh, rộng sáu xích,* trên vẽ mặt trời, mặt trăng, sao bắc đẩu và hai mươi tám vì sao, có ý dùng để tự che chở cho mình. Ở mỗi châu huyện có quan gọi là *tướng na* giữ việc tuần phòng, kiêm quản quân địa phương, hễ có tin cấp báo thì kéo hết trai tráng trong xứ đi ngay. Khí giới họ tự trang bị lấy; thường họ cầm nỏ và tên thuốc độc, nhưng cũng có người chỉ cầm cái gậy suôn mà thôi.

12. Quan từ cấp ty, cấp úy trở xuống có chức Kiểm phát, chức Minh tự đều là những chức quan nắm việc cai trị. Hiện nay Đinh Công Văn, Đỗ Quốc Khí, Lê Khắc Phục đang giữ các chức ấy. Thứ đến có Thượng thư, Á khanh, Hàn lâm phụng chỉ và Phán thủ am ty. Lại có chức Duyệt điều để trông coi pháp lệnh, hình ngục. Trong giòng họ Tù trưởng có Chiêu Minh, Hưng Đạo, Chiêu Hoài, Chiêu Văn và Tá Thiên đều tiếm xưng vương hiệu. Vào ngày mồng bốn tháng giêng, Tù trưởng giết trâu thết các quan và người trong họ. Lấy ngày rằm tháng bảy làm lễ lớn. Vào ngày đó, người ta đi thăm nhau, biếu xén nhau, các quan cũng mỗi người

mang một món quà dâng lên Tù trưởng. Đến ngày mười sáu, Tù trưởng mở yến tiệc để đáp lại.

13. Các nô tỳ đều khắc chữ vào trán. Có hạng gọi là *quan trung khách* tức nô tỳ thuộc nhà quan, có hạng gọi là *tọa thượng nô* tức hạng nô tỳ có thể đến hầu cận Tù trưởng. Còn các hạng khác thì trán không khắc chữ.

14. Có đặt chức Ngự sử đài trung tán, tức là chức Trung thừa. Hình pháp rất tàn khốc. Kẻ trộm cướp thì bị chặt ngón tay, ngón chân. Cũng có kẻ bị đưa cho voi giẫy chết. Trong nước lại có một cái lầu, bên trong treo cái chuông lớn; dân chúng có ai kêu ca việc gì, thì đến đánh vào chuông. Ở các châu, có đặt chức An phủ và Thông phán. Ở các huyện có chức Đại liêu. Thuế khóa nặng nề, phiền phức. Các thứ tôm cá, rau quả đều phải nộp thuế, do viên Đại liêu thu nhận.

15. Trong nước trồng rất nhiều cau. Thuế cau cũng rất nặng, có đặt các chức quan riêng để thu các thứ thuế này. Cây yên tức thì trồng để lấy lá và nhựa dùng làm hương, hàng năm thu thuế, lợi cũng khá nhiều. Có điều, loại yên tức này không giống loại yên tức ở Tây Vực.

16. Dân chúng không được giữ vàng bạc, dù một lạng hay một đồng. Nếu ai có ý dùng riêng, sẽ bị tội chết. Về phẩm hàm cao thấp của quan lại, có thể nhìn vào lọng mà phân biệt được. Hễ bậc khanh tướng thì đi ba lọng màu xanh, bậc thấp hơn thì đi hai lọng, rồi một lọng. Còn lọng màu tía chỉ dành cho những người trong hoàng tộc, kẻ khác không dám dùng.

17. Từ sứ quán đi sáu mươi dặm nữa thì đến cầu An Hóa, đi thêm một dặm nữa thì đến phía bắc cầu Thanh Hóa trên cầu có xây mười chín gian nhà. Đến chỗ Tù trưởng ở, có cửa Dương Minh, trên cửa có gác Triều Thiên. Cửa nhỏ bên trái gọi là cửa Nhật Tân, cửa nhỏ bên phải gọi là cửa Vân Hội. Bên trong cửa có một khoảng trống, ngang dọc độ vài mươi trượng.* Từ bậc thềm bước lên, thấy dưới gác có tấm biển đề Tập Hiền Điện, bên trên có gác lớn gọi là gác Minh Linh. Từ chái phải đi tới, gặp một điện lớn gọi là điện Đức Huy, cửa bên trái gọi là cửa Đồng Lạc, cửa bên phải gọi là cửa Kiều Ứng. Các biển đề đều bằng chữ vàng cả.

18. Hơn mươi người con trai, mình cởi trần, nắm tay nhau, chân giậm xuống đất, vừa xoay tròn vừa hát. Mỗi khi có một người giơ tay lên, thì những người khác cũng đều giơ lên; khi bỏ tay xuống cũng vậy. Trong các bài họ hát, có những khúc như *Trang Chu mộng điệp, Bạch Lạc*

Thiên mẫu biệt từ. Vi Sinh Ngọc Tiêu. Đạp ca. Hạo ca. v.v..., duy có khúc *Thán thời thế* là ảo não nhất, song nghe tản mạn không thể hiểu được. Khi trên điện bày yến tiệc lớn, cần có đại nhạc, thì nhạc sẽ cử lên ở sau chái nhà phía dưới, không trông thấy nhạc khí lẫn nhạc công. Mỗi lần rót rượu, trên điện có tiếng hô "tấu mỗ khúc", thì ở phía dưới có tiếng "dạ" và cử khúc nhạc đó. Có những khúc nhạc gọi là *Giáng Hoàng Long, Nhập Hoàng do, Yến Dao Trì, Nhất Giang Phong,* âm điệu rất gần nhạc cổ, nhưng có phần gấp gáp hơn.

19. Lấy nhụy long hoa và dầu hương yên tức trộn lẫn nhau, xe thành những cây hương như chiếc đũa, dài khoảng một xích,* đốt và cắm lên tường, mùi hương thơm phức. Người ở các vùng Mân, Quảng (38) thường ăn cau khô với trầu không và vôi đá, còn người Giao (39) thì chỉ ăn cau tươi. Lấy một quả cau tươi mới hái và một lá trầu không dài độ hai thốn,* quệt vôi hàu, têm lại mà ăn. Người sang dùng ống nhổ bằng đồng, có tiểu đồng mang theo bên cạnh, cả ngày nhai trầu nhóp nhép.

20. Đàn bà cắt tóc để lại chừng ba thốn,* rồi buộc túm lên đỉnh đầu, xong uốn cong đuôi tóc và buộc lại lần nữa, hình giống như cây bút. Không có các thứ phấn sáp. Người sang thì đeo khuyên tai bằng đồi mồi, các hạng khác chỉ đeo bằng xương hoặc bằng sừng. Vàng, ngọc, một chút cũng không có. Người người đều vẽ chằng chịt trên mình những nét ngoằn ngoèo, giống như chữ khắc trên các đỉnh đồng xưa. Lại có người xăm hàng chữ vào bụng "Nghĩa dĩ quyến khu, hình vu báo quốc" (vì việc nghĩa liều thân, tỏ ra ở việc báo đền ơn nước), dù là người đã có con có cháu, cũng vẫn làm như vậy (40).

21. Nhà làm không theo kiểu xấp mái, mà từ đòn dông đến hàng hiên thẳng tuột một mạch. Vì vậy mà nóc nhà tuy thật cao, nhưng mái hiên lại chỉ cách mặt đất chừng bốn năm xích.* Có nhà, mái hiên còn thấp hơn nữa, nên rất tối, phải trổ cửa sổ ngang mặt đất như hang chó lòn. Trên mặt đất trải chiếu cói, người ngồi quay về phía có ánh sáng. Bên cạnh giường ngủ luôn luôn có lò than hồng để tránh hơi ẩm xông lên.

22. Phủ Tĩnh Hoa – tức Hoan Châu đời Đường – ở cách thành Giao Châu hơn hai trăm dặm. Thuyền bè ngoại quốc đến tụ hội ở đấy. Chợ mở ngay trên thuyền, cảnh buôn bán thật là náo nhiệt. Miếu tổ cùng những vật quí trọng của Chiêu Văn là chú ruột của Tù trưởng đều còn ở đấy cả. Thật là một trấn lớn. Ở Giao Châu không có thành quách gì, chỉ có tường đất xây. Phía tây có châu Hoa Phúc, nước bọc xung quanh,

chỉ ra vào được nhờ bốn chiếc cầu bắc trên mặt nước là Mạc Kiều, Tây Dương, Ma Tha và Lão Biên.

23. Nước này bốn mặt đều là núi, nhưng chỉ có các ngọn Ký Lang, Bao Đài, Phật Tích và Mã Yên ở trong xứ là cao hơn cả. Về phía tây nam huyện Thiên Nhữ có núi Đất Đỏ (Xích thổ sơn) cao muôn nhận* đến chọc trời, dài hàng trăm dặm. Đi thuyền theo dòng Nam Sách chừng bốn mươi dặm, đến sông Phú Lương, ở đây nước chảy xiết nhưng lòng sông không rộng lắm. Phía nam sông này gọi là Kiều Thị, dân cư đông đúc. Đi bốn mươi dặm nữa thì đến sông Quy Hóa, sông Lô, rộng như sông Hán chảy qua tỉnh Hồ Bắc bên Trung Quốc. Sông ấy từ miền Đại Lý (41) ở phía tây bắc chảy xuống theo hướng đông nam rồi ra bể, cũng tức là vùng hạ lưu sông Lô, nơi Gia Cát Vũ hầu trước đây từng vượt qua (42). Cả thảy có bốn bến sông, nước sông lên xuống bất thường.

24. Từ Khâu Ôn đi về phía đông nam chừng mười mấy dặm, rồi trèo đồi vượt núi đi về hướng tây nam. Mới đầu chỉ thấy những cỏ tranh vàng và những rặng trúc kéo dài trên các triền núi hai bên đường, sau đó khi đến rừng sâu cây rậm. Có những dòng suối không rộng mấy nhưng quanh co hàng trăm khúc, có khi mới đi được chừng trăm bước là phải lội một lần, cứ như vậy đến sáu bảy mươi chỗ. Vượt qua một ngọn núi nữa thì hai bên đường cây cổ thụ mọc đầy và các thứ dây leo xanh ngắt. Có những tảng đá lớn nhỏ ra, những bụi giang bụi nứa, những lùm cỏ cây rậm rạp, địa thế rất là hiểm yếu, nơi đây gọi là ải Lão Thử. Đi về phía tây, có những cây cối kỳ lạ, cành lá chen nhau kín mít. Các thứ chim anh vũ, chim công, vừa bay vừa lên tiếng gọi nhau. Các loài vượn thì nhiều vô kể. Đi ba mươi dặm nữa thì đến ải Thích Trúc, dưới cửa ải có lính canh giữ, trên cửa ải có hai quả núi giao nhau, đường đèo chỉ đi lọt một ngựa, tre lớn, chu vi đến hai xích,* gai nhọn mọc đầy. Có lẽ đây là nơi nước này dùng để chống đỡ khi bất trắc.

25. Đời Ngô có Sĩ Nhiếp người đất Thương Ngô (43). Ông có đến bốn anh em, một người làm Thái thú quận Hợp Phố, một người làm ở quận Cửu Chân, một người làm ở quận Nam Hải, còn Sĩ Nhiếp thì làm Thái thú quận Giao Chỉ. Chính sách cai trị của Sĩ Nhiếp đầy nhân huệ, nên sau khi mất, dân địa phương lập đền thờ hết sức kính cẩn. Còn Cao Biền sau khi bình định được Giao Châu, liền dựng tháp đá bên trái Kiều Thị trên bờ sông Phú Lương, nay vẫn còn đứng sừng sững.

26. Mã Viện đánh Trưng Trắc, có đóng bốn chiếc thuyền bằng sắt,

sau bị chìm xuống bể. Ngày nay, gặp khi nước bể trong lặng, còn có thể nhìn thấy phảng phất được. Còn cột đồng do Mã Viện dựng – trên có khắc câu "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt" (cột đồng gãy, người Giao Chỉ mất nòi) – nay Trần Nhật Huyên (44) đã cho lấy đất lấp lên, trên đó dựng ngôi đền thờ Phục Ba (45).

27. Trong các xóm làng thường có chợ, cứ hai ngày họp một phiên, hàng hóa trăm thứ bày la liệt. Hễ cách năm dặm thì dựng một ngôi nhà ba gian, bốn phía đặt chõng làm nơi họp chợ. Sứ thần tới nước ấy, không được dẫn đi bằng những con đường đã có sẵn, mà toàn là đục núi làm đường, quanh co khuất khúc, khi trèo non, khi lội suối, ý muốn tỏ rằng đường đi thật khó khăn và đầy nguy hiểm.

28. Trong nước không có kho vựa tích trữ, chỉ cậy vào việc buôn bán bằng thuyền bè. Mỗi năm bốn mùa lúa chín, tuy mùa đông giá buốt, lúa vẫn tươi tốt như thường.

29. Hàng năm, người ta trồng dâu để nuôi tằm, mỗi nhà năm ba mẫu, có giậu tre rào xung quanh. Tre thứ lớn, gai cứng như sắt, chặt từng đoạn cắm xuống đất vẫn cứ sống.

30. Chuối loại lớn, đến mùa đông vẫn không rụi. Thân chuối ra bắp, bắp chuối ra hoa, khi hoa thành quả thì buồng chuối dài trĩu nặng xuống. Có loại chuối gọi là *chuối trâu,* trái vừa dài vừa lớn. Còn *vải rồng* thì trái giống trái lệ chi, vị ngọt giống vị long nhãn.

31. Ốc anh vũ có màu hồng như xà cừ. Miệng và vỏ ốc thường tương tự như miệng và cánh chim anh vũ, nên người ta gọi tên như thế. Nhiều nhất là nguyên liệu để làm hương. Có thứ bỏ xuống nước thì chìm như đàn hương, có thứ có vân giống như vằn chim gà gô. Đó là những loại gỗ quý.

32. Cờ có các màu vàng, đen, xanh, đỏ. Giữa bốn góc có vẽ hình ngôi sao, thiên thần hoặc loài quỷ dữ. Khi muốn nhóm họp đông người, thì đánh mõ tre lớn, tuy ở xa cũng vẫn nghe.

33. Có tục uống bằng mũi như trâu, nhưng khi uống rượu thì có người dùng ống mà hút (46). Dân ở động, có kẻ đầu bay được; đêm đêm bay ra miền bể nhặt tôm cá mà ăn, đến sáng trở về, người hoàn như cũ, chỉ dưới cổ có cái ngấn như sợi bông đỏ mà thôi (47).

34. Trăn có giống to như cây gỗ một ôm. Mặt da trăn rộng đến mấy xích,* dùng để bịt trống, nhưng chỉ dùng da lưng mà không dùng da

bụng. Da có nền đen, vân trắng như hình thoi. Người Giao Châu thích dùng loại trống này. Tôm hùm có loại lớn như cây cột, có con râu dài tới mười tám xích,* người miền bể dùng làm gậy chống, trông rất đẹp.

35. Rắn trên núi cũng như rắn dưới nước, đều là món ăn hàng ngày của người địa phương, thỉnh thoảng còn được dùng làm men khô. Dân miền núi có phép yêu thuật, tu luyện và đọc chú, thì có thể biến thành hổ bắt hươu, nai ăn sống, nhưng đó là trường hợp rất hiếm.

36. Ngói lợp nhà hình như miếng ván mỏng, nửa trên vuông mà sắc, nửa dưới hình giống như cái ngọc khuê đời xưa. Người ta chẻ cây tre làm đôi, đặt ngang thành mái rui, lấy đinh tre cài ngói vào đó, cứ lần lượt lợp từ mái hiên cho đến nóc nhà, trông giống như vảy cá. Thuyền thì dài và nhẹ, ván thuyền rất mỏng, đuôi thuyền giống đuôi chim khách, hai bên mạn thuyền cao hẳn lên. Mỗi chiếc thuyền có đến ba mươi người chèo, nhiều thì có đến hàng trăm người, thuyền đi nhanh như bay.

37. Con *thủy nổ* còn gọi là "hàm sa thạch công" (ngậm cát phun người), dùng hơi mà phun, ở xa ba mươi xích,* vẫn phun trúng bóng người. Người bị phun tuy chỉ cảm thấy đỏ ngứa, nhưng nếu không kịp lấy dao cắt chỗ thịt ấy đi, thì thế nào cũng đến chết. Đại để từ miền Quảng (48) trở về Nam, có rất nhiều giống trùng độc và thuốc độc, người Trung Châu (49) tới đó, nếu không khéo giữ gìn, thì tất sẽ bị chúng làm hại. Con *sơn sam* còn gọi là "sơn đô", làm tổ trên cây hoặc ở trong hang núi. Nó chỉ có một chân, nhưng nhảy rất tài, và có thể làm mê hoặc người ta. Có lẽ đây là một giống quỷ quái ở núi hay ở nước (50).

38. Cá sấu có con dài ba trượng,* có bốn chân giống con thằn lằn, màu vàng, đuôi dài, miệng tua tủa những răng như răng cưa. Nó còn có tên là "hốt lôi" (sấm nổ thình lình) vì tiếng nó kêu như sấm. Một con hươu đang chạy trên sườn núi, nghe tiếng cá sấu kêu cũng đủ khiếp mà ngã lăn xuống để cho cá sấu ăn thịt (!). Dưới bể loài cá lớn rất nhiều, trong đó có giống cá hải thu là lớn hơn cả, dù con bé cũng dài đến mấy nghìn xích,* nói là "nuốt được cả chiếc thuyền" cũng không ngoa. Vào độ cuối xuân đầu hạ, giống giao long thường phà hơi che lấp cả một góc trời, trông như hình lâu đài cung thất, cũng có khi như cả một ngọn tháp bảy tầng, người ta vẫn thường nhìn thấy (51).

Chú Thích

(1) Lê Quý Đôn, *Kiến Văn Tiểu Lục,* Q.IV, Phần Thiên chương, Bản dịch Lê Mạnh Liêu, Bộ QGGD, Sài Gòn, 1963.

(2) Lê Quý Đôn, Sđd. Q.II, Phần Thể lệ thượng.

(3) Quốc Sử Quán Huế, *Việt Sử Thông Giám Cương Mục* (gọi tắt *Cương Mục*) Chính biên, Q.VI, tờ 23, bản dịch Viện Sử Học Việt Nam, Hà Nội, 1960.

(4) Xem: Nguyễn Đổng Chi, *Việt Nam Cổ Văn Học Sử,* Phủ QVKDTVH tái bản, Sài Gòn, 1970.

Lê Văn Quán, *Nghiên cứu chữ Nôm,* KHXH Hà Nội, 1981.

Nguyễn Ngọc Bích, "Từ Chữ Nôm Đến Tiếng Nôm", Georgetown University BESL. NAVAE 84.

O.W.WOLTERS, *Two essays on Dai Viet In The Fourteenth Century,* Yale Southeast Asia Studies, USA, 1988.

(5) Đàm Chánh Bích, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển,* Văn Sử xuất bản xã, Hương cảng, 1961.

(6) Vào năm 1964, chúng tôi tu nghiệp và sưu tầm tài liệu này tại Nghiên cứu sở đó.

(7) Hồng Vũ là niên hiệu của Minh Thái tổ (1368 – 1398). Trong khoảng thời gian này không có năm Nhâm ngọ. Theo Hoàng Phủ Giản trong bài tự đề ở cuối sách *Trần Cương Trung Thi Tập* thì "... đến nay gần cả trăm năm – từ sau ngày Trần Phu di sứ An Nam về – chưa thấy toàn bộ thi tập của Trần Phu được ấn hành...". Như vậy, năm nói trên có thể là năm Canh ngọ (1390) hoặc là năm Nhâm thân (1392).

(8) Quốc hiệu nước Việt Nam từ đời Trần trở về trước là Đại Việt, Đại Cồ Việt, Vạn Xuân, Âu Lạc, Văn Lang, nhưng trong sử sách Trung Quốc lại gọi bằng nhiều tên khác như An Nam, Giao Châu, Giao Chỉ, Nam Giao, Nam Việt, Việt Thường, Bách Việt. Trong bài này Trần Phu gọi tên nước ta là An Nam, Nam Việt, Giao Châu là theo cách đó.

(9) *Bắc môn nhu:* nhà nho Bắc môn. Theo *Thông Điển* thì vào đời Đường Cao Tông, vua hay triệu các văn nho vào cung để soạn thảo công văn. Những người này thường tụ tập ở Bắc môn để chờ lệnh, nên người đương thời gọi họ là "Bắc môn học sĩ". *Bắc môn nhu* ở đây chỉ bản thân tác giả.

(10) *Thu trì tiết:* cầm thù tiết đi vào mùa thu; chỉ sứ bộ Lương Tăng và Trần Phu cầm cờ lệnh khởi hành ở Trung Quốc vào tháng 9 năm Nhâm thìn (1292).

(11) *Lâu thuyền:* thuyền lầu, loại thuyền lớn đi trận. Đời Hán, Hán

Vũ đế từng sai Dương Bộc làm "Lâu thuyền tướng quân" đi đánh Nam Việt. Ở đây, Trần Phu nói nhà Hán đã chinh phục được Giao Châu rồi.

(12) *Trưng Trắc phản hoàn tru:* Trưng Trắc làm phản lại bị giết. Theo sử cũ nước ta thì hai bà Trưng khi bị giặc đuổi riết, đã nhảy xuống sông Hát tự tử. Còn theo sử Trung Quốc như *Nam Việt Chí* của Thẩm Hoài Viễn thì Trưng Trắc lại chạy vào hang Kim Khê, hai năm sau mới bị bắt.

(13) *Ngũ Đại... bản chương thù:* ý nói từ thời Ngũ Đại về sau, uy quyền của nhà vua bị suy sụp, các địa phương cát cứ để mưu toan xưng bá xưng hùng, nên đất Giao Châu cũng không còn thống thuộc Trung Quốc như thời Hán, Đường nữa.

(14) *Vũ giai do vị cách:* đem mộc và quạt múa bên thềm nhưng chưa cảm hóa được. Câu này dẫn *Kinh Thi,* nhắc lại chuyện vua Thuấn dùng văn đức cảm hóa được rợ Hữu Miêu, còn vua Nguyên cũng lấy "văn đức" đối xử với người Đại Việt nhưng các vua nước Đại Việt vẫn chưa chịu thần phục.

(15) *Chiết giản khởi năng hô:* dùng bức thư thì làm sao có kết quả được. Trần Phu muốn nhắc đến sứ bộ Trương Lập Đạo đem chiếu thư sang Đại Việt năm trước, yêu cầu nhà vua Trần "vào chầu", nhưng liên tiếp các vua Trần đều tìm cách thoái thác.

(16) *Đại xã... hiệp thụ phù:* ý nói nhà Nguyên đã mấy lần đem quân chinh phạt Đại Việt nhưng đều bị thất bại.

(17) *Thiên dĩ... phụng tiếm sở:* tên đầu sỏ hung ác đã bị trời giết rồi (chỉ Trần Thánh Tông mất năm 1290) nhưng dân chúng vẫn tôn thờ thằng nhãi con tiếm vị (chỉ Trần Anh Tông lên ngôi năm 1293).

(18) *Thế nhu... Hạo vong Ngô:* tình trạng ngoan cố của các vua Trần thế nào cũng bị trừng phạt xứng đáng, không khác chi Tôn Hạo nước Ngô vì không biết lo sửa sang chính trị nên phải đầu hàng quân Tấn.

(19) *Phụng trát... cánh phục cô:* chỉ việc truyền đạt "chiếu thư" của Hốt Tất Liệt do sứ bộ Lương Tăng – Trần Phu năm 1293 đã làm cho vua nhà Trần phải chịu nhận lỗi.

(20) *Hạnh năng... luyến nê đồ:* ý nói: tuy lời tâu của Trần Nhân Tông sau khi tiếp chiếu thư nhún nhường như thế, nhưng vua nhà Trần vẫn cố tình viện đủ lý do để từ chối việc "vào chầu" thiên tử Hốt Tất Liệt.

(21) *Thiên tử:* chỉ vua nhà Nguyên – Đại Phu: chỉ Trần Phu.

(22) *Tượng đệ. Đối sách:* chỉ những văn kiện trao đổi giữa sứ bộ với triều đình Đại Việt trong lần sang sứ này.

(23) Chỉ tác giả: kẻ bề tôi nhỏ mọn ở Bộ Lễ, tên Trần Phu.

(24) Đoạn này văn tối, ý nhầm. Theo sử nước ta (*Cương Mục,* TB.5) thì vào năm Trinh Minh thứ 5 nhà Lương (919), vua Lương phong cho Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ. Việc này đã làm cho vua Nam Hán là Lưu Cung tức giận, sai tướng Lý Khắc Chính mang quân sang đánh Giao Châu. Dương Diên Nghệ là tướng cũ của Khúc Hạo (cha Khúc Thừa Mỹ) bèn đánh đuổi quân Nam Hán ra khỏi bờ cõi, giữ quyền cai trị tromg xứ. Sau Dương Diên Nghệ bị nha tướng của mình là Kiều Công Tiễn giết và đoạt quyền chức. Một nha tướng khác của Dương Diên Nghệ là Ngô Quyền lại đem quân giết Kiều Công Tiễn rồi tự xưng làm vua. Sau khi Ngô Quyền mất, con đầu là Xương Ngập xưng làm Thiên Sách Vương, con thứ là Xương Văn xưng làm Nam Tấn Vương.

(25) Đoạn này ý cũng không rõ. Theo sử nước ta (*Cương Mục,* CB.2) thì sau khi Lê Long Đĩnh (tức Lê Ngọa Triều) mất, Lý Công Uẩn được đình thần tôn lên làm vua tức là Lý Thái Tổ. Còn Chí Trung là danh hiệu vua Tống ban cho Lê Long Đĩnh.

(26) Tên các vua nhà Lý chép ở đây có một số không khớp với sử nước ta, như Phật Mã thì gọi là Đức Chính, Long Cán thì gọi là Long Hàn, Hiệu Sảm thì gọi Hiệu Sán.

(27) Bản tức Trần Bản, sử nước ta không thấy chép.

(28) Một số tên vua đời Trần chép ở đây khác với sử nước ta, như Trần Thái Tông tên Cảnh thì chép là Quang Bính, Trần Thánh Tông tên Hoảng thì chép là Nhật Huyên.

(29) Theo *Cương Mục* CB.5 thì *Lý* là tên ông nội của Trần Thái Tông. Do đó mà họ Trần đã đổi họ *Lý* thành họ *Nguyễn*, nói là để kiêng tên tổ mình, nhưng cũng nhằm mục đích để cho dân khỏi còn trông ngóng họ *Lý* nữa.

(30) *Cô* là mồ côi. Ngày xưa khi cha chết thì con thường xưng là *cô* hay *cô tử;* vua một nước cũng khiêm tốn tự xưng là *cô.* Ở đây Trần Phu muốn ám chỉ vua Trần lấy cớ cha chết để tự xưng là *cô* và như thế là muốn "tiếm xưng" mình cũng là *vua một nước.*

(31) Lý Huệ Tông lấy con gái Trần Lý làm vợ, khiến họ Trần có điều kiện để cướp ngôi vua của nhà Lý. Nhà Trần vì thế chủ trương trong

hoàng tộc trai gái phải lấy lẫn nhau, chứ không được lấy người họ khác, để tránh nạn ngoại thích. (32) Những chữ trong ngoặc kép ở đoạn này là phiên theo âm Hán Việt, chứ chưa hẳn là âm đúng như tác giả muốn phiên. Về vấn đề này, chúng tôi sẽ xin bàn chu đáo hơn trong một dịp khác.

(33) Những chữ *để nha và la ngã* đều phiên theo âm Hán Việt, chưa rõ tác giả muốn gọi cái gì. Có điều theo cách mô tả ở đây thì *đế nha* có thể là "chiếc cáng" và *la ngã* có thể là "bành voi".

(34) Tức năm 1232 đời vua Trần Thái Tông.

(35) Tức Long Cán.

(36) Tức Trần Quốc Tuấn.

(37) Tức Trần Quang Khải, từ năm Thiệu Bảo thứ 4 (1232) làm Thượng tướng Thái sư. Trần Hoa chưa rõ là người nào.

(38) Ở Trung Quốc.

(39) Tức Giao Châu.

(40) Tục *xâm mình* ở nước ta vốn có từ lâu. Cho đến đầu đời Trần vẫn còn xâm hình rồng ở lưng, ở bụng và ở hai đùi. Đến đời Trần Anh Tông, tục này mới bỏ.

(41) Nay thuộc tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.

(42) Theo *Tam Quốc Chí* thì khi Gia Cát Lượng đi đánh Nam Man có vượt qua Lô thủy. Tuy nhiên Lô thủy ấy chưa hẳn là sông Lô trên địa phận nước ta.

(43) Thuộc tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

(44) Tức Trần Thánh Tông.

(45) Chỉ Mã Viện. Hán Quang Vũ phong cho Mã Viện làm Phục Ba Tướng quân để đem quân sang đánh Trưng Trắc.

(46) Tục *uống bằng mũi* của một số đồng bào thuộc dân tộc thiểu số, thì trong sử sách cổ Việt Nam cũng có nói. Chẳng hạn *Cương Mục* CB. Q.7 có chép: "Vào năm Thiệu Bảo thứ 2 (1280) Trần Nhật Duật thay mặt triều đình nhà Trần đến giảng hòa với Trịnh Giác Mật, một thủ lĩnh của dân tộc ở vùng sông Đà đã cùng người địa phương ăn bốc bằng tay, uống nước bằng mũi (thủ thực tỉ ẩm) để tỏ tình anh em...".

(47) Chuyện *đầu bay*, ngoài tài liệu của Trần Phu, trong *Hậu Hán thư. Nam Man Truyện* cũng có chép: "Ở Giao Chỉ có giống người Liêu đầu bay, giống người Liêu quần đỏ, giống người Liêu uống bằng mũi, là

cực khổ nhất. Họ đều ở hang, nằm tổ...". Tuy nhiên trong sử sách của ta thì không thấy nói.

(48) Có thể là mấy tỉnh miền Nam Trung Quốc giáp với Giao Châu.

(49) Chỉ người Trung Quốc.

(50) Theo *Thần Dị Kinh, sơn sam* là một giống người ở phương tây, mình cao hơn một xích,* thường ở truồng, hay đi bắt tôm cua mà ăn.

(51) Trên mặt bể những lúc lặng sóng, đôi khi thấy như có lâu đài cung điện xây lơ lửng trên không, người xưa cho đó là hơi của con *thần* (một loại giao long) phà ra mà thành. Các sách vở xưa thường gọi đó là "thẩn lâu hải thị". Ở các vùng sa mạc, vào những lúc nào đó của thời tiết, cũng hay thấy hiện tượng tương tự. Thực ra, hiện tượng này, theo khoa học thì đó là do sự khúc xạ ánh sáng qua các lăng kính hơi nước mà thành.

* Những từ "thốn, xích, trượng, nhận" trong bài là chỉ đơn vị chiều dài xưa của Trung Quốc. Theo *Từ Hải:*

1 xích có mười thốn = 0.32 m

1 trượng có 10 xích = 3.20 m

1 nhận có 8 xích = 2.56 m

Đoàn Khoách

Khánh Trường

mưa cuối năm

Trói tôi, trăm sợi mưa buồn
sầu chia bóng dập. Đêm tuông giọt bầm
cuối đời. Trăng, một vầng câm
ngó lên. Ngất. Ngất. Mưa đầm thịt da.

tổng kết cuối năm

Quẩn quanh. Cái bóng. Cái hình
cái yêu. Cái ghét. Cái mình. Cái ta
Cái điêu ngoa. Cái thật thà
Cái đau sinh tử. Và... và... cái ngu

Hồ Đình Nghiêm.

cul–de–sac

●

Emanuelle mặc áo màu xanh. May kiểu kỳ lạ và hàng vải mỏng khiến cho tôi thèm muốn. Nếu không có ai đám lau nhau ngồi vây quanh bàn tròn có lẽ tôi sẽ nói cái ý nghĩ đó ra cho cô ấy nghe. Bình thường tôi không phải là đứa bạo mồm, nhưng trong khung cảnh này có thể liều mạng để nói một lời thành thực tôi nghĩ cũng chẳng mấy khó. Thằng Mario đưa cốc bia sóng sánh vàng lên ngang tầm mắt, hắn nói gì đó rồi cả bọn đồng loạt làm cử động giống hắn, tôi cũng vậy. Những cái ly thủy tinh va vào nhau, nước chòng chành lấp liếm tràn ra vành ly, chảy xuống tay. Tay tôi rít rát và mắt Emanuelle long lanh. Tôi không để ý cô ấy uống được mấy chai rồi, nhưng hiện tại mặt mày cô đỏ ửng. Cái màu đỏ đó không giống như da mặt của một người đàn bà giận dữ thịnh nộ đi đánh ghen. Rõ ràng là do men bia gây nên. Tuy vậy, nó cũng tựa tựa như sắc diện của đứa con gái lần đầu mạo hiểm với người yêu đi khám phá những hoan lạc bí ẩn. Tôi mới uống qua chai thứ hai chứ mấy, bia lại là thứ nhẹ. Bud light. Vậy mà tôi thấy khó chịu. Khi người ta dùng tới sự tưởng tượng để loay hoay nghĩ về miền da thịt nuột nà có đồi cao có khe suối có rừng rậm có hương hoa dĩ nhiên cái đứa nhiều chuyện, giàu đầu óc u ám đó sẽ bị rối loạn kinh mạch. Nếu điều này đúng, sức mấy tôi bước ra đường ranh ngoại lệ. Tôi mường tượng tới phòng trọ như cái ổ chim của mình. Cái giường xếp bằng sắt thật đã chiến mua rẻ ở Pascal có những vòng lò xo dưới nệm luôm đệm khúc nhạc rên rỉ cho mỗi một trở mình. Cái gối màu mè thêu hai chữ Bonne nuit màu hồng chẳng bao

giờ hiệu nghiệm cho cái đầu khổ chủ đầy những toan tính lo âu giữa một miền đất lạ...

– Mấy đứa bây cứ uống thoải mái. Tao trả tiền hết rồi và bây giờ tao có việc phải đi.

Ông thầy giáo có hai thứ tóc trên đầu nói vậy. Bàn tay nhăn da có những sợi gân xanh nổi vồng đi bắt tay mọi đứa ngồi quanh bàn. Đến chỗ Emanuelle thì cúi xuống ôm vai cô ấy để hôn hai bên má. Emanuelle quăng điếu thuốc vào gạt tàn:

– Phải về sao, Jean?

Ông Jean bắt tay tôi:

– Chúc mày kiếm được chỗ làm như ý.

Tôi đứng lên, thoáng có chút cảm động. Việt nam mà, đâu có như Tây u bọn nó. Thầy một ngày cũng là thầy. Huống hồ trong túi áo tôi còn có mảnh giấy giới thiệu việc làm do chính tay ổng viết, gửi gấm. Đại để thằng cầm tờ giấy này xem chừng làm được việc. Chăm chỉ nhất trong lớp học huấn nghệ, hai kỳ thi của sáu tháng hắn đều đạt điểm cao.

Tôi nói cám ơn sư phụ. Và mắt vô tình nhìn xuống thấy cả vùng ngực đầy của Emanuelle. Bậy quá. Lý ra lòng tôi phải đi cho đến cuối đường cảm xúc, giữa cái giây phút bịn rịn giã từ. Sự gợi cảm của Emanuelle làm tôi chôn chân, dùng dằng không tiến được ông thầy nửa bước. "Chào, mong một ngày gặp lại". Tôi chỉ nói có bấy nhiêu. Chìm trong vũng âm thanh của nhạc treo góc quán, lạc trong những bàn tán xôn xao đám bạn học tuổi tác không đồng đều. Bọn nó đang tranh cãi về một tiết mục nối tiếp. Chẳng có sổ lưu niệm, chỉ có nhậu nhẹt, đít cô hùm bà lằng để đánh dấu một phen chia tay cuối khóa học nghề. Emanuelle kéo tay tôi ngồi xuống:

– Mày có ý kiến chi không? Đi kéo ghế ở tiệm ăn Việt nam miên nghe?

– Tôi không có ý kiến.

Tôi trả lời. Mỉm cười riêng lẻ với câu nói không thể thành lời: "Giả như ý kiến của anh là hai đứa mình về nhà hú hí suốt đêm thì sao nhỉ. Hả em Emanuelle?"

Thằng Mario lại biểu diễn cái màn nâng ly. Cái thằng bụng phệ mẹ người Ý cha người Pháp này coi bộ háo tửu hơn háo sắc háo thực.

– Ăn chi giờ này mà vội tính. Lẽ nào uống chỉ có bấy nhiêu thôi? Vô một chút xíu đi anh em.

Hắn uống một hơi cạn sạch ly bia. Rõ là tầm bậy. Quá xá cỡ chứ chút xíu chi được. Trăm phần trăm sao cha nội? Tôi không thuộc môn phái của hắn, có nghĩa là bia rượu thì chẳng có chi hấp dẫn cả. Cà phê thì ô kê. Mày dám ngồi đồng hàng giờ trong quán với tao không? Tôi nghĩ tới Hương. Quán cà phê Dạ Hương. Khung cảnh, vật liệu đề co, nhạc nhiếc phiền muộn, dáng mỏng thầm kín của người con gái tóc đen dài mượt làm mỗi lần ghé đến là mỗi một ray rứt thương nhớ quê nhà có cơ trào dâng nhức nhối.

Tôi nghĩ. Khi người ta chạm mặt ê ẩm với nỗi khổ đau, chuyện có thể xảy đến cho người đó một là nổi nóng điên khùng lên, hai là co quắp lại chịu đựng và rồi than thở ra trên giấy viết. Tôi còn bình thường, chưa điên tiết lên nên tôi vẫn ngồi hàng giờ trong quán Dạ Hương để lấy ý viết truyện. Hương không mấy thích được quen một tên viết văn đầy mộng tưởng. Tôi cầm tờ giấy chứng chỉ tốt nghiệp sáu tháng học nghề này về, kiếm được một việc làm chuyên môn liệu Hương có dễ dãi cho cầm tay nắm chân nói lời hò hẹn? Thằng bạn tôi lưu lạc ở Mỹ viết thư qua với bảy trang giấy đầy đặc chữ rao giảng nghệ thuật sống, đoạn gần cuối có truyền một chiêu như sau: "... tụi Tây đầm ở đây chơi ba lơn cho vui thôi, nghe mày. Lấy vợ thì phải nghĩ tới, tranh đấu cho bằng được một người con gái Việt nam da vàng...".

Lấy vợ? Quả thiệt hai chữ đơn sơ trần trụi này đã khiến tôi dằn vặt không ít. Tôi yêu Hương mà em đành ngoảnh mặt sao...?

Đồng hồ sáng đèn in nhãn hiệu một loại bia chỉ tám giờ. Cả bọn thấy đói nên thằng Mario phải chìu ý rời quán. Hắn nói gần đây có một chỗ bán toàn đồ ăn của Ý ngon không chê được. Tôi cũng trót sinh làm người ít khi chìu lòng phục vụ thần khẩu nên tôi hững hờ chuyện góp lời bàn loanh quanh mấy cái menu lạ tai. Dĩ thực vi tiên. Ba cái ông ba Tàu tài lũ nói ra trong lúc trà dư tửu hậu vậy thôi. Xuất thân từ một Việt nam không mấy giàu mạnh, lớn lên trong một vùng khói lửa bị địch tràn chiếm từ một quận lị hoang sơ cho đến toàn cõi đất nước; nên đối với tôi ăn thứ gì cũng được, ăn thứ gì cũng xong. Chẳng thành vấn đề. Pizza Spaghetti đâu có care mà sấn khoai bo bo cũng dễ kêu. Đã lỡ góp mặt với tụi nó thì cứ giả bộ "vui cho trọn đêm nay". Lớp học gồm mười hai đứa, đã gần một nửa viện dẫn lý do gì đó để không tiện ngồi với nhau lần

cuối. Kể cả cô ả Sylvie mặn mòi mời ly dị chồng cũng nằng nặc ra về dù Emanuelle có vùng vằng lôi kéo. Thúy Kiều bỏ đi Thúy Vân chịu trận. Con nhỏ khuôn trăng đầy đặn trước khi lên xe buýt còn đá lông nheo với Hồ công tử: "Mày nhớ làm cho con Emanuelle nó vui nghe". Lời ủy thác kia khiến tôi ray rứt không ít. Vui và buồn thật ra chỉ cách nhau một đường ranh nhỏ. Tôi vừa coi trên TV cái phim tình cảm lãng mạn gì đó. Ban đầu nàng vai chính vui đùa cười nghịch, lăn qua trở lại một hồi tóc tai bù xù thì nàng ta ôm mặt khóc hu hu. Chàng con trai trẻ tuổi bằng tôi ngồi trên đống rơm rạ đực mặt ra chỉ biết kéo phẹc mơ tuya quần jean lên mà không hiểu ất giáp mô tê gì ráo. Cuối cùng là cái đám cưới miễn cưỡng chạy cà xịch cà tang trên chiếc xe tróc sơn loang lổ có ghi ngả nghiêng hai chữ Just Married dưới một buổi chiều tà nắng quái ủ dột miền quê hoang dã. Thiệt là tận cùng bằng số, nói theo ngôn ngữ toán học. Giả như tôi chơi cái chiêu thức đánh nhanh đánh mạnh của thằng con trai trong phim kia chẳng rõ Emanuelle sẽ phản công ra sao? (Trời ơi! Không hiểu sao chiều nay cô ấy lại ăn vận cái áo hở hang thầy chạy đến thế?). Lúc nhỏ, tôi rất yêu mẫu đối thoại của một chàng nông dân khi đứng trước vành móng ngựa can tội cưỡng hiếp một cô gái. Quan tòa đập búa hỏi:

– Mày đã nhận tội chưa?

– Chưa. Tôi nào có tội tình gì.

– Vậy chớ lỗi lầm này do ai gây ra?

– Gió. Chỉ tại gió. Gió đã làm tốc váy cô ấy lên... Và khi thấy cái đó rồi (nuốt nước miếng) thì tôi chỉ làm một việc hết sức bình thường của nhân loại.

Cái phim gì đó lâu ngày tôi đã quên tên. Thiệt dễ thương...

Emanuelle nó:

– Có cả thảy ba xe, chia nhau ra ngồi mà đi ăn cho rồi. Ô, mày đi với tao nghe.

Thằng Mario đứng dậy, kéo lưng quần lên đúng vị trí lỗ rún bụng mỡ như mang bầu. Hắn trửng giỡn bằng giọng điệu của ông già Noel: "Ô. Là la là la..." rồi tới ôm vai tôi lắc lắc. Mấy cái trò này không còn mới mẻ. Vẫn diễn ra dài dài từ buổi đầu nhập học, mười hai đứa tự giới thiệu tên tuổi. Cả bọn không giữ lịch sự nhăn răng ra cười khi tới phiên tôi: Hồ. Chỉ có Emanuelle là giữ vẻ mặt nghiêm trang. Thằng Paul thì đứng

lên hát sang sảng bài quốc ca: Ô Ca na đà... Một cái tên gọi mà c
nên trò đùa. Tức cười thiệt.

Tôi chấm dứt những tiếng cười bằng cách nói với Emanuell

– Để moa lái xe cho. Toa có vẻ muốn say rồi.

– Đắc co. Ô, mày biết cái tiệm Y ta liên đó không?

Tôi làm thinh. Nhận chùm chìa khóa từ bàn tay có những
nhọn sơn đỏ. Cánh tay trần, thịt mát và những sợi lông măng vàr
dưới ánh đèn xe thằng Mario đã nổ máy, khởi sự chạy. Không c
nào quá giang, lòng tôi chật cả những toan tính. Phút giây này ch
hai đứa, tôi lóng cóng mở cửa xe và đề máy hồi lâu mới nổ. Bàn t
nhớp nháp rịn mồ hôi trên vô lăng. Tôi nhìn Emanuelle gài giây an
Ngực nàng nổi rõ bởi băng đen buộc chéo, phập phồng.

– Chạy đi chứ, ra đằng ngã tư kia thì quẹo trái.

Cô ta duỗi tay chỉ đường. Tôi nhìn bóng tối mơ hồ chứa đầy tr
nách Emanuelle thoảng một mùi hương ngọt ngào ôn tới cần cổ.

– Toa đói thật sao?

Tôi hỏi một câu sật sừ. Emanuelle ngáp:

– Không đói lắm, nhưng phải kiếm cái ăn chứ không thì tao ngủ m
Sao mỗi khi uống nhiều bia thì mắt của tao cứ chực ríu lại?

– Bây giờ tụi mình tách riêng đi nghe. Moa chạy xe lên núi M
Royal có gió hiu hiu cho toa ngủ chút xíu. Rồi sau đó...

Không nghe ư hử đả động. Chỉ có tiếng máy khò khè như người
cơn suyễn. Xe đời 80, dám xưa hơn. Như thế liệu bò lên núi có bị ho h
trở chứng? Tôi đâu phải là chủ nhân, làm sao biết được sở trường
đoản của cái hộp sắt này. Nhìn qua chủ xe, cánh tay ngọc đỡ vầng trá
Đôi mắt nhắm mi cong. Đường mũi thẳng... và vùng ngực thoi thóp.

Tôi cho xe rời khỏi sân đậu, chạy xuống lề đường, ra đằng ngã
nhưng không quẹo trái. Trái là vũng màu sắc tập trung của cao ốc hà
quán phố phường nở rộ đèn đóm. Phải là vũng mờ của dáng núi rù
cây le lói hai dãy điện đường dẫn tới cuối đường một âm mưu chẳng m
minh bạch, sáng suốt một tội lỗi. Emanuelle vẫn nhắm mắt, trong ch
chờn cơn say? Xe của cô ấy đã ngược hướng chỉ dẫn đến ba bốn đo
đường đỏ vàng xanh mà cô nào có hay. Tôi như thằng con trai lần đ
ngồi trước vô lăng ở trường dạy lèo lái xe hơi, thấy tim đập một t
choáng ngộp khó cầm lòng cảnh tỉnh. Không có ăn nhậu đít cô đít

lên hát sang sảng bài quốc ca: Ô Ca na đà... Một cái tên gọi mà cũng làm nên trò đùa. Tức cười thiệt.

Tôi chấm dứt những tiếng cười bằng cách nói với Emanuelle:

– Để moa lái xe cho. Toa có vẻ muốn sạy rồi.

– Đắc co. Ô, mày biết cái tiệm Y ta liên đó không?

Tôi làm thinh. Nhận chùm chìa khóa từ bàn tay có những móng nhọn sơn đỏ. Cánh tay trần, thịt mát và những sợi lông măng vàng óng dưới ánh đèn xe thằng Mario đã nổ máy, khởi sự chạy. Không có đứa nào quá giang, lòng tôi chật cả những toan tính. Phút giây này chỉ còn hai đứa, tôi lóng cóng mở cửa xe và đề máy hồi lâu mới nổ. Bàn tay tôi nhớp nhúp rịn mồ hôi trên vô lăng. Tôi nhìn Emanuelle gài giây an toàn. Ngực nàng nổi rõ bởi băng đen buộc chéo, phập phồng.

– Chạy đi chứ, ra đằng ngã tư kia thì quẹo trái.

Cô ta duỗi tay chỉ đường. Tôi nhìn bóng tối mơ hồ chứa đầy trong nách Emanuelle thoảng một mùi hương ngọt ngào ôn tồn cần cổ.

– Toa đói thật sao?

Tôi hỏi một câu sật sừ. Emanuelle ngáp:

– Không đói lắm, nhưng phải kiếm cái ăn chứ không thì tao ngủ mất. Sao mỗi khi uống nhiều bia thì mắt của tao cứ chực ríu lại?

– Bây giờ tụi mình tách riêng đi nghe. Moa chạy xe lên núi Mont Royal có gió hiu hiu cho toa ngủ chút xíu. Rồi sau đó...

Không nghe ư hử đả động. Chỉ có tiếng máy khò khè như người lên cơn suyễn. Xe đời 80, dám xưa hơn. Như thế liệu bò lên núi có bị ho hen trở chứng? Tôi đâu phải là chủ nhân, làm sao biết được sở trường sở đoản của cái hộp sắt này. Nhìn qua chủ xe, cánh tay ngọc đỡ vầng trán. Đôi mắt nhắm mi cong. Đường mũi thẳng... và vùng ngực thoi thóp.

Tôi cho xe rời khỏi sân đậu, chạy xuống lề đường, ra đằng ngã tư, nhưng không quẹo trái. Trái là vũng màu sắc tập trung của cao ốc hàng quán phố phường nở rộ đèn đóm. Phải là vũng mờ của dáng núi rừng cây le lói hai dãy điện đường dẫn tới cuối đường một âm mưu chẳng mấy minh bạch, sáng suốt một tội lỗi. Emanuelle vẫn nhắm mắt, trong chập chờn cơn say? Xe của cô ấy đã ngược hướng chỉ dẫn đến ba bốn đoạn đường đỏ vàng xanh mà cô nào có hay. Tôi như thằng con trai lần đầu ngồi trước vô lăng ở trường dạy lèo lái xe hơi, thấy tim đập một thứ choáng ngộp khó cầm lòng cảnh tỉnh. Không có ăn nhậu đít cô đít bà

hùm bà lằng gì ráo trọi. Chính tôi sẽ hí hoáy viết sổ lưu niệm trên trang đời Emanuelle. Chẳng biết có thành tựu? Tôi nhìn thấy và ngó lơ cái mũi tên vẽ cong sáng ánh lân tinh chỉ đường lên núi. Tôi tránh để xe khỏi vấp ổ gà sợ làm kinh động đến giấc miên trường của ngọc thể. Đèn đỏ ở ngã tư có cây xăng Esso sáng đến độ muốn làm lóa mắt người. Emanuelle chép miệng, có lẽ đang khô đắng, nhưng chưa vội mở mắt. Ức cô ta đầy thịt, cổ đeo sợi giây chuyền và cái thập tự giá buông lơi vừa đủ ngang đường ranh giữa lõm và lồi. Đèn màu cam bật sáng. Gõ sẽ mở, xin sẽ cho, muốn sẽ được. Hình như ba cái sẽ đó nằm trong kinh thánh? Lòng tôi bồi hồi. Đừng có ba khoan nghe đồng chí Emanuelle. Đèn xanh. Xe ngỏng đầu lên. Tới luôn bác tài. Đường số 2 cắt ngang. Đường số 4 vừa nằm sau đít. Đường số 6 sẽ là căn phòng có gối thêu Bonne nuit, có giường sắt dã chiến vang tiếng nhạc tơ đồng.

Tôi un xe vô khoảng sân hẹp thiệt điệu nghệ. Rất yên tâm khi biết rõ tay chủ nhà đã vác xế hộp đi nghỉ hè ở Toronto từ hai ngày trước. Khỏi lo chuyện đang hồ hởi tổng tấn công nổi dậy thì nghe tiếng còi cấp bách khẩn trương của lũy dựng đầu phá đám về cái tội lấn đất dành chỗ đậu xe.

Emanuelle mở mắt. Tôi tắt máy. Bóng tối ngập đầy, tràn tới mau, khi không còn hai ngọn đèn xe chiếu lên vách trắng cửa nhà phòng tôi.

– Chuyện gì vậy?

– Moa hỏi toa mới đúng. Uống nhiều bia rồi nhức đầu phải không?

– Nhà của mày sao, ô?

– Phải. Hồ gia trang. Có cần vào uống một vài viên Aspirin không?

Tôi mở cửa xe. Vòng sang bên đón dìu Emanuelle. Lá vàng phủ đầy sân cỏ, những bước chân nghe như nặng nề dẫm đạp xào xạc lá chết. Da thịt không còn mát lạnh, người Emanuelle nóng trong vòng tay tôi ôm. Thân nhiệt cô ấy bùng tỏa một ngọn lửa, không hệt như người bị cảm sốt. Tôi khéo tưởng tượng. Nếu có sốt thì kẻ đó phải là tôi thôi.

– Bậy quá. Tao không hiểu được tại sao dạo này tao yếu đuối quá.

– Sylvie nói hình như toa gặp phải chuyện buồn?

– Tao uống nhiều bia không phải vì chuyện đó. Tao muốn vui với mọi người thôi.

– Từ từ rồi hẳng nói. Coi chừng cái bậc cấp nghe.

Tôi đứng mở cửa trong khi Emanuelle xoay người cúi đầu như muốn

nôn. Đêm ở đây tĩnh lặng, cả gió cũng không len lỏi vào được cái chỗ tôi ngụ bít bùng thỏm lỏm giữa hai dãy nhà cao. Vậy nhưng tôi hoàn toàn không muốn cô ấy bị trúng gió bất tử. Tôi bật công tắc đèn, nắm tay Emanuelle lôi vào trong, và khóa cửa. Cô ta có vẻ đuối sức thật. Dưới cái gối màu mè kia tôi luôn thủ sẵn chai dầu xanh nhãn hiệu con ó made in Taiwan. Má tôi ở bên nhà vẫn chuyên trị thứ dầu nóng hiệu nghiệm này và truyền kinh nghiệm sang tới đời tôi. Tây đầm nó đâu có tin vô ba cái vụ này, sợ xức vào người nó bị nó cự nự lôi thôi mùi gì hôi rình à. Thì thôi cho em thơm tho trong váng vất cơn đau.

Tôi dìu Emanuelle nằm xuống giường, đi ra bếp mở vòi hứng đầy một ly nước lạnh rồi chùi tay lục tủ thổ ra hai viên Anacin. Tôi không hiểu được cái sinh hoạt của thị trường thuốc thang bên ngoài giang hồ, bọn bàng môn tả đạo có chế bán những loại đại khái như mê hồn tán, dục tình vô hương...? Tôi hình dung ra những tên ma giáo nhắm tít hai con mắt lại trên gương mặt bóng nhẫy một chữ Dê, xoa xoa tay trước khi hung hăn vồ chập lột quần xé áo và nạn nhân thụt lùi thụt lùi, buông cốc loảng xoảng dưới nền nhà: "Rượu có độc...". Vừa thều thào nói vừa quay cuồng thấy một loạt hình ảnh thằng súc sanh chờn vờn xoay khi tỏ khi mờ trước mắt mà xuội lơ vô phương chống đỡ.

Emanuelle không nằm. Cô ta đã ngồi dậy từ hồi nào tôi không nghe tiếng rên của lò xo làm hiệu. Trong tay cô là cuốn album nhét cứng hình ảnh của tất cả mặt mày người thân yêu tôi lỡ quay lưng xa vạn dặm. Vật gia bảo của tôi đó. Nhặt góp sưu tầm cho đủ đầy một kỷ niệm thời an bình đã mất. Giờ thì tứ tán bốn phương tám hướng, kẻ còn người mất. Những ông anh tôi vì cớ gì một sớm buông súng chịu thua trước kẻ thù? Một tôi vì cớ gì phiêu đạt mãi loay hoay giờ này tìm phương án cho hợp tình hợp cảnh đặng bẻ khóa động đào giải phóng đối phương? Một chiến lược gia thời xa xưa, một ông rành về binh pháp có phán rằng: "Dục tốc bất đạt". Ừ, thì từ từ đợi thời cơ chín mùi. Sao cái tay cầm ly nước cứ mãi run run? Sao cái cõi lòng cứ dạt dào sóng vỗ cho thủy triều ngập lụt tức thì một chữ Sướng? Phải "tề gia" mới trị quốc và bình thiên hạ được. Khổ chưa.

– Ô. Cái ảnh này sao trông quen quen... À, hình như tao đã thấy qua trong phim Full metal jackets.

Emanuelle như đã bớt mệt. Cuộc chiến Việt nam lại hơn một lần nữa

đem tới sự tò mò lôi cuốn muộn màng. Có đúng vậy chăng? Má ơi, đầu xanh không công hiệu đã đành, đến cả thuốc Tây cũng chẳng cần thiết. Tôi để mọi thứ đang cầm ở đôi tay đặt xuống bàn ngủ. Móng tay sơn đỏ của Emanuelle đang chỉ vào tấm hình anh tôi mặc áo giáp đội nón sắt cầm AR 15 đứng trên đống gạch ngói vỡ vụn và phông là một dãy lầu bị ăn pháo te tua, tuy thế còn đọc được hàng chữ quảng cáo kem đánh răng Hynos tô sơn trên vách lỗ chỗ điêu tàn. Trận Mậu thân.

– Phim ảnh dựng lên không đúng như vậy đâu. Thành phố của moa thời hoa niên đó.

– Ai vậy?

– Anh của moa.

– Còn cái này?

– Cũng là ông ấy.

– Sao kỳ vậy?

Tôi không hơi đâu dài dòng cho Emanuelle hiểu. Trường thiên bi kịch xã hội tiểu thuyết đường rừng gay cấn mạo hiểm ai lại đi kể giữa một hạn hẹp của năm canh. Đó là cái ảnh anh tôi ngồi trên chiếc xe đạp, bộ xương cách trí còn sót lại sau bảy năm tù đày và phông là lao nhao hớt hãi của hết thảy người ngợm đi kiếm mánh giữa Sàigòn tám mươi bảy. Sáu mươi tám và tám mươi bảy là chặng đời ngắn. Đồng ý. Nhưng em ơi, ông anh của anh giơ xương còn ngồi được trên chiếc xe thồ đã là một huyền nhiệm lắm rồi. Đừng thắc mắc kỳ cục nữa. Đêm sẽ chóng tàn.

– Ủa, ai đây? Cái mặt người này coi bộ giống hệt như mày.

Tôi liếc nhìn đồng hồ trước khi dòm vô trang album kê trên đùi Emanuelle. Nữa, cô ấy sử dụng nhất dương chỉ toàn nhắm vô mấy cái ảnh "ác ôn".

– Ma măng. Má của moa đó. Trở thành tàn phế sau khi bồi xách cho mấy ông anh moa bị tù. Xe lật giữa đèo, thuốc thang phương tiện đều không có để chữa người.

Mí mắt tôi thấy cay cay. Emanuelle có lịch lãm kinh nghiệm không mà từ thế thủ chuyển sang thế công một chiêu quá đỗi thâm hậu. Tôi quỳ xuống, sụm bà chè trước người cô ấy vì thấy đau lưng mỏi chân.

– Tao xin lỗi nghe. Ở bên đó sao có nhiều cái quái chiêu không hiểu nổi.

Cô ta bỏ một tay ra xoa đầu tôi, làm như mẹ hiền an ủi con thơ. Tôi

ngửi được mùi hôi từ đôi vớ mình mang, nhìn qua bắp chân trắng nuột, từ từ đi lên, đi lên và nhãn quang dừng yên ở độc đạo thăm thẳm đen hình chữ V. Cái váy màu xanh trở nên ngắn khi Emanuelle ngồi. Hèn gì cô ấy đã lợi dụng lấy cuốn album đặt lên che đùi. Tôi nắm tay Emanuelle, tay kia xếp vất những trang chướng ngại vật và dụi đầu vào thế chỗ.

– Mày có ưa nghe chuyện buồn của tao không?

Cô ta ngã người ra. Tôi biến thành động vật bò sát. Làm rắn trườn lên vùng đất êm ái địa đàng. Không phải tốn hơi xúi dục ai ăn trái cấm cả, chính Ô này sẽ cấn ngoạm nuốt chửng và nếu cần, trốn biệt xuống địa ngục cũng vừa. Hả Thượng đế? Phải không Emanuelle nhiệm mầu?

– Tội cho má mày quá. Qua được bên này chắc không đến nỗi.

Tôi quyết không nghe cô ấy lung lạc tinh thần. Tôi hôn hít.

– Như trường hợp của tao đó. Bị tai nạn xe hơi... Ô, đừng làm tao đau.

Giường Pascal rẻ tiền oằn xuống chịu không nổi 100 kilô, rên thảm thiết. Emanuelle chỉ bị 50 kí xương thịt của tôi đè lên thôi mà cũng sớm dở giọng rên la dù "nhất kiếm chưa trấn ải".

– Tao đau thật đó. Ô, mày biết vì sao thằng bồ tao nó bỏ đi không?

– Lúc này hãy cố quên mấy chuyện đó đi chớ. Tôi hào hển.

– Tao bị ắc xi đăng. Vào nhà thương chụp phim họ nói gãy xương tùm lum chỗ.

Tôi cởi mấy hạt nút áo trên cái jupe xanh, màu hy vọng. Cái thánh giá quay mặt, tự động rớt xuống ẩn nấp sau gáy có tóc vàng rối bung thơm mùi shampoo Finesse.

– Tao không có khả năng làm được những chuyện này ít nhất trong hai năm. Thằng bồ tao... Ô, tao đau quá. Tám con vít bằng sắt trong người tao đang phản đối đó.

Emanuelle coi bộ mỏi miệng. Cái đùi thon của cô ấy co lại làm ngựa đá hất tôi qua bên. Giường sắt bệnh chủ kêu cót két gầm gừ. Emanuelle đứng dậy nhăn mặt phủi sửa lại y phục. Những móng đỏ di động sờ nắn bóp thoa ở hông ở mông.

– Đau thật đó, nhưng cũng đỡ... Tao thấy thương cho bà già mày quá.

Nữa, lại lôi chuyện nhức nhối rối như tơ vò đó ra. Tôi nằm thẳng duỗi không nhúc nhích. Cái gối úp lên mặt che ánh sáng kệch cỡm từ

ngọn đèn trên trần chiếu xuống như tra tấn. Tôi nhớ tới má tôi. Nghĩ tới những con vít, triệu triệu con đang siết cứng trên thân thể gầy guộc tang thương của quê hương mình. Những con ốc vít bắt trong da thịt Emanuelle là để tháp nối chữa lành những cái xương gãy. Những con ốc vít cắm trên quê nhà tôi là những kềm kẹp làm cho con người trở nên tật nguyền, phá hoại vỡ vụn những hạnh phúc nhỏ nhoi tầm thường, dẫu có.

Emanuelle lại tới vò đầu tôi. Những cái núi lửa âm ỉ đòi phun tự hồi chiều khởi từ trong quán bia cho đến giờ này đều đồng loạt ngơi nghỉ. Emanuelle cúi đầu xuống hôn tôi, tôi chẳng mảy may phản ứng. Không nao nức gợn lòng. Không chi hết. Lòng tôi nguội ngắt. Xác thân tôi chìm sâu trong mặt nệm, ở dưới có mấy vòng lò xo mãi kêu than.

Hồ Đình Nghiêm.

Tháng 8.89

Thường Quán

trên đường về nhớ cái chết lorca

Cháy đến vàng rơm đá muôn thuở
Nằm cho nắng tới hiện thân
Trần trường khô khan hơi gió hạ
Đầu gục xuống giữa chân

Như người giấy mực không tội lỗi
Hôm qua bị xả bắn trên đồng
Suối chảy bàng hoàng hoa nở đỏ
Mắt ráo, cổ xé đi, còn ngoái trông

Xóm làng vẫn đèn vàng cửa sổ
Cháy như bao giờ dưới chân đồi
Buổi sáng xanh đầu tim đèn tắng
Banh cổ kèn đồng, sao mai không thể... mắt không nguôi.

Thường Quán

ghi bên thềm vịnh biển sydney 30.10.89

Giọt nước bắn lên từ xô vỡ biển
Xủi tăm, vỡ bọt. Bay đi.
Vòng tay mở ra. Buổi chiều đang hiện
Dậy hồng tròn một vòng lưới nặng bờ mi
Những con người những giọt nước
Vỡ trong đôi mắt
Mở trân – chẳng còn biết nói chi.
Cổ ngước, bị thôi miên vì người – Hỡi sao hôm:
Con người cháy bạc ngời giữa tròng cầu nhỡn
Lóe tia cười xanh mắt phương phi
Và nàng – viền Trăng trắng sữa
Mềm dưới ngực Ngươi
Khoảng vói cầm tay vòng ôm tìm lửa
Mùa xuân bờ cát cỏ thơm quì
Cất tiếng hát vô hình mềm lả gió
Nghìn dặm biển lưu ly
Những bờ bên kia vô vàn tinh tú
Bình linh hồn những giọt nước vơi đi
Mùa Xuân ngoài khơi đường sóng đợi
Tiếng hát của mãi hoài diệu kỳ
Lan dài mãi ra buổi chiều đang chuyển đổi
Trên thân neo sắt rỉ khối nguyên si
Đỏ lên
Vì gió, muối, nắng trời
Máu, mồ hôi, vai lưng con người, phố đèn cửa biển.
Và thời gian đen
Màu biển cuối ra đi.

Thường Quán

4. 10. 89.

Ngô Nguyên Dũng

hồ vịt trời

●

Khi chúng tôi tới nơi thì nắng chỉ còn thoi thóp trên những rặng thông bên kia hồ. Nhưng ngày vẫn tỏa ánh sáng lưu luyến trên mặt nước tráng bạc. Ven bờ, cỏ lau nghiêng phất phơ theo chiều gió nhẹ. Linh lan đã nở hoa trắng đây đó trên mặt đất.

Đầu xuân năm nay đẹp hơn năm rồi, tôi nghĩ thầm trong đầu rồi vất liều xuống vuông đất quen. Năm nào cũng vậy, khi được đài khí tượng cho hay, bầy vịt trời trốn lạnh ở phương Nam sẽ trở về trong tuần tới, chúng tôi lại gói ghém hành lý lên đường đến xem cảnh tượng hãn hữu này.

Có năm chúng tôi tới nơi thì bầy vịt đã có mặt ở đó rồi. Có năm chờ mãi, hết cả hạn nghỉ phép, vẫn không thấy chúng đâu. Chúng tôi lái xe trở về với nhiều nghi vấn, chúng đang ở đâu hiện giờ? Không chừng, trên chặng đường thiên di trốn mùa khô bức ở đâu đó nơi xích đạo địa cầu, thời tiết thay đổi bất ngờ khiến bầy vịt trời lạc mất phương hướng? Hay chúng đã bỏ xác ngoài Địa trung hải mênh mông? Hoặc đi băng ngang rặng Alpes đầy tuyết trắng, chúng đã mệt mỏi buông cánh rơi xuống?

Hồ vịt trời nằm trên một ngọn núi thấp miền Nam Đức, gần biên giới Thụy sĩ. Nơi đây là thảo cầm viên quốc gia, thú rừng và cây cỏ được bảo vệ kỹ lưỡng nên thiên nhiên vẫn còn nguyên vẹn, không bị bàn tay người tàn phá. Rừng rậm không bị khai hoang để xây xa lộ mới. Các thân

cổ thụ không bị đốn ngã để xẻ gỗ. Thú rừng không bị săn đuổi để lấy thịt hay chỉ là mục tiêu cho các tay thợ săn tài tử bày trò tiêu khiển.

Mỗi năm, vào tháng tư, khi ao nước cạn trong công viên gần nơi chúng tôi ở thôi đóng băng, tôi lại nôn nao nói với Trân:

– Bầy vịt trời sắp trở lại rồi!

Thật ra chỉ có mình tôi nô nức chờ đợi thời điểm này thôi, chứ Trân không tỏ vẻ gì tha thiết mấy. Nàng vui với niềm vui của tôi. Nàng không nỡ thấy tôi trằn trọc hằng đêm như trẻ con chờ tết.

Trân biết chứ, khi được trả tự do sau mười ba năm khổ nhục trong trại cải tạo, rồi được bảo lãnh sang đây, tôi không còn là tôi của ngày xưa nữa. Tính tháo vát, nhanh nhẹn của tôi bây giờ được thay thế bằng những cử động chậm chạp, trầm tĩnh chừng mực, như sợ chỉ một cái vung tay quá trớn, tôi có thể nổi giận đập đổ tất cả. Tôi đã bắt đầu hay tư lự khoanh tay đứng nhìn ra cửa kính, để lấp đầy chuỗi thời gian trống trải. Tôi đếm thời gian di động bằng cái kim đồng hồ nhích từng giây một. Những giọt cà phê phin nhàn nhã nhỏ xuống ly thủy tinh không còn làm tôi cáu kỉnh vô cớ nữa, mà tôi đã biết nhìn ngắm chúng như một hiện tượng lạ. Không gian và thời gian đã lặng lẽ chìm vào nhau trong ý thức tôi. Hai màu đen và trắng, đêm và ngày đang âm thầm quấn quýt nhau trong tâm hồn tôi. Tôi đã nhận ra niềm khoái cảm vô cùng giản dị khi theo dõi hai con chim sẻ đuổi chuyền nhau trên cành bạch dương. Cũng như tôi đã bị lũ vịt trời quyến rũ tới độ, vào mùa này mỗi năm, tôi và Trân lại thu xếp dành riêng một tuần đón chúng trở lại phương Bắc.

Mùa xuân năm ấy, lần đầu tiên kể từ hôm tôi sang đây đoàn tụ cùng Trân, nàng chở tôi đi du ngoạn. Trân chỉ cho tôi biết là chúng tôi sẽ cắm lều vài ngày ngoài trời tại một thắng cảnh ở miền Nam. Nàng tin rằng cảnh trí nơi đó sẽ làm tôi thích thú, vì có nhiều cây cỏ, ao hồ, thác nước và nhiều loại thú rừng hiền lành. Tôi chỉ gật gù cười, "vậy à", "thế hả" luôn miệng để làm vui lòng Trân, mà trong lòng không sao quên được những hình ảnh của tội ác, đau khổ và bạo lực trong mười ba năm qua. Chúng đã trở thành một loại vi khuẩn thuần tín với các kháng thể trong thịt da tôi. Chúng là một chứng bệnh nan y đeo đuổi tôi suốt phần đời còn lại. Tôi chấp nhận số mệnh ấy như lũ vịt trời một hôm trở lại chốn cũ, đau đớn thấy hồ nước đã bị ô nhiễm, cây rừng chết khô từ lâu và những hòn sỏi ven bờ cũng không còn óng ánh màu sắc của đá quý.

Những ý nghĩ bi thảm đó chợt tan biến khi tôi nhìn tận mắt hồ vịt

trời vào một ngày nắng đẹp cách đây ba năm. Thiên nhiên vẫn còn là một cái gì thật bí ẩn trong tầm hiểu biết hạn hẹp của loài người. Không những tôi xúc động khi đứng trước một thân đại thụ trơ trơ cùng mưa gió hằng mấy ngàn năm giữa rừng già, mà tôi còn biết ứa nước mắt lúc cúi thấp đầu xuống đất ngắm một nhánh cúc dại rung nhẹ trong gió. Tôi nhoẻn miệng cười vu vơ theo từng tiếng cá đớp bóng dưới ánh trăng đêm. Tiếng thiên nga kêu rời rạc trên không mỗi hoàng hôn cũng bắt tôi ngẩng lên say sưa ngắm đôi cánh trắng quạt nhịp nhàng ăn nhịp. Cặp vợ chồng hạc cứ bay đi bay về trên chòm thủy tùng bên kia bờ rừng, mỗi lần lại ngậm vài cọng rơm trong mỏ, đã khiến tôi chăm chú ngắm qua ống dòm hằng giờ không biết chán.

Trân vui khi thấy tôi tạm quên những phiền muộn trong đời sống. Nàng kể cho tôi nghe về cách bắt cá hương mà thỉnh thoảng tôi lại thấy chúng bơi nhởn nhơ dưới mặt nước trong leo lẻo.

– Này nhé, nếu không có dụng cụ để câu thì mình khe khẽ lội xuống nước, se sẽ thò tay vào các bụi lau sậy ven bờ... cá hương thích tụ lại những nơi đó lắm. Khi tay chạm nhẹ vào mình cá, mình kheo khéo xòe ra luồn dưới bụng cá, mơn trớn thật nhẹ như vuốt ve thì cá sẽ không giật mình quẫy đuôi bơi mất mà để yên cho mình vuốt. Rồi phải thật nhanh, mình kẹp tay lại, bắt cá thẩy lên bờ... Rất là đơn giản.

Tôi cười hồn nhiên, không đáp lời Trân, có cảm tưởng mình là con cá hương đang lờ đờ khoái cảm trong bàn tay Trân mân mê. Tôi buột miệng:

– Thôi em à, bắt nó làm chi? Nó hiền thấy mồ, đâu có làm gì mình đâu.

Trân bật cười khanh khách:

– Người ta bắt cá để ăn thịt chứ đâu phải giết nó vì nó hung dữ.

– Cũng không nên bắt cá, bắn chim làm thịt hay đem về nuôi em à! Người ta nói "chim bay, cá lội", mình nên để chúng tự do sống gần gũi với thiên nhiên.

– Em chỉ kể anh nghe cho vui vậy thôi, chứ em cũng chưa thử bắt cá hương bằng cách đó bao giờ. Mà sao anh dạo này...

Trân bỏ lửng câu nói, vì chúng tôi chợt nghe vọng lại từ xa một chuỗi âm thanh lạ tai. Dường như là hợp âm của tiếng cánh đập và tiếng "quác quác" của loài vịt. Chúng tôi cùng ngoảnh mặt về hướng phát ra tiếng

kêu, không nói với nhau lời nào. Tôi đếm rõ ràng theo nhịp nhích đều đặn của cây kim giờ trong đầu tôi, sau ba mươi ba giây, từ rặng cây bên kia hồ hiện ra một đàn chim trời đan cánh nhau bay về hướng chúng tôi. Nhiều lắm. Mới đầu khung trời chỉ bị một khoảnh nhỏ lốm đốm chấm đen che khuất, trong giây phút, chúng lan rộng ra như vết dầu trên mặt không gian màu thiên thanh, đen nghịt cả vùng trời trước mặt chúng tôi. Từ từ, âm thanh của chúng rõ ràng hơn, pha trộn giữa "quác quác" với "cạp cạp". Tôi lẩm bẩm, vịt trời Trân ơi, vịt trời ở đâu mà nhiều quá. Rồi từng con và từng con lao mình xuống mặt nước gợn vài nếp nhăn như một đoàn khu trục cơ đáp xuống phi đạo sau một cuộc không chiến toàn thắng vẻ vang. Tôi thấy, như thể hai mắt tôi có gắn bộ máy quay chậm, khi gần chạm mặt nước, hai chân chúng thò ra tống tới nước. Nước bắn lên tung tóe như vòi phun. Cặp cánh nâu xòe rộng ra cản gió. Chiếc cổ ngắn nhoài tới trước tìm vị trí thuận lợi nhất để hạ cánh. Lúc đôi chân đã cắm hẳn xuống mặt nước, chúng mới khép cánh lại, thả cái bụng nặng nề rớt xuống. Như một thỏi nam châm chạm phải từ trường, lũ vịt trời lần lượt đáp xuống hồ nước. Cảnh tượng hỗn độn náo loạn như một trại tạm cư không biết đối phó ra sao trước đám di dân quá cuồng nhiệt này. Bầy vịt đập cánh phành phạch, tóe nước nô giỡn vui đùa cùng nhau. Chúng há mỏ kêu "cạp cạp". oang oác giữa núi đồi tĩnh mịch.

Chúng tôi bị cảnh tượng trước mắt thôi miên tới độ sững người. Bàn tay Trân bấu chặt lấy những ngón tay tôi rịn mồ hôi. Bầy vịt vẫn còn tung tăng giỡn hớt, tranh nhau một chỗ để đáp xuống mặt hồ. Tôi tự hỏi, chúng từ đâu tới? Nam Âu hay Bắc Phi? Từ Nam bán đảo Ý đại lợi với vườn cam, vườn ô liu, vườn khuynh diệp nắng ấm hay từ núi rừng Kenia đầy thú dữ? Biết đâu chừng chúng lại tới từ đồng bằng Ả rập dọc theo dòng sông Nil đầy phù sa? Sau sáu tháng trốn lạnh, khi cái bẩm sinh trong cơ thể chúng cựa quậy, bắt chúng phải thiên di về chốn cũ trước khi mùa nóng ác nghiệt miền xích đạo lên tới cực điểm, bầy vịt trời rủ nhau cất cánh. Chúng bay qua sa mạc Kim tự tháp, vượt eo biển hẹp ngăn chia Âu và Phi châu, đan cánh lướt trên những núi đồi trùng điệp, những ruộng lúa mì, oải hương, hướng dương, thục quỳ mênh mông nơi miền Nam Âu ấm áp. Chúng tìm trở lại một nơi chốn đã khắc dấu trong dòng sinh điện luân chuyển của não bộ. Tại sao loài vịt trời và nhiều giống chim khác có được bản năng tài tình đó mà con người không có?

Hằng năm, chúng thiên di hai lần: xuống phương Nam lúc trời vừa lập đông và trở lại phương Bắc khi tời tiết chuyển mình sang xuân.

Những ngày kế tiếp chúng tôi sống chung đụng với bầy vịt trời như một loại gia cầm gần gũi. Vì không bị săn đuổi, nên chúng dạn dĩ không ngờ. Tôi và Trân có thể đứng cạnh chúng chừng ba thước, rải bánh mì vụn cho chúng ăn. Nhiều hôm thức dậy, kéo phẹc mơ tuya bước ra khỏi lều, chúng tôi đã thấy vài con quanh quẩn gần đó, rướn cổ chờ đợi. Tôi bắt chước ngôn ngữ loài vịt, "cạp cạp", "quác quác" gọi chúng lại. Chúng không hiểu. Rồi nhờ những mẩu bánh mì, những mảnh bánh lạt, bánh bích quy, chúng bắt đầu hiểu thứ ngôn ngữ vịt phát âm sai của tôi. Mỗi lần tôi nghển cổ kêu "cạp cạp..." là có con vội vàng chạy lại. Khi tôi đổi giọng thành "quác quác..." cùng lúc với bàn tay vẩy thức ăn ra thì chúng lạch bạch tranh nhau đổ dồn về hướng ấy. Những bữa nấu cơm dư, Trân trộn với nước lã, đổ vào thau nhựa đặt trên lều. Nghe tiếng nàng "láp cáp" ơi đi là vài chục con gần đó lính quýnh những vòng chân chữ bát chạy đến. Nhìn cảnh Trân cho vịt ăn, tôi lại bồi hồi nhớ đến quê nhà xa lắc. Niềm nhung nhớ có lẽ chỉ xô đẩy hồi ức tôi quanh quẩn trong mớ hình ảnh thời thơ ấu nơi quê ngoại, nếu không có một chấn động nội tâm lạ lùng xảy đến vào buổi trưa ấy.

Sau khi tôi và Trân ăn trưa xong – hôm đó nàng lười nấu cơm, cho tôi ăn thịt heo hộp với bánh mì nướng – tôi đeo máy ảnh tòn ten ở cổ, lững thững đi về hướng hồ vịt trời. Thời tiết trong xanh chiếu ánh nắng biêng biếc lên cỏ lá. Cách bờ hồ thoai thoải đá vụn chừng năm mươi thước, tôi thấy xa xa hàng trăm con vịt đang đứng, nằm nghỉ ngơi giấc trưa. Sự trật tự yên tĩnh ấy khiến tôi chùn chân lại, lo sợ vu vơ, chỉ một cử động vô ý cũng đủ làm bầy vịt hốt hoảng bay mất. Tôi từ từ nằm bệt xuống cỏ, rón rén mở nắp máy ảnh, ráp ống kính chụp cận ảnh vào và nheo mắt tìm một góc cạnh vừa ý. Qua lớp kính lọc, màu lông nâu nhạt sọc đen sọc trắng, cái ức trắng phau như bông gòn, chiếc mỏ màu vàng cam của bầy vịt càng thêm rõ nét. Trong khoảnh khắc, tôi bị cái đẹp của chúng thu hút tới độ run tay, loay hoay canh mãi đường nét mới tạm hài lòng. Bấm được vài cái, tôi lia ống kính qua lại tìm bố cục khác thì... đột ngột như một dòng điện cực mạnh, cái cảm giác của một người thợ săn đang rình mồi ùa tới trùm kín lấy ý thức tôi. Chiếc máy ảnh biến thành cây súng săn đang chĩa nòng vào đám vịt hiền lành vô tội. Thoạt đầu, chỉ có mười ngón tay tôi run bần bật, rồi cả thân thể tôi chuyển động theo

như bị trúng lạnh. Làm sao tôi quên được thứ hình ảnh so sánh đã đeo đuổi tôi suốt mười ba năm học tập cải tạo, như một bóng ma dĩ vãng vẫn còn bám nặng bên cạnh. Đã nhiều lần tôi kể lể với các bạn tù khi nhìn lên khung trời hoàng hôn, thấy từng đàn vịt trời nối cánh nhau bay về tổ: "Tụi mình là những con vịt trời bị lũ thợ săn bắt đem về cắt lông cánh để làm mục tiêu cho chúng nhắm bắn làm trò giải trí". Sự so sánh này càng thêm rõ rệt trong ý nghĩ tôi, khi ba anh bạn tìm cách vượt trại bị chúng bắt tải về. Sáng hôm đó trời mưa tầm tã. Tiếng kẻng ra lệnh chúng tôi tụ họp ngoài sân. Những con ma đói sắp hàng trong cơn mưa sáng lạnh lẽo chờ xem bọn thợ săn chơi trò bắn vịt. Ba anh bạn được dẫn ra, trói ngoặt tay vào ba cột gỗ do chính chúng tôi dựng lên. Ba cặp mắt bị buộc kín. Một tên đọc bản cáo trạng. Lẫn trong tiếng mưa rơi, tiếng sấm sét gầm gừ đe dọa, là tiếng một anh bạn của chúng tôi hô lớn: "Đả đảo...". Tôi thấy trước mắt mình, qua màn mưa mỏng, một con vịt quýnh quáng đập đôi cánh ngắn, tìm cách bay lên vòm trời bao la, há mỏ "quác quác..." trong tuyệt vọng. Nhưng không kịp nữa, những họng súng của bọn thợ săn man rợ đã đồng loạt lên cò, nổ giòn bóp nghẽn tiếng kêu thất thanh sau cùng. Lũ vịt trời còn lại dường như biết sợ, nép sát vào nhau im lặng. Tôi là một trong những con vịt còn lại đó, một con vịt với đầy đủ bản tính tầm thường của giống người, biết sợ hãi trước bạo lực, biết khinh bỉ sự hung ác, biết chịu đựng vai trò của một kẻ lỡ vận.

Mười ba năm trời tôi đóng vai vịt trời trong tuồng hát săn thú trên sân khấu cuộc đời, bây giờ tôi cầm trong tay chiếc máy ảnh mà tưởng nó là họng súng đã kết liễu biết bao mạng người vô tội. Tôi vùng đứng dậy, vung tay, miệng "quác quác" inh ỏi. Bầy vịt trời giật mình, vài con hoảng hốt tung cánh bay lên. Rồi cả bầy xôn xao, vội vàng chắp cánh bay theo. Tôi đảo máy ảnh bám sát những đôi cánh đập vội vã trên không, mở tốc độ nhanh, bấm nút kéo ống kính lấy cận ảnh tới lui loạt soạt. Tôi nín thở lia máy ảnh theo với hy vọng bắt được những đường bay rẻ quạt chấp chới sắc nét trong bối cảnh mờ nhòe. Tôi mỉm cười nhẹ với ý nghĩ, mình là con vịt trời hóa thành người thợ săn ảnh, còn đám thợ săn vịt ngu xuẩn kia vẫn tự giam mình trong chuồng nuôi thú do chính chúng dựng lên, với những khoái lạc súc vật đã bắt đầu mất ý nghĩa.

Ngô Nguyên Dũng

27.11.1989

Đào Trường Phúc

về dòng văn học đối kháng chủ thuyết cộng sản: hành trình của tiểu thuyết

●

Trong cuốn tiểu luận *Chính Trị và Tiểu Thuyết,* Irving Howe có đề cập tới sự chuyển hóa của "Tiểu thuyết xã hội" (khuynh hướng quan trọng trong thế kỷ 19) sang "tiểu thuyết chính trị" (khuynh hướng mới xuất hiện trong thế kỷ 20). Howe cho rằng sự khác biệt chính yếu giữa hai loại tiểu thuyết nằm trong *quan niệm* của nhà văn về xã hội. Nói một cách đơn giản thì hồi trước nhà văn đặt vấn đề với những hiện tượng xảy ra trong lòng một xã hội, nhưng về sau thì nhà văn đặt vấn đề trực tiếp với chính cái ý niệm về xã hội – hoặc cũng có thể nói là đặt vấn đề với những ý niệm giả định mà người ta dựa vào để xây dựng một xã hội (1).

Lý luận của Howe được chia xẻ bởi Richard Lee trong cuốn biên khảo về các tác phẩm tiểu thuyết của George Orwell (2), nhưng Lee còn đưa ra thêm một nhận định sắc bén khác để bổ túc cho lý luận trên đây: Thế kỷ 20, hơn bất cứ thời đại nào trước đó, đã chứng tỏ rằng không phải chỉ có một, mà là nhiều hình thái bạo quyền đáng sợ hãi, không phải chỉ có một, mà là nhiều LOẠI xã hội cần phải đặt vấn đề. Đấy là lý do khiến cho "tiểu thuyết chính trị" (nói đúng hơn là thế giới chính trị của tiểu thuyết) tự nó cũng phải chuyển biến để đuổi kịp vấn đề. Thế giới chính trị trong tác phẩm của Aldous Huxley hay của Henry James chẳng hạn, tuy cũng đã cho thấy những khía cạnh kinh hãi thật đấy, nhưng sự kinh hãi đó phát xuất từ những cơ sở nhận định trừu tượng (như tình trạng hỗn loạn vô chính phủ hoặc những phản tác dụng của tiến bộ khoa học). Đến khi tiểu thuyết của Orwell ra đời thì người ta mới nhận ra được một

bộ mặt mới của sự man rợ – nói theo từ ngữ của Bernard Henry Lévy: *Man rợ mang bộ mặt người.* Cá nhân không chỉ còn phải chịu đựng sự khống chế và ức chế bởi những quy ước xã hội mà thôi; cá nhân còn được hân hạnh làm mồi cho sự thí nghiệm và tận dụng những ngôn ngữ trá ngụy nhằm củng cố quyền lợi cho một thiểu số thống trị. Cũng như Sự Thật bị hy sinh cho mục tiêu chiến lược, cá nhân bị hy sinh cho một tập thể không – có – thực. Đó là hiện tượng bi thảm nhất của thế kỷ 20, thế kỷ được đánh dấu bởi một thiên tai khốc liệt: sự thành công của cái gọi là cách mạng vô sản, lần đầu tiên vào tháng 10 năm 1917.

*

Trên đây chúng ta vừa nhắc tới George Orwell, Cuốn *Nông Trại Súc Vật (Animal Farm)* của ông, căn cứ theo sự sưu tầm của Christopher Hollis(3), đã được viết trong vòng bốn tháng, từ tháng 11 – 1943 đến tháng 2 – 1944, nghĩa là trong giai đoạn Đệ nhị Thế chiến đang tiến dần tới hồi kết cục. Cũng vào giai đoạn Đệ nhị Thế chiến nhưng trước Orwell mấy năm, Arthur Koestler khởi đầu bản thảo cuốn *Bóng Tối Giữa Trưa (Darkness At Noon)* và hoàn tất bản thảo trong lúc ngồi tù ở Pentonville (Anh Quốc) giữa năm 1940 (4). Chúng ta nhắc lại những thời điểm này không ngoài mục đích làm nổi rõ một dữ kiện chung đối với hai nhà văn: *Nông Trại Súc Vật* và *Bóng Tối Giữa Trưa* không phải là những tác phẩm đầu tay. Trước đó, George Orwell đã viết và xuất bản năm cuốn sách (bốn tiểu thuyết và một ký sự). Arthur Koestler đã viết một tập tiểu luận, một vở kịch và một cuốn tiểu thuyết (mà ông nói rằng đó là tập một của một bộ tiểu thuyết gồm ba cuốn, trong đó tập một mang tên *Những Người Giác Đấu,* tập hai *Bóng Tối Giữa Trưa,* và tập ba *Đến Và Đi*). Tuy nhiên ai cũng nhận thấy những tác phẩn đã viết trước năm 1940 của Orwell và Koestler nếu có mang màu sắc chính trị thì màu sắc chính trị ấy cũng chỉ giới hạn trong những ý niệm tổng quát, những suy luận về triết lý chính trị, triết lý hành động nói chung. Màu sắc chính trị ấy không phản ảnh một ý thức đối kháng, một chủ ý trình bày vấn đề trong tinh thần báo động trước nhân loại về một hiểm họa chính trị. Phải chăng đó cũng là trường hợp của André Malraux khi ông viết *Thân Phận Con Người (La Condition Humaine)* năm 1933, mà bối cảnh là cuộc nổi loạn do Cộng sản dấy động tại Thượng hải (tháng 3 – 1927) đưa tới sự xung tranh giữa hai lực lượng Quốc – Cộng trong những năm sau

đó? Cuốn tiểu thuyết mang nặng màu sắc chính trị và được xây dựng khá sát với những dữ kiện thời sự, thế nhưng vấn đề căn bản mà tác giả muốn đưa ra thì không phải là một vấn đề chính trị, mà là một vấn đề triết học. Sự ưu tư của Malraux về một triết lý hành động đã khiến cho tác phẩm của ông lúc đó hoàn toàn không phản ảnh bất cứ một thái độ chính trị nào rõ rệt. Jenni Calder (5) đã nhận xét rất đúng khi viết rằng "câu hỏi về sự tương quan giữa người hùng cách mạng và chính cuộc cách mạng đã không được Malraux đả động tới; trong tác phẩm của ông chỉ có sự tương quan giữa cá nhân và hệ thống đạo đức của chính hắn"; chính do vậy mà "sự bội phản của Cộng sản tại Thượng hải hoặc những nguyên nhân đưa tới sự thành công của Quốc Dân đảng đều không quan trọng cho bằng số phận những người hùng của Malraux".

Vậy, hẳn là phải có một chuyển biến gì đó, một sự kiện quan trọng gì đó xảy ra trong những năm cuối thập niên 30, khiến cho "tiểu thuyết chính trị" phải bước thêm một bước, làm thêm một công việc là nhắc nhở nhân loại về những tội ác đang lớn dần trong lòng một quốc gia tự mệnh danh là đã thực hiện xong cuộc cách mạng vô sản?

Có phải đó là "những vụ án Moscow"; Từ 1936 đến 1938, vào khoảng tám triệu người bị bắt về tội chính trị; họ được đem xử trước Tòa sau khi chịu đựng những cuộc thẩm vấn kéo dài từ một tới ba tháng; và họ hầu hết đều tự nhận tội lỗi để rồi cúi đầu cam chịu những bản án kinh hoàng nhất trong lịch sử luật pháp trên thế giới. Hiện tượng "nhận tội tập thể" với những ngôn ngữ dị thường và thái độ thụ động một cách bệnh hoạn của các can phạm, đã khiến cho mọi người sửng sốt. Những vụ án Moscow, số lượng người bị hành quyết, số lượng người bị đày đi lao động cải tạo, tất cả đã góp phần làm cho chế độ độc tài Đỏ dưới thời Stalin "lưu danh muôn thuở" về mặt tội ác. Nhưng vấn đề không dừng lại ở tội ác ấy. Vấn đề cần phải được đẩy xa hơn, để truy cứu về kỹ thuật hành hạ con người dưới chế độ Cộng sản, và từ đó đẩy xa hơn nữa, để truy cứu về cứu cánh và bản chất của chế độ Cộng sản.

*

Ngôn ngữ của tiểu thuyết không phải là ngôn ngữ của lý luận nhằm chiết giải, biện thuyết về một vấn đề; lại cũng không phải là ngôn ngữ báo chí nhằm thông tin một cách nhanh chóng, chính xác và khách quan về những dữ kiện thời sự. Tiểu thuyết mang trong nó những vấn đề làm

tác giả ưu tư, và nó giúp tác giả trình bày nỗi ưu tư ấy (cũng như các câu giải đáp nếu có thể có cho mỗi vấn đề) trong những thứ tự ưu tiên và dưới những hình thái hoàn toàn tự do. Sự tự do ấy quyết định tài năng của tác giả. Và thời gian làm công việc chứng minh cho tài năng đó – hay nói cách khác, chứng minh cho giá trị của tác phẩm.

Arthur Koestler và Milovan Djilas đều đã từng viết những tiểu luận chính trị rất quan trọng, đồng thời họ cũng viết tiểu thuyết nữa. Muốn tìm hiểu thực chất chủ thuyết Cộng sản qua cái nhìn của chính những người từ trong lòng chủ thuyết ấy đi ra, chúng ta không thể không đọc các tiểu luận của Koestler, Djilas, Silone, Wright...(6) Nhưng có lẽ chúng ta sẽ đồng ý với nhau rằng: Khi bước sang lãnh vực tiểu thuyết, chỉ riêng mình Koestler là đã tạo dựng được những giá trị đáng kể về mặt nội dung tác phẩm cũng như về mặt tư tưởng. Điều đó nói lên tài năng độc đáo của ông trong lãnh vực ấy. Bộ tiểu thuyết gồm ba cuốn của ông (ba cuốn biệt lập, không phải là trường thiên tiểu thuyết) cho đến bây giờ vẫn được coi như những tác phẩm có giá trị đặc biệt, trình bày một cách tinh tế và thấu đáo về triết lý của một cuộc cách mạng, về sự lầm lạc nguy hại của một chủ thuyết xây dựng trên biện chứng duy vật, về nỗi cô đơn của Con Người trước những xung đột quyền lực và ý thức hệ đang xé nát quả địa cầu. Về kỹ thuật xây dựng tác phẩm, chỉ có hai cuốn sau dựa vào những bối cảnh và dữ kiện thời sự (nhưng không bị lệ thuộc vào các dữ kiện ấy). Cuốn đầu, *Những Người Giác Đấu,* sử dụng một giai đoạn lịch sử La mã (thế kỷ thứ 1 sau TL) và mượn vài nhân vật có thực của thời đó để trình bày một số khía cạnh của vấn đề để triết lý cách mạng và lãnh đạo cách mạng. Ngay từ cuốn này người ta đã thấy Koestler nêu lên nỗi băn khoăn của ông qua câu hỏi ám ảnh nhân vật Spartacus: "có cần thiết phải hủy diệt cá nhân để phục vụ cho lợi ích của tập thể hay không?" Và viễn tượng (hay ảo tưởng?) về vai trò lãnh đạo cách mạng đã làm cho Spartacus không bao giờ trả lời được câu hỏi đó; cho đến lúc chết anh ta vẫn chỉ là một kẻ cô đơn và thất bại – không phải thất bại về cuộc cách mạng mà anh ta lãnh đạo, nhưng thất bại ngay từ sự lựa chọn lấy cho mình một ý nghĩa để hành động và để quyết định mỗi hành động.

Cứu cánh của một cuộc cách mạng và sự tương quan giữa cá nhân với tập thể (giữa Con Người và Cuộc Cách Mạng) sẽ là những chủ đề

được tiếp tục trình bày trong cuốn tiểu thuyết kế tiếp, *Bóng Tối Giữa Trưa*, nhưng dưới một nhãn quan độc đáo hơn và một hình thức gần gũi hơn đối với độc giả của "tiểu thuyết chính trị". Các sự kiện và nhân vật được vẽ lên rất sát với thực tế, mà vẫn không làm mất không khí độc lập của cuốn tiểu thuyết đối với những dữ kiện thời sự của một giai đoạn lịch sử có thật. Chính Koestler trong một tập hồi ký sau này (7) đã cho biết rằng nhân vật Nikolai Rubashov đã được xây dựng về mặt dung mạo và cung cách dựa theo hai con người thật của Leon Trotsky và Karl Radek, về mặt tư tưởng dựa theo con người thật của Nikolai Bukharin. Một số nhân vật khác của tiểu thuyết (như Ivanov, Gletkin, Little Lowey, Richar) cũng thoát thai từ thực tế. Kinh nghiệm về lao tù của Rubashov là sự đúc kết kinh nghiệm của chính Koestler cùng với kinh nghiệm của một số bạn bè thân thiết (trong đó đặc biệt là Eva Weissberg, người đã bị buộc tội mưu sát Stalin và đã thoát chết nhờ sự can thiệp kịp thời của tòa lãnh sự Áo).

Bóng Tối Giữa Trưa nói lên tấn thảm kịch của những con người đầu tư cả vốn liếng đời mình vào trò chơi cách mạng, chỉ để làm giàu cho một chủ thuyết không tưởng và bịp bợm, và cuối cùng chỉ để đóng vai trò dê tế thần cho sự củng cố quyền lực của một tập đoàn thống trị. Nhưng nỗi đau đớn của những người như Rubashov không phải chỉ vì nhận thấy mình bị phản bội và bị hy sinh mà thôi. Nói như Jenni Calder: "Rubashov sớm hiểu ra rằng ông ta đã tới lúc phải đứng trước một sự chọn lựa gay gắt, sau khi đã sống cả cuộc đời mà không phải chọn lựa bao giờ cả. Giờ đây ông ta phải quyết định, hoặc là chấp nhận quá khứ của mình, chấp nhận Đảng, chấp nhận sự cần thiết của lời nhận tội và cái chết, hoặc là phủ nhận giá trị sự hiện hữu của chính mình và từ chối việc nhận tội. Nếu chọn thái độ sau, có nghĩa là ông ta đã phí phạm cả một cuộc đời mình từ trước tới giờ" (8).

Roubashov chọn lựa cái chết như một cách trả giá cho sự lầm lạc của chính mình, nhưng sự chọn lựa ấy được trình bày dưới ngòi bút của Koestler như một thông điệp nghiêm trọng gửi đến tất cả những ai còn tiếp tục ngụp lặn trong sự lầm lạc về cứu cánh và thực chất của chủ thuyết Cộng sản. Điều nhận thức tối hậu của Roubashov chính là điều mà Koastler đã nhắc tới ngay từ *Những Người Giác Đấu* và tiếp tục nhắc lại trong *Bóng Tối Giữa Trưa*, trong *Đến Và Đi*, và trong cả những tiểu

luận của ông nữa. Đó là sự sai lầm chết chóc của chủ thuyết Cộng sản khi phủ nhận vai trò và giá trị của cá nhân trong tiến trình thực hiện cuộc cách mạng nhân danh tập thể. Sự sai lầm ấy không thể sửa chữa được, vì hệ thống quyền lực Cộng sản đã và đang được xây dựng dựa trên những nguyên lý của chủ thuyết tự chúng không cho phép bất cứ một sự sửa chữa nào xảy ra mà không tác động đến giá trị hiện hữu của chính chúng. Cái vòng luẩn quẩn khép kín chủ thuyết Cộng sản cũng là cái vòng luẩn quẩn đã buộc chặt và hủy diệt cuộc đời của những "người Cộng sản thuần túy" như Roubashov. Riêng Koastler, ngay khi kịp nhận thức sự thật bi thảm ấy, ông đã chọn quyết định ly khai Đảng Cộng sản, và khởi đầu những tác phẩm mang thông điệp là sự nhận thức của ông. Ông viết như để giải quyết những vấn đề đã xảy ra và còn sót lại sau quyết định sinh tử đó. *Đến Và Đi* có thể được coi như tác phẩm chứa đựng câu hỏi cuối cùng đặt ra đối với những người đã dứt bỏ hết mọi ảo tưởng về chủ thuyết Cộng sản, là sẽ phải chọn lựa vai trò nào cho chính mình trong một thế giới mà mọi niềm tin hầu như đã gẫy vụn. Nỗi bơ vơ và niềm cay đắng vò xé tâm hồn của nhân vật Peter Slavek cũng chẳng khác nào đã vò xé tâm hồn của những Arthur Koestler, những Ignazio Silone, những Richard Wright, những André Gide... Richard Grossman khi đề cập đến các trường hợp này đã không thể không ghi nhận một cách chua chát rằng thập niên 1930 đáng lẽ đã chứng kiến sự ly khai hàng loạt của cả ngàn người thuộc thành phần trí thức tại Âu châu đối với Đảng Cộng sản, nếu không xảy ra cuộc chiến tranh tại Tây ban nha và chính sách bất – can – thiệp của các quốc gia Tây phương (9). Sự lúng túng thảm hại về mặt chính sách và khối Tự do đã khiến cho lợi thế về mặt tuyên truyền luôn luôn nghiêng về phía Cộng sản trong việc phát động cuộc chiến đấu chống độc tài phát xít vào giai đoạn Đệ nhị Thế chiến (cũng như việc phát động phong trào giải thực vào giai đoạn kế tiếp). Nếu không xảy ra sự ký kết hiệp ước giữa Stalin và Hitler, có lẽ nhiều người còn tiếp tục lầm lạc về "thiện chí" của Nga sô. Cái giá của sự lầm lạc ấy chính là số phận của các quốc gia Đông Âu như chúng ta đã biết.

Khi Arthur Koestler đem vào tiểu thuyết của ông cái không khí thời sự của giai đoạn cuối thập niên 30 để từ đó xây dựng bối cảnh cho tác phẩm, người ta cảm thấy là ông – trong một cách nào đó – muốn phơi

trải một số kinh nghiệm sống cay đắng và buồn thảm của mình. Ông suy nghĩ và giãi bày những suy nghĩ của mình nhiều hơn là ông quan sát và trình bày những kết quả quan sát. Tiểu thuyết của Koestler nặng nề hồi ức hơn là về dự phóng. Đó là điểm khác biệt căn bản giữa Koestler và Orwell, mặc dù người ta thấy rõ là Orwell cũng không khởi hứng từ những gì khác hơn là các sự kiện thực tế của hai thập niên 20 và 30, các sự kiện nói lên bộ mặt thật của chủ thuyết Cộng sản thể hiện qua việc thiết lập chuyên chính vô sản tại Nga sô.

*

George Orwell đã hoàn tất năm tác phẩm từ 1934 đến 1939, và các tác phẩm này – như nhận xét của Robert A. Lee – đã mang chung một chủ đề có tính cách quy ước, là trình bày vấn đề ý thức cá nhân đối kháng những đòi hỏi của xã hội, bằng cách vẽ lại bối cảnh sinh hoạt chính trị và xã hội của nước Anh giữa hai cuộc thế chiến (10).

Đang viết mỗi năm một cuốn sách như vậy, bỗng Orwell ngưng hẳn việc sáng tác tiểu thuyết suốt từ 1939 đến 1945, để chỉ viết và xuất bản những tiểu luận (trong đó có một tiểu luận về Arthur Koestler). Rồi bỗng nhiên, đầu năm 1945, ông gửi *Nông Trại Súc Vật* đến độc giả, gây nên một chấn động xôn xao mà cho đến tận bây giờ có lẽ cũng còn ảnh hưởng. Cuốn tiểu thuyết mang tính chất nửa ngụ ngôn nửa phúng thích này hoàn toàn khác biệt với tất cả những tác phẩm trước đó của Orwell, khiến người ta phải tự hỏi điều gì đã tạo nên sự chuyển hướng sáng tác sâu đậm đến như thế. Trong bài tiểu luận *"Tại sao tôi cầm bút"* (1947), Orwell cho biết rằng *"Nông Trại Súc Vật* là cuốn sách đầu tiên mà tôi, một cách hoàn toàn có ý thức về việc mình làm, thử hòa nhập mục tiêu chính trị với mục tiêu nghệ thuật vào làm một" (11). Sự hòa nhập mà Orwell nói tới đây có thể sẽ được thực hiện toàn hảo hơn đối với cuốn *1984* như nhận định của một số đông người; nhưng giá trị của *Nông Trại Súc Vật* mãi mãi vẫn là một giá trị độc đáo, có thể nói là không tiền khoáng hậu.

Trình bày ngắn gọn về bối cảnh của *Nông Trại Súc Vật*, Robert A. Lee ghi nhận sự tương đồng giữa bối cảnh ấy với giai đoạn lịch sử chính trị tại Nga sô từ 1917 đến Đệ nhị Thế chiến. Những nhân vật (được nhân cách hóa từ loài vật) cũng thể hiện các nét tương đồng: Major và Snowball là chân dung của Lenin và Trotsky; Napoleon là chân dung

của Stalin; những trại chủ sống quanh nông trại súc vật gợi nhắc tới Đức quốc và các quốc gia trong khối Đồng minh. Ngay cả những diễn biến trong truyện cũng khiến người ta phải liên tưởng đến những sự kiện lịch sử: cuộc thương lượng giữa Fredirick với bọn súc vật rõ ràng là cuộc ký kết hiệp ước Đức – Nga năm 1939, và ván bài ở cuối truyện sao mà diễn ra giống cuộc Hội nghị Teheran đến thế! Nhưng bối cảnh thực tế cũng như các sự kiện thực tế không vì được phản ảnh trong tác phẩm mà khiến cho tác phẩm bị đóng khung về mặt không gian hay thời gian: Bốn chục năm qua những độc giả khắp bốn phương trời vẫn tiếp tục thưởng thức vở bi hài kịch cách mạng vô sản diễn tới diễn lui với tuồng tích không thay đổi bao nhiêu. Những khẩu hiệu rôm rả đánh dấu cuộc "đổi đời" vẫn không ngừng làm cho người ta bật cười nhớ tới "Bảy điều pháp lệnh" được ban hành khi cách mạng vừa thành công, trong đó có những câu độc đáo như "Tất cả mọi con vật đều bình đẳng", và "Không một con vật nào được quyền uống rượu". Người ta sẽ lại có dịp bật cười lần nữa khi thấy sự ung thối lớn mạnh một cách quá mau lẹ trong giai cấp thống trị mới, và những trò tranh giành quyền lợi đầy đê tiện lập tức diễn ra, cũng y như khi hai điều pháp lệnh trên đây được "kịp thời tu chính" thành "Không một con vật nào được quyền uống rượu *quá độ*", và "Tất cả mọi con vật đều bình đẳng; nhưng có *một vài con vật bình đẳng hơn những con vật khác*"!

Người đọc – nhất là những người đã từng thưởng thức ít nhiều mùi vị của chuyên chính vô sản bất cứ tại đâu – không thể không buồn cười (và buồn nôn) khi qua những trang sách của *Nông Trại Súc Vật*, nhìn thấy hoặc nhìn thấy lại các hoạt cảnh xây dựng Xã Hội chủ nghĩa (hay Súc Vật chủ nghĩa – Animalism?); không thể không rợn tóc gáy khi thấy cảnh bốn con heo thú tội trước "lãnh tụ" mà sực nghĩ tới những phiên tòa Mạc tư khoa 1936 – 1938; không thể không bàng hoàng khi thấy cuốn truyện kết thúc bằng một hình ảnh quái gở (những con heo và những con người trở thành giống hệt nhau đến độ không thể phân biệt được nữa) mà sực nghĩ tới hình ảnh những xã hội đã và đang bị đày đọa trong ngục tù Đỏ từ thập niên này sang thập niên khác, trước sự im lặng chứng kiến và thỏa hiệp của cộng đồng quốc tế, thể hiện qua các cuộc vận động "sống chung hòa bình" (!).

Nông Trại Súc Vật mang một hình thái diễn đạt gần giống như ngụ

ngôn. Nhưng Roberta Kalechofsky khi viết về George Orwell đã không ngần ngại xếp chung luôn *1984* vào với *Nông Trại Súc Vật* trong một thể loại tiểu thuyết mệnh danh là "Ngụ ngôn cho Thời đại chúng ta" (12). Sự xếp loại ấy không quá đáng chút nào. Không khí giả tưởng, vẻ hư hư thực thực của những diễn biến, cái biên giới mỏng manh giữa tiếng nấc bi phẫn và nụ cười chua chát... tất cả những thứ ấy tạo thành cái "chất" ngụ ngôn bàng bạc trong cả hai cuốn tiểu thuyết, mặc dù bố cục và hình thức kết cấu khác nhau. Đọc lần lượt hai tác phẩm ra đời cách nhau bốn năm đó, người đọc đều thấy rõ là Orwell muốn hàm ngụ và nhắn gửi một thông điệp của Sự Thật, một lời báo động khẩn thiết – phải nói là càng lúc càng khẩn thiết hơn. Bởi vì *1984* được viết vào mấy năm cuối cuộc đời tác giả, những ngày tháng bệnh hoạn liên miên đã rút ngắn đời sống ông (Orwell mất khi chưa đầy 47 tuổi), người ta có cảm tưởng như cuốn sách đó là một thứ *chant de cygogne* để tác giả trút gửi tâm tư và hoài bão, trước khi rũ sạch nợ trần gian.

Các nhà phê bình thường ghi nhận rằng có ba cuốn sách đã tạo ảnh hưởng đối với Orwell khi ông viết *1984*. Thứ nhất là cuốn *Chúng Ta (We)* của Eugene Zamyatin, thứ hai là cuốn *Bóng Tối Giữa Trưa* của Arthur Koestler, và thứ ba là cuốn *Cuộc Cách Mạng Quản Trị* (The Managerial Revolution) của James Burnham. Thật ra, hai cuốn sau này nếu có chăng thì chỉ giúp cho Orwell thêm cảm hứng để làm sáng tỏ những ý niệm về một quốc gia bị cai trị bởi những kỹ thuật gia bệnh hoạn, một thế giới bị xâu xé bởi thế lực của các siêu cường, hoặc những sự thật về một không khí tâm lý chính trị giữa một đất nước bị giam hãm dưới chế độ độc tài Đảng trị. Riêng cuốn sách của Zamyatin (viết từ năm 1923) rõ ràng là có ảnh hưởng đối với Orwell, và khi ông viết bài điểm cuốn sách này trên *London Tribune* năm 1946, ông đã mô tả sơ lược cái xã hội giả tưởng của Zamyatin với những đường nét mà về sau người ta nhận thấy có nhiều điểm tương đồng rõ rệt với cái xã hội mệnh danh Oceania trong *1984*. Orwell viết: "Zamyatin tiên tri rằng vào thế kỷ thứ 26, tất cả nhân dân xứ Utopia đã hoàn toàn mất hết tư cách cá nhân của họ, đến độ chỉ còn biết tới bằng những con số mà thôi. Họ sống trong những căn nhà bằng kiếng (hồi Zamyatin viết cuốn sách thì ti vi chưa ra đời), đặng cho Công an Bảo vệ Chính trị có thể giám sát họ dễ dàng. Họ đều mặc những bộ đồng phục y như nhau, và thay vì nói "một người" thì nay sẽ

nói là "một con số" hoặc "một đồng phục"... Nhà Nước được cai trị bởi một nhân vật mệnh danh là Vị Ân Nhân, mà mỗi năm lại tái đắc cử qua cuộc phổ thông đầu phiếu, và lần nào cũng với đa số tuyệt đối 100%. Nguyên tắc chỉ đạo của Nhà Nước là: Hạnh phúc và Tự do không bao giờ đi đôi với nhau. Thuở xưa trong vườn Địa Đàng con người sống hạnh phúc, nhưng rồi vì một cơn điên hấn đã đòi Tự do cho bằng được, chính bởi thế mà hấn bị đày vào cõi trần gian tục lụy. Nay Nhà Nước lại đem trả cho hấn Hạnh phúc, bằng cách lấy đi Tự do của hấn" (13).

Sáu năn sau khi "cách mạng vô sản tháng 10" thành công tại Nga sô, Eugene Zamyatin đã có đủ cảm hứng để ngồi vẽ ra viễn ảnh một xã hội độc đáo như tóm tắt trên. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng thời gian ấy chính quyền đang nằm trong tay Lenin; cuốn sách của Zamyatin ra đời đúng vào lúc Lenin lăn ra chết và guồng máy chính trị rơi vào một không khí máu lửa kinh hoàng, do cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa Stalin và Trotsky. Không khí này kéo dài suốt hơn năm năm trời, để rồi tiếp tục chuyển sang một không khí còn khủng khiếp hơn nữa, khi Stalin ra tay củng cố quyền lực và loại trừ nốt ảnh hưởng của Trotsky bằng các vụ thanh trừng và xử án hàng loạt. Nếu Zamyatin tạm hoãn việc sáng tác lại hai mươi năm, thì thực tế chính trị tại Nga sô đã có thể cung cấp cho ông ta thêm rất nhiều dữ kiện hấp dẫn, để ông ta đỡ mất công ngồi tưởng tượng. Sự may mắn này đã đến với Orwell khi viết *1984*. Nhưng có lẽ lại cũng chính vì thế mà Orwell cảm thấy cần phải phóng tầm nhìn đi xa hơn vài thập niên nữa để cảnh giác và báo động về viễn ảnh kinh hoàng của một "loại" xã hội đóng kín sau bức màn sắt, viễn ảnh mà Orwell càng lúc càng bắt gặp nhiều dấu hiệu thể hiện trên thực tế. Khi nhà xuất bản New American Library chuẩn bị tái bản cuốn tiểu thuyết *1984* đúng vào năm 1984, Walter Cronkite đã đưa một nhận xét đáng giá trong một bài tựa: "Có người nói rằng cuốn *1984* đã thất bại trong vai trò tiên tri là bởi vì nó đã thành công trong vai trò cảnh giác – hay nói cách khác, người ta đã tránh được cái viễn ảnh khủng khiếp mà Orwell vẽ ra. Nhưng hãy khoan, tự khen ngợi mình theo kiểu đó e rằng hơi quá sớm. Năm 1984 có thể không tới kịp thật đấy, nhưng vẫn còn năm 1985 chứ".

Thật ra, rất nhiều điều (nhiều sự kiện, nhiều hoạt cảnh, nhiều bi hài kịch) mà Zamyatin và Orwell tả trong *Chúng Ta, Nông Trại Súc Vật* và *1984*, đã không đợi tới một năm 1984, 1985, 19... gì đó mới xảy ra. Chúng

ta xảy ra từ lâu, và vẫn đang tiếp tục xảy ra, nhưng *xảy ra ở những nơi khác* với nơi mà người ta an toàn khỏe khoắn ngồi đọc tác phẩm của Zamyatin và Orwell rồi khen chê này nọ. Chính vì vậy mà những lời (dù là dự đoán hay báo động) của Zamyatin và Orwell cũng chẳng làm bận lòng người ta cho lắm. Cái *ngôn ngữ mới* mà Orwell đặt tên là Newspeak, cái ngôn ngữ "được chế ra không phải nhằm mở rộng mà là nhằm giảm thiểu phạm vi tư tưởng"; cũng như lối suy nghĩ độc đáo mà Orwell đặt tên là Doublethink, lối suy nghĩ "được nhồi nhét để dần dần đưa con người tới chỗ không còn nói trái ngược với điều hắn nghĩ nữa, mà là nghĩ trái ngược với điều có thật", – tất cả những thứ ấy đâu còn phải là *viễn ảnh* đối với một người dân đang sống trong xã hội Cộng sản. Bấy lâu nay họ vẫn tập làm quen với ngôn ngữ và lối suy nghĩ đó rồi đấy chứ. Thành thử, nói cho cùng, giá trị của tác phẩm tiểu thuyết của Zamyatin, Koestler hay Orwell không phải nằm ở chỗ chúng thành công hay thất bại trong vai trò tiên tri hay báo động. Các tác phẩm ấy là những chứng tích của công việc mà tác giả của chúng đã làm, chứng tích của ý thức trách nhiệm, ý thức về một sứ mệnh mà tác giả đã tự cảm thấy khi cầm bút: sứ mệnh đối kháng chủ thuyết Cộng sản, tai họa lớn nhất của thế kỷ 20.

*

Khi chúng ta nói về Eugene Zamyatin, Authur Koestler và George Orwell, chúng ta muốn đề cập tới dòng tiểu thuyết đối kháng chủ thuyết Cộng sản của Đệ nhất và Đệ nhị Thế chiến. Đó là một giai đoạn vô cùng quan trọng, bởi vì chính trong không khí sôi sục tương tranh giữa các quốc gia Âu châu cùng với sự phát khởi đáng sợ của các chủ nghĩa Phát xít và Quốc Xã, Đảng Cộng sản Nga sô đã có những thời cơ thuận lợi để củng cố quyền lực và mở rộng mặt trận tuyên truyền, thu hút những cảm tình viên và bạn đồng hành, đồng thời khai thác mọi sơ hở của các quốc gia trong khối Đồng minh để thao túng ảnh hưởng tại vùng Đông Âu. Đệ nhị Thế chiến kết thúc cùng lúc quỹ đạo Liên sô thực sự thành hình, hay nói theo Churchill, bức màn sắt đã thực sự dựng lên để chia thế giới thành hai đối cực. Cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu, hiểu theo nghĩa là các thế lực siêu cường không trực tiếp đụng đầu nhau trên các chiến trường, nhưng không ngừng gián tiếp xung tranh qua những cuộc chiến ủy nhiệm, những hoạt động tình báo, những bước chạy đua vũ khí chiến

lược, và những nỗ lực tuyên truyền, vận động dư luận quần chúng. Trong không khí ấy, những tiếng vọng từ phía bên kia bức màn sắt, phía trong một thế giới đã tự đóng kín lại bằng cả một sự bí mật ghê rợn, là những tín hiệu vô giá. Năm 1958, Edmund Stillman gom góp một số tín hiệu đó để in thành tuyển tập *Mùa Gặt Đắng* (14), trong đó bao gồm ba mươi bốn tác phẩm (thơ và truyện nhắn) đã may mắn "lọt" được ra ngoài, từ Nga sô, Hung gia lợi, Ba lan, Tiệp khắc, Trung cộng, Đông Đức, Việt nam. Có những tác giả mang tên tuổi hoàn toàn xa lạ, nhưng cũng có những tác giả mà lâu nay tên tuổi đã trở thành quốc tế: Milovan Djilas, Boris Pasternak, Ilya Ehrenburg, Tibor Dery... Cây bút Việt nam góp mặt trong tuyển tập này là Minh Hoàng, tác giả của truyện ngắn Đống Máy, đăng trên báo VĂN số 14 ra ngày 27 – 12 – 1957 tại Hà nội (giai đoạn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*) (15).

Tập *Mùa Gặt Đắng* nói lên cùng một lúc cái sức mạnh lạ lùng và bất diệt của ngòi bút (hay nói khác đi là ý thức sáng tạo và đối kháng) trong ngục tù Đỏ; và vai trò của truyền thông trong cuộc chiến tranh lạnh giữa khối Tự do và khối Cộng sản. Cả hai điều này chỉ bắt đầu tác động mạnh đến tâm lý của mọi người kể từ khi phía sau bức màn sắt xảy ra những biến cố bất ngờ: vụ Poznan, vụ Budapest, vụ Trăm Hoa Đua Nở, mà nguyên nhân chung chắc không là gì khác hơn bài diễn văn tố khổ và hạ bệ Stalin do Khrushchev đọc trước Đại hội đảng Cộng sản lần thứ 20 tại Mạc tư khoa, tháng 2 – 1956.

Nếu những tay chóp bu Điện Cẩm linh nghĩ rằng họ đã có một sự chọn lựa khôn ngoan khi đem thây ma Stalin ra làm vật hy sinh trong một giai đoạn ngắn, nhằm "xả xú bắp" cho lò hơi ngạt xã hội chủ nghĩa và nhằm đo lường phản ứng của quần chúng; thì những kết quả của sự chọn lựa ấy đã chỉ khiến cho họ trở thành lố bịch và sắt máu một cách rõ rệt hơn. Một trong những bằng chứng điển hình của tấn bi hài kịch này, là "chỉ thị bút phê" của Khrushchev cho phép ấn hành nguyên văn một cuốn tiểu thuyết ngắn viết về những sự thật trong trại tập trung cải tạo Tây Bá Lợi Á thời Stalin. Ngày 20 – 11 – 1962, nguyệt san *Novy Mir* tung ra 95.000 số báo, đăng trọn cuốn tiểu thuyết, và lập tức bán hết sạch 95.000 ấn bản ấy nội trong ngày. Kỷ lục đạt được chắc chắn không do tên tuổi tác giả, vì tác giả trước đó chưa từng xuất hiện; đây chính là tác

phẩm đầu tay của ông ta. Cuốn tiểu thuyết mang tên *Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovich*.

Bình thường, khi một nhà văn bỗng nhiên có tác phẩm best – seller và trong vòng một tuần lễ tên tuổi đã vang lừng khắp thế giới, thì cuộc đời ông ta hẳn là phải biến đổi dữ dội, hiểu theo nghĩa "lên hương" đến tột độ. Cuộc đời của Alexander Solzhenitsyn quả là có biến đổi dữ dội, nhưng hiểu theo nghĩa vất vả đến tột độ. Ông ta chưa kịp cảm ơn Đảng và Nhà Nước có lòng tốt (!) xuất bản và "lăng xê" ầm ĩ tác phẩm của mình, thì ngay sau đó đã phải ngày đêm đối phó với cả một hệ thống quyền lực xục xạo, áp chế, hăm dọa ông ta bằng đủ mọi cách, đủ mọi thủ đoạn kể cả những thủ đoạn ti tiện nhất (16). Tại sao vậy? Là bởi vì Đảng và Nhà Nước đoán biết – và biết ĐÚNG – rằng Solzhenitsyn không ngừng lại ở cuốn tiểu thuyết *Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovich;* hay nói cách khác, ông ta không phải chỉ cầm bút để kể lại những sự thật bi thảm trong trại cải tạo thời Stalin. Vấn đề không đóng khung và chấm dứt bằng những "lỗi lầm quá đáng" của một thây ma, cho nên sứ mạng của một người cầm bút có ý thức cũng không ngừng lại ở đó. Solzhenitsyn đã bắt đầu viết từ sau khi được ra khỏi tù, và ông tiếp tục viết về tất cả những điều mà ông nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy trong xã hội Cộng sản, dù cho xã hội đó được cai trị bởi Stalin hay bởi bất cứ kẻ kế vị nào đi nữa. Solzhenitsyn sát cánh với những người cầm bút khác cùng ý thức và quan niệm với ông, viết và phổ biến lén lút các tác phẩm từ trong nước ra tới ngoại quốc, suốt cho đến ngày ông bị trục xuất và bắt đầu sống cuộc đời lưu vong. Chủ đề của tất cả những tác phẩm ông đã viết, từ *Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovich*, đến *Quần Đảo Gulag, Vòng Đầu, Trại Ung Thư*.., đều không là gì khác ngoài Sự Thật, – Sự Thật về chủ thuyết và chế độ Cộng sản, về cuộc đời trâu ngựa của những người dân sống dưới chế độ đó, về sự ung thối và ti tiện của tầng lớp thống trị nhân danh Đảng và Nhân Dân, về sức mạnh bất khuất của những con người quằn quại dưới gông cùm nhưng không chịu đầu hàng bạo lực. Bút pháp của Solzhenitsyn là một bút pháp đặc biệt mạnh mẽ, không hoa mỹ và thừa sâu sắc. Những lý luận kinh tế của Koestler, những ẩn dụ độc đáo của Orwell, có thể người ta không tìm thấy trong tác phẩm của Solzhenitsyn, nhưng thay vào đó người ta cảm thấy sức mạnh xuyên phá của những viên đạn trực xạ. Solzhenitsyn viết như để

nhắc nhở và minh chứng rằng mọi phân vân ngờ vực về bộ mặt thật của chủ thuyết Cộng sản không có lý do để tồn tại nữa, bởi vì những bài học thực tế đã được dạy quá nhiều, quá đủ, quá rõ rệt. Khi nhận định về khuynh hướng văn chương những năm 30 và 40, Orwell đã nói đến sự phát khởi của một thể loại mà ông mệnh danh là "văn chương trại tập trung" (concentration camp literature) loại văn chương thoát thai từ "cái thế giới đặc biệt được hình thành bởi lực lượng Công an, hệ thống kiểm duyệt tư tưởng, sự tra tấn, và các phiên tòa tiền chế" (17). Orwell đã coi Koestler như người mở đường cho thể loại văn chương đó. Thì bây giờ người kế tục và hoàn bị công việc của Koestler chính là Solzhenitsyn. Trong tương lai, nếu những nhà tù cải tạo vẫn còn đó (và chắc là các kỹ thuật tra tấn và hành hạ con người sẽ càng ngày càng xuất sắc và hiện đại hơn) chúng ta hẳn sẽ lại thấy xuất hiện những Koestler và Solzhenitsyn khác. Chủ thuyết Cộng sản quả đã "làm tốt" công việc liên kết nhà văn và nhà tù bằng một mối duyên khắng khít.

*

Trên đây chúng ta đã nhắc một cách rất sơ lược về ba tác giả Arthur Koestler, George Orwell và Alexander Solzhenitsyn – có thể nói là ba khuôn mặt tiểu thuyết gia quan trọng nhất của thế kỷ 20, trong ý thức và hành động đối kháng chủ thuyết Cộng sản. Chúng ta đã không dừng lại ở nội dung từng tác phẩm của những nhà văn nói trên, bởi vì thật ra khó có một phương cách nào để trình bày tóm gọn nội dung những cuốn sách viết bằng máu, mồ hôi và nước mắt ấy, mà không làm mất đi giá trị của từng dòng chữ. Đọc được tác phẩm như *Bóng Tối Giữa Trưa, 1984, Một Ngày của Ivan Denisovich*... chắc không phải là việc vui thú giải khuây; và mặc dù trong đó cũng có không ít chi tiết dí dỏm hấp dẫn, cũng như cũng có những chuyện tình yêu trai gái, nhưng nếu bảo một người đọc cầm một trong những cuốn sách ấy để thưởng thức và giết thì giờ, thì e là có hơi mỉa mai. Những tác phẩm văn chương ấy quả thật có đòi hỏi ở người tìm đến với chúng một thứ gì đó khác hơn là sự nhàn rỗi.

Hành trình của tiểu thuyết đối kháng chủ thuyết Cộng sản là một hành trình khởi đi từ sự nứt rạn và đổ vỡ của chính chủ thuyết đó, được đánh dấu bởi những kinh nghiệm máu xương mà mỗi tác giả đã gặt hái được trong cuộc đời họ. Giữa những kinh nhiệm, có một số điểm tương đồng và một số điểm dị biệt. Giữa văn phong và những hình thức trình

bày cũng thế. Nhưng vấn đề thì rõ ràng là vấn đề chung. Song song với thời gian Solzhenitsyn sáng tác, nghĩa là từ giữa thập niên 50 cho đến ngày nay, rất nhiều tác giả và tác phẩm khác đã gặp nhau ở vấn đề ấy. Riêng tại Nga sô, suốt ba thập niên qua không một lúc nào không xuất hiện những tác phẩm văn chương mà nội dung phản ảnh rõ rệt ý thức đối kháng của tác giả trước chủ nghĩa bạo lực. Thập niên 50 ghi nhận hai cuốn tiểu thuyết quan trọng: *Bác Sĩ Zhivago* của Boris Pasternak, và *Không Phải Chỉ Bằng Bánh Mì* của Vladimir Dudintsev. Hai khuôn mặt nổi bật của thập niên 60, kế bên Solzhenitsyn, là Varlam Shalamov với tập truyện ngắn *Những Chuyện Trong Trại Tù Kolyma*, và Andrei Sinyavski với những cuốn *Phiên Xử Bắt Đầu, Chuyện Dị Thường*, và *Lyubimov*. Thập niên 70 chứng kiến sự xuất hiện của Alexander Zinoviev với hai tác phẩm đặc sắc, *Những Đỉnh Cao Ngáp Dài*, và *Tương Lai Rực Rỡ*.

Sinh hoạt văn chương Nga sô (tất nhiên không ai rỗi hơi kể tới cái bộ phận tục gọi là *văn chương quốc doanh*) thường được chú ý đến là bởi sự hiện hữu của hai loại tác phẩm: *Samizdat* (nghĩa đen: do tác giả tự in và phổ biến lấy) và *Tamizdat* (nghĩa đen: được in và phổ biến tại nước ngoài). Không phải giải thích thì ai cũng hiểu lý do hiện hữu hai hiện tượng trên. Hai cuốn sách đầu tiên mà tác giả sống trên đất Nga nhưng bản thảo chỉ truyền tay lén lút trong nước mãi cho đến khi được xuất bản thì lại là ở ngoại quốc và bằng ngoại ngữ, là cuốn *Chúng Ta* của Zamyatin, và cuốn *Bác Sĩ Zhivago* của Pasternak.

Người ta cũng không thể không nhắc tới tác phẩm của những nhà văn lưu vong, nghĩa là đã đào thoát hoặc bị trục xuất khỏi quê hương họ. Có những nhà văn Nga ở lứa tuổi Solzhenitsyn mà tác phẩm gây nhiều chú ý cho giới phê bình, như Vladimir Maximov, Evgenii Ternovski. Có nhà văn Nga ở lứa tuổi trẻ hơn, như Vasili Aksyonov, Vladimir Voinovitch. Và những nhà văn Hung gia lợi, Tiệp khắc, như George Konrad và Milan Kundera, mà giá trị tác phẩm về cả mặt văn chương lẫn ý thức chính trị đều rõ rệt và nổi bật (18).

*

Từ thập niên 30 đến nay, nửa thế kỷ đã trôi qua, và ít nhất đã có hai thế hệ nối tiếp nhau trong sinh hoạt văn học nghệ thuật trên thế giới. Một vài tác giả như Arthur Koestler, George Orwell, Boris Pasternak

không còn nữa, nhưng tác phẩm của họ cho đến nay vẫn được nhiều người đọc đi đọc lại, không phải trong tinh thần hoài niệm, mà là để tham khảo và đối chiếu những kinh nghiệm của một thời đã qua với những sự kiện đang tiếp tục xảy ra trong các xã hội Cộng sản. Công việc đối chiếu ấy có một cơ sở rất chính đáng và hợp lý, bởi vì xã hội Cộng sản vốn là loại xã hội rất hiếm có những chuyển biến, những thay đổi, nhất là chuyển biến và thay đổi trong ý nghĩa canh tân và cải thiện. Các tác phẩm tiểu thuyết xây dựng bối cảnh trên bối cảnh xã hội ấy, vì thế, đều không phản ảnh những mong đợi vu vơ về bất cứ sự tiến bộ tốt đẹp nào, nhưng trái lại đều phản ảnh những mầm hy vọng về một cuộc biến động tận gốc rễ, một cuộc đào thải toàn diện nhằm xóa tan một chủ thuyết điên rồ và đập vỡ những bộ máy quyền lực bạo ngược. Trong bóng tối buồn thảm của những trang kết *Bóng Tối Giữa Trưa*, trong ánh chiều tà hắt hiu của những trang kết *Bác Sĩ Zhivago*, người ta đều bắt gặp tia sáng hy vọng xa xôi nhưng bền bỉ ấy. Từ cửa sổ căn phòng nhỏ bé trên lầu một tiệm bán đồ cổ, Winston Smith – nhân vật chính của *1984* – nhìn thấy một người đàn bà hàng xóm đang phơi quần áo. Đó là một phụ nữ trung niên, rõ ràng thuộc giai cấp "vô sản". Tất cả mọi dáng vẻ của con người bà ta, mọi chi tiết của công việc bà ta đang làm, đều nói lên một đời sống vất vả, đày đọa. Thế nhưng bà ta vừa làm việc vừa cất tiếng hát, một tiếng hát thật hồn nhiên, khỏe mạnh. Winston nhìn thấy qua tiếng hát và mẫu người ấy, một biểu tượng của niềm hy vọng về một ngày tương lai, quyền lực Đảng sẽ sụp đổ và đem theo với nó những dấu vết đồi trụy của thứ "đạo đức chính trị" quái gở. Và cũng như Winston tin rằng tiếng hát kia, giống như tiếng chim họa mi đang hót trong rừng, là dấu hiệu của một sức sống tự nhiên và bất diệt, Orwell tin rằng chính sức sống đó sẽ giúp nhân loại vượt thắng mọi quyền lực độc đoán, mọi thể chế chính trị đi ngược lại khát vọng tự do của Con Người, bởi vì "không sớm thì muộn, sức mạnh sẽ chuyển hóa thành ý thức".

Khoảng thời gian mà Koestler, Orwell, Pasternak viết những tác phẩm "để đời" cũng là khoảng thời gian mà những chế độ Cộng sản trên thế giới đang vận dụng triệt để mọi biến chuyển chính trị quốc tế để bành trướng và củng cố quyền lực của họ. Từ giai đoạn kết thúc Đệ nhị Thế chiến và kéo dài trong suốt ba thập niên 50, 60, 70, thế lực Cộng sản liên tục hoành hành, xâm lấn hết phần đất này đến phần đất khác, trước

sự chống trả mang nặng tính chất hoang mang do dự của thế giới Tự do. Đó là khoảng thời gian vàng son của bạo lực và thủ đoạn giả trá, là cái tình trạng bi thảm đã dìm đắm Koestler vào đến tận cùng của nỗi tuyệt vọng trong những năm cuối cuộc đời, tình trạng mà sau này Solzhenitsyn, trong bài diễn văn đọc tại đại học Harvard năm 1978, đã nghiêm khắc phê phán như một biểu hiện rõ rệt của căn bệnh trốn tránh trách nhiệm mà tất cả xã hội Tây phương đều mắc phải. Nhưng một mặt khác, đó cũng chính là khoảng thời gian để ươm chín những hạt mầm phản kháng trong lòng mỗi con người sống dưới gông cùm Đỏ, để mỗi giờ mỗi phút "chuyển hóa sức mạnh thành ý thức", như Orwell đã khẳng định trong một lời tiên đoán. Những hành động phản kháng đầu tiên của thập niên 50 bắt nguồn từ một mục tiêu dân sinh (sự khan hiếm thực phẩm) nhưng ngay sau đó đã mở rộng thành những đòi hỏi tự do và dân chủ. Từ biến cố tháng 6.1953 ở Đông Đức, rồi biến cố tháng 6.1956 ở Poznan, Ba lan, cho đến biến cố tháng 10.1956 ở Budapest, Hung gia lợi, sự phản kháng đã vượt hẳn ra khỏi giới hạn của nhu cầu vật chất để trở thành một vấn đề căn bản của ý thức tự do. Đó chính là thời điểm của những dòng chữ viết được đem ra đánh đổi với tù đày và cái chết để nói lên Sự Thật, giai đoạn và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm tại Bắc Việt, giai đoạn của những tác phẩm "samizdat" đầu tiên trên thế giới xuất hiện trong tuyển tập "Mùa Gặt Đắng" mà chúng ta đã nhắc tới.

Sự chuyển hóa sức sống tự nhiên thành ý thức, để rồi từ ý thức chín mùi đó trong mỗi cá nhân sẽ kết tính lại thành một năng lực tập thể, chắc chắn không thể là một quá trình ngắn ngủi, nhưng phải chăng chính sự bế tắc và tính cách ức chế của xã hội Cộng sản, xã hội không may mắn thoát thai từ một chủ thuyết ngu xuẩn, vô hình chung đã tạo điều kiện để quá trình ấy được thực hiện mau hơn, sớm hơn? Vấn đề còn lại là cuộc xung tranh cuối cùng giữa năng lực tập thể nói trên với bộ máy quyền lực hiện hữu của chủ nghĩa vô thần. Cuối thập niên 80, một câu hỏi vẫn còn được đặt ra: Bạo lực mà "lũ người quỷ ám" đã từng sử dụng để nghiền nát những cuộc biểu tình tháng 6.1953 ở Đông Đức, tháng 6.1956 ở Ba lan, tháng 10.1956 ở Hung gia lợi, bạo lực ấy đã im hơi lặng tiếng trong những cuộc biểu tình tháng 9.1989 ở Ukraine, tháng 10.1989 ở Đông Đức, tháng 11.1989 ở Tiệp khắc, nhưng điều đó có thể khiến cho người ta kết luận được rằng bạo lực quả thật đã chấm dứt sau khi những

dòng máu cuối cùng đổ xuống tại Thiên An môn, tháng 6.1989 hay không? Nếu ai bình thản xoa tay để trả lời "có" cho câu hỏi này, chắc chắn đó cũng là người đã may mắn có đủ sự lạc quan và dễ dãi để thở phào khi thấy những tác phẩm như *"Bác Sĩ Zhivago"*, *"Không Phải Chỉ Bằng Bánh Mì"*, *"Quần Đảo Gulag"*... giờ đây đã được cho phép hoặc được "hứa" sẽ cho phép xuất bản tại Nga sô trong mục đích thể hiện tinh thần Glasnost. Một người lạc quan và dễ dãi như thế hẳn cũng sẽ sẵn sàng kết luận rằng những từ ngữ như *"samizdat"*, *"tamizdat"*, *"gulag"*... đã trở thành những kỷ niệm của lịch sử, và trong khi chờ đợi thời gian (chứ không phải con người) hoàn tất nốt việc chôn vùi chủ thuyết Cộng sản, thì những loại tác phẩm văn chương kiểu Zamyatin, Koestler, Orwell, Pasternak, Solzhenitsyn... sẽ chẳng cần gì phải tiếp tục được viết ra nữa!

May thay, trong số những người thuộc loại *không* lạc quan và *không* dễ dãi như vậy, ít nhất vẫn còn có chính Solzhenitsyn. Trả lời cuộc phỏng vấn của báo Time ngày 24.7.89 nhân dịp xuất bản ấn bản mới của cuốn "Tháng Tám 1914", ông cho biết đang hoàn tất 5000 trang bản thảo của một tác phẩm mang tên "Bánh Xe Đỏ". Đây là tác phẩm mà kỹ thuật viết là kỹ thuật của tiểu thuyết nhưng nội dung nhằm trình bày toàn bộ chiều dài của lịch sử Nga khởi từ giai đoạn 1914 – 1922. Qua những câu trả lời của Solzhenitsyn về lý do ông viết thêm 300 trang cho ấn bản mới của "Tháng Tám 1914" và về lý do ông đặt tên cho toàn bộ cuốn sách sẽ xuất bản là "Bánh Xe Đỏ", người ta có thể hiểu được rằng một trong những mục đích then chốt của công việc mà Solzhenitsyn đã và đang tiếp tục làm trong tuổi 70 này, chính là vạch trần sự thật lịch sử về cuộc "cách mạng Bolshevik", để từ cử điểm đó phá vỡ bờ đê cuối cùng của lý thuyết Cộng sản: huyền thoại Lenin. Phá vỡ bờ đê này có nghĩa là tiêu diệt nốt điểm tựa cuối cùng của chủ thuyết Cộng sản trong thập niên 80 – điểm tựa này mấy năm nay Gorbachev vẫn đang bấu víu để thực hiện "perestroiska" và "glasnost". Một công việc làm như thế liệu có sẽ được những lãnh tụ đương kim của khối Cộng sản mở rộng vòng tay hoan nghênh và sẵn sàng phổ biến cho tất cả dân chúng cùng biết?

Thay vì đặt câu hỏi như thế, có lẽ chúng ta nên nhắc lại một đoạn trong cuộc phỏng vấn mà ký giả David Ackman của báo Time đã thực hiện với Solzhenytsin:

"HỎI: Ông có tin rằng rồi toàn bộ "Bánh Xe Đỏ" sẽ được xuất bản tại Liên sô vào một ngày nào đó hay không?

ĐÁP: Tôi chẳng có chút nghi ngờ nào về điều này.

HỎI: Ông đã từng nói những gì ông viết phải trở về Liên sô trước khi ông sẵn sàng trở về?

ĐÁP: Vâng. Tôi làm việc 53 năm cho cuốn "Bánh Xe Đỏ", tất cả những gì tôi suy nghĩ, khám phá và làm bằng tâm trí đều đổ vào đó. Nếu tôi phải trở về Liên sô trước "Bánh Xe Đỏ", tôi có thể sẽ là một người câm, tôi sẽ không bày tỏ được điều gì. Một khi dân chúng đọc những tác phẩm, chừng đó chúng tôi mới có thể nói chuyện với nhau. Quyển sách phải được bày bán ở tất cả mọi tiệm sách ở Liên sô".

Solzhenytsin nhắc lại rằng trước khi ông bị lưu đày khỏi nước, ông đã bị kêu án "phản quốc", và bản án này cho đến ngày hôm nay vẫn chưa được thủ tiêu. Những câu trả lời của ông, vì thế, có thể được hiểu theo nghĩa là ông đang đẩy nhà cầm quyền Liên sô đến cái thế phải lựa chọn, mà cũng có thể được hiểu theo nghĩa là ông tin rằng một ngày nào đó họ sẽ không còn ở vào thế được lựa chọn nữa trong việc đưa tác phẩm của ông hoặc chính ông trở về quê hương. Về phía Solzhenytsin, khi viết "Bánh Xe Đỏ", ông đã tự lựa chọn cuộc hành trình của một tiểu thuyết gia phải đóng vai trò một sử giả để đi tìm Sự Thật, bởi vì dưới cái nhìn (của ông cũng như của tất cả những nhà văn đã đi trước ông trên cùng một con đường), chỉ có Sự Thật mới tạo ra được ý thức để giúp con người chiến thắng bạo lực: *"Bạo lực chỉ tìm ra chỗ ẩn núp trong giả trá, và giả trá chỉ tìm thấy sự hỗ trợ trong bạo lực. Kẻ nào đã tuyên bố dùng bạo lực làm phương pháp tất phải lựa chọn giả trá làm nguyên tắc".* Cuộc hành trình gian khổ mà Solzhenytsin lựa chọn, phải chăng từ đó đã là thông điệp về một cuộc đấu tranh không thể ngừng nghỉ, hay ít nhất chưa thể ngừng nghỉ, ngày nào mà nụ cười vẫn còn là chỗ ẩn nấp trong họng súng sát nhân?

Chú Thích

(1) Irving Howe: Politics and the Novel; New York, 1957.

(2) Richard A. Lee: Orwell's Fiction; Notre Dame, Indiana, 1969.

(3) Christopher Hollis, A Study of George Orwell: The Man and His Works; London, 1956.

(4) Căn cứ theo tài liệu của American R.D.M. Corporation (tủ sách Study Master, 1963).

(5) Chronicles of Conscience: A Study og George Orwell anh Arthur Koestler; University of Pittsburgh Press, 1968.

(6) Những cuốn sách quan trọng cần được nhắc tới ở đây là: *The God That Failed* (gồm sáu tiểu luận và hồi ký của sáu tác giả), *The New Class* và *The Unperfect Society* của Milovan Djilas, *The Yogi and The Commissar* của Arthur Koestler.

(7) The Invisible Writing; New York, Macmillan, 1954.

(8) Jenni Calder, sách đã dẫn, trang 128.

(9) Richard Crossman, The God That Failed, Ayer Company Publishers, 1949. (10) Robert A. Lee, sách đã dẫn.

(11) Why I Write, trong tập Collected Essays, London, 1961.

(12) Fables for Our Time – Roberta Kalechofsky, George Orwell; Fredirick Ulgar Publishing Co., New York 1973.

(13) George Orwell, Freedom And Happiness; in lại trong cuốn *1984,* Irving Howe, New York 1963.

(14) Bitter Harvest, The Intellectual Revolt Behind The Iron Curtain; Frederick A. Praege, Publishers, New York 1959.

(15) Đài Âu Châu Tự Do trước đó đã dịch và in truyện ngắn này trong tập Background Information Notes, tháng 3 năm 1958.

(16) Kinh nghiệm viết văn dưới chế độ Sô viết, và những cuộc đối đầu với chính quyền Cộng sản, được Solzhenitsyn tường thuật đầy đủ trong cuốn *The Oak and The Calf,* Harper & Row, Publishers, New York 1979.

(17) Trích dẫn bởi Roberta Kalechofsky, sách đã dẫn, trang 111.

(18) Để tìm hiểu thêm về Samizdat, Tamizdat, và những nhà văn lưu vong, chúng ta có thể tham khảo cuốn Russian Literature Since The Revolution của Edward J. Brown (Harvard University Press, 1982); và cuốn Văn Chương Là Lưu Đày của Đặng Phùng Quân (Gió Việt, 1985).

Đào Trường Phúc

phụ bản NGUYỄN THỊ HỢP

Phạm Việt Cường

thơ dành cho năm cũ

Ngọn Lửa Xa

Đến buổi-chiều-tôi, xa vắng hết
Một mình uống cạn chén phôi pha
Dọn bữa tiệc đời trong bóng tối
Nụ cười em như ngọn lửa xa

Thuở Ban Đầu

Ra khỏi đời nhau như kẻ trộm
Em trắng tay, nhan sắc niềm tin
Tôi tiếc mùa xuân và khát vọng
Ngày ấy long lanh trong mắt em

Thời Gian

Em không chịu đi vào quá khứ
Bâng khuâng tôi nhìn ngắm tương lai
Lá rơi theo gió mùa đông lạnh
Những gì qua mắt giữa chiều nay?

Phạm Việt Cường

Nhật Tiến

sau cuộc gặp gỡ ngày cuối năm

●

LTS: *Có hai nhà văn Nhật Tiến ở hai thời điểm và địa điểm khác. Trước 75, ở quê nhà ông là một nhà văn có khuynh hướng xã hội, truyện của ông là truyện của xóm nghèo, truyện của thơ ngây, tinh khiết. Đó là thời của "Thềm Hoang", "Chim Hót Trong Lồng", "Những Người Áo Trắng". Truyện của ông mở ra bằng thương yêu và khép lại bằng thương yêu. Sau 75 ở quê người chúng ta có một Nhật Tiến khác, bởi chính ông, ông đã nhìn lại cung cách cầm bút của ông trong thời điểm mới. Trước kia ông viết với mong ước để cải thiện lại xã hội. Cái xã hội đó đã sụp đổ trong biến cố lịch sử 75, mà trong đó mọi con người không phân biệt Bắc Nam đang là nạn nhân của một chế độ cực kỳ phản động. Bây giờ ông viết là để chống lại với mọi sự áp chế con người. Truyện của ông bây giờ là "Cánh Cửa", "Tiếng Kèn", "Mồ Hôi Của Đá", trước khi nó là truyện, là văn chương nó khởi đi bằng những suy nghĩ chính trị của một nhà văn có trách nhiệm với ngòi bút của mình, có trách nhiệm với thời đại của mình.*

Dưới đây là những suy tư, thao thức mới nhất của nhà văn Nhật Tiến được viết dưới dạng truyện ngắn: "Sau Ngày gặp Gỡ Cuối Năm".

Chờ cho tên quản giáo vừa đi khuất khỏi luống mì, người tù quay mặt sang phía anh bạn nói:

– Này Thành, cái thằng sao mấy bữa nay mặt nó khó đăm đăm, cậu có biết nó hậm hực chuyện gì không?

Anh bạn nhìn về phía tên quản giáo vừa đi qua, nhoẻn miệng nói:

– Có chuyện cóc gì! Hồi tuần trước nó đi phép về Sàigòn thử nếm mùi chị em ta, nào ngờ nổ mẹ nó ống khói. Cu cậu than trời, rên như bọng.

Người tù trợn mắt:

– Sao mà cậu biết rành thế?

– Thì thằng Tân công tác trên trạm y tế nó kể lại. Mới đầu cu cậu còn giấu diếm, sau khi đái buốt quá mới đành thú với Tân để nó kiếm cách chữa trị cho.

Người tù mỉm cười:

– Chích cho nó vài "bi" là êm chứ gì.

– Thì thế! Nhưng vì là lần đầu bị kẹt giỏ, cu cậu tưởng như đến lăng Bác mà có sụp thì cũng chỉ hãi hùng đến như vậy.

Người tù nhăn mặt nhìn Thành:

– Cậu chúa là hay ăn nói linh tinh. Chả trách giờ này vẫn còn ở đây.

Anh bạn nhe hàm răng ngựa ra cười khà khà:

– Thế còn cậu thì sao? Cậu vẫn ăn nói giữ gìn sao cậu cũng vẫn còn ở đây.

Rồi thốt nhiên anh ta đổi giọng văng tục:

– Đụ mẹ, tớ nói thật cho mà biết, chả phải vì cậu ăn nói hồ hênh hay có hành vi biểu lộ chống phá mà chúng nó qui định cho cậu ở lâu hay chóng. Có khối thằng tù cà chớn gấp nghìn lần, thế mà về là vẫn về. Cái xã hội thối tha này có luật pháp con mẹ gì đâu.

– Cái đó thì cũng đúng thôi. Nhưng giữ gìn một tí thì vẫn hơn.

Thành nổi cáu:

– Hơn ở cái chỗ mẹ nào!

– Sao không! Hơn ở chỗ là mình không tạo nên dịp để cho những thằng ranh con, nứt mắt như thằng Tuyển, thằng Sự, thằng Quang nó lên mặt chửi bới, dậy dỗ mình.

– Sao cậu còn nhậy cảm quá đối với những chuyện nhỏ nhặt như thế nhỉ. Mẹ kiếp, đã vào đến đây rồi, còn sĩ diện hão nổi gì. Cậu phải tập cái thói quen nhìn mọi sự chung quanh như cây, như cỏ. Có thế thì cậu mới chịu đựng nổi những thứ khác nó hành hạ trực tiếp lên thân xác vốn đã còm cõi của mình.

Người tù lắc đầu:

– Tôi không đồng ý với cái quan niệm sống ấy của cậu. Cậu sống như thế là tự hủy hoại chính mình. Khi con người của cậu tê liệt mọi cảm nghĩ, mọi ý thức, mọi phản ứng thì thử hỏi khi ra khỏi tù, cậu sẽ trở thành một thứ con người gì?

Thành hỏi vặn lại:

– Trở thành một thứ con người gì thì có vấn đề gì khác không? Xã hội trong tù, xã hội ngoài tù, có cái gì khác biệt? Hay là tù trong, tù ngoài, tất cả cũng đều là tù cả!

Người tù phản đối:

– Ấy là tại cậu tử cố vô thân, chẳng có ma dại nào chờ đợi thì cậu mới suy nghĩ theo cái kiểu kỳ cục ấy. Còn người ta vợ con đùm đề, nó phải khác chứ.

– Có thể khác mà cũng có thể không. Thiếu gì thằng gia đình vợ con tử tế, mà lúc trở về thì vợ con đã bỏ đi vượt biên, đứa thì vợ đi lấy chồng khác. Bỗng dưng nó như bị ném vào một xã hội xa lạ, vừa ruồng bỏ, sống vất vưởng đầu hè xó chợ, ngồi nhớ lại bầu không khí anh em bạn bè đói no, tủi nhục có nhau mới thấy tiếc. Cho nên ở đời cái gì cũng tương đối cả.

– Quan niệm như cậu thì mọi chuyện đều là buông xuôi hết, ở đời này còn có cái chó gì là ý nghĩa nữa.

Anh bạn tù đột nhiên nổi giận. Khuôn mặt khắc khổ của anh bỗng nhăn nhúm lại khiến cho những vết rạn chân chim ở hai đuôi mắt như hằn lên làm cho những sợi gân chằng chịt ở bên thái dương như cộm lại. Nhưng rồi anh ta lập tức giập tắt được cơn giận vừa chợt ùa đến bằng một hành động hết sức tự chủ. Anh ta cố nhoẻn một nụ cười. Cái cười đến một cách nhanh chóng, thảng thốt làm cho vẻ mặt của anh ta mang một vẻ vừa hiền lành ngu ngơ lại vừa nhẫn nại, chịu đựng. Rồi anh ta nói như phân bua:

– Tớ đã tự nhủ rằng ở đời, mình đã nếm đến tận cùng của những cay đắng, đổi thay thì chẳng bao giờ còn nên biểu lộ những cơn xúc động nữa. Thế mà vẫn chẳng giữ được. Mẹ kiếp, thế ra mình vẫn còn dị ứng đối với một số từ ngữ, chả hạn như cái chữ "ý nghĩa" con khỉ, con tiều gì mà cậu vừa mới phọt ra.

Người tù kêu lên:

– Chết thật! Không ngờ cái đầu của cậu đã hỏng đến mức độ như thế rồi. Nếu cậu cho rằng ở đời này chả còn một cái gì có ý nghĩa cả thì ai còn muốn sống làm gì nữa cơ chứ.

Thành bật lên cười:

– Thế mà vẫn sống được mới lạ chứ! Sống như cây cỏ, sống như thú hoang, sống như những cọng rác trôi vật vờ trong những rãnh nước. Cậu không thấy đời sống bây giờ con người có đủ loại kiểu sống tương tự như vậy sao. Thằng quản giáo ăn uống ngồm ngoàm, suốt ngày gầm gừ giương nanh múa vuốt, chẳng phải là một loại thú hoang sao. Cậu hiện diện ở đây cho ai? Với mục đích gì? chẳng phải là một loại cỏ cây bám trên hàng rào kẽm gai của trại tù từ mười mấy năm qua rồi sao? Còn tớ! A ha! Tớ chỉ khác cậu ở chỗ tớ biết rõ mình đang là một cọng rác trôi vật vờ. Thôi dẹp mẹ nó những ngôn từ đẹp đẽ ấy của cậu đi. Theo tớ, nó đã chết từ lâu rồi, chết trong sự tham tàn, nông muội của những thằng có quyền hành, chết trong sự sợ hãi tuyệt vọng của những con người bị chà đạp, săn đuổi hàng chục năm trời và chết cả trong sự thờ ơ, ích kỷ, giả đạo đức của những đứa đang ăn no, ngủ kỹ trên những nỗi lầm than, đầy đọa của con người, cả bọn ở trong lẫn ở ngoài nước.

Nói xong một thôi dài, anh bạn tù quay lưng bỏ đi. Dáng anh ta cao lêu khêu trong bộ quần áo rách rưới túm vá chằng đụp ở mọi chỗ và cũ kỹ đến độ chẳng trông ra cái màu sắc gì. Mái tóc của anh xù lên, lởm chởm. Hai cẳng chân, hai cẳng tay gầy guộc đen đúa nom như những nhánh củi khô. Quả thực, cũng khó có thể gọi anh ta là một con người đúng nghĩa. Thể xác đã biến dạng thì tâm hồn không thể thay đổi. Những nỗi phẫn hận mà anh ta gậm nhấm từ bao nhiêu năm trời, trong vòng rào kẽm gai của trại tù, trong những cơn ốm đau thiếu thốn, đói khổ, và giữa những đủ loại tin tức trái ngược vang vọng lại từ thế giới bên ngoài hẳn đã hình thành ở anh ta một quan niệm sống hết sức tiêu cực, hết sức buông xuôi như anh vừa phát biểu. Điều này có thể cảm thông được, tuy nhiên nó tàn nhẫn và khốc liệt quá. Nó biến tâm não của con người trở thành một thân củi khô hoàn toàn hết nhựa sống. Người tù nghĩ thế, và anh cho rằng đó nhất định không phải là một quan niệm đang đem ra làm tiêu biểu, bởi vì ở trên đời này có cái gì là tồn tại vĩnh viễn đâu kể cả những bạo lực đã đưa con người đến tận cùng của những nỗi khổ, suy tàn. Cho nên còn sống là vẫn còn là hy vọng. Hơn nữa, con người khác cỏ cây, muông thú ở chỗ nó biết vận dụng khả năng để làm

thay đổi ngoại cảnh. Đó là lý do cọng rác vẫn là cọng rác, nhưng con người rơm rác vẫn có điều kiện để trở về con người đúng nghĩa.

Người tù bỗng có ý nghĩ hăm hở muốn tranh luận thêm với anh bạn về điểm này. Và chính điều đó, nó đã làm cho anh ta thao thức mất ngủ.

Một buổi tối, hai người lại gặp nhau sau bữa ăn tẻ nhạt, buồn chán. Họ ngồi đối diện với nhau ở đầu dẫy chờ tới giờ điểm danh. Người tù rút gói thuốc trong túi ra, chìa cho bạn một điếu:

– Quà thăm nuôi đấy!

Anh bạn thò ngón tay run rẩy ra đón lấy với ánh mắt sáng lên một cách kỳ lạ. Anh ta nói:

– Tớ có nghe chúng nó kể lại là cậu có một ông anh ruột là tới chức Đại tá trong Bộ đội lận.2

Người tù châm thuốc cho cả hai người rồi chậm rãi:

– Phải! Cuối cùng thì anh em cũng phải gặp nhau. Cậu không thắc mắc gì về điều đó chớ?

Anh bạn tù bật lên cười:

– Cậu hỏi một câu thối ủm! Chẳng có đứa chó nào được nhân danh bất cứ cái gì để ngồi xổm trên tình máu mủ, ruột thịt được hết. Mình khác thằng Cộng sản ở chỗ đó.

– Tôi mà nghĩ được như cậu thì đã có thuốc Tam Đảo hút từ ba bốn năm trước rồi.

– Thế nghĩa là sao?

– Thì mấy năm trước, chẳng năm nào tôi muốn nhìn mặt một thằng Đại tá Việt cộng, dù nó là anh ruột của tôi.

– Cái gì làm năm nay cậu thay đổi định kiến đó.

– Lời trối trăn của ông bố.

– Ông cụ có lý đấy. Chủ nghĩa, lý thuyết con mẹ gì thì cũng có lúc trôi tuột, té nhào, nhưng tình máu mủ, ruột thịt bao giờ cũng vẫn còn đó. Tôi như cậu, cứ thản nhiên mà gặp, bắt tay nhau một cái rồi đường ai nấy đi. Ngày xưa hai tướng trước khi xung trận, giết nhau còn tự xưng tên họ và vái nhau một cái kia mà.

Người tù thở dài:

– Nói dễ, làm khó. Khi mà lòng căm thù đã dâng lên đầy mắt rồi thì

tầm nhìn bị thu hẹp lại, lòng dạ cũng trở nên hẹp hòi đi. Ít người có bản lĩnh biết hướng lòng căm thù vào đúng vị trí của nó.

Anh bạn tù tò mò:

– Rồi cuộc gặp gỡ ra sao? Vẫn anh đường anh, tôi đường tôi chứ?

– Nếu như vậy thì còn có cái gì để mà nói.

– Thế thì lại có chuyện để nói rồi và nhất là cậu lại có thuốc Tam Đảo để hút dài dài.

Im lặng một lát để sắp xếp ý tưởng, người tù nói tiếp:

– Tôi có cảm giác rõ ràng trong đầu rằng thằng anh của tôi có một sự thay đổi lớn lao.

Anh bạn tù buột miệng:

– Mẹ kiếp, cỡ đầu có sạn như cậu rồi mà còn đi tin ở một thằng Cộng sản thứ thiệt. Nó nói ngon nói ngọt để dụ dỗ cậu "hồi tà" chứ gì.

Người tù mỉm cười, giọng chế giễu:

– Cậu đã ở tù mười mấy năm, lại vẫn còn đang ở trong tù mà còn có luận điệu ngây thơ đơn giản như thế thì thật đáng tức cười. Tôi hỏi cậu, cậu vẫn còn lạc quan tin tưởng rằng cậu còn có giá đến độ chúng nó phải mò mẫm vô tận nơi để chiêu dụ cậu về với chúng nó hay sao? Hãy nhìn hàng ngũ sĩ quan cấp cao gấp chục lần cậu được thả về lểnh nghểnh xem có mấy ai được chúng nó trọng dụng hay chỉ là những phu xích lô lầm lũi đạp xe ngoài đường.

Thành kêu lên:

– Tại vì họ không chịu hợp tác với chế độ!

– Ai có thể kiểm chứng được có bao nhiêu người không hợp tác với chế độ và có bao nhiêu người chỉ muốn yên thân, có một cái hộ khẩu hợp pháp trong thành phố sau bao nhiêu ngày sống nhục nhằn, khốn khổ. Mà nói cho cùng, cũng chẳng thể ai có quyền phê phán những người cựu tù giữ một chân khiêm nhường trong guồng máy xã hội Cộng sản. Đừng bắt người khác làm anh hùng trong khi mình đang no đủ, phủ phê, an toàn. Cho nên, vì không thể kiểm chứng được, ta mới phải nhìn sang lãnh vực khác để tìm đôi chút sự kiện cụ thể soi sáng cho vấn đề đang nói đến.

Ngừng một lát, người tù tiếp:

– Cậu thử nhìn xem bọn con ông cháu cha trong chế độ mới, được biệt đãi đi du học Ba lan, Liên sô về xem có mấy đứa được làm đúng công

việc chuyên môn của mình. Hay kỹ sư thì đi rửa máy bơm nước, đi lau dầu nhớt máy cầy, cũng có cả những đứa đứng bán chợ trời, móc ngoặc để kiếm sống. Con đẻ còn như thế huống chi những đứa con hoang như tôi, như cậu, sức mấy được ngó ngàng tới để tính chuyện hồi tà. Tôi nói cho cậu biết, nếu cái xã hội này biết tôn trọng chất xám, biết vận dụng đến nhân tài thì đất nước đã chẳng nghèo đói, khốn cùng vào bậc nhất nhì thế giới bây giờ.

Người tù nói một thôi khiến anh bạn cứ nghệt mặt ra. Sự im lặng này không khiến cho người tù nguôi cơn bực tức. Chàng vẫn giữ cái giọng sôi nổi của mình:

– Cho nên phải coi lại cái tư tưởng đóng khung bằng xi măng của cậu thì mới có thể nghe tiếp và hiểu được cái gì tôi muốn nói. Còn chưa biết ất giáp gì, cậu đã tống cái khuôn mẫu hẹp hòi của cậu vào miệng người khác thì... cậu cứ việc ôm lấy cái định kiến của cậu đi. Đó là sự tự do cuối cùng, không ai có thể xâm phạm được, nhưng chỉ tiếc cho cậu là rồi ra, khi nhìn lại, cậu chỉ sẽ là thiểu số.

Anh bạn tù bật lên cười:

– Ê này! Đừng trấn áp và đe dọa nhau như thế chớ. Tôi chưa biết cậu sẽ nói cái gì, nên hãy bỏ qua cái chuyện thiểu số hay không thiểu số. Nhưng tôi sẵn sàng nghe cậu mà không có định kiến. Còn có định kiến cái con mẹ gì ở những thằng đã tự cho là những cọng rác vật vờ như tôi.

Vẻ mặt người tù dịu lại, những đường gân hằn trên trán như đột nhiên giãn ra. Chàng hít một hơi thuốc thật dài rồi vừa nhả khói, vừa nói:

– Cậu có thể tin được rằng thằng anh Đại tá của tôi đã nói với tôi rằng: *"Chỉ những thằng ngu mới vẫn còn tin rằng chủ nghĩa Cộng sản là liều thuốc đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân loại", và rằng: "chúng nó cũng không ngu gì, chúng nó chỉ nấu lấy điều giả trá để mưu cầu đặc quyền đặc lợi cho bè lũ, phe nhóm của mình"*.

Anh bạn kêu lên:

– Điều đó đúng quá đi rồi. Nhưng vấn đề là ở chỗ ông anh của cậu thành thực đến mức nào khi nói lên điều đó. Vả chăng, ông ta thuộc thành phần nào nếu không phải là tầng lớp đang nắm lấy những đặc quyền đặc lợi. Trong quân đội, đeo tới quân hàm đại tá thì đâu có phải là chuyện chơi.

– Nếu ông ta chỉ là một cán bộ tép riu mà lên tiếng than phiền chế độ thì đâu có chuyện gì để nói. Đằng này, như cậu nói, ông ta thuộc thành phần đang nắm những đặc quyền đặc lợi mà ngôn ngữ, quan niệm như thế mới là điều đáng cho mình quan tâm chứ.

Anh bạn nhún vai:

– Nhưng cũng là bởi vì ông ta là Đại tá nên ông ta muốn nói gì thì nói. Làm sao có thể tin những điều ở ngoài đầu môi chót lưỡi được.

– Cậu có quá nhiều nghi ngờ nên nhìn ở đâu, chỗ nào cũng là bịp bợm, giả trá cả. Tôi đồng ý rằng cái chế độ này đang xây dựng trên những sự bịp bợm, giả trá, những điều đó cũng không có nghĩa rằng tất cả toàn bộ những con người sống trong đó đều mang chung một căn bệnh là bịp bợm, giả trá, dù con người ấy thuộc đẳng cấp nào. Vậy chứ, cứ đeo tới lon đại tá là người ta không còn có thể thay đổi nhận định của mình sao, người ta không còn có tim óc, xúc cảm gì nữa sao, người ta hết còn quyền được chọn lựa một con đường khác hơn là con đường mà họ đã đi rồi sao? Cậu có còn nhớ tác giả Djilas, người đã viết cuốn Giai Cấp Mới đã được dịch in ở Sàigòn vào trước năm 1975, cực lực tố cáo chế độ Cộng sản không? Ông ta là một đảng viên Cộng sản kỳ cựu và đã nắm tới chức vụ Ủy viên Tuyên huấn Trung ương giống như Tố Hữu một thời ở Việt nam. Như thế thì bất cứ ai cũng có quyền thay đổi nhận thức của mình một khi họ nhận chân được những sự thực đã xẩy ra ở chung quanh. Tôi tin rằng sẽ có nhiều những Djilas khác nẩy sinh ở khắp mọi nơi khi trào lưu đòi hỏi tự do dân chủ đang là cái hướng cho con người ở cuối thế kỷ này vươn tới. Không có một sức mạnh nào có thể ngăn cản lại được.

Anh bạn tù chờ cho bạn nói hết ý kiến của mình, mới chậm rãi:

– Tôi đâu có chủ trương sổ toẹt con người một cách đơn giản như vậy. Bởi thế tôi mới thắc mắc ông anh của cậu thành thực đến mức độ nào, và hoàn cảnh nào đã đưa ông ta tới sự thay đổi nhận thức một cách sâu xa như vậy.

Người tù nhún vai:

– Làm sao tôi có thể kiểm chứng được những điều âm thầm xẩy ra trong ý nghĩ của người khác. Nhưng ít ra tôi cũng còn đủ bình tâm để nhận xét những gì đã xẩy ra. Trước hết, tôi thấy bản thân mình chẳng là cái thứ quái gì quan trọng để ông ta mò mẫm tới đây dụ dỗ. Một thứ lính chiến chuyên nghiệp, không có nghề ngỗng gì khác hơn là việc cầm

súng. Không có lẽ ông ta lại cần thiết một nhân công lao động thuần túy như tôi trong khi cả triệu người khác đang thất nghiệp, ăn không ngồi rồi. Thứ hai nữa, ông ấy không chỉ đơn thuần nhắc nhở tôi từ bỏ thái độ cực đoan sổ toẹt tất cả những con người đã từng dính dáng đến chế độ Cộng sản, mà chính ông ấy cũng tự nhận phải có sự thay đổi về phía mình nữa. Bởi vì khi tôi hỏi: "*Anh muốn làm tình cộng hả, muốn thế thì tôi phải thay đổi hay chính anh phải thay đổi*". Ông ấy đã trả lời: "*Cả hai bên chú à. Chú rũ bỏ định kiến của chú đi, chú sẽ thấy tôi là người có thể là bạn đồng hành của chú*".

– Cậu đánh giá thế nào về lời nói ấy?

Anh bạn tù ngẫm nghĩ rồi trả lời:

– Tiền đề "*cả hai bên đều phải thay đổi*" là tiền đề có thể chấp nhận được, nhưng còn nội dung thay đổi thế nào thì vẫn còn là một chuyện phải suy xét một cách cặn kẽ. Như cậu thấy, chế độ này đã chẳng đang áp dụng những biện pháp thay đổi đó sao. Sách vở kinh điển của họ luôn luôn chủ trương rằng quyền tư hữu là một chuyện không thể chấp nhận được trong xã hội Cộng sản bởi nó là nguyên nhân làm cho đẳng cấp Tư sản ngóc đầu vậy để giành lại thiên đàng đã mất. Vậy mà bây giờ họ cho buôn bán cá thể, cho phép tư nhân kinh doanh, đến cho mở cả đại học tư nữa thì quá cỡ thợ mộc. Nhưng cậu phải tỉnh táo mà nhận định rằng cái sự cởi mở ấy vẫn nằm trong sự tính toán và trong tầm tay kiểm soát của giai cấp lãnh đạo. Nó chỉ là một trong những thủ thuật mưu sinh thoát hiểm để ra khỏi cơn bệnh kinh tế hiểm nghèo hiện nay mà thôi. Cho nên, tin vào những biện pháp cởi mở để rồi nói rằng Cộng sản đã thay đổi rồi là ngây thơ!

Người tù rút một điếu thuốc khác, châm hút rồi chậm rãi:

– Chính quyền nó cởi mở, nó thay đổi theo thủ thuật nào, kệ mẹ nó, mình hơi đâu mà lý tới. Tôi chưa bao giờ nói với cậu rằng tôi đặt lòng tin tưởng vào chính sách cởi mở của nhà nước. Nhưng đối tượng suy nghĩ của tôi không phải là nhà nước mà là con người sống trong sự quản trị của nhà nước đó. Những con người ấy, trước hết phải nhận định rằng họ không phải là những gỗ đá vô tri để nhà nước muốn tự do vo tròn bóp méo thế nào mặc lòng. Điều đó chỉ có thể xẩy ra ở xã hội miền Bắc trước 1975 chứ không thể xẩy ra ở cả ba miền trong hoàn cảnh hiện nay. Nói khác đi, nếu cậu còn muốn tiếp tục đi sâu vào vấn đề thì cậu phải chấp nhận rằng dù hoàn cảnh xã hội có khe khắt đến thế nào chăng nữa, thì

trong xã hội ấy vẫn còn tồn tại những con người đúng nghĩa, nghĩa là vẫn còn biết đau đớn, biết xót xa, biết tủi nhục và biết phản ứng trước những nỗi khổ đau của đồng bào, đồng đội.

– Cái đó thì tôi đồng ý.

– Và chính cái đó mới là yếu tố làm nên những sự thay đổi toàn diện chứ không phải những biện pháp cởi mở, nay tháo mai buộc theo sự tính toán của nhà nước. Cho nên đừng có lẫn lộn giữa chủ trương cởi mở của giai cấp lãnh đạo với những con người sẽ phản ứng thế nào trong tiến hành cởi mở đó. Nếu còn lẫn lộn hai sự kiện đó tức là cậu đã xóa toẹt những ước mơ của con người vừa nhen nhúm lên do ảnh hưởng của những biện pháp cởi mở đem tới. Nói khác đi, chỉ biết vạch ra sự gian dối quỉ quyệt của Cộng sản trong chiêu bài cởi mở không thôi, mà thiếu nỗ lực vận dụng những sự kiện nẩy sinh trong tiến trình cởi mở ấy để trở thành một động lực, một nhu cầu lịch sử tiến tới cao trào đấu tranh thay đổi toàn bộ cơ cấu xã hội thì chẳng những là một thiếu xót lớn trong sách lược giải phóng quê hương ra khỏi nỗi lầm than cơ cực hiện nay mà còn hủy diệt những nhân tố tích cực đáng lẽ có thể góp phần làm đổi thay xã hội. Thí dụ như sự xổ toẹt tất cả những văn nghệ sĩ đã từng lên tiếng trong hoàn cảnh cởi mở, đổi mới để liệt họ vào hàng văn nô là một sự đánh giá quá đơn giản nếu không muốn nói là thiếu sự công bằng tối thiểu trước bàn tay của bạo lực lúc nào cũng có thể khép lại để trở thành những nhát búa tiêu diệt đến cả tính mạng con người, thì sự lên tiếng của họ là một thái độ can đảm. Tại sao không cổ võ cho sự can đảm ấy để đưa tiếng nói của họ trở thành cao trào khiến chế độ không thể cưỡng lại được. Tại sao ta lại phủ nhận nội dung của các bài viết đã đấu tranh một cách sâu xa cho những giá trị đích thực của con người trong khi các bài ấy chỉ có một cái "tội" là đã được viết ra trong thời kỳ chiêu bài đổi mới được tung ra. Nếu cho rằng đổi mới chỉ là giai đoạn, nay có thể thế này, mai có thể thế khác, thì khi nhà nước lật lọng về đường lối, chính sách của họ, giai cấp lãnh đạo làm thế nào có thể bôi xóa được những gì mà những người cầm bút đã từng viết ra trong các tác phẩm đã lưu hành, hay là nó sẽ còn tồn tại lâu dài hơn cả cuộc đời những nhà lãnh đạo, hơn cả cái chế độ mà các nhà lãnh đạo ấy đã dựng lên. Văn chương, tự nó không phải là loại đồ trang sức phù phiếm mà là những tấm gương chói lọi soi sáng được lịch sử. Không làm được nhiệm vụ ấy, nó sẽ chỉ còn là

những đồ mạo hóa, rất mau chóng bị đào thải bởi thời gian và bởi sự lảng quên của độc giả quần chúng.

Anh bạn tù kêu lên:

– Cậu thiết tha với văn chương như thế sao cậu không tập sự cầm bút đi.

Người tù mỉm cười:

– Ở thời đại này ai cũng có thể cầm bút được hết bởi có quá nhiều tâm tư, nguyện vọng cần được viết ra, có quá nhiều hoàn cảnh, kinh nghiệm sống và những sự thực cần được phơi bầy. Kỹ thuật viết không phải là yếu tố chính yếu mà là ở chỗ người cầm bút có can đảm hay không để có thể nói ra những điều phải nói. Cậu không thấy rằng, chính những điều mình đang trao đổi hôm nay cũng có thể coi là một vài trang của một cuốn tiểu thuyết đang viết về những thực trạng của quê hương trong đó có cả cậu đã trực tiếp góp phần vào.

– Thôi đi ông nội ơi, xin đừng gán ép cho tớ những điều tớ không bước vào và cũng không muốn bước vào. Hãy trở lại câu chuyện ông anh Đại tá của cậu đi.

Người tù mỉm cười, lặng lẽ đổi lại thế ngồi rồi nói tiếp:

– Hôm gặp nhau, tôi đòi bắn bỏ ông ta nếu có súng trong tay. Ông ấy thấy ngay khẩu súng lên bàn và bảo tôi cứ tự tiện. Cậu thấy có đáng ngạc nhiên không?

– Ngạc nhiên chứ! Đi thăm tù, đâu có ai được phép mang súng theo.

Người tù kêu lên:

– Đó là luật lệ trên lý thuyết! Nhưng cậu thừa biết luật lệ ở cái xứ này. Mấy thằng cảnh vệ nom thấy lon đại tá là đã xanh mặt và giở ngay cái điệu bộ xun xoe rồi, sức mấy mà đòi lần lưng khám xét ông ta. Nhưng đấy chỉ là vấn đề tiểu tiết. Cái đáng ngạc nhiên không phải ở chỗ ấy mà ở cái chỗ ông ta dám điềm nhiên trao súng cho một thằng tù như tôi.

–Anh bạn tù kêu lên:

– Đúng đó! Tôi chưa từng thấy một tay Cộng sản già dặn nào mà lại xử sự hớ hênh như thế.

– Tôi thì tôi cho rằng đó không phải là một sự hớ hênh mà là một hành vi có tính toán, suy nghĩ cẩn thận. Chính ông ấy đã nói với tôi rằng: *"Tôi hiểu rõ những con người đã được đào luyện và giáo dục trong xã hội tự do nhân bản. Chú là em của tôi. Điều đó có nghĩa là dù ở hoàn cảnh*

nào, trong lòng chú vẫn còn tình cảm máu mủ, ruột thịt. Nếu chú sinh ra và lớn lên ở xã hội Cộng sản, có lẽ tôi đã xử sự theo cách khác rồi". Đấy là một sự tự thú sâu xa về bản chất của xã hội Cộng sản, có phải không? Có còn một sự thay đổi nào sâu xa hơn là những lời vấn tắt và giản dị chỉ có chừng ấy. Nó đã làm tôi xúc động thật sự và tôi bỗng như trong khoảnh khắc xé tan được bức màn định kiến vốn giữ khư khư từ bao nhiêu năm.

Bây giờ, ít nhất tôi cũng đã nhìn ra được một điều là ở hàng ngũ bên kia vẫn còn có những con người đích thực với những nỗi khao khát, ước vọng và những nỗi niềm thốn thức của nó cho dù con người đích thực đó còn nằm tiềm ẩn, sâu kín trong cái vỏ con người cán bộ, đoàn viên, đảng viên đang sinh hoạt hàng ngày. Vấn đề là ở chỗ làm bừng dậy những con người đích thực ấy thì sẽ nẩy sinh được một cuộc tập hợp mới. Đó không phải là sự cộng lại giữa một con bò với một cái bàn để chẳng ra một cái quái thai nào hết cả. Hiểu như vậy là xuyên tạc hay vô tình xuyên tạc cái ý nghĩa sâu xa của vấn đề đoàn kết dân tộc. Theo tôi, đoàn kết, là những nỗ lực đập vỡ những con người đã biến dạng vì hận thù, vì mất mát, vì nhu cầu phải giả trá hay những hình nộm đã được cả hai phía nặn lên từ cuộc chiến kéo dài trên ba mươi năm để khôi phục lại những con người đích thực, biết yêu thương, biết thổn thức, biết thiết tha đến truyền thống hiền hòa, nhân ái của cha ông và biết phẫn nộ, đứng dậy đấu tranh để đòi lại quyền làm người đã bị cưỡng đoạt từ bao nhiêu năm. Trên căn bản suy nghĩ đó, tôi cho rằng ông anh của tôi thành thực đến mức độ nào, có thể đồng hành được hay không đồng hành, đó chỉ là trường hợp cá nhân riêng lẻ. Nhưng tôi đã nghĩ đến một cuộc tập hợp rộng lớn hơn nhiều, ở đó có những đảng viên, những cán bộ, những đoàn viên có thể chung sức với những con người lầm than khác đứng lên làm lại lịch sử. Như lịch sử của các nước Đông Âu đã và đang được viết lại. Khi đó, con người không bị xét đoán bằng hành động của mình trong quá khứ mà bằng thước đo "con người sinh động" với tất cả những giá trị nhân bản của nó. Đấy là ánh sáng cuối đường hầm, không thể có con đường nào khác hơn được.

Anh bạn tù lắng nghe và gật gù:

– Thật ra thì con người đích thực như cậu nói chưa bao giờ hiện diện trong sách vở Cộng sản cả. Họ đã tạo dựng nên con người vô sản không có trong thực tế để làm hình nộm chứng minh cho duy vật sử quan của họ. Vì thế những khao khát của con người vô sản như xóa giai cấp, xóa

quyền tư hữu, xóa biên cương chỉ là những khao khát giả tạo không thích ứng được vào với đời sống thực tế bên ngoài sách vở. Và để sửa chữa cái mâu thuẫn này, người Cộng sản đã sử dụng bạo lực để gìn giữ xã hội vào khuôn phép. Nó là một sự trật tự tạm bợ, một sự ổn định nhất thời. Một ngày kia nó sẽ phải sụp đổ vì cái mâu thuẫn nội bộ không thể giải quyết được.

Người tù nheo mắt nhìn về phía bạn của mình như để chia sẻ điều nhận định mà anh ta vừa nói. Dưới ánh sáng mờ nhạt của ngọn đèn héo úa hắt lại từ phía xa, khuôn mặt của anh bạn tù gần như chìm khuất trong bóng tối chỉ còn nom thấy hai đốm sáng, rực lên từ hai tròng mắt sâu như lỗ đáo, kết quả của những cơn đói khổ, dằn vặt triền miên. Người tù chợt thấy lòng dâng lên một niềm xót xa vô hạn khi nghĩ đến số phận của nhiều người, chẳng riêng gì ở trong hay ngoài tù, đang còn ngụp lội, lầm than vì những nỗi khốn khổ, vùi giập. Một giây sau, chàng hỏi:

– Tôi thấy trong cái đầu của cậu cũng vẫn còn chất chứa những điều băn khoăn, thao thức hoặc những nhận xét sâu xa đối với cuộc sống. Vậy mà chẳng hiểu tại sao cậu lại chọn lựa một thái độ sống hết sức tiêu cực là tự ví mình như những cọng rác đang trôi vật vờ.

Anh bạn tù ném mẩu thuốc lá đã rít đến hơi cuối cùng vào rãnh nước gần đó rồi trả lời:

– Tôi có thể làm gì khác hơn được khi thân phận đang như một con heo bị trói gô trên mặt bàn của đồ tể. Chỉ còn có mỗi một cái đầu để suy nghĩ thì nó đã bị tấn công tới tấp về mọi mặt: những bài học chính huấn, những lời lên lớp, dậy dỗ, chửi rủa của những tên giám thị, quản giáo, và cả những tin tức bánh vẽ lọt vô từ bên ngoài. Phải công nhận, những tin tức hồ hởi kiểu đó, trong những năm đầu đã như những liều thuốc kích thích giúp tôi sống qua được giai đoạn khó khăn nhất của đời làm tù. Nhưng rồi mười năm trôi qua, những loại thuốc đốp kiểu đó chẳng những không còn hiệu nghiệm mà còn có tác dụng soi mòn niềm tin và hủy hoại nghị lực của chính mình. Tôi đã gặm nhấm cái hình ảnh này ở trong đầu: có những kẻ đang chết đuối rẫy rụa dưới vực sâu và có những kẻ ở trên bờ múa may, hò hét xuông mà không làm điều gì cụ thể cả. Vậy mà họ còn nhẫn tâm muốn người chết đuối phải trở thành những anh hùng để họ có cơ hội cử hành lễ tuyên dương. Thế thì cái "ý nghĩa" về cuộc sống như cậu đã nói nó còn có cái ý nghĩa gì.

Nói rồi anh bạn tù đứng dậy phủi đít quần, mắt nhìn về phía sân cỏ như đang nghĩ đến giờ phải tập hợp. Vào đúng lúc đó, những tiếng kẻng rộn rã nổi lên. Anh bạn bạn tù quay lại nói với thêm một câu:

– Nếu tôi có buông xuôi thì cũng chỉ là sự buông xuôi của người tù đã bị bó giò, bó cẳng không nhúc nhích được gì. Còn lạc quan như cậu thì cậu cứ tiếp tục con đường của cậu đi. Biết đâu tôi lại chẳng được nhờ cậy vào những nỗ lực của những người như cậu để được cứu vớt lên bờ. Chỉ mong sao cho tới lúc được vớt lên tôi chưa phải là cái xác đã chết trôi vật vờ...

Nhật Tiến

Santa Ana tháng 11.1989

Ngữ An

thư cho bạn bè còn kẹt lại.

Tụi mày trách tao từ khi đến Mỹ
Sung sướng quá rồi quên hết bạn bè xưa
Nên cả năm không thấy thư về cố quận
Hỏi thăm nhau chút tình nghĩa dư thừa

Đừng nghĩ đừng tin những điều đã tưởng
Đâu có thiên đường cho kẻ lưu vong
Ánh sáng nhiều khi làm lòa đôi mắt
Ở đây vật chất dư thừa nghẹt thở con tim

Bởi có người nhìn nhau qua hình thức
Cứ đến đây rồi hiểu sự bạc lòng
Tốt đẹp làm gì khi đời như ám khói
Ở đâu không là giờ thư hăm nhăm

Đời như thế còn hồn đâu để viết
Thư về thăm bè bạn với người thân
Chỉ còn tấm lòng mỗi ngày một rách nát
Gởi theo thùng quà vào dịp cuối năm.

Ngữ An

Nguyễn Hoàng Nam

khi ăn tối với t.

biết mọi thứ sẽ quay về một thứ
sao bắt đầu bằng rào tre rào kẽm gai
ngồi bắt bẻ nhau từng ánh mắt
trúng một chiều là đủ rớt đài
dữ dữ hoa mắt cả hai cùng kiệt sức
ê, ngoài kia tối nay đâu có còn dài
*

một tuần lật đật mồ hôi hột
mỗi thứ bảy mỗi kẽ hở thời gian
mỗi tư riêng mỗi leo thang vật giá
những người yêu trong tích tắc đèn vàng
(đèn xanh thì ta đã vọt mất
đèn đỏ ta bận nhăn nhó đê em
mỗi cảm nhớ mỗi xa xỉ phẩm
cuộc đua của những kẻ không tim)
*

biết mọi thứ sẽ quay về một thứ
sao vờn nhau trò mỹ hay việt nam
sao đi nhau màn việt nam hay mỹ
đứa nào ngon dám vỗ ngực rõ ràng
(này em nhất tòng nhị đức rưỡi
này anh mài bút chì dưới trăng
đôi khi cộng hòa đôi khi dân chủ
chưa dám dắt bố mẹ đi bỏ phiếu một lần)
*

ừ, cùng đi guốc vào trong bụng
lẫn nhau còn mẹ gì che dấu phô trương
có hai đứa nhỏ lọt chung thế hệ
thương nhau đứt ruột chứ sao không thương
có hai đứa nhỏ nghi ngờ ngọn gốc
dựa nhau trong hạnh ngộ nhiễu nhương
có hai đứa nhỏ không biết cười hay khóc
cuộc tình lột xác văn chương

*

biết mọi thứ đều quay về một thứ
câu chuyện như bao câu chuyện tầm thường
giờ để anh ra trả tiền em bỏ tiền típ
lẹ lên, còn mềm cừng nệm giường.

Nguyễn Hoàng Nam

Định Nguyên

hỏi

Hỏi môi
Môi dỗi cho lời
Hỏi vai
Vai đã ngậm ngùi hương xưa
Hỏi tim
Tim vọng âm thừa
Hỏi mi
Mi lạnh mùa thu giọt sầu
Hỏi đời
Đời chẳng còn nhau
Hỏi cha mẹ
Nắm cỏ khâu xanh mồ
Hỏi trời
Trời đổ cơn mưa
Hỏi thư
Thư ố bao tờ rụng rơi
Hỏi đêm
Đêm chẳng trả lời
Hỏi ngày
Ngày vẫn vui cười người dưng
Hỏi say
Rượu cạn bình không
Hỏi chăn gối
Chỉ chập chùng nhớ nhau

Định Nguyên

Khánh Trường

phòng số 164

●

Từ cửa sổ trên tầng thứ ba mươi của cao ốc nhìn xuống, đại lộ phía dưới như một mô hình với ngổn ngang xe cộ – trông giống loại đồ chơi bằng nhựa, hoặc kim loại thường thấy trong các toy store – trôi một cách chậm chạp, lặng lờ. Cửa sổ giát kính dày, căn phòng ở quá cao, nên mọi tiếng động ồn ào của đường phố hoàn toàn bị cách ly. Căn phòng im ắng đến nghe rõ tiếng rì rào rất nhỏ của chiếc tủ lạnh.

Gần trọn buổi sáng, Trúc đứng cạnh cửa sổ, nhìn xuống. Nếu từ chỗ đứng nầy, mở rộng khuôn kính và lao ra... Trong mấy giây ngắn ngủi rơi từ bậu cửa đến mặt đất, thân thể Trúc sẽ thế nào? Nhẹ tênh? Và điều gì sẽ xảy ra trong não bộ nàng? Kinh hoàng, hối hận? Cả ngày hôm nay, hết ra lại vào, hết nằm lại ngồi, hết nhìn trân trối xuống cái chiều sâu hun hút của lòng đường, lại vật vã vùi mặt vào gối. Nàng hiểu, nếu đủ can đảm thực hiệm điều đang nghĩ, thì mọi vấn đề sẽ chỉ là con số không. Sẽ chấm hết. Nhưng làm sao để có được cái can đảm đó? Trúc thở dài. Xem thế, từ ý nghĩ đến quyết định, con đường đâu phải giản dị, ngắn cụt!

Nhưng mà, phải chọn lựa thôi, không thể khác hơn được!

Trúc thu hết can đảm, cố gắng đưa tay kéo cửa kính, bàn tay run bắn. Gió ào ào cuốn vào, mang theo hơi lạnh buốt giá, tóc Trúc bay rối về phía sau. Nàng nhắm nghiền mắt, run rẩy chạn tay vào thành cửa, run rẩy leo lên, và nghiến răng... phóng ra.

Phóng ra. Thân thể Trúc, đúng như dự đoán, nhẹ hẫng. Gió thổi vù vù chung quanh, hai tai ù nhức, người lạnh tê. Nàng rơi, rơi... như một

chiếc lá, nhẹ nhàng, phơi phới. Khác với tưởng tượng, đầu óc Trúc trở nên minh mẫn lạ thường, nàng bình tĩnh chờ đợi cái phút thân thể va chạm với mặt đất. Chắc chắn sẽ không kịp cảm nhận được gì hết, chỉ một phần mười của giây, nẩy lên, lăn vài vòng, hay có thể sẽ nằm im ngay tại chỗ, và như thế, chấm hết.

Nhưng lạ quá, sao nàng vẫn rơi, rơi, rơi mãi, mặt đất lẽ ra đã đón nàng rồi chứ! Trúc ngạc nhiên mở bừng mắt.

Ngạc nhiên hơn nữa, Trúc không rơi, trái lại, nàng đang bay, bay lên, bay lên... càng lúc càng cao, vượt quá chiều cao của tòa cao ốc từ lâu. Bây giờ, lòng đường không còn như một mô hình, lòng đường đã là một sợi chỉ nhỏ nhập nhòa, hư ảo. Nàng tiếp tục bay, cao, cao, cao mãi, nhập vào giải mây trắng, và thân thể nàng cũng hình như đang tan loãng, thành mây. Trúc hoang mang tột độ, sự việc hoàn toàn xảy ra ngoài dự kiến, như một giấc mơ.

Nhưng nàng đâu có mơ!

Mọi chuyện đã được sắp xếp từ ba bữa nay, ý định đã được nuôi dưỡng, cân nhắc, suy tính cặn kẽ. Tiền nhà tháng nầy nàng đã thanh toán, kèm theo miếng giấy nhỏ báo tin sẽ trả phòng vào cuối tháng; những tấm bill điện, nước, bảo hiểm, nợ trả góp... Tất cả đã được nàng ký mail cẩn thận. Và thư cho những người thân, cho Toàn cũng đã được nàng bỏ vào phong bì, xếp ngay ngắn trên mặt bàn trang điểm. Trước khi trèo lên bậu cửa sổ, Trúc còn đủ bình tĩnh quay đầu nhìn lại lần cuối căn phòng, xấp thư vẫn nằm nguyên ở vị trí, Trúc còn đọc được tên của Toàn trên bao thư do chính tay nàng nắn nót, bằng loại viết nỉ thường dùng. Tính nàng vẫn thế, cái gì cũng cần phải minh bạch, rõ ràng. Nàng không muốn mang tiếng, dù rằng, sẽ chẳng bao giờ, sau khi chết đi, nàng còn có cơ hội nghe thiên hạ bàn tán về mình.

Ta mơ chăng? Trúc tự hỏi một lần nữa, nàng thử ngắt mạnh vào bắp tay, ta còn biết đau mà!

Bây giờ, thân thể Trúc đã nằm ngang trên một giải mây, cảnh thổ bên dưới đã hoàn toàn bị xóa mất, cảm giác lạnh lẽo cũng không còn, đầu óc Trúc dần dần trắng ra, sạch ra, nàng cảm thấy tâm hồn lâng lâng nhẹ nhàng, mọi vướng bận, khổ não suốt bao nhiêu ngày qua dường như đã lùi thật xa vào vùng nhập nhòa của ký ức. Một niềm vui không rõ hình thù đang ngự trị trong đầu, Trúc chợt cười lớn, tiếng cười xuyên qua lớp mây trắng nõn, nổi trôi bềnh bồng, vang âm lồng lộng.

Trúc tiếp tục bay...

Đã quen với vị thế hiện tại, bây giờ Trúc hoàn toàn chủ động, nàng có thể bay cao, bay ngang, hay hạ thấp như chim tùy ý. Tuyệt diệu hơn nữa, Trúc không cần phải sử dụng đến hai tay để điều khiển thân thể. Ý nghĩ chỉ thoáng qua trong đầu, là diễn biến sẽ xảy ra tức thì. Khi phát hiện được điều nầy, Trúc vô cùng thích thú, nàng nhớ đến những cuốn chuyện thần thoại đã đọc thuở nhỏ, mình bây giờ hình như cũng là một nhân vật của thần thoại, có đủ mọi quyền năng siêu việt.

Nhưng ngoài khả năng bay được như chim, mình còn làm được những gì khác hơn?

Nếu mình có thể kéo ngược thời gian nhỉ?

Bao nhiêu năm lưu lạc, không có điều kiện trở lại quê xưa. Người mẹ thuở thiếu thời đã chết. Ngôi mộ trên ngọn đồi cát ven biển đã dãi dầu bao nhiêu mưa nắng? Thư đứa em trai, *Mộ mẹ sụt lở từ mấy năm nay, em muốn xây lại nhưng không có tiền, nếu chị dư giả hãy giúp em. Nhiều hôm đi thăm mẹ, nhìn nấm đất lè tè sắp ngang bằng mặt đất, em xót ruột quá*... Thùng quà nàng gởi về, bán ra có đủ để làm lại mộ cho mẹ? *Em nhớ chụp và gởi cho chị một tấm hình*. Nhưng đã bốn tháng rồi vẫn chưa nhận được thư đứa em trai. Mình tệ thật, lẽ ra nên gởi thêm... Và hình ảnh ngôi nhà nhỏ trong khu vườn rộng rợp bóng mát. Hàng rào dâm bụt bao quanh. Cây ngô đồng to bằng hai vòng tay ôm cao vút đầu ngõ. Cái giếng đá sâu thăm thẳm, thành giếng phủ đầy rêu xanh. Cây dạ lý hương bên ngoài cửa sổ phòng ngủ thơm ngát giấc khuya. Ngoài hành lang, đôi chim hoàng anh suốt ngày ríu rít trong chiếc lồng tre. Từ hành lang nhìn ra, vuông sân với lối đi trải sỏi trắng ngà, những bụi cúc nở hoa vàng ối hai bên vào những ngày cận tết. Góc tường bên trái, cây ổi cơm với những nhánh cành trơn láng dẻo dai, những buổi trưa, không gian đầy ngập tiếng ve râm ran tử bề, Trúc thường trèo lên chạng ba một nhánh lớn, ngồi vắt vẻo, với tay hái những trái ổi xanh chỉ to hơn ngón chân cái một chút, nhai nhóp nhép, nheo mắt nhìn bãi cát vàng chói lọi dưới áng nắng, mặt biển xanh thẫm, mỏm núi nhô ra từ bờ vịnh, màu đá nâu đen thấp thoáng giữa màu cỏ tranh vàng cháy, một con đường chạy quanh co từ bờ vịnh lên đến đỉnh, chỗ có dãy nhà với mái tôn sáng chói của một đơn vị địa phương quân trấn đóng.

Ước gì được trở về lại ngôi nhà xưa...

Ý nghĩ chỉ mới lướt qua trong đầu, Trúc đã thấy thân thể mình bổng

như hụt hẫng, rồi nàng từ từ hạ thấp, hạ thấp... Và, ô kìa! loáng thoáng phía dưới, sau hàng rào dâm bụt xanh thẩm, là ngôi nhà nhỏ của nàng, ngôi nhà của thiếu thời.

Trúc sung sướng bay nhanh tới, nàng lướt qua ngọn cây ngô đồng, sà xuống lối đi trải sỏi, những luống hoa cúc vẫn như ngày nào, nở rộ bao nhiêu đóa, vàng ối. Trúc đặt nhẹ đôi bàn chân xuống mặt sỏi, chạy nhanh về phía hành lang, nơi mẹ nàng đang dang rộng hai tay, chờ.

Trúc sà vào lòng mẹ, những giọt nước mắt không thể cầm giữ cứ tuôn trào, những giọt nước mắt sung sướng. Bao nhiêu năm nay, chưa bao giờ Trúc được khóc một cách thỏa thuê như bây giờ. Bao nhiêu năm nay, một thân, một mình, nổi trôi lưu lạc xứ lạ quê người, nàng đã sống như một loại thú hoang, phải tự chống chỏi với môi trường khắc nghiệt, những bão giông, mưa nắng thất thường; những núi đồi ghềnh thác cheo leo... Bao nhiêu năm nay... Trúc ôm thật chặt vòng hông của mẹ, nàng thì thào trong xúc động:

– Mẹ, mẹ ơi...

– Ừ, mẹ đây, con của mẹ...

Trúc ngước lên, nhìn sâu vào đôi mắt mẹ, đôi mắt vẫn tinh anh như ngày nào. Hình ảnh người mẹ của hai mươi năm trước, thuở Trúc mới lên ba, đang hiện diện trước mặt, và nàng có cảm tưởng cũng nhỏ lại, như xưa. Duy có điều, những suy nghĩ trong đầu nàng thì đã khác, đã là của một người từng bước qua tuổi trưởng thành từ lâu. Trúc nói:

– Thời gian đi nhanh vùn vụt. Thoáng chốc đã mười năm. Bao nhiêu đổi thay dâu bể, mẹ nhỉ?

Mẹ đưa tay chùi vệt nước mắt đang lăn dài trên má Trúc, cúi hôn lên vầng trán phẳng của nàng, giọng mẹ thoang thoảng như gió:

– Hình như con không được vui. Chuyện gì đã đến với con?

– Không, mẹ, con được gặp lại mẹ là hạnh phúc lắm rồi. Con đang rất vui mà mẹ.

– Đừng dấu mẹ. Áo không mặc qua khỏi đầu đâu con. Bóng tối đầy ngập trong mắt con. Điều gì, nói mẹ nghe đi?

– Mẹ ơi!

– Nói đi con...

Trúc vùi khuôn mặt mình vào ngực mẹ, lồng ngực thơm hương sữa đã từng nuôi nàng lớn khôn. Trúc lại ứa nước mắt:

– Mẹ ơi! Con khổ quá...

Mẹ vuốt tóc Trúc, dỗ:

– Nào, hãy kể mẹ nghe...

Kể mẹ nghe, kể mẹ nghe... Nhưng biết kể thế nào? Làm sao bày tỏ đủ với mẹ những đau đớn không cùng nầy?...

Toàn ôn tồn:

"Em hãy bình tĩnh nghe anh nói. Chuyện đâu còn có đó, em đừng làm rối lên như thế, chẳng giải quyết được gì hết. Nửa năm yêu nhau, đã rất nhiều lần anh muốn thú thật với em, tất cả. Nhưng anh sợ. Anh sợ sẽ mất em. Anh yêu em, anh không muốn, hoàn toàn không muốn tình cảnh trái ngang nầy xảy đến cho chúng ta. Bây giờ, chuyện đã xảy ra, em phải giúp anh giải quyết...".

"Giải quyết? Cách nào? Anh đã lừa dối em. Tại sao anh không nói rõ sự thật trước khi đến với em? Bất cứ một người đàn ông có lương tri nào cũng hiểu rằng, hành động như thế – như anh đã với em – là trái với đạo lý làm người, là tàn nhẫn, là không thể chấp nhận. Chị ấy, cũng như em, là đàn bà, đàn bà với tất cả mọi thua yếu. Anh không thể nhẫn tâm biến bọn em thành những món đồ chơi, những món ăn cần phải đổi cho khỏi nhàm khẩu vị, những đôi giày đã vẹt gót cần phải thay, những cái cà vạt đã lỗi thời cần phải ném vào sọt rác... Lỡ dở hết. Anh đã phá hoại đời em, anh đã chà đạp lên tấm lòng thủy chung của chị ấy. Anh là một người đàn ông tham lam, ích kỷ. Anh chỉ muốn làm đầy anh, anh chỉ muốn thỏa mãn cái thân xác đàn ông của anh. Anh quên một điều, làm người, cần phải có một tấm lòng, và một trái tim...".

"Trúc, đừng nặng lời với anh, em hiểu mà, anh yêu em!"

"Yêu, yêu, yêu... Bây giờ thì em hiểu hết. Phải, em hiểu mà! *Yêu... Anh sử dụng tiếng yêu như một con vẹt, như một thói quen, phản ứng có điều kiện. Anh là một con đực, khi nhìn thấy con cái thì nước dãi ứa ra, rồi lập tức: Yêu! Anh là một thằng đàn ông nghiện xì ke, khi nhìn thấy kim tiêm, ống chích là gan ruột cồn cào, tay chân lẩy bẩy, rồi cuống quít: yêu! Ngày xưa, khi đến với chị ấy, anh cũng đã từng nói như thế, phải không? Và anh đã nói như thế với bao nhiêu người nữa, trước em? Anh không ngượng miệng sao?"*

"Anh yêu em, thật mà. Anh không biết phải giải thích cách nào để em cảm thông. Trời ơi, anh khổ quá!"

"Anh khổ bằng em không? Sống ở đây, em bơ vơ, em cô đơn, em cần một điểm tựa. Em đã trao phó tất cả cho anh, bởi em tin anh. Tin rằng, anh là một loại cây cao bóng cả em có thể bám vào mà đơm hoa kết trái, mà ngoi ra ánh sáng mặt trời. Bao nhiêu mơ ước, giờ đây bỗng chốc tan tành. Với anh, mọi chuyện rồi sẽ trở lại bình thường. Một hai tháng nữa, chị ấy qua, anh lại trở về với chị ấy, với các con anh, gia đình sun họp... Còn em, em là ai? Một món ăn lạ, một bóng mát, một quán trọ dọc đường thiên lý... Khi trở lại mái ấm, những kỷ niệm, những bất ngờ đã gặp sẽ làm đời sống trở nên phong phú hơn! Hương xa mà... Hừ! Khổ, khổ, anh khổ thật ư? Anh khổ bằng em chứ? Em sẽ thế nào, mai đây? Nói đi, anh nói đi, tại sao anh im lặng? Em nói đúng quá phải không? Anh tàn nhẫn vô cùng. Anh không có trái tim, không có trái tim...".

"Trúc!...".

"Thôi đủ rồi, mọi chuyện đen trắng đã phân minh... Cũng tại em. Tại em quá dễ tin... Em là con nai con thỏ trước móng vuốt tinh khôn nhanh nhẹn của con cọp dữ; em là con nhái bén trước miệng lưỡi độc địa của loài rắn hổ mang; em là con sâu đo trước mỏ nhọn của con gà trống; em là mẩu tàn thuốc anh dí nát dưới gót giày...".

"Trúc, mình còn có thể giải quyết được mà, em hãy bình tĩnh... em đừng nói nhiều đa ngôn đa quá! *...Trước đây em đâu có thế? Em hiền lành dễ thương lắm mà!"*

"Em phải bình tĩnh, em phải nhẫn nhục, em phải chịu đựng, em phải hy sinh... Ha... ha... ha... Con ếch phải nằm yên cho anh lột da? Con chó phải phủ phục cho anh trấn nước? Con chim đừng đập cánh vẫy vùng khi cái bẫy anh giương đã sập?"

"Nhưng anh sẽ giải quyết mà...".

"Anh sẽ ly dị với chị ấy, để lấy em? Hay anh sẽ cùng một lúc sống chung với hai người, vợ lớn vợ bé, trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng? Ô hô! Chúng ta đang sống vào thế kỷ thứ mười tám phải không? Và anh có thể dễ dàng cắt đứt mọi ràng buộc như vậy sao? Và em sẽ bằng lòng toa rập với anh để thực hiện cái ý đồ nhơ nhớp đó sao?"

– Mẹ ơi, người ta có thể sống lại sau khi đã chết không hở mẹ?

– Con đang đau khổ lắm phải không? Chuyện gì. Tình yêu? Ở tuổi con, mẹ chắc không có chuyện gì lớn hơn chuyện tình yêu. Nhưng mà con ơi, yêu đương là một lạc thú, nhưng khổ đau, hiểu theo một cách nào đó, cũng là một... kinh nghiệm quý báu. Điều mẹ vừa nói hẳn con đã từng nghe, cũng chẳng mới mẻ gì... Tuy nhiên, chính những cái cũ kỹ đó lại có một giá trị bất biến, càng sống lâu càng thấy rõ. Mọi chuyện rồi sẽ qua đi. Khổ đau sẽ giúp con trưởng thành, cuộc đời trước mặt con còn dài, con sẽ quên... Tin mẹ đi, con sẽ quên...

– Con không quên được, không bao giờ con quên được. Con... Con... yêu anh ấy...

– Dĩ nhiên. Không yêu thì đâu có khổ. Nhưng chuyện gì đã xảy ra? Giận hờn? Ghen tương, đổ vỡ?... Mà thôi, mẹ cũng không cần biết, chuyện trai gái thì cũng lòng vòng quẩn quanh chừng ấy... Đến một tuổi nào đó, con sẽ thấy tình yêu không phải là chuyện ghê gớm nhất mà con người phải tan tác, bại hoại vì nó. Cuộc đời còn dài, vết thương nầy chắc chắn sẽ kéo da non. Con gái của mẹ, hãy can đảm lên, hãy vượt qua, hãy chiến đấu và chiến thắng. Không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào, ai cũng biết điều đó, nhưng mỗi kinh nghiệm đã trải qua, sẽ giúp con nhận chân được giá trị thực sự của đời sống, con sẽ vững vàng hơn. Nào, hãy ngẩng lên, nhìn thẳng về phía trước, và bắt đầu lại. Nghe lời mẹ đi, con gái của mẹ.

– Nhưng... mẹ ơi, con... con... đã... có thai. Giọt máu nầy sẽ thế nào? Một người đàn bà có con mà không chồng, một đứa bé không cha... Tủi nhục lắm mẹ ơi. Con yếu đuối lắm, con không đứng vững được đâu. Mẹ... mẹ... con khổ quá...

– Tội nghiệp con tôi. Làm sao để đến nông nỗi nầy? Gã kia... là ai?

Gã kia là ai? Gã từ đâu đến? Tại sao gã mang lại cho Trúc bao nhiêu lạc thú, gã giúp nàng khám phá ra cái thế giới rực rỡ muôn màu của tình yêu, gã dạy cho nàng biết, rằng con người sinh ra, ngoài những nhu cầu bình thường đói ăn khát uống, còn có một nhu cầu khác, một nhu cầu lớn lao, đó là tình yêu giữa gái trai, là nhịp đập bàng hoàng của trái tim, là ngất ngây tê điếng của thịt da cảm xúc, là *Kim đâm vô thịt thì đau*... là trên đỉnh cao tuyệt thú của khoái lạc, những mầm sống khác sẽ tượng hình, sẽ sinh nở, sẽ o oe chào đời... Rồi bỗng nhiên gã đẩy nàng ra tiền trường, đối diện với thảm kịch, phơi trần trước đôi mắt kinh ngạc nàng cái phần sù sì thô nhám của thực tại...

Phía xa, sau khu rừng mênh mông xanh ngắt một màu ngọc bích, là dãy núi chập chùng trắng xóa. Chiều đang xuống. Bầu trời thấp, nặng hơi nước. Gió luồn qua khung kính mở hé, lạnh buốt. Toàn choàng cánh tay qua vai Trúc, hơi thở chàng phả ấm sau vành tai nàng. Chàng thầm thì:

"Em lạnh?"

"Không, em không lạnh".

Toàn nghiêng đầu, cọ cọ đỉnh mũi vào má nàng:

"Tuyệt, phải không em?"

"Cái gì tuyệt?"

"Đời sống quanh ta, tình yêu của chúng ta...".

Bóng tối trong phòng nhá nhem. Hơi thở Toàn phả ấm trên gáy nàng. Chàng tiếp tục, giọng nhẹ, thoang thoảng như vọng về từ một cõi xa nào:

"Anh hạnh phúc quá!"

"Em cũng thế!"

"Ngày mai chúng ta lại sẽ trở về. Ồ!, Anh không muốn chút nào. Cứ nghĩ đến những công việc nhàm chán, đơn điệu mỗi ngày, anh thấy nản quá!"

"Cuộc sống mà anh. Không làm việc, lấy gì để sống? Chúng ta còn tương lai, còn con cái... Anh à, em muốn hợp thức hóa chuyện chúng mình...".

"Ý kiến tuyệt vời, nhưng... hãy gượm đã em. Chúng ta chưa có một đời sống vật chất vững chãi...".

"Xứ sở nầy đâu phải như ở quê nhà. Anh có việc làm, em cũng thế, lo gì".

"Vấn đề không giản dị như em nghĩ đâu. Cái thời một túp lều tranh hai trái tim vàng đã thuộc về dĩ vãng. Tình yêu chỉ có thể tồn tại khi được đặt trên cơ sở vật chất ổn định. Chúng ta không nên quá lãng mạn để quay lưng với thực tế đó. Anh muốn từ bây giờ, bắt đầu tích lũy để có một vốn liếng kha khá, rồi về Cali, mở một cái business gì đó, mình làm chủ chính mình, chừng đó, lấy nhau đâu có muộn".

"Nhưng... em sợ...".

"Sợ gì? Tương lai hoàn toàn tùy thuộc ở quyết định của chúng ta... trừ phi...".

"Trừ phi?"

Toàn cười, kéo đầu nàng vào sát ngực:

"Em bỏ anh!"

"Bộ anh tưởng người ta có thể thay thế một người như thay một cái áo sao?"

"Biết đâu... nhỏ...".

"Em yêu anh, em chỉ mong được làm vợ anh".

"Chắc?"

"Vâng, chắc".

Toàn bế bổng nàng trên hai cánh tay săn chắc, rời chỗ đứng.

Chàng đặt nàng lên mặt nệm, cuồng nhiệt cúi xuống. Trúc vòng hai cánh tay trên lưng Toàn... Chiếc áo khoác lại rơi xuống mặt nệm... Hơi ấm từ tấm thân trần của Toàn phủ kín người Trúc. Một lần nữa, một lần nữa... lần thứ bao nhiêu?

Suốt tuần nay, cả hai ngập chìm trong hoan lạc, ngoài giờ ăn và những buổi chiều họ ra khỏi phòng dạo chơi vài vòng, nhìn ngắm thiên nhiên hùng vĩ và hít thở khí trời trong lành, số thời gian còn lại, cả hai quấn quít bên nhau, trong nhau, trên chiếc giường rộng, mê đắm. Một tuần trôi qua thật nhanh. Có đêm Trúc chợt thức giấc, nàng hấp háy đôi mắt nhìn quanh quẩn, vểnh tai lắng nghe từng tiếng động êm đềm của đêm tối. Tiếng máy điều hòa chạy rì rào, tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Đêm tĩnh mịch, bầu trời bên ngoài khung cửa sổ hun hút sâu, ánh sáng từ những ngọn đèn chung quanh khu khách sạn thấp sáng những đỉnh thông trắng bạc màu tuyết đứng trơ vơ bất động. Hạnh phúc. Trúc hoàn toàn hạnh phúc. Một tuần với Toàn, đã biến Trúc thành đàn bà, đã cho Trúc biết bao nhiêu khám phá mới lạ về mình, về thân xác mình. Trúc nghĩ đến một ngày không xa, khi đã là vợ chàng, những đứa con sẽ ra đời... Và một mái ấm, và tình yêu, và trách nhiệm, và... và... Trúc cảm thấy nhịp đập của trái tim dồn dập hơn... Trúc thật không ngờ... Với một nhan sắc chẳng lấy gì đáng hãnh diện, Trúc vẫn yên trí cuộc đời nàng sẽ tuồn tuột trôi xuôi trong nhàm chán buồn tẻ... Vậy mà, chàng đã đến, chàng đã vực nàng lên, chàng đã trao cho Trúc bao nhiêu trân quý của cuộc đời... Trúc mỉm cười quay qua. Bên cạnh, Toàn đang chìm trong giấc ngủ, hơi thở đều, đôi mắt khép bình yên, chàng nằm nghiêng, một bàn tay úp trên phần ngực trần của nàng, thỉnh thoảng, trong vô thức, bàn tay xoa nhè nhẹ gò vú căng, mò mẫm vân vê đầu

vú săn nhọn... Thuở mới bước vào tuổi dậy thì, và nhiều năm sau nầy, qua phim ảnh, sách vở, Trúc vẫn thường hình dung, tưởng tượng cái cảm giác chắc hẳn vô cùng tuyệt thú giữa quan hệ xác thịt trai gái. Nhưng tưởng tượng, dù có phong phú đến bao nhiêu, vẫn chỉ là... tưởng tượng... Bạn bè thường giễu, Trúc là một chị nhà quê thuộc thế kỷ thứ mười chín, mãi khư khư ôm lấy cái tiết trinh nghìn vàng *đã từ lâu nằm trong bảo tàng viện, bỏ phí bao nhiêu lạc thú thanh xuân... Sự thật, có người nữ nào không ước mơ có được một mối tình, không thèm khát khám phá những bí mật lạ lùng của thân xác? Nhưng bản chất Trúc vốn nhút nhát, hơn nữa, mặc cảm về nhan sắc đã khiến Trúc co lại, đóng kín mọi cánh cửa, bọc chung quanh mình một lớp vỏ dày băng giá. Bọn đàn ông thì đa số đều thiếu kiên trì, vả lại, đời sống ở đây chuyển động quá nhanh, họ đâu có dư giả thì giờ để tấn công vào một bức tường... băng? Cho đến khi nàng gặp Toàn. Kiên nhẫn, từ tốn, lịch duyệt, chàng đã buộc Trúc phải mở mắt ra, phải nhìn thấy chàng. Như vết dầu trên trang giấy trắng, ngày một ngày hai, Toàn đã chiếm ngự hoàn toàn từ trái tim đến khối óc Trúc, và bây giờ, là thân xác nàng. Trúc giao phó, trọn vẹn, không kịp so đo tính toán lỗ lời... Trúc ngây ngất ghì cứng tấm lưng chắc khỏe của Toàn, lôi chàng ra khỏi giấc ngủ... Toàn mở mắt, chưa tỉnh hẳn, nhưng cũng nở ngay được một nụ cười:*

"Em không ngủ sao?"

"Em vừa thứcc".

"Mấy giờ rồi em?"

Trúc nhìn đồng hồ trên tường:

"Hai giờ kém mười".

"Ngủ đi em".

"Em tỉnh rồi".

"Ngủ đi. Ngày mai khởi hành sớm. Nếu chạy không nghỉ, phải khuya mai chúng ta mới về đến nhà, sẽ mệt lắm đấy".

"Em biết. Anh đừng lo. Em thức khuya quen rồi. Hồi còn làm ca ba, có đêm nào em ngủ đâu?"

Nàng xòe bàn tay xoa xoa trên ngực Toàn, nàng nhổm người cắn nhẹ vành tai chàng, nàng thì thào, nhỏ, rất nhỏ:

"Anh ơi... em yêu anh".

Toàn mỉm cười xoay ngang, dúi mái tóc vào nách nàng. Trúc oằn

người dẫy dụa, nàng có cảm tưởng mỗi lỗ chân lông trên thân thể đều như nở ra, triệu triệu mạch máu li ti trương cứng, rần rật. Trúc bật kêu:

"Anh... Anh... nhột em... nhột em... mà...".

Toàn không trả lời, như một kỵ sĩ lão luyện, từng bước, chàng khơi động bản năng nàng, làm nó lồng lên, bất kham... Trúc dạng rộng hai đùi, đón nhận... Ngọn lửa cuồng nhiệt lại được hai người thắp lên, thêm một lần nữa... Rồi Trúc chìm dần vào giấc ngủ. Đầu nàng gối trên cánh tay chàng, an tâm.

– Mẹ ơi. Chàng đã có vợ, vợ chàng sắp qua... Mẹ... Con phải làm sao?... Con khổ quá. Con yêu chàng...

– Gã giải quyết cách nào? Trở về với vợ?

– Chàng bảo chàng cũng rất khổ tâm. Chàng bảo chàng yêu con. Chàng bảo mười hai năm xa cách, chàng đâu phải thánh thần để có thể kiên trì chờ đợi? Chàng bảo lỗi lầm không phải do chàng, hoàn cảnh và định mệnh đã sắp xếp, hai đứa chỉ là nạn nhân... Chàng bảo hãy giúp chàng giải quyết vấn đề. Con không biết phải làm sao...

– Gã đã có con?

– Vâng!

– Chẳng thể giải quyết làm sao cả. Hỏi mẹ, nhưng mẹ hiểu con đã có cách của con. Không kẻ nào giải quyết nổi vấn đề của bản thân mình ngoài chính mình, dù kẻ đó là mẹ, phải không? Mẹ không trách con, đàn bà chúng ta vốn nhẹ lòng, tuổi con còn trẻ, lại bơ vơ một thân một bóng, làm sao chống chọi với bao nhiêu cám dỗ của cuộc đời. Nhưng con đã hỏi, thì mẹ trả lời, còn chuyện nghe hay không, là chuyện của con, thẩm quyền duy nhất của mẹ bây giờ là khuyên con hãy quên đi, cách tốt nhất... quên đi, cố quên đi. Chúng ta khi sinh ra làm đàn bà, là đã mặc nhiên chấp nhận nhiều thua lỗ. Hãy nghĩ đến đứa bé... Rồi con sẽ thấy, không có thứ tình yêu nào bao la hơn tình mẹ, đứa bé trong bụng sẽ là nguồn vui lớn của con sau nầy. Mẹ con chúng ta không thể có nhau. Con hãy tự lo liệu, nhưng nhớ lời mẹ dặn, tuyệt đối đừng vọng động. Hãy bình tĩnh, hãy ngẩng cao đầu, kinh nghiệm nào cũng trả giá đắng cay, càng đắng cay kinh nghiệm càng quý báu, rồi ra mọi chuyện sẽ được thời gian xóa quên. Thôi, con đi đi, hãy trở lại với cuộc đời, mẹ rất tiếc không thể cùng đi với con...

Trúc nghĩ đến căn phòng độc thân lạnh lẽo có khung cửa sổ mở xuống lòng đường, nơi nàng đã lao ra. Trúc nghĩ đến xưởng may rì rào tiếng kim chạy trên mặt vải, nơi nàng mỗi ngày tám tiếng ngồi chôn chân. Trúc nghĩ đến chuyến bus hai bận đi, về. Lồng thang máy xuống lên hụt hẫng. Những bữa cơm một mình, nhạt nhẽo. Mặt giường lạnh tê mỗi đêm chợt thức... Và Trúc nghĩ đến khu khách sạn Toàn đã đưa nàng tới, căn phòng nhỏ xinh xắn, vòng tay chàng ấm áp, cảm giác khoái lạc chàng đã tạo ra... Dù biết sẽ đau khổ cùng cực, Trúc vẫn muốn thử đến đó một lần nữa, nàng thèm nhìn lại căn phòng kỷ niệm, nàng thèm được nằm trên chiếc giường nồng nàn hơi ấm và mùi vị đàn ông của chàng... Nhưng liệu Trúc có đủ can đảm để chịu đựng? Tôi căm thù anh, tôi ghê tởm anh... Không, làm sao có thể căm thù, ghê tởm được chàng? Mình yêu chàng mà, mình nhớ chàng cuồng điên mà... Chàng nói đúng, buộc chàng phải thủy chung với một hình bóng đã chia lìa mười mấy năm, vời vợi nửa vòng trái đất, là việc làm quá sức một người bình thường. Nhưng vợ chàng sắp qua... Vấn đề đã khác... Nàng phải làm sao? Em phải làm sao đây, anh Toàn?

– Mẹ ơi... Con không muốn xa mẹ... Con chỉ còn có mẹ... Con cô đơn... cách gì con có thể đi tiếp một mình... Mẹ ơi... đừng bỏ con...

– Không được đâu, con của mẹ...

Trúc ôm chặt lấy mẹ, nàng khóc òa. Tiếng khóc tuôn trào như một dòng thác đổ xuống ghềnh, tiếng khóc uất nghẹn đau thương, tiếng khóc làm toàn thân Trúc rung lên, rũ rượi. Mẹ gỡ tay Trúc ra:

– Can đảm lên... Can đảm lên...Con...

Mẹ lùi lại, lùi lại... Trúc lao theo... Nhưng mẹ đã như một sợi khói, tan nhanh không để lại dấu tích. Trúc cuống cuồng gào lớn:

– Mẹ ơi...

Trúc tuyệt vọng. Nàng muốn bay lên, nhưng bây giờ thì ý chí không còn điều khiển được hành động. Ngược lại, dù cố gắng cưỡng chống, thân thể Trúc cũng bắt đầu rơi. Trúc rơi, càng lúc càng nhanh, vun vút, vực sâu đen ngòm hun hút cứ mở ra, mở ra... Tốc độ rơi và nỗi hoảng sợ làm đầu Trúc muốn vỡ tung. Nàng lại gào to, uất nghẹn:

– Mẹ... ơi...

*

Cuối cùng người đàn bà đã phải dùng chìa khóa riêng để vào phòng Trúc. Căn phòng hình như vẫn còn nguyên mọi đồ vật. Chiếc giường

nhỏ chăn nệm phẳng phiu, chứng tỏ đã nhiều ngày không có người ngả lưng. Một cánh cửa tủ mở hé, bên trong, những bộ quần áo treo ngay ngắn trên dãy móc. Bàn trang điểm chai lọ son phấn sắp xếp thứ tự ngăn nắp, trên góc bàn, đè dưới chiếc lược nhựa là xấp thư dày. người đàn bà nhìn dòng chữ ngoài phong bì trên cùng, bà cố đánh vần thử ngôn ngữ xa lạ: T O A N Lá thư không có địa chỉ người nhận. Người đàn bà suy nghĩ, lạ nhỉ, cô ấy báo tin sẽ trả nhà cuối tháng, hôm nay đã là ngày thứ ba của tháng mới, sao không có dấu hiệu gì chứng tỏ cô ấy đã rời nơi nầy? Tại sao bà đã gọi biết bao nhiêu lần vẫn không ai trả lời? Ống nghe điện thoại nằm bình yên trên cần gác máy, bên cạnh, chiếc ví mở ngỏ, người đàn bà nhìn thấy thẻ quốc tịch, vài tấm master card, và hình chụp một người đàn ông tuổi trung niên ép sát sau làn nhựa trong, người đàn ông có nụ cười rất tươi. Cô ấy đã đi đâu? Đây là lần thứ tư người đàn bà đích thân tới tận nơi. Bà phải nhận lại nhà để báo cáo với owner, vào phòng không được sự cho phép của gia chủ, dĩ nhiên trái luật, nhưng không còn cách nào khác! Người đàn bà bước đến cạnh khung cửa sổ, khung cửa từ bao giờ đã được mở rộng, gió mang hơi lạnh vào ngập trong phòng. Người đàn bà hơi nghiêng người nhìn xuống lòng đường – lòng đường như một mô hình – bà ta chợt thấy một tấm khăn quàng màu đỏ rực bị vướng vào bờ cửa sổ của tầng dưới, bay phần phật trong gió. Tấm khăn quàng Trúc thường quấn quanh cổ mỗi lần người đàn bà tình cờ gặp nàng đâu đó... Lạ nhỉ! người đàn bà lại lẩm bẩm, cô ấy đã rời đây chưa?

Nhưng dù sao thì hợp đồng giữa hai người cũng đã mãn. Trên nguyên tắc, căn phòng hiện đang ở trong tình trạng không người ở, chờ cho thuê. Ngày mai, phải gọi thợ đến dọn dẹp, sửa sang, quét sơn, thay thảm... Chồng thư và chiếc ví nầy sẽ giao cho cảnh sát, nhiệm vụ tìm kiếm người mất tích là của họ... Người đàn bà tự nhủ, dù không mấy yên tâm.

Bà ta rời khỏi căn phòng sau khi đã khép kín khung kính. Cửa lớn cũng được khóa lại, im ỉm. Cánh cửa bên ngoài có gắn ba con số bằng đồng đã xỉn màu: 164. Cánh cửa nhìn ra dãy hành lang âm u với những ngọn đèn vàng cách khoảng lạnh lẽo, hun hút sâu.

Khánh Trường

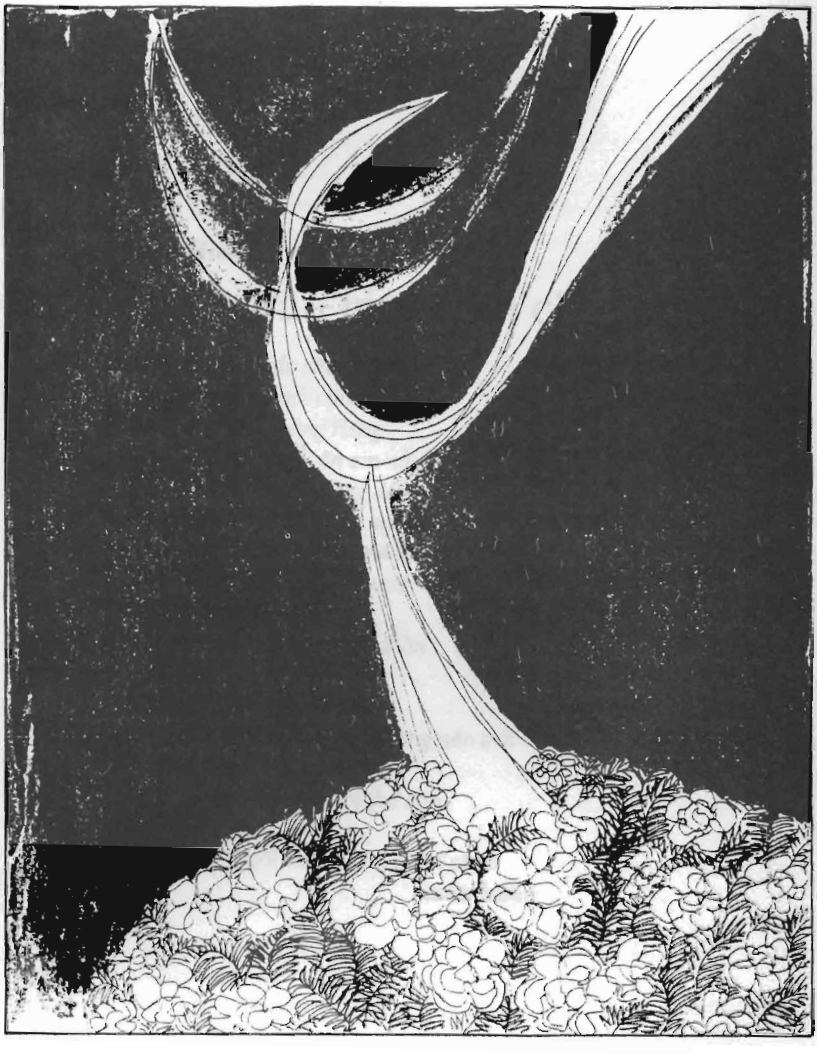

phụ bản NGUYỄN ĐỒNG

Luân Hoán

chào xuân một chín chín mươi

chào em xuân sắc chín mươi
ngồi chơi, và cứ nói cười tự nhiên
ngại chi? ta có phòng riêng
và xin hứa chắc để yên em nằm
xuân thì chải chuốt thong dong
cho đồi cỏ trổ ngọn hồng ngọn xanh
cho hương âm nguyệt thanh thanh
quyện vào trái đất xoay quanh em và
ta quỳ hôn giữa lối hoa
rót thơ vào cõi tà ma thiên thần

chào em canh ngọ tân xuân
đừng chùng bước lỏng tay cương nẻo trời
bốn mươi chín cái xuân đời
ta cho em quá giang chơi thả dàn
học đòi hát khúc tình tang
lòng xa xót muối miệng hân hoan chào

luân hoán

Trương Vũ

mùa đông prague

●

** Tặng những nhà văn Việt nam lưu vong*

Tháng Giêng 1968, Alexander Dubcek lãnh tụ đảng Cộng sản Tiệp khắc chủ trương đổi mới chế độ trong một chính sách được gọi là "Xã hội Chủ Nghĩa Với Bộ Mặt Nhân Bản". Biến cố này được gọi là "Mùa Xuân Prague". Bảy tháng sau, nửa triệu quan của khối Warsaw cùng với thiết giáp xa tiến vào thủ đô Tiệp khắc. Alexander Dubcek bị tước đoạt hết quyền hành, đuổi ra khỏi đảng và sau đó trở thành một viên chức kiểm lâm không ai biết tới.

Hai mươi mốt năm sau, vào Mùa Đông 1989, cùng với những cơn lốc đang thổi xoáy vào các chế độ Cộng sản ở Đông Âu, người dân Tiệp khắc vùng dậy. Vài ngàn người, rồi vài trăm ngàn người tụ tập tại công trường Wenceslas đòi hỏi chấm dứt một chế độ cai trị mà họ cho là hoàn toàn ngược với nhân bản.

Từ Mùa Xuân 68 đến Mùa Đông 89, có những cái đi và đến ngược chiều nhau. Có những lãnh tụ lớn như Husak, Jakes đến với quyền hanh vào Mùa Xuân 68 và bây giờ bị buộc phải ra đi. Alexander Dubcek, bị buộc phải ra đi sau Mùa Xuân 68, thì vào ngày 24 tháng Mười Một năm 1989, xuất hiện trên một bao lơn ở công trường Wenceslas để đón nhận những tiếng chào mừng của dân chúng.

Những gì thực sự xảy ra ở Tiệp khắc không phải chỉ đơn giản ở những cái đi và đến này. Alexander Dubcek có tái xuất hiện, nhưng những khuôn mặt nổi bật ở Mùa Đông Prague lại là những nhân vật của nhóm Quốc Dân Nghị Hội (dịch thoát từ chữ Civic Forum) như nhà soạn kịch Vaclav Havel hay giáo sư Komarek của Hàn lâm viện Khoa học. Những nhân vật này có vẻ như mới lao mình vào những cơn lốc của thời đại kể từ ngày 19 tháng Mười Một năm 1989, tức ngày thành lập nhóm Quốc Dân Nghị Hội. Thật ra, cuộc tranh đấu của họ đã khởi đầu từ 1955, vào năm mà "Bài Thơ Cho Người Trưởng Thành" được sáng tác ở Ba lan. Kể từ ngày đó cho đến trước Mùa Đông 1989, cuộc tranh đấu của Tiệp khắc hoàn toàn là cuộc tranh đấu của trí thức, không mang bóng dáng của những thành phần khác như thợ thuyền hay nông dân.

Vậy, những gì đã thực sự xảy ra ở Tiệp khắc từ đó đến nay?

NHÀ VĂN - LƯƠNG TÂM CỦA ĐẤT NƯỚC

Quốc gia Tiệp khắc chỉ mới chính thức thành lập như một nước độc lập vào ngày 28 tháng Mười 1918 sau sự bại trận của đế quốc Áo - Hung vào Đệ nhất Thế chiến. Danh xưng đầu tiên là Cộng hòa Tiệp khắc. Hai sắc dân chính là Czech (64%) và Slovak (30%). Trong Đệ nhị Thế chiến, Tiệp khắc bị Đức chiếm đóng và một phần lãnh thổ bị xáp nhập vào Đức. Một chính phủ lưu vong đã được thành lập ở Anh để tiếp tục điều khiển cuộc kháng chiến trong nước.

Sau Đệ nhị Thế chiến, một cuộc bầu cử tổ chức vào năm 1946 đã đem lại thắng lợi cho đảng Cộng sản Tiệp khắc với một đa số tương đối so với các đảng phái khác. Hai năm sau, vì chia rẽ và thiếu phối hợp, các đảng phái không Cộng sản đã thất bại trong nỗ lực ngăn chặn sự áp đặt Xã hội Chủ nghĩa theo kiểu của Liên sô. Một bản Hiến pháp mới được ban hành và danh xưng của quốc gia được đổi lại là Cộng hòa Nhân dân Tiệp khắc.

Sang năm 1950, cuộc thanh trừng lớn trong nội bộ đảng Cộng sản bắt đầu. Bộ trưởng Ngoại giao Vladimir Clementis bị cách chức và sau đó bị xử tử cùng với mười đảng viên cao cấp khác. Đảng Cộng sản bắt đầu cai trị Tiệp khắc theo đường lối cực đoan của Stalin. Cuộc thanh trừng lan rộng đến các thành phần khác của xã hội. Đường lối này vẫn

được duy trì sau cái chết của Stalin và cả sau khi chủ trương Xét Lại được áp dụng ở Liên sô. Những bất mãn lớn bắt đầu. Trước hết, một cuộc nổi dậy nhỏ của thợ thuyền xảy ra ở một thị trấn xa xôi, Plzen, vào tháng Sáu 1953 để phản đối vụ đổi tiền mới. Cuộc nổi dậy đã bị cảnh sát đặc biệt dập tắt và không tạo được tiếng vang đáng kể.

Nhà văn Tiệp khắc có một thế đứng khá đặc biệt trong lịch sử của nước họ vì đó là thành phần đóng góp nhiều nhất và hiệu quả nhất trong việc xây dựng nền độc lập của Tiệp khắc. Nhưng, cho tới lúc đó, hội Nhà văn Tiệp khắc, được thành lập vào 1949, chỉ là một công cụ để tuyên truyền cho chế độ. Số hội viên có giới hạn và đa số viết theo chỉ thị. Những người cầm bút có tư cách tránh né công việc như vậy bằng cách xin dịch thuật sách ngoại ngữ hoặc sáng tác những bài thơ vừa đủ mơ hồ để thoát lưới kiểm duyệt. Một số ít nhà văn hoặc chống đối hoặc không viết theo đường lối đã phải chịu những trừng phạt khác nhau tùy theo cấp độ. Thi sĩ Laco Novomesky bị án mười năm tù vì đã viết những bài thơ "thiếu ái quốc".

Ngày 21 tháng Tám 1955, một tuần san Văn học ở Warsaw, tờ Nowa Kultura đăng tải một bài thơ dài và cay đắng của một nhà thơ Cộng sản Ba lan, Adam Wazyk, mang tựa đề "Bài Thơ Cho Người Trưởng Thành". Nhà thơ Wazyk, trong suốt cuộc đời của ông kể từ lúc bắt đầu khôn lớn, đã tận tụy phục vụ cho lý tưởng Cộng sản. Bỗng nhiên ông sáng tac và gửi đăng bài thơ nói trên như một bản tuyên chiến gửi đến chế độ. Ngay sau đó, ông bị trục xuất khỏi hội Nhà văn Ba lan và đồng thời chủ bút tập san Nowa Kultura cũng bị cách chức. Tuy nhiên, bài thơ của Adam Wazyk đã đánh thức những người trưởng thành ở Tiệp khắc, nhất là những người cầm bút. (1)

Đại hội kỳ II của hội Nhà văn Tiệp khắc được tổ chức vào tháng Tư năm 1956. Tổng thống lúc đó là Zapotocky đến đọc diễn văn khai mạc, trong đó ông nhấn mạnh là đảng không hề và sẽ không bao giờ chi phối vào các công trình văn học, và các nhà văn Tiệp khắc hoàn toàn có tự do để sáng tác. Ngay lập tức, thi sĩ nổi tiếng của Tiệp khắc là Jaroslav Seifert đã cùng với nhiều nhà văn khác như Frantisek Hrubin mạnh mẽ chỉ trích sự thiếu thành thật trong bài diễn văn và yêu cầu đảng trả tự do cho một số người cầm bút đang còn ở trong tù. Những nhà văn đã kịch liệt công kích chính sách "Viết theo yêu cầu" và cho đó là một thái

độ nhục mạ người cầm bút. Sau đó, khẩu hiệu được trương lên ở Đại hội Nhà văn là *"Nhà Văn - Lương Tâm Của Đất Nước"*. Mặc dầu Seifert và Hrubin được bầu vào chủ tịch đoàn, đảng đã phản công khá hữu hiệu và cuối cùng áp lực được Đại hội đưa ra một tuyên ngôn công nhận đảng Cộng sản Tiệp khắc như là "người đề xướng và tổ chức cuộc cách mạng vĩ đại" và cám ơn đảng về "những đề nghị khôn ngoan và đứng đắn". (2)

Vào tháng Năm 1956, các nhà văn thuộc nhóm Phản Kháng đã cho phát hành một tạp chí lấy tên là Tháng Năm (Kveten) nhằm cổ võ những công trình văn học có giá trị thực sự. Mô thức này đã lan tràn sang nhiều lãnh vực khác. Và, chính những hoạt động có tính cách quốc cấm này đã làm cho đời sống văn hóa của Tiệp khắc trở lại sinh động.

Đại hội kỳ III tổ chức vào tháng Sáu 1957, sau khi các cuộc nổi dậy ở Poznan (Ba lan) và Budapest (Hung gia lợi) đã hoàn toàn thất bại. Nhà thơ Frantisek Hrubin bị ép buộc đứng lên đọc lời tự phê về những "phát biểu sai lầm" của ông trong kỳ Đại hội trước. Về phần Seifert lúc đó đã 56 tuổi, ông vẫn không chịu đầu hàng, và không chịu tự ý rời khỏi Chủ tịch đoàn dưới áp lực của đảng. Nhóm chủ trương tạp chí Tháng Năm tuyên bố hậu thuẫn Seifert. Cùng lúc đó, một số khuôn mặt mới đã nổi bật lên để cùng với Seifert và Eduard Goldstucker, vừa mới được trả tự do, làm một cuộc cách mạng cho trí thức Tiệp khắc. Các khuôn mặt đó là nhà thơ Jan Prochazka, nhà soạn kịch Ivan Klima, nhà viết tiểu thuyết Ladislav Mnacko, và nhà soạn kịch Vaclav Havel. Lúc đó Vaclav Havel mới 21 tuổi.

Hai năm sau, đảng áp lực hội Nhà văn trục xuất Seifert và bốn nhà văn thuộc nhóm Phản Kháng. Sau đó, đảng đóng cửa tạp chí Tháng Năm. Những người Phản Kháng bắt đầu đi tìm một phương thức đấu tranh khác.

Sang năm 1960, danh xưng của Tiệp khắc được đổi lại là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Tiệp khắc.

Tháng Tư 1963, nhà văn Ladislav Mnacko hoàn thành tác phẩm "Những Bản Phúc Trình Bị Trì Hoãn" (Delayed Reports). Tác phẩm này làn náo động xã hội Tiệp khắc vì đã đánh thẳng vào lương tâm của những trí thức, kết án thái độ thụ động của họ và coi thái độ thụ động này như là một hình thức toa rập với tội ác, một điều mà đa số trí thức

muốn tảng lờ. Tác phẩm của Ladislav Mnacko đã tạo nên cuộc biểu tình của sinh viên Prague vào ngày lễ Lao động 1963.

Tiếp theo đó, hội Nhà văn Tiệp khắc chính thức lên tiếng phục hồi tên tuổi của Frank Kafka và Karel Capak như là những nhà văn Tiệp khắc lớn nhất của thế kỷ.

Cuối tháng Năm, hội Nhà văn Tiệp khắc cho phổ biến lời phát biểu của nhà thơ Laco Novomesky, lúc đó đã mãn hạn tù. Lời phát biểu có những câu sau đây:

"Thảm kịch của chúng ta không phát sinh, hoặc không phải chỉ phát sinh từ sự kiện là có những kẻ đã tin nhiều hay tin ít vào một điều gian dối và chấp nhận điều gian dối đó. Vì, những người này, hoặc vì sợ hãi, hoặc bằng hảo ý, cho rằng họ đang phục vụ cho một mục tiêu chính đáng nên cứ chấp nhận điều gian dối. Thảm kịch của chúng ta phát sinh từ sự kiện - và sự kiện này áp dụng cho những nhà văn nhà báo - là chúng ta đã cố gắng thuyết phục người đọc tin rằng sự gian dối đó là sự thật, chúng ta đã đánh lạc hướng và làm hoang mang cả một thế hệ đang đứng ở ngoài căn phòng này lạc lõng, ngơ ngác vì không biết phải dựa vào cái gì để tin. Chúng ta cần mang đến cho thế hệ đó sự tín nhiệm, lòng tin và sự thật. Nhưng trước hết, hãy mang những điều đó đến cho chính chúng ta". (2)

Cũng trong năm đó, Vaclav Havel, đã 27 tuổi, hoàn thành vở kịch dài đầu tiên *The Garden Party*. Vở kịch xây dựng trên những cái phi lý và lố bịch của xã hội đương thời bằng những lời mỉa mai cay độc.

Từ đó, nhiều sáng tác như vậy do những nhà văn đã nổi tiếng hoặc những nhà văn mới nổi đã ra đời. Phản ứng của chế độ vẫn là phản ứng cổ điển nhưng hữu hiệu: đe dọa, tù đày và cô lập.

Tháng Giêng 1967, Đại hội kỳ IV của hội Nhà văn Tiệp khắc ra Nghị Quyết yêu cầu tái lập truyền thống văn học của Tiệp khắc, đồng thời yêu cầu được tiếp xúc và trao đổi văn hóa với các nước Tây phương. Lúc bấy giờ, lãnh tụ đảng là Antonin Novotny. Phản ứng của chế độ vẫn như cũ, vẫn là đe dọa, tù đày và cô lập.

MÙA XUÂN PRAGUE

Đầu tháng Mười Một 1967, sinh viên đại học ở Prague biểu tình đòi thay đổi đường lối cai trị của đảng. Đồng thời, trong nội bộ của Trung

ương đảng, Alexander Dubcek cầm đầu nhóm chủ trương cải cách, áp lực Novotny hủy bỏ phương thức cai trị cực đoan. Để chống lại những áp lực này, Novotny kêu gọi sự hậu thuẫn của Liên sô. Tháng Mười Hai năm đó, lãnh tụ Liên sô Leonid Brezhnev đến thăm viếng và quan sát tình hình ở Prague và ông từ chối hậu thuẫn Novotny. Tháng Giêng 1968, Alexander Dubcek được bầu vào chức Bí thư Thứ nhất của đảng Cộng sản Tiệp khắc thay thế Novotny. Sau đó, nhiều thành phần thủ cựu cũng lần lượt bị thay thế. Đến tháng Ba, Novotny mất luôn chức Tổng thống và tướng Ludvik Svoboda lên thay.

Alexander Dubcek chỉ định rồi chỉ đạo một ủy ban gồm nhiều khuynh hướng khác nhau, từ cải cách đến bảo thủ, soạn thảo một Chương Trình Hành Động nhằm tạo một mô thức xã hội chủ nghĩa mới, có tính "dân chủ" và "dân tộc", thích hợp với hoàn cảnh của Tiệp khắc. Tháng Tư 1968, thành phần lãnh đạo đảng chấp thuận Chương Trình Hành Động. Alexander Dubcek đã gọi mô thức này là "Xã Hội Chủ Nghĩa Với Bộ Mặt Nhân Bản". Ngoài những điểm liên hệ đến cải cách chế độ bầu cử, xác nhận quyền tự do hội họp và phát biểu, Chương Trình Hành Động cũng có những điểm như tái xác nhận sự theo đuổi mục tiêu Cộng sản và sự liên minh với Liên sô và khối Warsaw.

Chương Trình Hành Động của Alexander Dubcek đã tạo một sức sống mới cho xã hội Tiệp khắc. Dân chúng đã phấn khởi gọi biến cố đó là Mùa Xuân Prague. Những tuần lễ tiếp theo, những bài báo đả kích Liên sô đã thấy xuất hiện trên báo chí. Một số tổ chức có tính chính trị đã được thành lập và không phụ thuộc vào sự kiểm soát của đảng. Các phần tử bảo thủ yêu cầu đàn áp các sinh hoạt này nhưng Alexander Dubcek không chấp thuận.

Cuối tháng Sáu năm đó, Ludvik Vaculik, tiểu thuyết gia và đồng thời cũng là đảng viên Cộng sản kỳ cựu, cho đăng tải một tuyên ngôn nhan đề "Hai Ngàn Chữ" với chữ ký của bảy mươi nhà văn và nhà khoa học. Bản Tuyên Ngôn nói đến những trở ngại có thể gây ra cho Tiệp khắc bởi những phần tử bảo thủ trong đảng và các thế lực ngoại quốc và hô hào dân chúng hãy đứng dậy tự mình thực hiện lấy chương trình cải cách. Liên sô và các nước thuộc khối Warsaw liền tổ chức một phiên họp đặc biệt không mời Tiệp khắc tham dự. Sau đó, họ gửi cho Ủy ban Lãnh đạo đảng Cộng sản Tiệp khắc một văn thư lên án những phần tử phản

động đã viết tuyên ngôn đồng thời yêu cầu Tiệp khắc tái lập chế độ kiểm duyệt, bãi bỏ các sinh hoạt chính trị không thuộc đảng Cộng sản và trục xuất ra khỏi đảng các phần tử hữu khuynh. Sau cùng, văn thư nhấn mạnh đến nhiệm vụ phải bảo vệ xã hội chủ nghĩa ở Tiệp khắc, và coi đó là nhiệm vụ chung của tất cả các "nước anh em" thuộc khối Warsaw. Alexander Dubcek phản đối bức tối hậu thư và yêu cầu gặp riêng với Liên sô.

Trong cuộc gặp gỡ này, Alexander Dubcek đã khẳng định sự trung thành của Tiệp khắc với chủ nghĩa Mác Lê và với liên minh Warsaw hay COMECON. Ông hứa trừng trị những kẻ muốn tái lập đảng Dân chủ Xã hội cũ, những phần tử "phản cách mạng", đồng thời kiểm soát báo chí hữu hiệu hơn. Brezhnev ra lệnh rút các lực lượng quân đội Sô viết khỏi Tiệp khắc nhưng cho dừng lại dọc biên giới. (3)

Trong khi đó, Alexander Dubcek và các đảng viên cao cấp thuộc khuynh hướng cải cách dự trù một kế hoạch loại trừ tất cả những phần tử chống cải cách ra khỏi Trung ương đảng trong kỳ Đại hội Đảng sẽ tổ chức vào tháng Chín. Hầu hết những phần tử này có khuynh hướng thân Nga và họ đã cầu cứu Liên sô. Ngày 20 tháng Tám 1968, nửa triệu quân thuộc các nước Liên sô, Đông Đức, Ba lan, Hung gia lợi và Bảo gia lợi tiến vào Tiệp khắc. Lỗ ma ni ngay từ đầu đã phản đối quyết định của các nước Warsaw đối với Tiệp khắc nên không tham dự chiến dịch này. Alexander Dubcek và Ủy ban Lãnh đạo Đảng lên tiếng phản đối sự can thiệp quân sự của khối Warsaw nhưng đồng thời cấm quân đội và dân chúng dùng vũ lực cản trở các đoàn quân này. Tuy nhiên, khi các xe tăng tiến vào Prague, bạo động cũng đã xảy ra từ phía dân chúng và khoảng một trăm người dân Tiệp khắc đã bị giết (4). Cơ quan đầu tiên bị thiết giáp xa bao vây là trụ sở của hội Nhà văn Tiệp khắc (3).

Alexander Dubcek bị bắt vào đêm 20 tháng Tám và đưa sang Moscow gặp Brezhnev. Sau đó, ông vẫn được giữ chức vụ cũ nhưng không có thực quyền cho đến tháng Tư 1969 thì chính thức từ chức. Gustav Husak lên thay. Cuối năm đó, Husak cử ông đi làm đại sứ tại Thổ nhĩ kỳ. Trong lúc ông đang còn ở Ankara, Ủy ban Lãnh đạo Đảng bỏ phiếu trục xuất ông ra khỏi đảng. Những người còn cảm tình với ông ở trong đảng đã ngầm khuyên ông xin tỵ nạn chính trị ở Thổ nhĩ kỳ nhưng ông vẫn trở về Tiệp khắc. Sau đó, ông được đưa đến thành phố

Bratislava, thủ phủ của Slovakia làm một viên chức kiểm lâm cho đến cuối năm 1988.

Đối với các thành phần đã tham dự vào Chương Trình Hành Động, hậu quả dành cho họ khá trầm trọng. Hơn một nửa thành viên của Trung ương đảng bị thay thế. Hơn nửa triệu đảng viên bị trục xuất. Đa số các viên chức cao cấp trong những lãnh vực khác nhau bị đuổi việc. Xã hội Tiệp khắc trở lại tình trạng cai trị khắt khe cũ.

Vào mùa Thu 1970, một nhóm trí thức gồm cả các cựu đảng viên Cộng sản thành lập Phong trào Xã Hội Của Công Dân Tiệp khắc nhằm đấu tranh theo tinh thần của Mùa Xuân Prague. Ngay sau đó, bốn mươi bảy thành viên cao cấp của Phong trào bị bắt và bị đưa ra tòa xét xử vào mùa Hè 1972. Từ đó, một số đông nghệ sĩ và chuyên viên đã trốn khỏi nước.

HIẾN CHƯƠNG 77

Vào ngày 6 tháng Giêng 1977, các nhật báo ở Tây Đức đã cho đăng tải một Tuyên Ngôn lấy tên là Hiến Chương 77. Bản Tuyên Ngôn làm tại Tiệp khắc và mang chữ ký của hai trăm bốn mươi hai người Tiệp khắc thuộc nhiều thành phần khác nhau: nhà văn, nghệ sĩ, giáo chức và cựu đảng viên Cộng sản. Giáo sư Jan Patocka, nhà soạn kịch Vaclav Havel và giáo sư Jiri Hajek được nhắc tới trong Tuyên Ngôn như là những phát ngôn viên chính thức của Hiến Chương 77.

Hiến Chương 77 nói lên những bất mãn của những người ký tên đối với những thực tế đang xảy ra ở Tiệp khắc liên hệ đến Dân quyền và Nhân quyền. Họ lên án chính phủ Tiệp khắc đã không tôn trọng những quyền công dân được ghi trong hiến pháp cũng như trong các thỏa ước quốc tế mà Tiệp khắc đã ký như thỏa ước Helsinski vào 1975.

Hiến Chương 77 cũng nói rõ mục đích của Hiến Chương là: Theo dõi những trường hợp cá nhân về vi phạm nhân quyền, đưa những đề nghị sửa sai và đóng vai trò trung gian giữa chính phủ và những cá nhân bị áp bức.

Đến cuối năm 1977, có khoảng tám trăm người ký tên vào Hiến Chương, trong đó có một số ghi là công nhân. Hiến Chương đã được phổ biến trong lãnh thổ Tiệp khắc theo kiểu chuyền tay.

Gustav Husak đã phản ứng mạnh mẽ đối với bản Hiến Chương này. Những người ký tên đã hoặc bị bắt giam hoặc bị đuổi việc. Báo chí đã được nhà nước vận dụng để tấn công bản Hiến Chương một cách hạ cấp. Dân chúng bị bắt buộc phải ký tên vào những bản lên án các thành phần phản động của Hiến Chương 77.

Trong khi đó, cảnh sát và công an đã hành động hoàn toàn đúng như những gì bản Hiến Chương đã nêu: bắt người vô cớ, lục soát bất hợp pháp, hạch hỏi và tra tấn trái phép. Giáo sư Jan Patocka, một người nổi tiếng và có uy tín, bị cảnh sát mời đến thẩm vấn và một tuần lễ sau thì ông ta chết. Vaclav Havel bị bắt bốn tháng thì được thả. Đến cuối năm, ông vào tù trở lại và lần này, ông bị kết tội chống chính phủ (3).

Những cuộc đàn áp như vậy kéo dài trong suốt năm 1978 và số người ký tên vào bản Hiến Chương vẫn tăng lên. Vào tháng Tư năm đó, một nhóm trí thức khác thành lập một Ủy ban để bảo vệ những người bị xét xử trái phép. Họ đòi chế độ Husak phải đưa những người bị bắt ra xử công khai. Chế độ phản ứng bằng cách đưa hết những trí thức này vào nhà giam. Từ đó, phong trào Hiến Chương 77 yếu hẳn đi. Tuy nhiên, những kẻ đã tham dự vào Hiến Chương vẫn tiếp tục cuộc phản kháng của họ bằng cách này hay cách khác.

MÙA ĐÔNG PRAGUE

Tháng Tám 1989, Tadeusz Mazowiecki của Công đoàn Đoàn kết thành lập chính phủ không Cộng sản đầu tiên ở Ba lan. Tháng Mười 1989, đảng Cộng sản Hung gia lợi tuyên bố giải tán. Qua đầu tháng Mười Một, Bức tường Bá linh bị phá vỡ.

Giữa một không khí đầy biến động như vậy ở Đông Âu, Tổng bí thư đảng Cộng sản Tiệp khắc, Milos Jakes, tuyên bố trong một đại hội thanh niên là đảng sẽ không tha thứ bất cứ một cuộc xuống đường nào nhằm phản đối sự cầm quyền của đảng và cũng sẽ không nới lỏng sự kiểm soát chính trị. Năm ngày sau, mười lăm ngàn sinh viên và thanh niên biểu tình chống chính phủ trên các đường phố ở Prague gần công trường Wenceslas. Cảnh sát đã thẳng tay đàn áp cuộc biểu tình và gây thương tích cho hơn một trăm người.

Ngày 19 tháng Mười Một 1989, Vaclav Havel và những đồng chí của ông thuộc nhóm Hiến Chương 77 cùng với một số sinh viên, nghệ sĩ và

công nhân họp nhau tại tầng dưới của một hí viện lâu đời nhất Âu châu, hí viện Lanterna Magica. Họ thành lập Quốc Dân Nghị Hội, đóng vai trò của một tổ chức chính trị đối lập. Đầu tiên, họ lên tiếng yêu cầu trừng phạt những kẻ đã ra lệnh đàn áp biểu tình và đòi hỏi tất cả những lãnh tụ Cộng sản có trách nhiệm đàn áp phong trào Mùa Xuân Prague phải từ chức. Milos Jakes đã bác bỏ những yêu sách này. Sau đó, Vaclav Havel cầm đầu Ủy ban gồm mười tám người, tổ chức cuộc biểu tình ở công trường Wenceslas vào ngày 20 để hậu thuẫn cho những đòi hỏi của họ.

Hầu hết những nhạc sĩ, ca sĩ hát dân ca, nhà văn, lực sĩ và cả những tu sĩ đã tiếp tay với ông vận động biểu tình để biến Quốc Dân Nghị Hội thực sự trở thành phong trào quần chúng bên cạnh tư cách của một tổ chức chính trị. Hơn hai trăm ngàn người đã tụ họp tại công trường Wenceslas. Những cuộc biểu tình tương tự đã xảy ra trên những thành phố khác. Quốc Dân Nghị Hội đã đưa ra yêu sách đòi bầu cử tự do và đòi Husak, Jakes và những lãnh tụ cực đoan phải từ chức. Đến lúc này, Ủy ban Lãnh đạo Đảng không còn coi thường Quốc Dân Nghị Hội chỉ như là sản phẩm của một số nhà văn và trí thức. Ngày 24 tháng Mười Một, Jakes và chín thành viên khác của Ủy ban Lãnh đạo từ chức. Karel Urbanek, một lãnh tụ ít tiếng tăm lên thay chức Tổng bí thư Đảng. Ngày hôm đó, Alexander Dubcek xuất hiện tại công trường Wenceslas. Ông đã được mọi người hoan hô nhiệt liệt. Những người thuộc thế hệ ông đã khóc khi nghe lại tiếng nói của ông. Alexander Dubcek đã im hơi lặng tiếng trong suốt hai mươi năm. Ông không ký tên vào Hiến Chương 77. Ông chỉ làm được hai cử chỉ nhỏ tạm tương xứng với vị thế của ông: đến thăm Vaclav Havel vào giữa năm 1989 khi nhà soạn kịch được thả ra khỏi tù và gửi lời mừng sinh nhật Đức Hồng Y Frantisek Tomasek, một người không được cảm tình của chế độ. Do đó, ông đã được chào mừng như một cựu lãnh tụ hơn là một lãnh tụ. Ông vẫn nhắc lại câu: "Xã Hội Chủ Nghĩa Với Bộ Mặt Nhân Bản". Nhưng, ở Mùa Đông Prague 89, câu nói này không còn tạo được một âm hưởng nào như hai mươi mốt năm trước. Nhiều người có nghĩ đến một vai trò chuyển tiếp mà ông có thể đóng được, và chỉ có thế. Ông ủng hộ Quốc Dân Nghị Hội với tất cả những đòi hỏi của họ.

Vì chế độ vẫn không chịu thỏa mãn tất cả những yêu sách của Quốc

Dân Nghị Hội, Vaclav Havel kêu gọi một cuộc Tổng đình công trong hai giờ để cảnh cáo chế độ. Vaclav Havel đã thuyết phục được thợ thuyền nhập cuộc. Ngày 27 tháng Mười Một 1989, hơn một triệu người Tiệp khắc đã tham dự cuộc Tổng đình công ở Prague. Có cả một phái đoàn của những người mù xuất hiện tại công trường Wenceslas. Vaclav Havel thách đố chế độ hãy nhìn thẳng vào công trường để thấy đó như một cuộc trưng cầu dân ý bác bỏ tính cách lãnh đạo chính trị của đảng Cộng sản Tiệp khắc. Những yêu sách cũ như bầu cử tự do được nhắc lại, và thêm vào những yêu sách mới như thay đổi nội các và giao những bộ quan trọng như Quốc phòng cho những người không Cộng sản... Dĩ nhiên, những đòi hỏi như vậy đã không dễ dàng được chấp nhận. Ký giả Jiri Dienstbier phát ngôn viên của Quốc Dân Nghị Hội, một người đã ra vô nhà giam rất nhiều lần, đã tuyên bố với báo chí: *"Ở Tiệp khắc, trong suốt hai mươi năm qua, mọi người đều biết rằng chế độ này không thể nào giải quyết được những khó khăn của đất nước. Nhưng mọi người vẫn sợ. Bạo lực và áp bức là những phương tiện chính để cai trị. Quyền hành đã được xây dựng từ đó. Vì vậy, những kẻ cầm quyền rất sợ nhượng bộ vì họ e ngại nếu nhượng bộ quyền hành của họ sẽ tiêu tan" (5).*

Tuy nhiên, sau cùng, những kẻ cầm quyền có nhượng bộ.

Ngày 30 tháng Mười Một, Quốc hội Tiệp khắc biểu quyết bãi bỏ tư cách lãnh đạo chính trị của đảng Cộng sản Tiệp khắc như đã ghi trong hiến pháp. Ủy ban Lãnh đạo Đảng tuyên bố sẽ tổ chức bầu cử tự do. Ngày 4 tháng Mười Hai, khối Warsaw chính thức công nhận: "Cuộc xâm lăng Tiệp khắc năm 1968 là một quyết định sai lầm". Trong vòng một tuần lễ, nội các Tiệp khắc thay đổi ba lần và cả ba lần, họ đều chưa đáp ứng được đúng những đòi hỏi trước đó của Quốc Dân Nghị Hội. Dĩ nhiên, những kẻ cầm quyền còn muốn kéo dài cuộc chiến.

Ngày 11 tháng Mười Hai 1989, Gustak Husak chấp nhận từ chức và, lần đầu tiên trong bốn mươi mốt năm, Tiệp khắc có một nội các mà đa số thuộc thành phần không Cộng sản.

Biến cố Mùa Đông Prague có thể vẫn chưa đến hồi kết cuộc. Tuy nhiên, vấn đề đáng nói ở đây là sự thức tỉnh của dân tộc Tiệp khắc. Để nói về sự thức tỉnh này, không có gì hơn là ghi lại một câu viết trên bức tường một hầm xe điện ngầm ở Prague: *"Chúng ta đã tập bay như chim*

và tập lận như cá. Có phải đây là lúc chúng ta bắt đầu sống như những con người?" (6)

*

Cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa Cộng sản ở Tiệp khắc mang một sắc thái đặc biệt ở Đông Âu: một cuộc tranh đấu kiên trì và thuần túy trí thức. Mục đích chính được nhìn qua các tuyên ngôn hay sách vở của họ, không nói rõ là họ chống chủ nghĩa Cộng sản mà chỉ nói là *chống bất cứ một chế độ, một thế lực hay một chủ trương nào nhằm áp đảo hay tước đoạt những quyền căn bản của con người.* "Chống Cộng" do đó chỉ được hiểu như một hệ quả đương nhiên từ mục đích chính.

Cái lợi của cuộc tranh đấu này là dù có hiểu được thâm ý của họ, những kẻ cầm quyền cũng khó tìm thấy một cái cớ thật chính đáng để tiêu diệt họ một cách tàn bạo. Thêm vào đó, với sự can đảm, với ý chí sắt đá, với tài năng, và với ý thức cao độ về trách nhiệm của một người trí thức đối với dân tộc, họ đã tạo được một sức mạnh đủ cho cuộc tranh đấu tồn tại trong suốt hơn ba mươi năm cho đến khi cơ hội đến, họ nắm lấy được ngay, và chỉ trong mười ngày họ đã đạt được những gì mà Ba lan đã phải mất đến mười năm.

Cái nhược điểm của cách tranh đấu này là làm cho họ xa rời quần chúng. Những tác phẩm văn học hay nghệ thuật của họ mặc dầu vẫn làm cho quần chúng say mê thưởng thức, nhưng quần chúng phục họ hơn là thấy họ với quần chúng là một. Về điểm này, trí thức Tiệp khắc đến mãi mùa Đông 89 mới đạt được cái mức mà trí thức Ba lan đã đạt từ 1976, khi tổ chức Bảo vệ Công nhân (KOR) ra đời để tạo một liên minh với thợ thuyền. Chính vì vậy mà trong suốt hơn ba mươi năm, người trí thức Tiệp khắc khá lẻ loi trong cuộc tranh đấu của họ.

Nếu không có sự thành công của cuộc cách mạng Ba lan cùng với những biến động mới nhất phát sinh từ những chủ trương Perestroika và Glasnot ở Liên sô, không chắc những trí thức Tiệp khắc đã làm nên được lịch sử. Trong trường hợp này, những kẻ cầm quyền sẽ tiếp tục cô lập họ như những kẻ cầm quyền ở Ba lan đã làm đối với trí thức Ba lan trước 1976. Trường hợp của Tiệp khắc còn thuận lợi hơn cho kẻ cầm quyền vì Tiệp khắc có nhiều tài nguyên, dân số ít và hưởng được một truyền thống tốt về phát triển kỹ nghệ từ trước thế chiến nên thợ thuyền có được một đời sống vật chất khá đầy đủ. Do đó, sẽ rất khó cho người

trí thức thuyết phục thợ thuyền làm những điều có thể ảnh hưởng đến đời sống bình thường của họ.

Dù sao, mỗi nước có một hoàn cảnh riêng, người trí thức Tiệp khắc có thể đã tiến hành cuộc tranh đấu của họ bằng cách tốt nhất mà họ có thể làm được. Riêng đối với những nhà văn Tiệp khắc, *những người đã ý thức trách nhiệm của mình là phải nói lên tiếng nói lương tâm của đất nước*, họ đã làm được những điều mà những đồng nghiệp của họ ở những nơi khác, dù trong hoàn cảnh thuận lợi hơn, đã không làm được. Đây cũng là lý do cắt nghĩa tại sao nhà văn Tiệp khắc luôn luôn có một chỗ đứng cao trong lịch sử của nước họ.

Một điều cuối cùng cần được nói đến với lòng khâm phục là trình độ dân trí của Tiệp khắc. Một triệu người xuống đường lật đổ một chế độ mà họ đã chán ngấy, vậy mà vẫn giữ được kỷ luật và tự chế đến cái độ gần như không có một điều đáng tiếc xảy ra. Thêm vào đó là một ý thức chính trị vượt bực. Hoan hô Dubcek nhưng cũng hiểu ra rằng Dubcek đã không theo kịp với thời cuộc. Nếu sau này, tổ chức Quốc Dân Nghị Hội đạt được những mục tiêu tranh đấu của họ, chắc chắn phần lớn phải là nhờ ở tinh thần kỷ luật và ý thức chính trị cao của người dân Tiệp khắc.

Chú thích

(1) Nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có Tad Szulc, đề nghị xem ngày đăng tải "Bài Thơ Cho Người Trưởng Thành" như là ngày đầu của cuộc tranh đấu trí thức cho cả Đông Âu, không riêng gì cho Ba lan hay Tiệp khắc. (Xem tác phẩm nêu ở chú thích (2), trang 120).

(2) Szulc, Tad. "Czechoslovakia Since Word War II", New York: The Viking Press, 1971.

(3) Nyrop, Richard. " Czechoslovakia: A Country Study", Washington, DC: The American University / Area Handbook Series, 1982.

(4) Doerner, William. "Our Time Has Gone", *Time*, Dec. 4, 1989

(5) Harden, Blaine. "Czechoslovakia To End Communist MOnopoly", *The Washington Post*, Nov. 30, 1989

(6) Kamm, Henry. "Spirit of 1968 is Still Alive, Still Distinet". *The New York Times*, Nov. 30, 1989.

tham luận của nhà văn dương thu hương tại đại hội nhà văn lần thứ tư (việt nam)

●

Trong những năm qua nhiều nhà lý luận đã bàn tới chức năng văn học. Thoạt tiên nhiệm vụ văn chương được quy định trong ba chức năng: nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ. Sau rồi mọi người bàn thêm các chức năng giải trí, chức năng bù đắp... Tại đại hội này tôi xin chỉ có vài nhận xét về chức năng nhận thức. Đây là chức năng đầu tiên mà những ai làm văn chương, dù ý thức hay vô ý thức đều đã thực thi. Khi nhà văn trình bày một tác phẩm trước công chúng, muốn hay không, những nhận định đánh giá và ý tưởng của anh cũng xâm chiếm tâm hồn người đọc, tùy theo sức mạnh nghệ thuật, sức chiếm lĩnh sẽ đạt tới đâu. Nhà văn có thể đem tới cho công chúng những miền cảm quan mới lạ về vẻ đẹp của một dòng sông. Nhà văn cũng có thể thấu thị một chân lý. Giữa hai hiệu quả ấy tôi không đặt hiệu quả thứ nhất cao hơn hiệu quả thứ hai và ngược lại. Nhưng có những thời đại mà con người buộc phải lựa chọn một thứ hiệu quả trọng yếu hơn. Bởi vì có những khoái cảm thẩm mỹ cần thiết cho cá nhân nhưng có những ý tưởng cần cho một đám đông và có tính cấp bách cho toàn xã hội. Mười năm nay chúng ta chứng kiến tình trạng suy đồi của không ít đảng viên và cán bộ. Hiện tượng tham nhũng, ăn hối lộ, hà hiếp dân chúng trở thành phổ biến. Một số đã bị pháp luật nghiêm trị nhưng họ chỉ là tử số trong một phân số mà mẫu số quá lớn. Tại sao? Nhà văn với chức năng đem tới những nhận thức tiến bộ cho xã hội phải chịu trách nhiệm về việc này, trước hết là những nhà văn đứng

trong đội ngũ của đảng. Đã mấy thập kỷ qua chúng ta chỉ truyên truyền trong công chúng: *Nhân dân biết ơn đảng* nhưng chúng ta không giáo dục đảng viên: *Đảng phải biết ơn nhân dân*. Nếu đây là chân lý, chân lý ấy song phương. Nếu đây là một mệnh đề, mệnh đề ấy gồm hai vế cân phân không bên nào nặng nhẹ. Chúng ta tự hào rất nhiều về đảng, người đã tổ chức thắng lợi cách mạng tháng Tám, người đã lãnh đạo nhân dân ta qua hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ một cách oanh liệt, kỳ tích của những cuộc chiến tranh ấy có sức mạnh khích lệ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Vì thế nhân dân biết ơn đảng là phải lẽ. Nhưng bất cứ cuộc chiến đấu nào cũng có tướng và quân. Nếu dân tộc Việt nam là một dân tộc hèn nhát, thiếu tinh thần yêu nước, thiếu khả năng hy sinh, liệu cách mạng tháng Tám và những cuộc kháng chiến giành độc lập có đi tới kết quả hay không? *Chắc không*. Cũng với nhân dân ấy nhà Trần đã chiến thắng quân Nguyên, một đế quốc đã dẫm nát các thành trì châu Âu và Á. Lê Lợi đã chiến thắng quân Minh và Quang Trung đã chiến thắng quân Thanh. Không có sự giúp đỡ của phe Xã hội Chủ nghĩa cùng toàn thể nhân loại tiến bộ, mà ta có thể dẫn hai tên Ray Mông Diêng và Zên Phông Đa, đâu có được thắng lợi của ngày nay. Xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông, hàng chục triệu người mẹ mất con, người vợ góa chồng, những đứa bé mồ côi và những người phụ nữ không bao giờ còn biết tới hạnh phúc gia đình. Mặt khác đảng là người lãnh đạo thần kỳ trong chiến tranh, nhưng đảng cũng là tác giả của những phương án kinh tế sai lầm. Đại hội IV tổng ngân quỹ có 24 tỷ rúp. Nếu số tiền đó được đầu tư và phát triển nông nghiệp và cải thiện đời sống, thì tình trạng sinh hoạt của số đông dân chúng đã không sa sút nghiêm trọng như thế. Theo dõi biểu đồ sức khỏe của các đợt thanh niên tuyển quân mười năm qua chúng ta sẽ rõ con số những người cao dưới 1m50 và nặng dưới 40 kg do thiếu dinh dưỡng lâu ngày. Một sự kiện trần trụi không thể nào chối bỏ. Giống nòi Việt nam đang suy kiệt, có lẽ chẳng kể tới người mà gỗ đá cũng phải rỏ nước mắt vì đau. Nhân dân đã âm thầm chịu đựng một cuộc sống thiếu thốn và đau khổ kéo dài. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, trí sáng tạo của nhân dân đã cứu đất nước khỏi cơn nguy biến. Chúng ta hãy nhớ lại tình trạng suy thoái trong sản xuất nông nghiệp và chính sách hợp tác hóa cấp cao dầy lãng mạn. Ai đã phát kiến ra biện pháp khoán? Chính là dân. Lúc ấy đảng chưa nhận thức được tình hình thực tiễn nên đã dùng sức mạnh quyền lực cản trở việc thực thi biện pháp khoán. Hiện tượng tiêu biểu là vụ kỷ luật đồng chí Kim Ngọc, bí thư Tỉnh ủy Vĩnh phú. Với những lý do trên,

việc *đảng phải biết ơn nhân dân* cũng là phải lẽ. Nhưng chúng ta chỉ tuyên truyền cho một mặt của sự việc, mặt kia lại lãng quên. Phải chăng chính từ những nhận thức thiếu hụt ấy đã nẩy sinh ra tâm lý tự mãn, và trên mảnh đất tự mãn ấy đã nẩy sinh ra thói vô ơn.

Những người Cộng sản làm cách mạng vì lý tưởng cao cả là đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Nhưng muốn thực thi một lý tưởng phải có vô số biện pháp và cương lĩnh chính trị thực tiễn. Tôi ngờ rằng chúng ta đã bị đóng đinh vào lý tưởng hoàn mỹ ấy một cách thụ động, không còn đủ tỉnh trí để suy xét. Khi đọc bài ký "Lời khai của một bị can" ta thấy rõ luật pháp đã được đặt ra để ngăn chặn sự giàu có của con người. Tại sao nhà nước không ban hành điều luật *"Cấm công dân Việt nam chết đói. Cấm công dân nghèo khổ"? Bởi vì giữa điều luật cấm làm giàu với điều luật cấm nghèo khổ, điều sau là nhân ái hơn.*

Báo Tuần Tin Tức số 39 ngày 30.09.1989 đăng tin: "Một người đàn ông 59 tuổi được giải oan đã được bồi thường 119 triệu yên (938.000 đô la), một khoản tiền kỷ lục mà nhà nước Nhật trả cho một vụ xử sai. Ông Nasao Akaberi là người thứ tư bị kết án tử hình oan từ khi kết thúc thế chiến thứ hai đến nay. Ông nhận được bồi thường 74 đô la mỗi ngày vì bị tù oan 34 năm 8 tháng". Ở đất nước ta bao nhiêu người bị tù oan và chết oan nhà nước đã bồi thường ra sao và theo điều luật nào? Không một ai lên tiếng. Phải chăng chúng ta, những nhà văn Việt nam đã trở thành những công chức trong bộ máy quan liêu và nỗi đau khổ của nhân dân trở thành nỗi đau khổ của người khác? Sankara, triết gia Ấn độ có nói: "Chỉ do Ngã người ta mới có thể hoài nghi về Ngã, chỉ trong Sự Vật, và bằng Sự Vật người ta mới hoài nghi Sự Vật mà thôi". Nếu chúng ta hiểu điều này, hẳn đã tránh được những đáng tiếc. Tôi xin dẫn thí dụ: Về chủ trương đảng quan trọng trí thức, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng các chính sách cụ thể không đem lại hiệu quả muốn có. Đơn cử trường hợp anh hùng Trần Đại Nghĩa tại đại hội đảng III, đảng đề ra chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp là hai mươi triệu tấn lương thực, anh hùng Trần Đại Nghĩa cho rằng chỉ tiêu ấy không có cơ sở khoa học. Vì ý kiến ấy anh Hùng Trần Đại Nghĩa đã bị kết luận là chống lại Nghị quyết đảng và bị vô hiệu hóa. Chân lý khoa học bao giờ cũng chiến thắng các ảo tưởng. Brunô có bị hỏa thiêu, trái đất vẫn quay tròn. Anh hùng Trần Đại Nghĩa có bị trù dập, con số hai mươi triệu tấn lương thực cũng không đạt được. Nhưng chẳng ai nhắc lại điều này, nêu lên một bài học lịch sử tương tự như vậy. Thật đáng tiếc

là không có một văn bản nào công bố chính thức việc phục hồi danh dự cho đồng chí Kim Ngọc, và hợp lý hơn, là phải truy tặng danh hiệu anh hùng cho một người Cộng sản chân chính, nhạy cảm trước thực tiễn, biết tiếp thu sức sáng tạo của dân và yêu thương dân.

Phải chăng ở đây đã có sự tách biệt giữa một lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đời sống? Phải chăng một hiểm nguy đang đe dọa chúng ta? Biết bao người trong thời đại chúng ta đã đi ra pháp trường để chỉ chiến đấu cho một lý tưởng, nhưng nếu không cẩn thận, những thế hệ mai sau sẽ đưa lý tưởng ấy ra trường bắn? Làm cách nào, với cương lĩnh nào chúng ta có thể thực hiện được một xã hội công bằng, bình đẳng và đầy tình thương? Đấy là những vấn đề nhà văn chúng ta phải nghĩ và viết? Nhưng thật đáng buồn chúng ta đã im tiếng quá lâu vì cơ chế của một xã hội thiếu dân chủ uy hiếp, hay vì lương tâm chúng ta yên ngủ? Mỗi người đối mặt với trách nhiệm công dân một cách nghiêm khắc mới có thể trả lời. Người Cộng sản chân chính là người biết hy sinh vì lợi ích nhân loại, tổ quốc và giai cấp. Phương ngôn có câu: "Hãy nhún mình xuống, phẩm giá của anh sẽ cao lên". Không một cá nhân, không một đảng phái hay một giai cấp nào có quyền đặt mình lên trên dân tộc. Đó cũng là một chân lý vĩnh hằng. *Trong quá khứ chỉ có những thời đại dã man nhất mới có những cá nhân dày đạp lên dân chúng, triều đại Tần Thủy Hoàng, triều đại Võ tắc Thiên dâm loạn, hoặc các nhà nước độc tài dù là độc tài khoác áo trắng như Hitle, Mutsôlini, hay khoác áo đỏ như Stalin, Mao Trạch Đông. Ngày nay kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, người đó sẽ thắng.*

Trong một thập kỷ qua, những thay đổi của thế giới đã diễn ra với tốc độ bão lốc. Biết bao nhiêu hệ ý thức suy tàn và những quan niệm mới nẩy sinh. Bước tiến của loài người tiến bộ vang động khắp các lục địa. Chúng ta ý thức gì về thân phận dân tộc mình? Bởi vì tất cả chúng ta rồi sẽ chết, không ai sống mãi để giữ một nền chuyên chế. Không ai sống mãi để bảo lưu cho tác phẩm của mình. Điều quan trọng hơn cả là trách nhiệm của mỗi chúng ta đối với nhân dân. Bởi vì mai sau lịch sử sẽ phán xét tất cả không loại trừ ai. Lịch sử không có phạm trù bao cấp. Lịch sử không biết tới thể chế độc quyền và ưu tiên. Tôi rất trọng câu nói của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn văn Linh: "Trong bất luận trường hợp nào, nhà văn cũng không được bẻ cong ngòi bút". Câu nói ấy biểu hiện phẩm hạnh của một người Cộng sản chân chính. Bởi vì chức trách của nhà văn

là chức trách của người cảnh báo trong xã hội. *Nhà văn không có sứ mạng đi tìm của cải tiện nghi, làm nô lệ cho dục vọng của chính mình và liếm gót tư lợi. Nhà văn không thể lấy bất cứ giá trị nào thay thế cho giá trị chân chính duy nhất: "Lòng trung thực trước nhân dân".*

Giờ đây làm một nhà văn thật khó khăn. Dân tộc ta đang đứng trước khúc ngoặt của lịch sử. Một thời đại mới đã mở ra lạ lùng và thúc hối. Có nên ve vuốt lòng tự ái của dân chúng hay can đảm vạch ra những hiểm nguy đang chờ phía trước? Có nên tiếp tục rao giảng một cách vô trách nhiệm rằng một nhân dân anh hùng đã chiến thắng các đế quốc, tất yếu sẽ thắng trong mọi lãnh vực? Hay hãy kêu lên tiếng kêu cảnh báo rằng những giá trị truyền thống, những phẩm chất tự thân của một dân tộc cần được bổ sung hoàn thiện. Rằng những lợi thế đưa một dân tộc tới những thành tuệ trong kinh tế, khoa học kỹ thuật. Muốn phá một cây cầu cần sức mạnh thuốc nổ, nhưng muốn xây một cây cầu cần sức mạnh của trí tuệ và những đôi tay vàng. Một cơ chế cần thiết cho chiến tranh bao gồm các đặc điểm như: tập trung quyền lực, cơ cấu cứng, lề ba động hẹp. Các điều kiện phát triển xã hội đơn giản sẽ hoàn toàn đối nghịch với một cơ chế cần thiết cho việc xây dựng đất nước phồn vinh.

Văn học có nhiệm vụ gì trong lãnh địa này? Đó là điều nhà văn phải nghĩ và phải viết. Người ta tưởng rằng chỉ có giặc ngoại xâm mới tiêu diệt được một dân tộc. Nhưng thực ra *sự đói khổ, dốt nát, tình trạng sinh hoạt tối tăm và tha hóa cũng là những kẻ thù tàn bạo, có thể làm một dân tộc bị suy vong hoặc hủy diệt.* Có lẽ với địa vị của đất nước ta hiện nay trên bậc thang giá trị toàn nhân loại, mỗi nhà văn cần phải nghĩ.

Anh Nguyễn Minh Châu, trước khi qua đời đã viết: "Ông trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của con người". Tôi là kẻ hậu sinh, tài hèn mọn, đức mỏng hơn, tôi không dám trải tình thương của mình ra toàn nhân loại. Chỉ xin một lời anh Châu để nói rằng: "Ông Trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của dân ta, một dân tộc chịu quá nhiều mất mát thua thiệt, một dân tộc phân ly đau đớn".

Kết thúc tham luận này, tôi xin được nói: Chúng ta, những nhà văn Việt nam, dù trong hay ngoài đảng, chúng ta cũng sống và viết vì nhân dân, tổ quốc mình. Tổ quốc Việt nam quang vinh nhưng đang đứng trước những thử thách nghiêm khắc của lịch sử. Nhân dân Việt nam anh hùng, rất đỗi anh hùng, nhưng quá đau khổ, oan khuất và lầm than.

Dương Thu Hương

Hà nội ngày 30.10.1989

Hà Trung

bên đường

Gió bạt chim đàn không tưởng tiếc
Đường xám như mây, chiều một màu.
Cơn mưa chưa dứt khách thành bạn
chẳng hỏi han, cười! Tạm hiểu nhau

Chắc cũng người đâu đó tới đây
Rụt rè, ngơ ngác, áo sờn vai
Khi xưa có lẽ ưa cầm viết
điếu thuốc trên tay chấm phết hoài

Trong quán dăm ba người bản xứ,
ghế bàn quen thuộc khảo inh tai!
Còn ông? không thoảng lời khinh bạc
sao cúi đầu như phận nhỏ nhoi!

Tôi cũng như ông, từng tủi nhục
chẳng hiểu vì sao chẳng cúi đầu.
Có lẽ nơi đây toàn bạn cả
toàn người lỡ cuộc khác chi nhau

Ngồi chờ mưa tạnh, mưa chưa tạnh,
chủ quán đem ra xấp báo nhầu,
khách liếc dăm trang rồi khép lại
có phải tin nhà chẳng thấy đâu?

Có phải vì tin tìm chó lạc
nghĩ người trôi dạt chẳng ai thương
hay bởi tanh tao mùi bịp bợm
của lũ buôn danh ngập đấu trường

Mưa hoài mưa mãi, mưa không tạnh
khách bỗng ra đi chẳng giãi bày;
Chỉ cười như nhận mình vô lý
rồi vẫy tay chào như khoát tay

Trong mưa ông bước coi hùng dũng!
Ông muốn cho tôi khỏi chạnh lòng?
Song từng lạc lõng trong êm ấm
Ta hiểu lòng người! Người biết không?

Gió bạt chim đàn không tưởng tiếc
Đường xám như mây, chiều một màu

Hà Trung

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa bằng UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All Systems Include 1 - year Parts & Labor Warranty)

Đặc Biệt

• LaserJet printer memory upgrade:
1Mb. **$249.00**/2Mb. **$369.00**/4Mb. **$579.00**
(Expansion board & Ram)

Đỗ Thái Nhiên

nói với và nói về: dương thu hương

●

LTS: *Trước tiên Văn Học xin chân thành cám ơn anh Đỗ Thái Nhiên đã gửi kèm theo bài viết: "Nói Về, Nói Với Dương Thu Hương" nguyên văn bài tham luận của nhà văn Dương Thu Hương đọc trong đại hội các nhà văn ở Việt nam ngày 30 tháng Mười 1989 để độc giả có ngay tài liệu tham khảo.*

Bài viết dưới đây phản ảnh quan điểm riêng của tác giả Đỗ Thái Nhiên, Văn Học sẵn sàng đăng tải những góp ý, những quan điểm của các cây bút khác liên quan đến bài tham luận này.

Sống ở hải ngoại lâu năm, có một số người Việt viết tiếng Việt kiểu Mỹ và viết tiếng Mỹ kiểu Việt. Có một số người Việt khác chỉ thích viết về văn minh thác loạn, văn minh "sex, drug, rock 'n' roll". Tuy nhiên đa số Việt kiều thầm lặng vẫn hàng ngày khao khát được đọc những bài viết đầy ắp từ ngữ Việt, văn phạm Việt, những bài viết phản ánh trung thực đời sống rất tình tự nhưng cũng rất lầm than của quê hương. Trong hoàn cảnh tâm lý vừa kể, thật là may mắn cho tôi khi được đọc bài tham luận của nhà văn nữ Dương Thu Hương dành cho Đại hội Nhà Văn lần thứ IV. Bài này viết tại Hà nội ngày 30.10.1989.

Mở đầu bài tham luận, Dương Thu Hương đã tự giới hạn ý kiến của mình trong phạm vi chức năng nhận thức của nhà văn. Nhận thức rằng:

"Mười năm nay chúng ta chứng kiến tình trạng suy đồi của không ít Đảng viên và cán bộ. Hiện tượng tham nhũng ăn hối lộ, hà hiếp dân chúng trở thành phổ biến. Một số đã bị pháp luật nghiêm trị, nhưng họ chỉ là một tử số trong một phân số mà mẫu số quá lớn".

Theo Dương Thu Hương sở dĩ tình trạng quan liêu cửa quyền xảy ra tại Việt nam hiện nay là vì:

"Đã mấy thập kỷ qua chúng ta chỉ tuyên truyền trong công chúng: Nhân dân biết ơn Đảng nhưng chúng ta không giáo dục Đảng viên: Đảng phải biết ơn nhân dân".

Kế đó Dương Thu Hương trình bày một số lý luận cùng với một số dữ kiện lịch sử để cho rằng Đảng và nhân dân phải biết ơn lẫn nhau, đó là *"chân lý song phương"*, đó là mệnh đề *"hai vế cân phân"*. Thế nhưng trong thực tế *"chúng ta chỉ tuyên truyền cho một mặt của sự việc, mặt kia lại lãng quên. Phải chăng chính từ những nhận thức thiếu hụt ấy đã nảy sinh ra tâm lý tự mãn, và trên mảnh đất tự mãn ấy đã nảy sinh ra thói vô ơn".*

Và sau đây là hậu quả tệ hại của thói vô ơn:

"Theo dõi biểu đồ sức khỏe của các đợt thanh niên tuyển quân mười năm qua chúng ta sẽ rõ con số những người cao dưới 1m50 và nặng dưới 40 ký do thiếu dinh dưỡng lâu ngày. Một sự kiện trần trụi không thể nào chối bỏ. Giống nòi Việt nam đang suy kiệt, có lẽ chẳng kể tới người mà gỗ đá cũng phải rỏ nước mắt vì đau".

Vô ơn còn dẫn tới những sự việc hoặc vô trách nhiệm, hoặc nghịch lý:

"Đọc bài ký "lời khai của bị can", ta thấy rõ luật pháp đã được đặt ra để ngăn chặn sự giàu có của con người. Tại sao nhà nước không ban hành điều luật "cấm công dân Việt nam chết đói, cấm công dân nghèo khổ"? Bởi vì, giữa điều luật cấm làm giầu với điều luật cấm nghèo khổ, điều sau là nhân ái hơn".

"Báo Tuần Tin Tức số 39 ngày 30.9.1989 đăng tin: "Một người đàn ông 59 tuổi được giải oan đã được bồi thường 119 triệu yên (938 ngàn đô la) một khoản tiền kỷ lục mà nhà nước Nhật trả cho một vụ xét xử sai lầm. Ông Masao Akaberi là người thứ tư bị kết án tử hình oan và bị giam từ khi kết thúc đệ nhị thế chiến cho đến nay. Ông nhận được bồi thường 74 đô la mỗi ngày vì bị tù oan 34 năm 8 tháng. Ở đất nước ta bao nhiêu người bị tù

oan và chết oan, nhà nước đã bồi thường ra sao, theo điều luật nào? Không một ai lên tiếng! Phải chăng chúng ta: những nhà văn Việt nam đã trở thành các công chức trong bộ máy quan liêu và nỗi đau khổ của nhân dân trở thành nỗi đau khổ của người khác?"

Sau khi đã trình bày các nhận thức của mình về nguyên nhân cũng như thực trạng của *"mất mát thua thiệt"*, của *"phân ly đau đớn"* mà dân tộc Việt nam hiện gánh chịu, Dương Thu Hương đã đứng trên hai vị trí, hướng tầm mắt nhìn về tương lai những mong tìm cho Việt nam một lối thoát:

1. Trên vị trí của một người Cộng sản, Dương Thu Hương vẫn tin tưởng:

– Những người Cộng sản làm cách mạng vì lý tưởng cao cả là đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

– Người Cộng sản chân chính là người biết hy sinh vì lợi ích nhân loại, tổ quốc và giai cấp.

– Tôi rất trọng câu nói của đồng chí tổng bí thư Nguyễn văn Linh: "Trong bất luận trường hợp nào, nhà văn cũng không được bẻ cong ngòi bút". Câu nói ấy biểu hiện phẩm hạnh của một người Cộng sản chân chính.

Tuy vậy, ngay đàng sau các tin tưởng nêu trên, Dương Thu Hương đã không dấu diếm một hoài nghi:

– Phải chăng ở đây đã có sự tách biệt giữa một lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đời sống? Phải chăng một hiểm nguy đang đe dọa chúng ta?

2. Trên vị trí nhân loại toàn tính Dương Thu Hương vừa thành khẩn vừa quyết liệt viết như chưa từng được viết:

– "Làm cách nào với cương lĩnh nào, chúng ta có thể thực hiện được một xã hội công bằng, bình đẳng, đầy tình thương?"

– "Không một cá nhân, không một đảng phái hoặc một giai cấp nào có quyền đặt mình lên trên dân tộc. Đó cũng là chân lý vĩnh hằng. Trong quá khứ chỉ có những thời đại dã man nhất mới có những cá nhân dày đạp lên dân chúng: triều đại Tần Thủy Hoàng, triều đại Võ Tắc Thiên dâm loạn, hoặc các nhà độc tài dù là độc tài khoác áo trắng như Hitler, Mussolini hay khoác áo đỏ như Stalin, Mao Trạch Đông. Ngày nay kẻ nào dùng bạo

lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, người đó sẽ thắng".

– "Tất cả chúng ta rồi sẽ chết, không ai sống mãi để giữ một nền chuyên chế. Không ai sống mãi để bảo lưu cho tác phẩm của mình. Điều quan trọng hơn cả là trách nhiệm của ta đối với nhân dân. Bởi vì mai sau lịch sử sẽ phán xét tất cả không loại trừ ai. Lịch sử không có phạm trù bao cấp. Lịch sử không có thể chế độc quyền và ưu tiên".

– "Dân tộc ta đang đứng trước khúc ngoặt của lịch sử. Một thời đại mới đã mở ra lạ lùng và thúc hối. Có nên ve vuốt lòng tự ái của dân chúng hay can đảm vạch ra những hiểm nguy đang chờ phía trước? Có nên tiếp tục rao giảng một cách vô trách nhiệm rằng nhân dân anh hùng đã chiến thắng các đế quốc tất yếu sẽ thắng trong mọi lãnh vực? Hay hãy kêu lên tiếng kêu cảnh báo rằng những giá trị truyền thống, những phẩm chất tự thân của một dân tộc cần được bổ xung hoàn thiện".

Đọc và suy nghĩ về bài tham luận của Dương Thu Hương mọi người đều bị cuốn hút bởi lòng thương yêu vừa thiết tha vừa phẫn hận của nhà văn nữ này đối với dân tộc đang khốn cùng. Mức độ cuốn hút sẽ nhanh chóng tăng cường bội phần nếu người đọc hình dung được bối cảnh chính trị mà ở đó Dương Thu Hương đọc bài tham luận. Rõ ràng là dù yêu dân tộc đến đâu, dù văn tài có cao cấp đến đâu nhưng nếu thiếu lòng can đảm Dương Thu Hương đã không thể viết như chị đã viết, không thể tạo ra như chị đã tạo ra: bên cạnh lòng ái quốc bốc lửa một khí phách có tính truyền thống Việt. Ái quốc không bằng lòng thương xót suông, cũng không bằng nước mắt nhi nữ mà bằng thái độ dứt khoát nhập cuộc của một chiến sĩ văn hóa. Mặc dầu không đồng ý với nhà văn Dương Thu Hương về quan điểm đối với lý tưởng Cộng sản song tôi không thể không trân trọng kính gửi đến người chiến sĩ văn hóa này lòng tôn kính chân thành của tôi. Tiếp đến tôi xin phép được trình bày các lý do khiến tôi có thái độ "không đồng ý" vừa nói. Lý do như sau:

Dương Thu Hương tin tưởng: *"Những người Cộng sản làm cách mạng vì lý tưởng cao cả... Nhưng muốn thực thi một lý tưởng phải có vô số biện pháp và cương lĩnh chính trị thực tiễn"*. Thế rồi Dương Thu Hương đặt nghi vấn: *"Phải chăng ở đây đã có sự tách biệt giữa một lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đời sống?"* Muốn giải quyết thắc mắc này của Dương Thu Hương chúng ta cần phải thảo luận

với nhau đến rốt ráo về vị trí của một lý tưởng trong sinh hoạt chính trị của xã hội.

Đối với "thế giới tự do", chính trị xã hội được vận hành theo kiểu dân chủ tự do thả nổi, trong đó hiện tượng luận và thực dụng chủ nghĩa là hai chiếc áo gấm tuyệt lộng lẫy, tuyệt mềm mại. Người ta đã dùng hai chiếc áo này để che đậy tấm thân trần truồng của cảnh "mạnh được yếu thua". Hẳn nhiên bên dưới áo gấm che thân của "thế giới tự do"; lý tưởng được quảng cáo đi một đường phương pháp thực thi lý tưởng đi một nẻo. Sở dĩ lý tưởng bị chèn ép như vừa nói là vì lý tưởng chưa được nhận diện nghiêm túc. Ở vị trí nghiêm túc, lý tưởng phải được giải thích rằng: để hiểu biết một hiện tượng sống một cách tròn đầy và sinh động, không phân biệt hiện tượng lớn hay nhỏ, quan trọng hay không quan trọng, người ta không thể không cầm nắm ba mặt sau đây của hiện tượng:

– Bản thể của hiện tượng: hiện tượng đó là gì? từ đâu đến? sẽ đi về đâu?

– Nhận thức về hiện tượng: chất và lượng của hiện tượng liên hệ với nhau ra sao? Hiện tượng vận hành tự thân như thế nào? nội dung tương quan giữa hiện tượng đó và các hiện tượng chung quanh là gì?...

– Phương pháp luận đối với hiện tượng: muốn mang vào hay muốn loại bỏ một hiện tượng trong dòng sống, về mặt tư tưởng người ta phải lý giải và thuyết phục như thế nào, về mặt hành động người ta phải tiến hành những phương pháp nào?

Bây giờ, chúng ta hãy dùng lăng kính tổng hợp của bản thể, nhận thức và phương pháp để ngắm nhìn toàn bộ sinh hoạt xã hội: xã hội dân tộc cũng như xã hội nhân loại. Đây là loại hiện tượng lớn nhất, phức tạp nhất. Vì vậy công trình kết hợp bản thể luận, nhận thức luận, và phương pháp luận đối với toàn bộ xã hội là một công trình đòi hỏi cao độ: tính cơ cấu và tính hữu lý. Kết quả của công trình này được gọi là biện chứng pháp. Bản thể luận và nhận thức luận về vận động và phát triển của xã hội sau khi được biện chứng hóa và cô đọng hóa sẽ giúp người ta hiểu biết một cách rất khoa học: thế nào là lý tưởng của đời sống, đời sống dân tộc và đời sống nhân loại. Biện chứng pháp chẳng những đã xác định được lý tưởng sống mà phương pháp luận của biện chứng pháp còn dẫn dắt mọi người phương pháp biến lý tưởng thành hành động cụ thể. Đó là lý do nguyên ủy của sự gắn bó giữa lý tưởng và phương pháp trong

biện chứng pháp. Đó cũng là lý do giải thích tại sao trong thế giới tự do, thế giới vận hành không biện chứng, rất nhiều khi chúng ta thấy phương pháp ngồi xổm lên trên lý tưởng.

"Đối" với thế giới Cộng sản, chính trị xã hội được vận hành theo biện chứng pháp Duy Vật. Như đã nói ở trên, biện chứng vốn là một công trình tổng hợp giữa bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận. Nhằm mục đích thực hiện công việc tổng hợp của nó, biện chứng pháp Duy Vật đã được Marx – Lenine trình bày làm hai thành phần rõ rệt:

– Thành phần một: lý luận triết học Duy Vật. Phần này gồm tiền đề vật chất của triết học và qui luật vận động phát triển của vật chất. Lý luận triết học chính là lý luận kết hợp giữa bản thể luận và nhận thức luận. Thế nên nó là bộ phận lý giải nguồn cội và mọi hình thái vận động phát triển của đời người thông qua mắt nhìn đồng bộ và hỗ tương của vũ trụ quan, nhân sinh quan và xã hội quan.

– Thành phần hai: phương pháp luận Duy Vật. Phần này là phần biến lý luận triết học thành hành động cụ thể với sự nhấn mạnh rằng mọi hành động cụ thể xuất phát từ biện chứng Marx – Lenine bao giờ cũng được giải thích, cân đo và phối kiểm bởi giàn công cụ lý luận nói ở phần một. Nhìn tổng quát nhất, chủ nghĩa Duy Vật đã được áp dụng vào bốn lãnh vực chủ yếu sau đây: lịch sử quan Duy Vật, văn minh luận Duy Vật, kiến thiết luận Duy Vật và cách mạng luận Duy Vật. Trong bốn lãnh vực vừa liệt kê, lịch sử quan chính là bộ óc và đôi mắt của ba lãnh vực còn lại. Nói mạnh mẽ và dứt khoát hơn: nếu không có lịch sử quan, cả ba bộ phận văn minh luận, kiến thiết luận (kinh tế là một thành phần) và cách mạng luận sẽ đột ngột trở nên mù lòa, chúng không thể nhìn ra con đường mà Dương Thu Hương gọi là sự kết nối giữa *"lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đời sống"*. Lịch sử quan Duy Vật cung cấp cho những người chấp nhận tiền đề triết học Duy Vật phương pháp xác định hướng tiến của lịch sử, còn gọi là xu thế lịch sử đối với từng thời đại sống cũng như đối với suốt dọc dòng tâm sinh mệnh của loài người. Hạnh phúc của dân tộc, quyền lợi của dân tộc mà người ta gọi là lý tưởng hoàn mỹ chẳng thể là gì khác hơn là nhu cầu đưa đẩy xã hội dân tộc được vận động và phát triển theo đúng hướng của đoạn lịch sử và đường lịch sử. Nếu một dân tộc đi ngược hướng hay lạc hướng lịch sử thì lập tức thân phận của dân tộc sẽ làm xao xuyến tim óc người dân. Chúng ta hãy theo dõi ngòi bút tài hoa của Dương Thu Hương,

đang dồn dập tập trung sức nén vào nỗi xao xuyến này: *"Trong một thập kỷ qua, những thay đổi của thế giới đã diễn ra với tốc độ bão lốc. Biết bao nhiêu hệ ý thức suy tàn và những quan niệm mới nảy sinh. Bước tiến của loài người tiến bộ vang động khắp các lục địa. Chúng ta ý thức gì về thân phận dân tộc mình?"*

Tất cả những điều trình bày về bố cục của chủ nghĩa Marx – Lenine, nhất là về Duy Vật Sử quan chỉ nhằm đi đến kết luận: đối với "người Cộng sản chân chính" lý tưởng hoàn mỹ là lý tưởng được rút ra từ Duy Vật Sử quan và được dẫn dắt vào thực tiễn đời sống bằng phương pháp luận Duy Vật cộng với sự hỗ trợ thường xuyên của qui luật triết học Duy Vật. Vì vậy trong Duy Vật Chủ nghĩa lý tưởng và phương pháp thực hiện lý tưởng bao giờ cũng là hai mặt không thể tách rời của một bàn tay. Không thể và không hề có vấn đề: *"Ở đây đã có sự tách biệt giữa một lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đi sống"*. Một lần nữa tôi xin phép được nhấn mạnh: dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, khi phương pháp thất bại người ta phải kết luận ngay là lý tưởng sai lầm và ngược lại khi nhận biết lý tưởng sai lầm người ta không thể không tiên liệu phương pháp thất bại như một hệ quả tất nhiên. Mặc dầu vậy, người Cộng sản, nhất là người Cộng sản Việt nam, không bao giờ chấp nhận lý tưởng sai lầm là nguyên nhân đích thực của phương pháp thất bại. Họ thường biện minh cho tình trạng thất bại của phương pháp luận Duy Vật bằng lý do bị phá hoại hoặc lý do cán bộ chưa thông hiểu Duy Vật biện chứng.

– Đối với lý do bị phá hoại: từ hơn mười năm qua người dân Việt nam đã được Đảng giải thích rất nhiều lần rằng: chủ nghĩa Marx – Lenine nhất định vô địch muôn năm nhưng do những phá hoại của "bọn bành trướng Bắc kinh và bọn đế quốc Mỹ" cho nên phương pháp xã hội chủ nghĩa bị thất bại. Thử hỏi Trung quốc và Hoa kỳ đã áp dụng quỷ kế phá hoại nào để đến độ: *"Hiện tượng tham nhũng, ăn hối lộ hà hiếp dân chúng trở thành phổ biến. Một số đã bị pháp luật nghiêm trị nhưng họ chỉ là tử số trong một phân số mà mẫu số quá lớn?"* Vả lại Liên sô, Ba lan, Tiệp khắc, Hung gia lợi, Đông Đức không hề bị "bọn bành trướng Bắc kinh và đế quốc Mỹ phá hoại, tại sao ở những nơi đó phương pháp xã hội chủ nghĩa vẫn thất bại để sản sinh ra Perestroika, sản sinh ra những *"bước tiến của loài người tiến bộ vang động khắp cả lục địa"?*

– Đối với lý do chưa am tường chủ nghĩa Marx – Lenine: không đảng Cộng sản nào am tường chủ nghĩa Duy Vật bằng đảng Cộng sản Liên

sô. Đảng này có trên bảy mươi năm mài dũa chủ nghĩa Marx. Đảng này có dưới quyền một số dân đông đảo, một lãnh thổ rộng lớn, họ có rất nhiều cơ hội khác nhau về không gian và thời gian để trắc nghiệm chủ nghĩa Marx. Hiển nhiên không thể hoài nghi về khả năng am hiểu chủ nghĩa Marx của Liên sô. Thế nhưng trong những năm gần đây thất bại của phương pháp xã hội chủ nghĩa đã làm nổ ra tại Liên sô cuộc cách mạng Perestroika. Điều này minh chứng hùng hồn rằng phương pháp xã hội chủ nghĩa thất bại là vì lý tưởng Cộng sản sai lầm chứ không hề vì người Cộng sản không thấu triệt chủ nghĩa Marx.

Sau khi kiểm điểm mọi lý lẽ biện minh cho những thất bại của phương pháp xã hội chủ nghĩa, người lý luận nghiêm túc không thể không đi đến kết luận: phương pháp xã hội chủ nghĩa sai lầm chỉ vì một lý do và chỉ một mà thôi: lý tưởng Cộng sản sai lầm. Đứng về mặt triết học: thực tại là điểm chuẩn duy nhất của chân lý. Sai lầm có nghĩa là xa rời thực tại. Lý tưởng sai lầm làm sao được gọi là lý tưởng hoàn mỹ? *"Người Cộng sản chân chính"* hiển nhiên là những người đã chạy theo lý tưởng sai lầm một cách cố chấp đến độ tạo ra hoàn cảnh đau đớn hiện nay cho toàn bộ dân tộc.

Do nhu cầu hữu lý của bài viết tôi đã phải luận giải về mối liên hệ biện chứng giữa lý tưởng và phương pháp thực hiện lý tưởng trong ý thức hệ Cộng sản. Đối với một nhà văn nữ có tầm vóc như Dương Thu Hương tôi tin là nhà văn này có thừa kiến thức về những gì tôi đã trình bày. tôi tin là do hoàn cảnh đặc biệt tế nhị trên biên giới giữa hai nghĩa vụ gần như đối nghịch lẫn nhau: nghĩa vụ "không được bẻ cong ngòi bút" và nghĩa vụ "nhập gia tùy tục" của bước đầu thu phục nhân tâm, Dương Thu Hương đã đôi lần đề cập đến lý tưởng Cộng sản và người Cộng sản chân chính. Và sau cùng tôi cũng tin là: trong thâm tâm Dương Thu Hương cũng như hầu hết những người Cộng sản yêu nước, họ đang nghĩ tới giai đoạn "hưu trí" của chủ nghĩa Marx, đang nghĩ tới *"những quan niệm mới đang nảy sinh"*. Quan niệm mới đó chính là quan niệm rằng: *"muốn phá một cây cầu cần sức mạnh của thuốc nổ, nhưng muốn xây một cây cầu, cần sức mạnh của trí tuệ và những đôi tay vàng"*.

Người ta không thể phá cầu và xây cầu theo cùng một phương pháp của những chuyên viên chỉ biết đặt chất nổ. Người ta không thể đấu tranh giai cấp và xây dựng một xã hội thương yêu và bình đẳng theo cùng một biện chứng lấy thù hận giai cấp làm phương châm hành động. Đã qua rồi những ngày vàng son của chủ nghĩa Marx.

Đã qua rồi, qua lâu lắm rồi, hoàn cảnh xã hội mà trong đó chủ nghĩa Marx được gieo hạt và nảy mầm.

Lúc này không còn là lúc chậm rãi đặt câu hỏi: *"phải chăng ở đây đã có sự tách biệt giữa một lý tưởng hoàn mỹ với các biện pháp dẫn dắt lý tưởng đó đến với đời sống"*. Lúc này là lúc tất cả chúng ta, người Việt trong cũng như ngoài nước hãy can đảm và dứt khoát trả Marx về quá khứ xa xăm, hãy mạnh dạn từ bỏ biện chứng xây dựng "giai cấp tính" để tìm đến biện chứng nhân tính. Chỉ có biện chứng nhân tính mới có thể cung cấp cho chúng ta *"sức mạnh của trí tuệ và những đôi tay vàng"*. Chỉ có biện chứng nhân tính mới có thể kiến tạo *"một xã hội công bằng, bình đẳng, đầy tình thương"*. Và, nhất là chỉ có biện chứng nhân tính mới có thể đáp ứng được yêu cầu sắt thép của Dương Thu Hương: *"Không một cá nhân, không một đảng phái hoặc một giai cấp nào có quyền đặt mình lên trên dân tộc"*.

Sở dĩ biện chứng nhân tính có khả năng mang lại đáp số cho yêu cầu sắt thép vừa trích dẫn là vì biện chứng này minh chứng và xác định: vai trò của đảng phái hay giai cấp phải được đặt ngang hàng với hàng trăm, hàng ngàn vai trò khác trong xã hội. Mặt khác trong nhân tính có hàm chứa dân tộc tính và nhân loại toàn tính, trong nhân tính có sự lý giải cân phân giữa độc lập dân tộc và liên lập quốc tế.

Tôi viết bài này vào những ngày Việt kiều đang chuẩn bị đón Tết Nguyên đán tại hải ngoại. Mọi người đang nô nức nghĩ đến hương sắc của một mùa xuân mới. Riêng đối với tôi, mùa xuân đã chết kể từ ngày tôi không còn được sống trên quê hương của tôi. Kể từ ngày đó tâm trí tôi bao giờ cũng bị phủ kín bởi hình ảnh những mùa thu ở quê nhà. Trong suy nghĩ của tôi: giữa mùa thu và quê hương tôi có những trùng hợp kỳ lạ: mùa thu rất buồn, rất ảm đạm nhưng rất quyến rũ. Quê hương tôi rất buồn vì nồi cơm không đầy. Quê hương tôi rất ảm đạm vì mái tranh mục nát. Quê hương tôi rất quyến rũ vì dân tộc tôi vô cùng tài hoa, vô cùng kiêu dũng nhưng cũng vô cùng nhân ái. Lúc này đây, sau khi đọc nhiều lần bài tham luận của nhà văn Dương Thu Hương, hình ảnh của quê hương tôi đã trở nên sống động hơn nhưng cũng nghẹn ngào hơn. Bên cạnh nồi cơm không đầy, bên cạnh mái tranh mục nát tôi thấy rất nhiều thanh niên cao dưới 1m50 nặng dưới 40kg vì thiếu ăn; tôi thấy *"tình trạng suy đồi của không ít đảng viên và cán bộ"*; tôi thấy *"hiện tượng tham nhũng ăn hối lộ, hà hiếp dân chúng trở thành phổ biến"*; tôi thấy *"sự đói khổ dốt nát, tình trạng tối tăm và tha hóa cũng là những kẻ thù*

tàn bạo, có thể làm một dân tộc suy vong hay hủy diệt". Giữa những cái "tôi thấy" rất nhức tim đó tôi bắt gặp nỗi uất hận của Dương Thu Hương: *"Ông trời sinh ra tôi để kêu thét lên nỗi thống khổ của dân ta, một dân tộc chịu quá nhiều mất mát thua thiệt, một dân tộc phân ly đau đớn".*

Tâm lý của tôi bao giờ cũng nặng tính tương phản: tiếng "kêu thét" của Dương Thu Hương lại làm cho tôi nghĩ đến tiếng thở nhẹ như ngọn đèn gần tắt của nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Mấy câu thơ sau đây được Vũ Hoàng Chương làm với chủ ý riêng tặng những người bạn cùng tù trước khi thi sĩ họ Vũ từ giã nhà giam để bước qua bên kia thế giới, ở đó chắc hẳn không có "ngục tù bao la". Thơ rằng:

Dấu hỏi bao quanh suốt cuộc đời,
Sên bò trong óc máu trào rơi...
Nửa đời một dấu than buông lửng!
Đinh đóng vào xăng, tiếng rụng rời!

Cả Vũ Hoàng Chương lẫn Dương Thu Hương đều đau đớn đày đọa trước cảnh quê hương lầm than nhưng hai người đã phản ứng trong hai hoàn cảnh khác nhau. Hoàn cảnh của Vũ Hoàng Chương là hoàn cảnh của một người tù chính trị, mãi cho đến khi đã tắt thở nằm trong quan tài, tiếng búa đinh niệm áo quan vẫn khiến nhà thơ cảm thấy tim gan rụng rời. Rụng rời, không vì nuối tiếc cuộc đời đang bị đè bẹp dưới *"thể chế độc quyền, tư tiên và bao cấp";* rụng rời chỉ vì nhà thơ đã phải ra đi giữa lúc nợ núi sông còn cao chất ngất. Trong khi đó, hoàn cảnh của Dương Thu Hương là hoàn cảnh của một nhà văn đang được mến mộ, đang được đọc tham luận trước Đại hội Nhà Văn. Tham luận của Dương Thu Hương viết bởi bút là lưỡi kiếm, mực là máu và nước mắt. Dương Thu Hương phẫn nộ nhưng khôn ngoan. Dương Thu Hương quyết liệt nhưng chừng mực. Dương Thu Hương hoài nghi phương pháp luận của Marx đang khi chị nghĩ về *"quan niệm mới"* về *"một thời đại mới đã mở ra lạ lùng và hối thúc"*... Dương Thu Hương đúng là người *"có những ý tưởng cần cho đám đông và có tính cấp bách cho toàn xã hội".* Độc giả của Dương Thu Hương đang tin tưởng là trong tương lai không bao xa Dương Thu Hương chẳng những chỉ là người bạn thân mến mà còn là người bạn hữu ích của đám quần chúng lầm than. Tin tưởng vừa nêu của độc giả đồng thời cũng là lời cầu chúc chân thành nhất tha thiết nhất mà tôi trân trọng kính gửi nhà văn Dương Thu Hương nhân dịp tôi viết tham luận về bài tham luận của nhà văn này.

Đỗ Thái Nhiên

Chân Phương

văn tế

hãy quên huế sàigòn hànội
hãy quên hộ khẩu chủ tịch phường
hãy quên công an khu vực giấy phép đi đường
hãy quên chèo quan họ cải lương
hãy quên khát vọng tự do
hãy quên tờ khai lý lịch
hãy quên vùng kinh tế mới những đêm mất ngủ hè đường
hãy quên vịnh phú hỏa lò chí hòa côn đảo
hãy quên nước mắm gỏi bún rau thơm
hãy quên vàng đô la kim cương
hãy quên tất cả
để từ từ
chìm
xuống

lần thứ nhất

rồi
thong thả nổi lên
kiểm tra lại mình chẳng còn
ràng buộc gì với thế gian

*

đoạn
chìm
xuống

lần thứ hai

thanh thoát hoàn toàn

sau đó
nếu không tìm được chỗ nào
để tấp sát vào
thì đây
khoảng trống nhỏ hẹp
cuối bài thơ

mày có thể

lênh đênh
lênh đênh

lênh đênh mãi mãi

Chân Phương

Trịnh Y Thư *(chuyển ngữ)*

milan kundera đường về gian nan

●

1.

Hai năm trời trôi qua từ ngày Tereza khám phá ra lòng dạ thiếu chung thủy của Tomas. Cô trở nên hay cáu kỉnh, bẳn gắt, và tình trạng này cứ càng ngày càng đi xuống chứ không khả quan lên chút nào. Thực là hoàn toàn không có lối thoát!

Có thật Tomas không sao từ bỏ được lối sống "tình bạn xác thịt" kia không? Đúng vậy. Không có nó chắc anh sẽ vỡ tung ra mất. Anh không đủ sức mạnh để trấn át, đè nén lòng ham muốn của mình. Đằng khác, anh thấy không cần thiết phải từ bỏ lối sống đó. Không ai biết rõ hơn chính anh những trò phiêu lưu tình ái này chỉ khiến Tereza thấy bất an mà thôi. Vậy thì tại sao anh phải thay đổi? Đối với anh, lý do từ bỏ chuyện đi tìm thú vui nhục dục ở những người đàn bà khác không trọng đại hơn lý do từ chối lời mời đi xem một trận bóng đá là bao nhiêu.

Nhưng anh có vui thú gì trong những cuộc săn đuổi ái tình đó? Ngay khi vừa đặt chân đến nhà một người đàn bà nào, anh đã thấy chán ngấy

lên rồi và lại tự hứa từ đây sẽ không bao giờ thèm nhìn mặt cô ta nữa. Lần nào cũng thế, hình ảnh Tereza cứ lởn vởn trước mắt anh và chỉ có cách nốc rượu cho thật say thì anh mới gạt nó ra khỏi đầu óc anh được. Từ lúc có Tereza trong đời, không lần nào làm tình với một người đàn bà khác mà anh không phải dùng đến hơi men! Lúc về nhà, ngửi thấy mùi rượu nồng nặc toát ra từ hơi thở Tomas, Tereza biết ngay anh vừa phạm tội.

Anh bị kẹt cứng trong chiếc bẫy: anh chán ngấy những người đàn bà anh lén lút đi lại, nhưng chỉ một ngày không có họ, đã thấy anh nhấc điện thoại lên hò hẹn lung tung.

Thoải mái nhất vẫn là Sabina. Anh biết Sabina là người ý tứ, cô không bao giờ tiết lộ với ai về những buổi hò hẹn của hai người. Phòng vẽ nơi cô làm việc và sinh sống làm anh nhớ lại những kỷ niệm quá khứ, những kỷ niệm về thời kỳ độc thân đầy hoa mộng của anh.

Có lẽ chính anh cũng không nhận ra những thay đổi từ ngày anh gặp Tereza: anh sợ về nhà trễ vì anh biết cô đang ngồi đợi anh. Đến một hôm, Sabina bắt gặp anh liếc mắt nhìn đồng hồ đeo tay trong lúc hai người đang ân ái trên giường, cô thấy anh có vẻ hối hả như muốn xong chuyện cho sớm.

Sau đó, vẫn không một mảnh vải che thân, cô đi lại một cách uể oải trong phòng vẽ. Cô dừng lại trước giá vẽ có bức tranh đang vẽ dở và thấy Tomas đang vội vã mặc lại quần áo.

Mặc xong quần áo ngoại trừ một chân không có tất, Tomas nhìn quanh giường rồi cúi đầu xuống đất tìm tòi lục lọi khắp nơi, trong kẽ ngách, dưới gầm bàn.

"Hình như anh đang biến thành chủ đề những bức tranh em đang vẽ đấy Tomas ạ". Sabina chợt cất tiếng. "Sự gặp gỡ giữa hai thế giới. Một pô ảnh chụp hai lần. Đằng sau nét chấm phá một Tomas phóng đãng là khuôn mặt một người đam mê tình yêu lãng mạn. Hay nói cách khác, qua Tristan, và luôn luôn nghĩ đến Tereza, tôi thấy cái thế giới phản bội đầy diễm lệ của một người phóng đãng".

Tomas đứng thẳng dậy, vẻ mặt ngơ ngác như Sabina nói.

"Anh đang tìm cái gì vậy?" Cô hỏi anh.

"Một chiếc tất".

Cô đi tìm chiếc tất với anh. Hai người chui rúc vào khắp các xó xỉnh trong gian phòng.

"Chẳng thấy chiếc tất của anh đâu cả". Sabina nói. "Chắc anh xỏ có một chiếc vào chân lúc đến đây".

"Em nghĩ sao mà bảo anh đi một chiếc tất đến đây?" Tomas kêu lên, mắt lại nhìn vào đồng hồ.

"Rất có thể chứ! Đầu óc anh dạo này hay quên lắm đấy. Lúc nào cũng sấp sấp ngửa ngửa, mắt nhìn vào đồng hồ. Em chẳng ngạc nhiên chút nào nếu quả thực dưới chân anh đi có một chiếc tất khi đến đây".

Tomas định xỏ đại chân không vào giầy. "Ngoài trời lạnh lắm đấy". Sabina nói. "Để em cho anh mượn tất của em".

Nói rồi cô lấy trong tủ ra đưa cho anh một chiếc tất dài mầu trắng, kiểu mắt cáo rất thời trang.

Anh biết Sabina đang trả thù anh về cái tội dám nhìn đồng hồ trong lúc ân ái với cô. Chắc cô giấu chiếc tất của anh vào chỗ nào rồi. Ngoài trời lạnh thực và anh đành phải lấy đi vào chân chiếc tất dài của Sabina. Anh lái xe về nhà một chân đi tất của mình còn chân kia là tất của Sabina, chiếc tất được vê xuống tận mắt cá chân.

Anh bị kềm kẹp giữa hai gọng kềm: dưới mắt những cô tình nhân của anh thì anh mang nặng dấu ấn tình yêu anh dành cho Tereza; và dưới mắt Tereza thì anh lại mang dấu ấn những cuộc phiêu lưu tình ái với những cô tình nhân đó.

2.

Để nỗi đau đớn của Tereza dịu xuống, anh làm đám cưới với cô (cuối cùng căn phòng thuê được trả lại vì lúc sau Tereza cũng chẳng mấy khi về đó nữa). Anh còn tặng cô một con chó con.

Con chó anh xin được từ người bạn đồng nghiệp. Chó mẹ thuộc giống Saint Bernard, còn bố nó là con bẹc giê Đức của nhà hàng xóm. Không ai muốn nuôi chó lai và người bạn anh không nỡ giết bỏ những con chó con mới đẻ đó.

Nhìn bốn con chó con Tomas biết con nào anh nhận đem về nuôi thì sống sót, còn lại tất cả sẽ bị giết chết. Anh có cảm tưởng anh là lãnh tụ một nước cộng hòa đang đứng trước bốn phạm nhân mang án tử hình

và anh đang ban hồng phúc ân xá xuống cho một người trong bọn. Cuối cùng anh chọn con chó cái có thân mình Saint Bernard và cái đầu bẹc giê. Anh đem con chó về nhà cho Tereza. Cô bế nó lên ôm sát vào ngực. Con chó lập tức bậy một bãi làm ướt hết vạt áo trước của cô.

Đến lúc hai người đặt tên cho con chó, Tomas muốn tên nó phải cho thấy nó thuộc về Tereza. Anh nghĩ đến quyển sách Tereza kẹp dưới nách khi cô mới lên Prague. Anh đề nghị đặt tên cho con chó là Tolstoy.

"Không thể là Tolstoy được". Tereza dẫy nẩy lên. "Nó là chó cái mà. Hay là Anna Karenina?"

"Không được đâu". Đến lượt Tomas phản đối. "Không người đàn bà nào lại có khuôn mặt buồn cười đến như thế. Trông nó giống Kerenin hơn. Ừ, phải đấy! Chồng của Anna. Thực là đúng với những gì anh vẫn tưởng tượng về ông ta".

"Nhưng gọi là Kerenin anh không sợ sẽ ảnh hưởng đến giống của nó sao?"

"Rất có thể", Tomas nói, "Một con chó cái được gọi bằng tên giống đực hoài sẽ phát triển khuynh hướng đồng tính luyến ái đấy".

Thực là kỳ lạ, những gì Tomas nói khơi khơi vậy mà có ngày lại biến thành sự thực. Mặc dù chó cái thường trung thành với chủ hơn là với chó đực đồng loại của nó, con Kerenin chứng tỏ nó là một ngoại lệ, lúc nào nó cũng quanh quẩn bên người Tereza. Tomas có vẻ hài lòng lắm. Anh vỗ lên đầu con chó con: "Tốt lắm Kerenin! Mày đúng là cái gì tao đang mong đợi đây. Mình tao không sao kham nổi bả nên mày phải giúp tao một tay".

Nhưng ngay cả với sự giúp đỡ của con chó Kerenin, Tomas vẫn hoàn toàn thất bại trong việc đem hạnh phúc lại cho Tereza. Vài năm sau đó anh mới thực sự biết mình thất bại, đúng hơn là vào ngày thứ mười sau khi quê hương anh bị xe tăng Nga nghiền nát. Lúc đó là tháng 8 năm 1968, Tomas liên tiếp nhận được nhiều cú điện thoại từ một bệnh viện bên Zurich gọi sang. Viên giám đốc bệnh viện bên đó, một y sĩ kết bạn với anh từ khi hai người gặp gỡ trong một hội nghị y học quốc tế, tỏ vẻ lo ngại cho anh và ông ta nài nỉ anh sang Zurich làm việc tại bệnh viện của ông.

3.

Tomas thẳng thắn từ chối sự giúp đỡ của viên bác sĩ người Thụy sĩ vì anh nghĩ đến Tereza. Anh đoán Tereza không muốn sang Thụy sĩ sinh sống. Suốt tuần lễ đầu của cuộc biến loạn, nỗi kích động làm cô như bị hôn mê. Cô chạy đôn đáo cùng khắp đường phố với chiếc máy ảnh trên tay. Chụp được cuộn phim nào cô lại tìm cách trao vào tay các ký giả ngoại quốc. Họ tranh nhau giành giật những cuộn phim trên tay cô. Có lần, đi quá xa, cô chụp thật gần cảnh một viên sĩ quan Nga tay cầm súng chĩa vào đám đông. Cô bị bắt giam tại tổng hành dinh đoàn quân Nga. Ở đó họ dọa đem cô ra hành quyết nhưng khi vừa được thả ra, cô lại chạy ngay ra đường phố, máy ảnh bấm lia lịa trên tay.

Đó là lý do tại sao Tomas ngạc nhiên hết sức khi vào ngày thứ mười của cuộc biến loạn, cô nói với anh: "Tại sao anh không muốn sang Thụy sĩ?"

"Tại sao anh phải đi?"

"Họ có thể làm khó dễ anh ở đây".

"Họ làm khó dễ mọi người không riêng gì anh", Tomas trả lời, tay phác ra một cử chỉ lên xuống. "Còn phần em? Em liệu sinh sống được ở ngoại quốc không?"

"Sao không?"

"Em xông xáo ngoài đường phố không quản nguy hiểm đến tính mệnh vì đất nước. Sao em lại hờ hững về chuyện đi hay ở vậy?"

"Lúc này Dubcek đã trở lại, mọi thứ thay đổi hết". Tereza nói.

Quả đúng vậy: sự kích động ban đầu cháy bùng lên không quá một tuần lễ. Lãnh tụ quốc gia bị lính Nga dẫn đi như các tội phạm. Không ai biết họ bị dẫn đi về đâu. Ai nấy lo lắng cho số phận của họ. Dân chúng thù ghét người Nga. Họ tổ chức hội hè, nhưng là một cuộc hội hè chè chén đầy thù hận. Tại các thị xã, làng mạc, bích chương viết tay được dựng lên nhan nhản. Họ mỉa mai, châm biếm bọn xâm lăng. Những bức biếm họa tràn ngập đường phố vẽ hình Brezhnev và lính Nga trông như một lũ xuẩn ngốc, thất học. Nhưng không cuộc hội hè đình đám nào có thể kéo dài mãi mãi. Trong lúc đó, người Nga áp lực lãnh tụ quốc gia Tiệp phải ký vào bản thỏa hiệp với Mạc tư khoa. Khi Dubcek cùng với các lãnh tụ khác trở về Prague, ông ta đọc một bài diễn từ trên làn sóng

điện. Sau sáu ngày bị giam cầm, sức khỏe ông suy yếu đến độ ông nói không ra hơi. Giọng nói ông lắp bắp, ông thở hổn hển, và trong lúc nói ông cứ phải ngưng lại rất lâu, có khi đến cả ba mươi giây đồng hồ.

Bản thỏa hiệp cứu đất nước Tiệp ra khỏi tình cảnh bi đát nhất mà mọi người e sợ: hành quyết tập thể và lưu đày hàng loạt lên Tây Bá Lợi Á. Nhưng điều vô cùng rõ rệt là quốc gia Tiệp từ nay sẽ phải quỳ mọp xuống trước mặt kẻ chiến thắng. Mãi mãi và mãi mãi, nó sẽ lắp bắp, ấp úng, hổn hển như Alexander Dubcek. Hội hè đã chấm dứt. Mối nhục hằng ngày bắt đầu.

Tereza giải thích điều này cho Tomas nghe và anh biết đó là sự thật. Nhưng anh cũng biết dưới sự thật này còn có một sự thật khác căn bản hơn. Lý do tại sao Tereza muốn đi khỏi Prague: ở đây cô khổ công tìm kiếm mà chưa bao giờ biết được hạnh phúc là gì.

Những ngày cô xông xáo trên đường phố chụp hình lính Nga, nét mặt khẩn trương là những giờ phút đẹp đẽ nhất đời cô. Cô sung sướng được vỏn vẹn vài đêm, những đêm cô không bị chìm đắm trong giấc mộng kinh hoàng tái đi tái lại như một chương trình truyền hình tiếp diễn từ tháng này qua năm nọ. Người Nga với hàng trăm chiếc chiến xa đem đến cho cô sự thăng bằng. Nhưng bây giờ hội hè đã chấm dứt, cô trở lại với nỗi sợ hãi, cô sợ những đêm tối đầy mộng mị kia và cô muốn chạy trốn. Cô còn hiểu ra hoàn cảnh nào sẽ đem lại sức mạnh cho cô. Cô nao nức được đặt chân đến một chân trời khác, một nơi chốn mà cô tin là sẽ tìm thấy những gì cô vẫn hằng mong mỏi.

"Em không thấy khó chịu nếu Sabina cũng di cư sang Thụy sĩ chứ?"

"Geneva không phải là Zurich", Tereza trả lời. "Cô ấy sẽ không còn là một chướng ngại như ở Prague".

Người mong mỏi được thoát ly ra khỏi nơi mình đang sinh sống là người không vui sướng chút nào. Đó là lý do tại sao Tomas chấp nhận lời yêu cầu của Tereza di cư sang Thụy sĩ như một phạm nhân chấp nhận bản tuyên án từ quan tòa đưa xuống. Một hôm, anh, Tereza, và con chó Kerenin thấy mình đang đứng giữa lòng thành phố rộng lớn nhất Thụy sĩ này.

4.

Hai người đủ tiền vừa vặn sắm được cái giường ngủ, Tomas lăn xả vào công việc với tất cả sự hăng say của người đàn ông bốn mươi bắt đầu xây dựng lại cuộc đời mới.

Anh gọi xuống Geneva nói chuyện với Sabina đôi lần. Tình cờ, tuần lễ sau vụ biến loạn ở Tiệp, Sabina có cuộc triển lãm tranh ở Geneva và trong làn sóng cảm thông với cái xứ sở bé nhỏ của cô, giới thường ngoạn hội họa ở Geneva bỏ tiền ra mua sạch những bức tranh cô trưng bày.

"Nhờ bọn Nga, em trở nên giầu có". Cô cười nói với Tomas trong ống điện thoại. Cô rủ Tomas xuống Geneva thăm phòng vẽ mới của cô. Cô bảo đảm với anh là nó không khác căn phòng cũ ở Prague bao nhiêu.

Anh muốn xuống Geneva thăm Sabina lắm chứ, nhưng anh không tìm ra lý do để giải thích với Tereza về sự vắng mặt của mình. Thế là Sabina mò lên Zurich. Cô ở khách sạn và Tomas đến thăm cô sau giờ làm việc. Anh điện thoại cho cô từ quầy tiếp khách của khách sạn rồi bước lên cầu thang. Cửa phòng mở, Sabina đứng đón anh, trên người vỏn vẹn một bộ áo lót mỏng. Và một cái mũ bun mầu đen. Cô đứng giữa cửa nhìn thẳng vào mắt anh, không nói năng gì cả. Tomas cũng vậy. Đột nhiên anh thấy xúc động lạ thường. Anh đưa tay lên gỡ chiếc mũ trên đầu Sabina xuống đặt nó lên mặt chiếc bàn đêm cạnh giường. Sau đó, hai người làm tình trong im lặng.

Trên đường từ khách sạn về nhà (anh đã sắm sửa đầy đủ bàn ghế cho căn phố), Tomas sung sướng với ý nghĩ anh vẫn có thể chuyên chở nếp sống của anh như con ốc sên chuyên chở chiếc vỏ ốc của nó. Tereza và Sabina đại biểu cho hai thái cực đời anh. Hai người hoàn toàn tách biệt, bất khả hòa giải, nhưng cả hai đều có những nét quyến rũ riêng, không ai nhường ai cả.

Nhưng sự việc anh đem theo cái hệ thống trợ sinh này kè kè bên người đến bất cứ nơi nào, như thể nó là một phần của cơ thể anh, có nghĩa là Tereza hằng đêm vẫn tiếp tục mơ những giấc mơ kinh hoàng, quái dị.

Hai người sống ở Zurich được sáu hay bẩy tháng gì đó thì một hôm anh về nhà khá trễ và Tereza đã bỏ đi. Cô để lại trên bàn cho anh một lá thư. Trong thư cô nói cô phải trở về Prague. Cô phải về vì cô không đủ sức mạnh sinh sống tại ngoại quốc. Cô biết cô có bổn phận nâng đỡ anh

lên, nhưng cô quá vụng về, không biết phải làm gì. Cô đã điên rồ cho là khi ra nước ngoài sinh sống, đời sống cô sẽ thay đổi. Cô tưởng sau việc cô làm trong thời gian cuộc biến loạn, cô có lớn khôn ra. Cô tưởng cô tinh khôn hơn, mạnh mẽ hơn. Nhưng cô đã đánh giá cô quá cao. Cô đang níu kéo anh xuống và cô sẽ không tiếp tục làm như vậy nữa. Cô phải đi đến kết luận trước khi mọi việc trở nên quá trễ tràng. Và cô tạ lỗi đã đem Kerenin về theo với cô.

Tomas uống vài viên thuốc ngủ rồi lên giường nằm nhưng anh không sao chợp mắt được cho đến khi trời sáng hẳn. Cũng may hôm đó là ngày thứ bẩy anh không phải đi làm. Một trăm năm mươi lần anh nhẩm lại trong đầu hoàn cảnh anh bây giờ: cánh cửa nối liền quê hương anh và thế giới bên ngoài đã đóng sập xuống. Điện tín, điện thoại cũng không cách nào đem Tereza trở lại được. Bọn cầm quyền không đời nào để cô ra khỏi nước một lần nữa. Cô dứt khoát ra đi một cách thực sững sờ.

5.

Ý tưởng biết mình bất lực đến vô vọng đập lên anh như chiếc búa tạ, nhưng kỳ lạ thay nó đến với anh cũng vô cùng êm ả. Không ai du anh vào tình thế phải quyết định điều gì. Anh thấy không cần phải đứng nhìn vào bức tường căn nhà bên kia khoảng sân rộng, dấn đo suy nghĩ xem có nên sống với cô gái hay không. Tereza đã làm quyết định đó hộ anh.

Anh ra tiệm ăn trưa. Nỗi buồn trong anh thực ghê gớm, nhưng lúc ngồi ăn, nỗi chán chường tuyệt vọng ban đầu bỗng phai nhạt dần đi và chẳng bao lâu còn lại chỉ là nỗi buồn man mác. Nhìn lại những năm tháng chung sống với Tereza, anh thấy câu chuyện hai người không thể nào kết thúc tốt đẹp hơn được. Giả sử có người dựng nên câu chuyện này thì đây là cách ông ta kết thúc câu chuyện.

Một hôm Tereza tự tìm đến anh và hôm khác cô cũng tự ý bỏ anh mà đi. Cô đến với chiếc va li nặng chĩu. Cô ra đi cũng với chiếc va li nặng chĩu.

Anh trả tiền, bước ra khỏi tiệm ăn rồi thả bộ xuống phố. Nỗi buồn càng lúc càng trở nên diễm lệ. Anh sống bẩy năm trời với Tereza, bây giờ nhìn lại anh thấy bẩy năm trời đó đẹp đẽ quá chừng, đẹp hơn quãng đời anh thực sự sinh sống với cô.

Tình yêu anh dành cho Tereza rất đẹp, nhưng anh cũng vô cùng mệt mỏi với nó: lúc nào anh cũng phải giả vờ, giấu giếm, che đậy điều gì. Anh phải nâng cô lên, vuốt ve cho cô dịu xuống, cho cô thấy bằng chứng tình yêu của anh, bào chữa khi cô ghen tuông, đau khổ. Anh phải vỗ về cô sau những giấc mơ quái quỷ. Lúc nào anh cũng thấy tội lỗi. Anh chống chế việc làm của mình rồi lại tạ lỗi. Giờ đây nỗi mệt mỏi chợt tan biến bay vào hư không, còn lại là vẻ diễm lệ nhẹ nhàng, man mác.

Thứ bảy, lần đầu tiên anh dạo phố Zurich vào ngày thứ bảy, anh đang hít thở không khí tự do. Những cuộc phiêu lưu mới đang đón chờ anh ở các góc đường. Một lần nữa tương lai lại là một bí mật. Anh đang trở về đời sống độc thân, đời sống mà có lần anh cảm thấy đó mới chính là định mệnh đời anh, đời sống anh thực sự là anh.

Bảy năm trời anh sống gần gũi bên cạnh Tereza, mỗi bước chân anh đi cô dõi mắt nhìn theo chăm chú. Tốt hơn cô nên xỏ vào chân anh một chiếc cùm. Bước chân anh thốt nhiên nhẹ nhàng hẳn lên. Anh bay lên cao. Anh đi vào thế giới huyền ảo của Parmenidis: anh đang tận hưởng nỗi khinh khoái ngọt ngào của hiện tính.

(Anh có muốn gọi cho Sabina ở Geneva không? Hay liên lạc với một người đàn bà nào đó anh mới làm quen trong thời gian mấy tháng ở Zurich? Không, không hề có chuyện đó. Có lẽ anh cảm thấy được một điều là bất cứ hình ảnh người đàn bà nào khác hiện ra trong lúc này cũng sẽ làm trí nhớ anh về Tereza trở nên đau đớn khôn tả).

6.

Tomas ngây ngất với nỗi buồn kỳ quặc này đến tối chủ nhật thì hết. Sáng thứ hai, mọi thứ hoàn toàn thay đổi. Tereza len lỏi đi vào đầu óc anh: anh tưởng tượng cảnh cô ngồi viết lá thư vĩnh biệt cho anh. Anh hình dung ra bàn tay run rẩy của cô. Anh thấy cô một tay xách chiếc va li nặng chĩu còn tay kia dắt con chó Kerenin. Anh thấy cảnh cô tra thìa khóa mở cửa căn phố của hai người ở Prague và choáng váng với nỗi cô đơn cùng cực thổi phà vào mặt khi cô đẩy tung cánh cửa.

Hai ngày với nỗi buồn man mác tuyệt đẹp, lòng trắc ẩn của anh (lời nguyền rủa của thần giao cách cảm) đi nghỉ mát ở nơi khác. Nó ngủ giấc ngủ ngon lành như người thợ mỏ sau tuần lễ dài làm việc khó nhọc cần nghỉ ngơi để lấy lại sức mạnh cho ngày thứ hai.

Tomas nhìn bệnh nhân nào cũng ra Tereza. Anh cứ phải tự nhủ: "đừng nghĩ đến Tereza nữa! Đừng nghĩ đến cô ấy nữa! Tôi đã chán cái lòng thương hại của tôi lắm rồi. Cô ấy bỏ đi như vậy là điều hay, tôi sẽ không bao giờ thấy mặt cô ấy nữa. Không phải tôi muốn ném bỏ Tereza ra khỏi đời tôi. Tôi chỉ muốn xa lánh cái cơn bệnh, cái lòng thương người mà tôi tưởng tôi đã miễn nhiễm cho đến khi cô ấy gieo vào tôi".

Thứ bảy và chủ nhật, anh bị chế ngự bởi nỗi khoan khoái nhẹ nhàng, ngọt lịm của hiện tính dâng lên trong anh từ khoảng sâu thăm thẳm của tương lai. Thứ hai, anh bị va chạm với cái sức nặng mà anh chưa từng bao giờ va chạm. Hàng tấn thép xe tăng Nga không thấm vào đâu nếu đem so với cái sức nặng đó. Bởi lẽ không thứ gì trên quả đất này lại có thể nặng hơn lòng trắc ẩn. Ngay cả nỗi đau của chính mình cũng không đè bẹp mình xuống như nỗi đau mình gánh vác chịu đựng dùm người khác, vì nỗi đau này bay bổng lên theo thần trí tưởng tượng và kéo dài bởi hàng trăm tiếng dội vọng về.

Anh cứ phải tự nhủ chớ nên chịu thua cái lòng trắc ẩn đó. Lòng trắc ẩn lắng nghe, đầu cúi xuống và lương tâm dường như tội lỗi. Lòng trắc ẩn biết nó đang tự đắc, nhưng nó đứng yên, đầy vẻ vững vàng, chắc chắn và năm ngày sau khi Tereza bỏ về Prague, Tomas báo tin cho viên giám đốc bệnh viện (người gọi giây nói cho anh hằng ngày ở Prague sau khi Nga xua chiến xa sang xâm chiếm đất Tiệp) hay là anh phải quay về Tiệp ngay tức khắc. Anh thấy xấu hổ với ông ta. Anh biết việc anh bỏ ngang nơi đây có vẻ vô trách nhiệm, không thể tha thứ được. Anh định sẽ bộc bạch lòng mình, kể cho ông ta câu chuyện của Tereza và lá thư cô để lại cho anh trên bàn. Nhưng cuối cùng anh không nói được điều gì. Dưới mắt viên bác sĩ giám đốc bệnh viện, việc Tereza bỏ về Tiệp là một hành động điên rồ và đáng trách. Nhưng Tomas đã không để ai có cơ hội nghĩ xấu về cô.

Sự thực, ông ta cảm thấy bị xúc phạm nặng nề.

Tomas nhún vai nói: "Es muss sein. Es muss sein".

Một sự ám chỉ. Hành âm chót trong tứ cầm khúc cuối cùng Beethoven viết trong đời dựa trên hai mô típ sau:

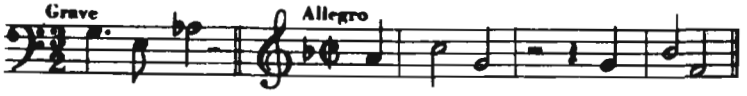

Muss es sein? *Es muss sein!* *Es muss sein!*

Để lời nhạc tuyệt đối sáng tỏ, Beethoven bắt đầu hành âm bằng nhóm chữ "Der schwer gefasste Entschluss" mà thường được dịch là "lòng quyết tâm khó khăn".

Ẩn dụ này của Beethoven thực sự là bước đầu Tomas tìm về với Tereza bởi chính cô là người thuyết phục anh mua những đĩa nhạc tứ cầm khúc và sô na ta của Beethoven.

Ẩn dụ này còn xác đáng hơn điều anh đang nghĩ lung trong đầu nữa vì viên bác sĩ người Thụy sĩ cũng là người thích âm nhạc. Miệng cười lặng lẽ, ông ta hỏi lại, nhái theo giai điệu của mô típ trong khúc nhạc: "Muss es sein?"

"Ja, es muss sein!" Tomas lập lại câu trả lời.

7.

Khác với Parmenides, Beethoven hiển nhiên xem sức nặng thuộc về cực dương. Vì từ ngữ "schwer" trong ngôn ngữ Đức vừa có nghĩa là "khó khăn" vừa có nghĩa là "nặng nề" nên nhóm chữ "lòng quyết tâm khó khăn" còn được hiểu là "lòng quyết tâm nặng nề". Lòng quyết tâm nặng nề đồng điệu với Định mệnh ("Es muss sein!"). Sự cần thiết, sức nặng và giá trị quyện rối vào nhau; chỉ có sự cần thiết mới có sức nặng, và chỉ cái gì nặng nề mới có giá trị.

Niềm tin này xuất phát từ âm nhạc của Beethoven, và mặc dù chúng ta không thể bỏ qua sự kiện là rất có thể (hay ngay cả rất có lẽ) điều này bắt nguồn từ những người lý giải Beethoven chứ chắc gì Beethoven đã tư duy như vậy, nhưng ít nhiều chúng ta đều chia sẻ một quan niệm chung: chúng ta tin tưởng sự vĩ đại của con người thoát ra từ sự việc hắn ta dám gánh vác định mệnh đời mình như thần Atlas gánh vác cả khối vũ trụ khổng lồ trên vai. Và vì thế, người anh hùng của Beethoven là người dám nâng lên cái sức mạnh siêu hình đó.

Tomas tiến gần đến biên giới Tiệp. Tôi tưởng tượng ra một Beethoven ảm đạm, đầu óc khủng hoảng, đứng ra điều khiển ban nhạc lính cứu hỏa địa phương tấu lên bản hành khúc "Es muss sein" trong buổi lễ tiễn đưa người xa xứ.

Khi vào đến địa phận Tiệp khắc, Tomas được một hình đội chiến xa Nga ra tiếp đón. Anh phải dừng xe đợi đến nửa tiếng đồng hồ mới qua được khúc chặn. Một người lính dáng điệu dữ dằn mình mặc quân phục màu đen đứng giữa ngã tư đường điều khiển dòng xe cộ qua lại như thể đường xá ở đây thuộc hết về anh ta và chỉ mình anh ta mà thôi.

"Es muss sein!" Tomas lập đi lập lại câu nói, nhưng anh bắt đầu nghi hoặc nó. Quả thực phải như vậy sao?

Vâng, anh không sao chịu đựng nổi cảnh anh ở lại Zurich mà đầu óc lúc nào cũng tưởng tượng Tereza đang thui thủi sống một mình ở Prague.

Nhưng anh còn bị hành hạ bởi lòng trắc ẩn này trong vòng bao lâu nữa? Suốt cuộc đời anh? Một năm? Hay một tháng? Hay chỉ một tuần?

Làm sao anh biết được? Làm sao anh lượng định được?

Bất cứ cậu học sinh nào cũng có thể làm thí nghiệm vật lý để trắc nghiệm những giả thuyết khoa học. Nhưng con người, sống chỉ có một lần, không thể làm thí nghiệm để biết hắn ta có nên chạy theo tiếng gọi của lòng trắc ẩn hay không.

Với ý nghĩ này trong đầu, Tomas đưa tay mở cánh cửa căn phố của anh ở Prague. Kerenin nhẩy xổ lên thè lưỡi liếm vào mặt anh khiến sự trở về có vẻ dễ dàng lên đôi chút. Ý tưởng muốn ôm choàng lấy Tereza (anh cảm thấy thế lúc chui vào xe ở Zurich) hoàn toàn tan biến. Anh tưởng tượng ra cảnh anh và Tereza đứng đối diện nhìn nhau trên cánh đồng tuyết mờ mờ. Thân hình hai người run rẩy, níu vào nhau trong giá lạnh.

Trích từ "The Unbearable Lightness of Being"

"Bản Việt ngữ của Trịnh Y Thư. Thời Văn sắp xuất bản"

phụ bản NGUYỄN TRỌNG KHÔI

Nguyễn Mạnh Trinh

gió nổi

Thổi đi cõi lòng tôi cháy lửa
Thơ hoang đàng tâm ý bụi tro
Xoãi vó đi gió reo bờm ngựa
Ngã tư đường sao mãi ngẩn ngơ?

Núi ngày xưa trả dài nắng biếc
Mốt mai thôi còn có quê hương
Thơ đã viết từ vòng cổ nguyệt
Thức dậy đi, ngôn ngữ lạ thường

Mưa mưa giọt ẩm con phố lạ
Lá me bay nhớ vẫn ngút trời
Hương ngày qua thoảng mùi cốm mạ
Ngực còn thơm nhịp thở bồi hồi

Thu vàng lá nhuộm phai dĩ vãng
Xênh xang đời con bướm đùa bay
Dòng sông trắng thấp thoáng buổi sáng
Có em sao vời vợi nhiều mây?

Mộng ban sơ nên trời vòi vọi
Núi muôn năm nên núi một mình
Nụ hoa vàng môi ai gió thổi
Gọi tôi ơi giấc ngủ mười xanh

Con chuồn chuồn rủ rê nỗi nhớ
Núp trốn đi trang sách mù không
Tấc cát đá băng băng cuồng nộ
Dấu chân ai thiên địa xoay vòng

Ôm bất hạnh đốm than hồng cháy
Ngọn cây khô dòng nhựa chưa nguội
Thơ có phải từ cơn lửa dậy
Hay rã rời sương giọt rụng rơi?

Thổi thổi đi gió reo mùa hạ
Ngôn ngữ động dưới đáy tận cùng
Cơn địa chấn của ngày vội vã
Rung từng cơn tìm nhịp rưng rưng...

có nàng như quá vãng

1
Vỗ tay vỗ tay thầm
Ngân rất dài trí nhớ
Đôi mắt mầu hạt dẻ
Thấp thoáng bềnh bồng
Thở ta ơi nhịp thở

Đo tay đếm thời gian
Chân in bờ cỏ ướt
Bèo trôi giữa muôn năm
Cuộn chảy dòng sông
Vết thương sao bất chợt

2
Đời soi những phiến gương
Râu mọc tên quái lạ
Đôi mắt con cá vàng
Năm tháng mù không
Ôi thiên thu cánh quạ

Ngón tay cũng ngậm ngùi
Vắng sân ga đành vẫy
Chào tiễm thức mù khơi
Phố hẹp ngói rêu
Cơn bụi lầm gió chạy

3
Lả một sợi tóc mềm
Có nàng như quá vãng
Đu giây đến ngày mai
Nắng đỏ quận đau
Nến rọi buồn quên lãng

Tiếng hát một người điên
Thức giấc trời âm vọng
Phiến đá núi mơ hồ
Mù lau tiền kiếp
Hoang sơ đành cơn mộng

Đánh vần những nguyên âm
Dấu sắc huyền nhói buốt
Ở đâu những con đường
Ngủ thiếp trái tim
Tóc lạ cùng gương lược

Khi nhìn quanh bầu trời
Chiếc lá rớt lặng lẽ
Lời ru vào làn môi
Ngậm răng tiếng hát
Nên lóng lánh là giọt lệ đành thôi...

Nguyễn Mạnh Trinh

Đỗ Kh.

trên tàu bay, như trong truyện phim

●

Đến lúc hắn gọi xong hai cú điện thoại, người con gái vẫn còn đứng ở lối "Hành Khách Đến". Từng dưới của trạm tàu bay ở phi trường giờ đã vắng hẳn, lối đón người vừa đến chỉ còn vẩn vơ vài mạng taxi tìm mối. Hắn tựa người vào máy, canh chừng hàng bằng góc mắt. Người con gái đè hai tay lên cái thành sắt ngăn ở cổng, mấy cái va ly lăn lóc ở dưới chân. Nàng nhìn thẳng về trước mặt, có lẽ đã qua rồi cái giai đoạn dáo dác nhìn quanh. "Giờ thì bắt đầu lo", hắn nghĩ. Lâm lật cuốn sổ điện thoại, tìm số của người bạn gái ở Bronx. Hai giờ trưa thứ bảy, chuông reo không ai nhấc, chắc xuống phố Tàu với chồng, vừa đi chợ vừa ăn hủ tiếu.

– Chị vẫn còn đợi hả?

Lâm hỏi một cách thận trọng và thừa thãi. Gần cả tiếng sau khi chuyến bay đến, khúc này của trạm vắng tanh. Làm thủ tục nhập cảnh, lấy hành lý đẩy qua quan thuế mất có dưới ba mươi phút, giờ thì hành khách của chuyến bay đã tản khắp nơi.

– Chắc là kẹt xe, Lâm nói. Bữa nay cuối tuần, New York kẹt kinh khủng. Chị về đâu?

– New Jersey. Người con gái nhìn hắn ngài ngại.

Lâm gật đầu chắc chắn.

– Vậy là kẹt xe.

Có một sáng, hắn từ Newark về đến Brooklyn mất hơn ba tiếng, một giờ ngồi trên xe ngấm lối vào của đường hầm Holland. Hắn kể lại cho người con gái: "Có một sáng, tôi từ Newark...". Nàng gật đầu, vẫn nhìn thẳng đằng trước mặt. Người con gái không biết đâu là Newark, đâu là Holland Tunnel, đâu là Brooklyn. Nàng ở từng dưới của trạm Pan Am trong phi trường John F. Kenedy đợi một người chưa thấy đến đón nàng trong chuyến đi lần đầu sang đất Mỹ. Hồi nãy, lúc ở trên tàu, hắn nghe lỏm biết Anh ngữ của nàng ở trình độ gọi nước với tiếp viên hàng không vẫn còn lúng túng. Ở cái thành phố này, không có người đến đón, cũng đáng lo.

Lâm đứng cạnh nàng, tựa tay vào thành sắt, lấy cái giọng thành thật nhất (hắn cũng lấy làm rất ngại):

– Tôi chuyển tàu trong hai tiếng nữa. Giờ tôi cũng phải đợi. Nếu chị muốn, tôi ở đây đợi với chị cho đến khi có người đến đón.

Người con gái quay sang hắn. Nàng ngập ngừng như đo cái thẳng thắn. Nàng vuốt lại một vạt váy. Hình như nàng đang lo thật và đề nghị của hắn đằng nào cũng đáng mừng. Cái ngại và cái mừng đu đưa lát thời gian bàn tay nàng chạy qua trên đùi rồi nghiêng hẳn về một bên, đổ xuống nhưng vẫn còn gượng gạo. Người con gái cười một nửa, hai phần ba rồi ba phần tư cái cười chấp thuận. Nàng nói:

– Cám ơn anh.

Hồi nãy, lúc ở trên tàu, hắn ngồi cách nàng một hành lang. Số 57, cùng một hàng ghế, dành riêng cho người hút thuốc (trừ dọc tẩu và xì gà, trừ những lúc bảng cấm bật). Lâm lên tàu trễ, len vào đến nơi, người con gái đã ngồi sẵn phía cửa sổ nhìn ra ngoài. Người con gái đầy đặn, da ăn nắng, tóc rối như vừa mới tắm. "Xin lỗi, chị ngồi lộn chỗ tôi" Lâm định nói. Hắn nhìn xuống, nàng mặc áo thung rộng, bộ ngực màu đồng lốm đốm tàn nhang lớt phớt những sợi lông măng vàng. "Ê, mới nghỉ hè về", Hắn quay mặt sang bên kia gian trá. Tàu khá vắng, bốn cái ghế giữa không ai chiếm, "càng tốt" Lâm nghĩ thầm, lát nữa tha hồ mà duỗi người để ngủ.

Lâm loay hoay xếp hành lý vào hộc ở trên đầu, kéo dài vị thế đứng

để tiếp tục quan sát. Mắt hắn chạy theo cái khe giữa ngực, ôm hai đường cong hai bên để tìm đầu vú nhưng không bắt gặp. Nàng không có vết áo tắm ở phần trên người, cô này phơi nắng cởi trần, người con gái cử động, Lâm ngồi xuống ghế cột giây an toàn lại, cô này có cạo lông nách. Khuôn mặt bầu, đầu những sợi tóc vàng phơi nắng, người con gái coi xinh cái đẹp của tầm thường. Chiều cao trung bình tây phương, khổ người trung bình tây phương, tóc vàng mất nhạt trung bình, sắc đẹp tầm thường của trung bình tây phương. Tây phương trung bình mùa nghỉ mát, người rám nắng, cánh tay lẳng và bộ ngực đồng chắc nịch. Nhất định là người Pháp, không phải Mỹ. Người con gái chân trần trong dép có gót, cái váy hai tà thuộc loại voan đen nhìn qua thấu của thời trang năm nay. Lâm xem xét nàng với vẻ ngoài thờ ơ, không có đến nửa nụ cười giao tế, hắn nhìn nàng như nhìn qua người nàng, nhìn ra ngoài máy bay. Ư váy trong, hắn liếc theo cặp đùi tròn ngồi vắt chéo, len lỏi theo tà tìm cái dấu hiệu mù mờ của quần lót. Một vùng tối, váy trong đen ai mặc quần lót trắng, phần ngang bụng vải may hai ba lượt đã bắt đầu đục lại, chẳng thấy được rõ ràng. Lâm chẳng vội, còn tám tiếng, hắn ngồi đọc sách cầm chừng.

– Chị có số điện thoại không, để gọi thử xem sao.

Hắn bồn chồn đề nghị sau ba phút thử người bên cạnh nàng dựa tay vào thành sắt cản.

– Phải đi đón tôi thì giờ đâu có ai ở nhà giờ này...

Người con gái nhẫn nại.

Đến lúc này Lâm mới bắt đầu cái câu chuyện xã giao của hành khách cùng đi một đoạn đường, thứ lịch sự tối thiểu giết thì giờ. Hắn còn hai tiếng để đáp chuyến bay tiếp đi Los Angeles, nàng có thể bất cứ lúc nào người đến đón xuất hiện.

– Chị ở Paris?

– Vâng.

Người con gái trả lời nhát gừng.

– Ở ngay trong Paris?

– Không, ngoại ô thành phố.

– Ngoại ô nào?

– Seine et Marne.

Nàng nhìn hắn như là những chú thích ngọn ngành này thừa thãi. Nhưng Seine et Marne thì hắn cũng biết. Hắn hỏi gạn.

– Seine et Marne ở chỗ nào?

– Chelles.

Thấy chưa. Hắn nhìn ra ngay cái trung tâm lèo tèo trước cửa nhà ga, đại siêu thị buồn hiu Auchan ở lối vào thành phố, những chung cư loang lổ mang tên loài hoa hay là mang tên danh họa, những căn nhà nhỏ biệt lập cạnh đường rầy bầy ngoài vườn cái quạt gió xay lúa, tượng con chó đứng, Vénus de Milo cụt tay bằng thạch cao, Bạch Tuyết và bảy chú lùn. Chelles, hắn biết. Lâm trả bài:

– Gare de l'Est, Quốc lộ 34, RER Neuilly sur Marne, la Maltournée Maison Blanche, còn đường xe buýt số bao nhiêu tôi quên mất.

Người con gái bật cười.

– Anh biết Chelles?

– Tôi biết. Có cái lâu rồi tôi không đến. Bảy, tám năm gì đó.

Lâm trả lời với cái giọng đắc thắng của người cái gì tôi cũng biết. Chelles, gần nhà thương điên, hay là mười năm rồi cũng chẳng biết chừng. New Jersey hắn cũng biết nốt, mùa thu ở đó rất đẹp, có ngọn hải đăng ngoài bờ biển, có hãng làm kẹo Life Savers. Người con gái không biết kẹo Life Savers.

– Nó giống như là kẹo Tic Tac vậy, hay là kẹo Certs.

Người con gái biết kẹo Tic Tac. Nàng định sẽ ở lại đây khoảng sáu tháng, để học thêm Anh văn. Anh văn của nàng hắn cũng biết nữa, lúc ở trên tàu mấy lần nàng ngơ ngẩn hắn đã định thông dịch hộ.

– Rất là có lý. Sáu tháng, để coi, đến mùa xuân sang năm. Bộ chị còn đi học hả?

– Không, tôi đi làm...

Lần này hắn khỏi cần phải tra, người con gái tự động:

– Tôi làm tiếp viên chiêu đãi. Hội chợ, Triển lãm, Khai trương...

– La Défense, Porte de Versaille... Lâm tiếp.

– Villepinte, người con gái gật đầu.

Lâm cười thầm, có vậy mà giờ hắn mới vỡ lẽ. Người con gái mang cái dáng dấp của những cô tiếp viên hội chợ. Ngồi dũa móng tay ở lối

vào ngày Kỹ nghệ Điện Toán, phát quảng cáo màu của kiểu Renault 25 vừa mới ra ở Salon de l'Auto hàng năm. Thảo nào, cái cách gác chân lên chân xuống hồi nãy trên máy bay, cái gọn ghẽ trong phục sức, làm dáng kỹ càng và tầm thường. Cái xinh xinh gợi dục và tầm thường của những ngày triển lãm. Nàng mới nghỉ hè về, nàng không trang điểm kỹ và không mặc quần áo để đi làm, nàng cũng không có mang theo nụ cười chuyên nghiệp thành thử hắn không nhận ra. Nhưng đây là người con gái ở Chelles và hành nghề tiếp viên khánh thành cơ sở, cầm kéo đưa cho các chủ tịch công ty cắt băng khai mạc bàn giấy mới. Lâm cười thầm, hắn hơi thất vọng.

Lâm hơi tiếc. Đáng lẽ ra thì hắn không nên nấn ná lại gần bắt chuyện. Cái dấn thân của hắn dù giới hạn cũng có cái gì làm mất đẹp câu chuyện. Nhưng người con gái có bơ vơ thật sự trong lúc này, người con gái có lạc lõng và đang cần một sự trợ giúp tinh thần trong giây lát. Thì đây thực sự là một nghĩa cử cần thiết hơn là một thử tình cảm dây dưa thêm. Nghĩa cử nào mà chẳng cần mất mát đôi chút, Lâm bàn ra tán vào về thời tiết vừa qua ở Paris và sắp đến ở New Jersey, những lặt vặt thích dụng thường ngày trong đời sống Mỹ, cách gọi điện thoại viễn liên vào những giờ ít tốn tiền. Người con gái đã bớt vẻ bồn chồn và đến lượt Lâm bắt đầu lo.

Nếu đến giờ hắn phải đi mà nàng vẫn chưa có ai đến đón thì hắn phải tính sao. Lâm rút danh thiếp ra đưa cho người con gái và mong thầm rằng nàng sẽ vất đâu mất:

– À tôi quên, nếu chị có dịp ghé Cali, gọi tôi một tiếng...

Người con gái đưa lên nhìn, nàng mở ví ra cất vào cẩn thận, coi bộ khó mà lạc được, hắn cho nàng địa chỉ, cũng chỉ là một cách tháo lui. Hắn cố tình không hỏi địa chỉ nàng, hắn cố tình không hỏi cả tên, nàng quên không tự giới thiệu hay là dấu hiệu khả quan nàng chẳng buồn nghĩ đến. Hắn thân thiện nói cười và người con gái vui vẻ. Tất cả đều tùy thuộc ở môi trường, giờ thì cặp vú đồng lốm đốm tàn nhang, cái đùi tròn ẩn hiện sau lớp váy trong Lâm chẳng thấy còn có gì hấp dẫn. Có những cái duyên chỉ chốc lát, một chuyến đi cùng tàu, ở một không gian nào nhất định. Dưới đèn néon lối hành khách đến của trạm, sau nửa tiếng đồng hồ trò chuyện, cái đẹp tầm thường đã bắt đầu mất sắc, nhợt nhạt dần phần đẹp, để lại phần tầm thường lúc càng rõ nét. Như sợi dây

chuyền vàng đeo trên cổ chân, như cái ví đầm cầm tay, như đầu những sợi tóc hoe vì nắng, như những vết nhăn dưới nách tủn mủn lỗ chân lông nhổ sạch. Ngay cả cái mảng dầy cuống quít hồi nãy ở trên bụng mà hắn chưa kịp nhìn kỹ Lâm cũng đã hết thấy còn quyến rũ. Hắn tiếp tục ậm ừ lịch thiệp mãi đến lúc có tiếng đằng sau lưng một giọng Mỹ phát âm bằng tiếng Pháp nặng nhọc:

– Ồ Laurence, tôi xin lỗi nhe, đợi lâu quá phải không?

Lâm lủi nhanh ra cầu thang máy đưa lên từng "khởi hành" của trạm bay. Vậy là hắn tròn bổn phận, giờ dư thì giờ hắn có quyền đi nhìn gái. Câu chuyện đúng ra phải chấm dứt từ lúc còn trên tàu, từ lúc hai người trở về chỗ ngồi cách nhau một hành lang mà không nói năng. Phi cơ đến nơi, nàng đã cẩn thận đợi hắn đứng dậy và ra trước, để giữa họ một khoảng cách một vài người. Xuống tàu hắn đã cẩn thận không quay người lại, cẩn thận không nhìn ngang nhìn dọc lúc lấy hành lý và qua quan thuế. Vậy mà, giờ hắn cũng biết được tên nàng, dù là nghe lỏm. Vậy mà, giờ nàng cũng có địa chỉ hắn, dù là hắn chỉ mong nàng vất đi và đừng bao giờ sang Cali. Chỉ tại một người đến đón trễ. Ở đời, chẳng có gì giản dị.

Hồi nãy, lúc ở trên tàu, sau bốn tiếng đồng hồ bay, sau ăn trưa ăn tối gì đó, sau linh tinh uống nước và coi phim videó, đọc sách không xong và ngủ cũng không nổi, sau bốn tiếng đồng hồ dò xét nhau chán bằng đuôi mắt, Laurence là người lên tiếng đầu tiên.

Đôi môi nàng mấp máy. Hắn ù tai không nghe thấy, hắn nghiêng người ra hành lang ngăn chia đôi bên.

– Chị nói gì, tôi xin lỗi...

Ở hàng ghế bên kia người con gái đã lật hết các cánh tay tựa lên để thoải mái một mình ba chỗ. Nàng ngồi trên ghế giữa, hai chân co lên trên ghế ở dưới đùi. Một tay nàng chống người, tay kia nàng ôm gối. Đôi chân nàng động đậy, vạt váy xô đẩy, trong tàu không được sáng, hắn thấy quần lót nàng đậm nhạt.

Hắn nghiêng đầu xuống, hắn nghiêng mắt nhìn. Đôi môi nàng mấp máy, hắn thấy cái tam giác tối từ mông chạy xuống bụng dưới nằm khép giữa hai đùi. Nàng cử động, cái tam giác nhấp nhô sau làn vải thưa váy. Lâm đoán ra được câu hỏi hơn là hắn nghe thấy: "Còn bao lâu nữa tàu mới đến?"

Lâm nhìn đồng hồ. Hắn chìa bốn ngón tay ra hiệu. Người con gái ngồi nguyên, Lâm xoay người thẳng lại. Nhìn vào lưng cái ghế trước mặt, hắn thấy lại, hắn vẫn *thấy* cái lằn đen cựa quậy. Giữa cặp mông rồi nở ra nằm khít khao ở chỗ hai đùi bắt đầu. Hắn lục túi ra cuốn sổ tay, người con gái vẫn nhìn hắn thì phải, hắn thử người, tìm bút, xé một tờ giấy.

Lâm viết:

"Còn bốn tiếng nữa mình mới đến".

Hắn giơ bút lên rồi viết tiếp:

"Tôi với chị có thể làm tình trong nửa giờ đồng hồ".

Hắn quay sang để đưa. Người con gái vẫn nhìn hắn. Hắn nhìn nàng thẳng, lần này hắn nhìn vào mắt nàng. Nàng đưa lên để đọc mà vẫn nhìn hắn. Nàng nghĩ gì hắn không biết, hắn nhìn nàng thẳng, tập trung vào ý tưởng tôi không đùa, tôi không giỡn, không tôi không có nghĩ gì hết, tôi không tưởng gì hết, tôi không hòng. Người con gái cầm nghiêng tờ giấy. Lâm rút ra từ trong sổ cái bao cao su ngừa bịnh phong tình bọc trong giấy bạc. Hắn đưa nàng vẫy vẫy. Lần này hắn cười nhẹ nhưng tự nhiên. Trong lời hắn thoáng trở lại lời cảnh cáo Bộ Y Tế Pháp trên truyền hình "Mùa Hè, đừng quên bao phòng bịnh". Hắn cười nhẹ, nàng cầm lấy.

Lâm đứng dậy rời ghế. Giờ thì hắn cử động một cách ý thực và ngượng ngập như người bị quay phim. Hắn từ tốn đi về phía sau tàu. Khu phòng vệ sinh không có ai đứng đợi, hai căn bận và căn chót trống. Lâm vụng về đẩy cửa vào, lịch kịch tấm ván mỏng. Hắn khép lại hờ đằng sau lưng, không cài lại và nhìn quanh, trong căn phòng mù mờ hắn đóng cái nắp bồn vệ sinh lại. "Cấm hút thuốc", "Trở lại ghế ngồi ngay lập tức", "Để lịch sự với bạn đồng hành, xin lau bồn rửa tay sau khi khi dùng". Lâm tính nhẩm, nhìn tới nhìn lui, hắn xoay người tưởng tượng. Thiếu gì chỗ, căn phòng rộng hơn là hắn nghĩ. Hắn cười một mình. Một mình, chẳng sao, có gì đâu, đứng đây một lúc rồi ra lại. Chân hắn chỉ đi vớ dẫm vào nước vãi ở trên sàn ươn ướt. Cánh cửa có người đẩy.

Lâm nhìn xuống. Bàn chân trần trong dép móng có mang sơn nứt nẻ một vài vệt. Người con gái. Hắn lách người sang để nàng vào, bàn tay hắn cài khóa lại. Đèn bật chói. Lâm không ngửng đầu, những đốm tàn nhang nắng trên vai nâu. Bàn tay nàng dúi vào tay hắn cái bao phòng bịnh trở lại. Hắn nắm chặt vào, quàng cánh tay vào người nàng đằng sau

eo. Những đốt ngón tay nắm lại của hắn kề cạ cái dốc mềm ở cuối lưng. Đèn sáng quá.

Hắn bắt đầu hôn nàng từng cái nhẹ ở khúc cổ đằng sau tai.

Người con gái nhỏ người, tóc nâu cột lại đằng sau cổ. Nàng mặc váy – quần đùi dài rộng, mang vớ đùi sẫm. Nàng ăn nắng, cổ áo tròn hở vai màu ngà, ngoài khoác áo bằng sợi, hai túi ngắn. Mấy cái nút áo nổi hình mỏ neo. Nàng ngồi ở chỗ dành cho hắn, cạnh cửa sổ tàu, ở khúc cuối, khu vực dành cho người hút thuốc (ngoại trừ dọc tẩu và cì gà, không được hút trong khi di chuyển trong hành lang, không được hút khi bảng cấm bật, không được hút trong phòng vệ sinh). Và, chuyến bay này nội địa Hoa kỳ, luật liên bang cấm không được làm vô dụng hay phá phách (nói nôm na là gỡ pin ra cho khỏi kêu) máy báo động khói.

Lâm nhìn quanh, tàu này khá chật. Hắn ngồi xuống cạnh, để chừa một chỗ giữa hai người. Cô này chắc chắn là người Pháp, mang cái thờ ơ mệt mỏi, cái bất cần của những người quý phái. Miền Tây Paris, học xong Quản trị Kinh doanh ở Dauphine, đang MBA Hoa kỳ, Lâm nghĩ. Nàng nhìn hắn chán chường, hắn cười thông cảm:

– Chị khởi hành từ đâu?

– Cannes.

Thấy chưa, hắn đoán đúng.

– Nếu đến đúng giờ, cũng còn hơn sáu tiếng nữa, Lâm than phiền hộ.

Người con gái nhếch mắt để trả lời.

– Chị đến LA thôi?

Người con gái gật đầu. Biết đâu, bọn này quái quỷ lắm, nhiều khi đi nghỉ ở San Diego cơ, Los Angeles tờ Figaro Madame khuyên nhiều smog không nên. Còn sáu tiếng nữa mới đến, ba giờ nữa là nửa đoạn của hành trình nhưng vừa phải thôi, Lâm cười thầm. Lâm cười mình, hắn đã hết cái bao phòng bịnh "khẩn cấp" để dành với lại làm tình trên máy bay như trong "Emmanuelle" là chuyện xưa rồi, chuyện cách đây mười lăm năm và ngay cả vào thời đó, cũng chỉ hay ho với những người ở ngoại ô Paris miền Đông đìu hiu, chỉ hay ho với những người nhà quê. Seine và Marne linh tinh phải không.

Đỗ Kh.

chim hôm

Vết thương sâu rất lạ
Cứ tưởng giả mà không
Cánh chim hôm tàn tật
Dưới đường tên vô cùng
Ta ở ẩn
Bao lâu không nhớ
Nên bàng hoàng
Nghe tin cánh chim kia
Đêm có gió
Đêm chan mưa núi
Chim hôm vừa ngã xuống vực sâu
Ta ở ẩn
Tựa hồ tránh nắng
Nghe bước chân người bước hụt hơi
Cơn mê lộ cũng rơi vào đáy lệ
Cánh chim đau
Suốt một đêm dài
Ta đã biết
Đường cung người lầm lỡ
Mũi tên đầu trật một góc bay
Như ác mộng dập vùi biển dữ
Cho chim hôm, mang dấu đọa đày
Ta ở ẩn
Người ngỡ ta mất tích
Nên người bầy rõ một đường thương
Trên đôi cánh chim hôm kỳ diệu
Giọt mưa mau vang dội điệu buồn
Ta ở ẩn
Nhớ người chi lạ
Trong tim ta bóng dáng chập chùng
Như đôi cánh chim gầy tơi tả
Và thân người chỉ dấu mù sương
Đêm vẫn gió
Đêm dầm mưa biền biệt
Cánh chim vừa thoát khỏi cơn đau
Chim hôm thoi thóp về rừng *

Hàn Song Tường

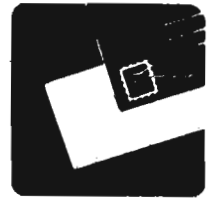

Ý KIẾN ĐỘC GIẢ

đôi điều dông dài về những buổi ra mắt tác phẩm ở orange county

●

Kính gởi quý vị chủ nhiệm tạp chí Văn – Văn Học – Thế kỷ 21.

Kính gởi ông chủ tịch văn bút VN.

Trước tiên tôi không phải là một nhà văn, tôi là một độc giả rất tầm thường của các quyển sách Việt ngữ, bởi vì Việt ngữ chính là ngôn ngữ mẹ đẻ của tôi, khác với các nhà văn có thể phô diễn tư tưởng dầy hàng trăm đôi khi hàng ngàn trang, tôi phải cố gắng lắm mới có thể viết được vài trang trong lá thư này gởi đến quý vị những thắc mắc của tôi về một sinh hoạt của giới cầm bút tại hải ngoại: Đó là vấn đề ra mắt sách.

Không biết ở hải ngoại này ai là người phát minh ra cái sinh hoạt "ra mắt tác phẩm", nhưng trên cương vị một độc giả đã từng theo dõi sinh hoạt văn chương từ khi còn là một học sinh trung học hồi thập niên 60, tôi thấy trước kia ở quê nhà chưa từng bao giờ có một buổi ra mắt sách của bất kỳ một nhà văn, nhà thơ nào.

Tại ngày xưa chưa ai có được cái sáng kiến đó chăng?

Hay tại ngày xưa, người ta quan niệm ra mắt tác phẩm là điều không cần thiết?

Có thể lý do thứ nhì vừa kể có những lý do để biện minh. Trước hết, nếu quan niệm ra mắt sách như một hình thức để quảng cáo và bán sách thì ngày xưa, điều này không cần thiết. Sách in ra không phải để bán

chụp giựt trong một buổi ra mắt hầu mong gỡ ngay được về cái vốn in. Ngày xưa, không mấy ai có thể nghĩ được rằng sách vừa ra lò xong là đã có thể bán huề vốn dù là sách hay, sách bán chạy. Nhà xuất bản do đó phải trường vốn, hoặc tác giả nếu có tự bỏ tiền túi ra in sách thì cũng phải chạy vay đầu này đầu kia, hoặc hốt cái hụi để in tác phẩm và số tiền bỏ ra một cách phiêu lưu như thế, nhà văn nhà thơ cũng không hề nghĩ đến cái chuyện có thể thu lại vốn trong vỏn vẹn có một vài ngày. Đó cũng là bởi vì ngày xưa, người ta coi sách là sách, sách không phải một món hàng bán rao của cơ quan từ thiện, và sách lại càng không thể là một thứ gì có thể được đem ra bán với giá đặc biệt cao gấp năm, gấp mười giá để dù là chỉ bán trong một buổi tổ chức đặc biệt. Sách chỉ là sách theo thuần túy cái ý nghĩa đơn giản, thông thường của nó mà thôi. Ai dám nói rằng ngày xưa, độc giả không quí trọng sách bằng ngày nay, ở hải ngoại.

Mặt khác, ngày xưa các nhà xuất bản không cần ồn ào quảng cáo cho một cuốn sách mới ra lò. Có một cái gì gọi là "trật tự thầm lặng" được mặc nhiên thỏa thuận giữa nhà xuất bản với tác giả và giữa tác phẩm đối với độc giả quần chúng.

Ngày xưa, người viết cứ lẳng lặng sáng tác rồi giao dịch với nhà xuất bản. Nhà xuất bản in tác phẩm thành sách rồi giao cho nhà phát hành. Sách được bầy đồng loạt ở các tiệm sách. Và độc giả thường có một cái thói quen rất đáng yêu là mỗi tuần la cà ở các tiệm sách để thăm dò xem cuốn nào mới ra, tác giả nào mới có sách. Cho nên, nếu có đặt vấn đề quảng cáo cho sách, thì đó cũng chỉ là một nhu cầu thứ yếu. Trong tình hình sinh hoạt sách vở như vậy, giữa tác giả và độc giả, tuy có khi hết sức gần gũi, quen thuộc qua nội dung của từng tác phẩm, từng nhân vật, nhưng lại hết sức cách biệt về phương diện thực tế. Người đọc có thể rất hâm mộ, thông thạo những cuốn sách của Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, Mai Thảo, nhưng chẳng bao giờ có cơ hội được biết mặt mũi tròn méo của các vị này ra làm sao. Và trí tưởng tượng của họ tha hồ được thêu dệt nếu họ muốn. Điều này phải chăng tốt đẹp hơn là chính độc giả được nhìn thấy thần tượng văn chương của mình xuất hiện bằng xương bằng thịt, những người có khi mình tưởng là hào hoa lắm, phong nhã lắm, mà lúc gặp mặt, thì có thể eo ôi, sao ông ấy gầy còm thế, nhăn nhúm thế, lấc cấc thế, cụt nhụt thế v.v... cũng có thể có trường hợp ngược lại, nghĩa là

hình ảnh thực của nhà văn, nhà thơ lại còn "xuất sắc" hơn là trong trí tưởng tượng của người đọc.

Ở hải ngoại, tình thế có vẻ khác hơn, không thể đem chuyện cũ mà đo lường chuyện mới được.

Tại quê người, đất rộng người (Việt) thưa, người ta hay tạo ra những cơ hội tổ chức để sinh hoạt cộng đồng được thêm phong phú và để người đồng hương có nhiều cơ hội gặp gỡ nhau hơn. Đó là một ý hướng tốt chứ sao không? Và đó cũng có thể là một lý do để cho cái sáng kiến tổ chức "ra mắt sách" trở thành một mỹ tục.

Rồi trong buổi ra mắt sách, nếu tổ chức theo đúng mục đích ban đầu của nó thì độc giả cũng có nhiều cơ hội gần gũi, tìm hiểu thêm được về tác giả, về những điều tác giả muốn nói thêm về chung quanh tác phẩm của mình và về cả những nhận xét, những phát giác quanh tác phẩm do những vị có thẩm quyền hoặc trong lãnh vực viết sách, hoặc do kinh nghiệm đã từng quen biết tác giả phát biểu ra. Tất cả những cái đó đều có ích cho người đọc và không bao giờ làm uổng thì giờ của những người tới tham dự.

Nhưng hình như mấy năm gần đây, việc tổ chức ra mắt sách đã bị méo mó đi nhiều, lắm khi đến cười ra nước mắt.

Hãy tưởng tượng ra một căn nhà chật hẹp thường là một quán ăn, một quán cà phê hay là một phòng trà ca nhạc. Bàn ghế kê sít sao đến độ phải khó khăn lắm mới lách được một lối đi. Người ngồi chen chúc. Ánh sáng mờ mờ, ảo ảo càng trở nên mờ ảo hơn vì khói thuốc mù mịt. Rồi tiếng cười nói ồn ào, tiếng thìa muỗng khua lách cách, và dĩ nhiên phải có là tiếng nhạc từ một cái băng để sẵn được phát ra từ một vài cái loa để ở mọi góc phòng. Đúng là không khí của một quán cà phê vào buổi tối cuối tuần chứ không phải là một buổi ra mắt sách. Rồi khi đến giờ khai mạc, thì ở trên cái bục gỗ nhỏ được gọi là sân khấu, ban nhạc sống bắt đầu khua trống, khua đàn ầm ĩ hỗ trợ cho người điều khiển chương trình trong nhiệm vụ giới thiệu tác giả, tác phẩm. Rồi tới màn tác giả xuất hiện. Chẳng có thể nói năng gì nhiều trong cái bầu không khí ồn ào náo nhiệt đó. Cũng chỉ là những lời cám ơn, đôi ba điều nhã nhặn, phải quấy, cho đủ lệ. Rồi sau đó là những màn trình diễn tạp nhạp đủ loại. Có ông lên ngâm thơ của chính mình (chả ăn nhập gì đến tác giả, tác phẩm), có ông lên tâng bốc tác giả đến tận trời xanh (không quên gài

cái tôi của mình vô) bất chấp trình độ hiểu biết của người ngồi ở dưới. Về những diện nào đó, khi phải nghe những lời như vậy quả là khổ cho cái lỗ nhĩ. Nhưng trong những buổi như vậy, lỗ nhĩ khổ nhất là phải kể đến sự chống chọi với những loại âm thanh chát chúa nổ ra vang dội phòng họp xuất phát từ dàn trống, dàn kèn sống động, y như thể khán giả đã ồn rồi thì nhạc phải dữ dội hơn, âm thanh phải mở lớn hơn để trấn áp.

Một vài buổi ra mắt sách mới đây, còn có thêm những màn kinh khủng hơn. Đó là màn kêu nài ông này, bà kia lên mua sách với giá ủng hộ. Khởi đi phải là một vị lên ca bài con cá về sự thiếu thốn của tác giả núp dưới những sáo ngữ "hoàn cảnh sáng tác của nhà văn ở hải ngoại rất khó khăn. Phải vô cùng hy sinh, phải vô cùng can đảm nhà văn mới có thể tiếp tục cầm bút, để gìn giữ văn hóa dân tộc...", rồi đến lời kêu gọi bà con cô bác tiếp tay trong nhiệm vụ trọng đại giữ gìn văn hóa dân tộc ấy bằng cách mua sách mới ra lò với giá ủng hộ. Trong khi đó, tác giả đứng khép nép ở một bên lề của sân khấu, chẳng hiểu ông ấy, bà ấy nghĩ gì, nhưng quả thực người ngồi ở dưới cảm thấy tội nghiệp cho cái thân phận cầm bút và thầm hỏi "ôi chao, cái ngang tàng, cái khí khái, cái kiêu mạn đối với vật chất của nhà văn, nhà thơ từ ngày xưa nay đâu mất rồi". Tất nhiên sau màn ca bài con cá, sẽ phải có đôi ba ông cò mồi hay là những nạn nhân được chỉ định trước sẽ hăng hái lên xung phong mở màn mua với giá đắt gấp mười, gấp hai mươi lần cái giá in trên bìa sách. Tuy của đau con xót một tí nhưng tên tuổi được nêu rổn rảng trên micro, kèm theo những tiếng vỗ tay hoan hô loạn xạ. Mai mốt lại có báo tường thuật nhắc nhở tên tuổi của nhà mạnh thường quân, danh giá mua được như thế kể cũng còn là quá rẻ. Rồi sau đó là màn chỉ định, kèo nài. Nhà *saleman* đứng trên sân khấu lom lom nhìn xuống phía khán giả, nhìn thấy ai có máu mặt một chút (như bác sĩ, kỹ sư, thương gia, văn phòng luật sư...) là gấy loạn lên và mọi nạn nhân lên kỳ được trên sân khấu. Ở chỗ nhĩ mục quan chiêm như thế, bố bảo anh nào dám thẳng thắn chối từ. Thôi thì đành móc bóp trả nợ quỷ thần cho nó xong. Ngồi ở dưới làm chân quan sát viên, hầu hết đều thấy những vẻ mặt chẩy dài hay những nụ cười gượng gạo bẽn lẽn giống như nụ cười của những cậu học trò ngày xưa vừa bị thầy phết cho một roi quấn đít rồi cho phép trở về chỗ ngồi.

Thưa quý vị chủ nhiệm. Trong năm 89 tôi tạm ghi ra đây vài thí dụ. Có vị ra mắt sách bán vé vào cửa, để giúp cho người tị nạn ở đảo. Tôi vẫn tin vào điều thiện ở đời, tiền thu về sẽ gởi đi hết, nhưng tôi vẫn nghĩ đến tác giả và bằng hữu của ông ta được lời một dịp tâng bốc, ca tụng lẫn nhau. Có vị ra mắt sách lưu động, một tác phẩm được bán rao ở ba bốn quốc gia, năm mười thành phố. Có vị ra mắt sách với một dàn *salemen* dàn trận từ trước khi in sách, với một danh sách độc giả có máu mặt dài gần như một quyển niên giám điện thoại. Cũng vị này trong buổi tiệc ra mắt sách còn được ông Tổng thư ký Văn bút Việt nam dẫn đi chào tận bàn các người mua sách giống như cô dâu chú rể đi chào từng bàn trong tiệc cưới. Có buổi ra mắt sách, trong khi chương trình ca nhạc phụ diễn đang vui, thì một ca sĩ "tài tử" thuộc vào hàng phu nhân các cựu tướng lãnh lên "trừng phạt" độc giả một, hai bản nhạc, kế đó người ta hô một loạt các khẩu hiệu làm không khí khẩn trương lên trong lúc vài vạt áo dài tha thướt tiến ra mời mua sách. Tôi rất hiểu cái khó khăn của các nhà văn. "Nghề" văn chương, nhất là văn chương Việt nam ít có người được sống thuần túy bằng "nghiệp" của mình, ngay từ hồi trong nước các ông Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ, Bình Nguyên Lộc, Phan Nhật Nam, cùng hàng trăm nhà văn tên tuổi khác đều không sống thuần túy bằng cây bút, có vị là nhà giáo, là quân nhân, là công chức, cũng có người sống thuần túy bằng cây bút của mình nhưng không phải là nhà văn thuần túy mà là nhà báo. Kể từ khi sang đây khó khăn của các nhà văn còn lớn hơn nữa, cái lòng yêu chữ Việt phải mạnh hơn mới có thể viết xong một quyển sách, và đôi khi còn phải chịu lỗ vốn, nhưng cũng chính vì vậy mà lòng quý trọng của độc giả với nhà văn tăng lên. Tôi lấy tôi là một thí dụ, kể từ khi có mỹ tục "ra mắt sách" của các nhà văn, tôi luôn cố gắng tham dự, phần vì muốn được thấy mặt các "nhà văn" cho thỏa lòng khâm phục, cũng như tò mò, một mặt khác đằng nào cũng mua sách tôi muốn mua sách trong những dịp này để trọn vẹn số tiền đến trực tiếp tới tác giả, không phải qua mấy chỗ trung gian như nhà phát hành, rồi tiệm sách. Cũng xin lưu ý quý vị, trong những buổi ra mắt sách thế này có chữ ký của tác giả, nhưng tôi rất tự ngượng là có nhiều "nhà văn" đề tặng tôi như một bằng hữu lâu năm. Tôi mua sách chỉ cần một chữ ký là đã mãn nguyện, đâu có chờ đợi được hỏi tên và đề tặng ở trang đầu. Bây giờ tủ sách nhà tôi có hàng trăm

quyển sách và xin thú thật với quý vị chỉ có khoảng 30 quyển là tôi đủ can đảm đọc hết, tôi không có ý định chê bai bất cứ ai, nhưng tôi nghĩ rằng có nhiều người viết cẩn trọng và có nhiều người viết cẩu thả, với tình trạng ra mắt sách như thế, lại mua phải một quyển sách của một nhà văn viết cho kịp thị trường chữ nghĩa, thị trường danh vọng, thị trường thương mại tôi không biết phải diễn tả như thế nào với quý vị cho đủ nỗi thất vọng của cá nhân tôi.

Thưa quý vị.

Là một độc giả lúc nào cũng yêu mến, kính trọng, khâm phục các nhà văn, tôi rất mong quý vị cho đăng tải lá thư này trên các tạp chí nặng về văn chương chứ không nặng về quảng cáo của quý vị những tệ trạng này do chính các nhà văn không nhiều thì ít đóng góp vào. Ngoài ra tôi cũng mong ông "Chủ tịch Văn bút Việt nam" nên có một thư ngỏ, hay thông tư, thông cáo, chỉ thị v...v... hay một hình thức nào đó gởi đến các "nhà văn hội viên" ngõ hầu tạo lại một không khí ra mắt sách khiêm tốn hơn, đúng nghĩa hơn để những độc giả thầm lặng như tôi có thể yêu mến hơn, kính trọng hơn, khâm phục hơn các nhà văn lưu vong. Bởi vì hơn lúc nào hết, sau khi đã không còn kính trọng được các cựu tổng thống, các cựu tướng lãnh, các chính trị gia nửa mùa, các nhà cách mạng weekend, những độc giả chúng tôi chỉ còn các nhà văn như một cái đích để nhìn tới. Xin thành thật cám ơn quý vị và mong được gặp gỡ các vị tại những nơi... ra mắt sách.

Trương Công Trực
(2305 Scraff Ave # 4
Los Angeles CA 90007)

Tìm đọc:

NGĂN CỔ KHÓ KÊU
chuyện dài Nguyễn Đức Lập

nhà xuất bản Hoa Gấm

giới thiệu sách báo mới

● **Gọi Binh Minh:**

Truyện dài của Phạm Quốc Bảo. Người Việt xuất bản 1989. Dày 232 trang. Tranh bìa: Họa sĩ Chóe. Trình bày: Trúc Phượng. Phụ bản: Võ Đình, Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp. Hạ Quốc Huy. Nguyên Khai. Nguyễn Trọng Khôi. Nguyễn Tường Quý. Khánh Trường.Giá 12 mỹ kim.

Liên lạc nhà xuất bản Người Việt

14841 Moran St

Westminster, CA 92683

phone (714) 892.9414

● **Mười Truyện Tân Liêu Trai**

Tập truyện của Thăng Long Văn Sĩ (Vũ Huy Quang). Tân Thư xuất bản. Bìa và phụ bản Nghiêm Xuân Hồng, Ruth Talovich, Nhật Tiến, Nguyên Khai, Phạm văn Hải, Khánh Trường, Nguyễn văn Sâm, Nguyễn Quỳnh, Nguyên Mộng Giác, Nguyễn thị Hợp, Nguyễn Đồng, Nguyễn Bá Trạc, Đỗ Năng An, Xuân Vũ, Nguyễn Trọng Khôi, Đỗ Kh., Ngọc Dũng, Võ Phiến, Viên Linh, Thái Tuấn, Bùi Ngọc Tô, Nguyễn Xuân Hoàng. Giá 8 mỹ kim.

● **Thơ Đỗ Kh.**

Tân Thư xuất bản. Bìa Khánh Trường. Dày 100 trang. Giá 7 mỹ kim.

Liên lạc Tân Thư. Thư từ chi phiếu xin đề: Khánh Trường

13081 Hope St

Garden Grove, CA 92643

● **Kẻ Sống Sót**

Truyện dài của Xuân Vũ. Văn Khoa xuất bản. Dày 340 trang. Thay lời tựa Nguyễn Mạnh Trinh. Bạt Hoàng Khởi Phong. Bìa Lê Đức Thường Thủy. Trình bày Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp. Giá 14 mỹ kim.

Liên lạc Văn Khoa (714) 892.0801

thư văn học

Văn Học Xuân gồm hai số 47 và 48 phát hành ngày 15 tháng Một 1990. Số 49 là số tháng Ba, sẽ phát hành vào ngày 1 tháng Ba 1990.

● **Bà Nguyễn thị Gái** (LA): Thưa bà, thang thuốc mà bà gửi đến, thầy đồ Nguyễn Đức Lập đã sao, sắc cẩn thận và chia đều cho anh em trong ban chủ biên. Thuốc tuy có đắng, song có thể vì không đúng tật nên thuốc chưa dã được chăng. Mong được bà gửi thêm những thang thuốc khác, may ra, biết đâu.

● **Anh Nguyên** (Montréal): Cao Xuân Huy nhờ Văn Học cám ơn anh về những lời khen ngợi trong thư. Bức thư của anh giá trị tương đương với bằng tưởng lục cấp quân đoàn của Quân đội nền Đệ nhị Cộng hòa chúng ta ngày xưa. Suốt nhều năm lính và nhiều năm tù, lần đầu tiên Cao Xuân Huy mới được vinh hạnh nhận bằng tưởng lục. Muôn vàn cảm tạ.

● **Anh Tường** (San Diego): Đã chuyển lời của anh đến Khánh Trường. Bằng tình thân với Nguyễn Đức Lập, hy vọng Văn Học sẽ nhận tiếp được nhiều ý kiến hơn nữa.

● **Ông Thập Lang và ông Đoàn Khoách**: Văn Học xin được có địa chỉ của hai ông để tiện liên lạc

Văn Học

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

□ *SÁCH IN NĂM 1989:*

– **TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH** *Tập truyện Nguyễn Ý Thuần*	**10MK**
– **CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA** *Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*	**14MK**
– **ĐƯỜNG MỘT CHIỀU** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	**7MK**
– **Ý CAO TÌNH ĐẸP** *Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch*	**8MK**
– **TRUYỆN NGẮN II** *Võ Phiến*	**14MK**
– **YOGA CĂN BẢN** *Võ Đình Mai*	**8MK**
– **THA HƯƠNG (MBĐ5)** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	**21MK**
– **THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT** *Khảo luận Tạ Chí Đại Trường*	**16MK**
– **CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ** *Nguyễn Xuân Hoàng*	**8MK**
– **CỎ VÀ TUYẾT** *Thơ Đỗ Quý Toàn*	**8MK**
– **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ** *Will và Ariel Durant* *Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch*	**8MK**
– **QUÊ HƯƠNG** *Thơ tình Định Nguyên*	**8MK**
– **THỀM HOANG** *Truyện dài Nhật Tiến*	**8MK**
– **MỘT THUỞ LÀM "TRÙM"** *của Nguyễn Tấn Hưng*	**8MK**
– **LỚP LỚP PHÙ SA** *Truyện dài Kiệt Tấn*	**13MK**
– **HỒI KÍ TẬP I** *của Nguyễn Hiến Lê*	**14MK**
– **MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN** *của Kiều Phong*	**7MK**
– **GIÓ ĐÊM** *Tập truyện Trần thị Kim Lan*	**7MK**
– **TẠP BÚT** *của Võ Phiến*	**16MK**
– **NGHĨ VỀ THƠ** *Biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc*	**9MK**

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.